PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

TẠNG VÔ TỶ PHÁP
(ABHIDHAMMAPIṬAKA)

BỘ THỨ HAI

BỘ PHÂN TÍCH
(VIBHAṄGA)

CẢO BẢN

Sư cả Tịnh Sự Mahāthero Saṅtakicco
Chuyển ngữ từ bản tiếng Pāli-Thái Lan sang tiếng Việt

Phật lịch 2519 - Dương lịch 1975

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

2011

Dịch giả:
Đại trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự
Nguyên Cố vấn I, kiêm Trưởng ban Phiên dịch
Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy *(Theravāda)* - Việt nam

MỤC LỤC

BỘ PHÂN TÍCH

(Vibhaṅga)

CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN, ỨNG CÚNG, CHÁNH BIẾN TRI

PHẦN I - UẨN PHÂN TÍCH

A. UẨN PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH

1.

Ngũ uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

1) Sắc uẩn

2.

***Sắc uẩn** đó ra sao?* Mỗi thứ sắc nào như là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, sắc thô, sắc tế, sắc tốt, sắc xấu, sắc gần hoặc sắc xa gồm chung lại một cho dón gọn. Đây gọi là sắc uẩn.

3.

* ***Sắc quá khứ** đó ra sao?* Những sắc nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc quá khứ.

- ***Sắc vị lai** đó ra sao?* Những sắc nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau nữa mới phát ra đầy đủ, đều thuộc về vị lai nên gồm chung lại thành phần vị lai tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc vị lai.

- ***Sắc hiện tại** đó ra sao?* Những sắc nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, nên gồm chung lại sắp thành phần hiện tại tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc hiện tại.

4.

- ***Sắc bên trong** đó ra sao?* Những sắc nào tự phần của riêng mỗi chúng sanh, trong mình, trong thân ta, trong mình ta, trong phần thân thể con người của ta do nghiệp liên quan ái kiến chấp trước, tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại. Đây gọi là sắc bên trong.

* ***Sắc bên ngoài** đó ra sao?* Những sắc nào ngoài ra thân thể ta mà có ra cho tha nhân, phần của tha nhơn, sanh theo tha nhơn, thuộc về phần tha nhơn mà liên quan với nghiệp ái kiến, tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại. Đây gọi là sắc bên ngoài.

5.

* ***Sắc thô*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Đây gọi là sắc thô.

* ***Sắc tế*** *đó ra sao?* Như là nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thân biểu tri, khẩu biểu tri, hư không chất, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc thích dụng, sắc sinh *(upacaya)*, sắc thừa kế *(santati)*, sắc lão *(jarata)*, sắc vô thường *(aniccata)* và đoàn thực. Đây gọi là sắc tế.

6.

* ***Sắc xấu*** *đó ra sao?* Những sắc nào đối với chúng sanh đều coi rẻ, đáng gớm, đáng chê, đáng ghê gớm, không thích, không đáng ưa, không đáng ham muốn, xấu xa, ai cũng biết là xấu xa, đều cho rằng xấu xa như là sắc, thinh, khí, vị, xúc (không ưa). Như thế gọi là sắc xấu.

* ***Sắc tốt*** *đó ra sao?* Những sắc nào chúng sanh không coi rẻ, không chê, không gớm, chẳng ghê ghét, đáng ưa, đáng thích, đáng ham, tốt, biết rằng tốt, đều cho là tốt như là sắc, thinh, khí, vị, xúc (đáng ưa). Như thế gọi là sắc tốt. Hay là những sắc tốt xấu do so sánh với sắc khác…

7.

* ***Sắc viễn*** *đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Hoặc có sắc nào khác ở xa, phi cận, chẳng gần sát. Sắc nào như thế đây gọi là sắc viễn.

* ***Sắc cận*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… xúc xứ. Hoặc có sắc nào khác ở gần, ở sát, dựa kế, không xa. Sắc nào như thế đây gọi là sắc cận. Hay là nên biết sắc gần, xa do sự so sánh đối với nó.

2) Thọ uẩn

8.

* ***Thọ uẩn*** *đó ra sao?* Mỗi thọ nào như là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa gồm chung cho gọn thành nhóm, như thế gọi là thọ uẩn.

9.

* ***Thọ quá khứ*** *đó ra sao?* Những thọ nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ, tức là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ quá khứ.

* ***Thọ vị lai*** *đó ra sao?* Những thọ nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau nữa mới phát ra đầy đủ, đều thuộc vị lai nên gồm chung lại thành phần vị lai tức là khổ thọ, lạc thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ vị lai.

* ***Thọ hiện tại*** *đó ra sao?* Những thọ nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, vững vàng rồi, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, nên gồm chung lại thuộc về phần hiện tại tức là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ hiện tại.

10.

* ***Thọ bên trong*** *đó ra sao?* Những thọ nào tự nội riêng của mỗi chúng sanh, trong mình, trong thân ta, trong mình ta, trong phần thân thể con người của ta do nghiệp liên quan ái kiến chấp trước tức là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ bên trong.

∗ ***Thọ bên ngoài** đó ra sao?* Những thọ nào ngoài ra thân thể ta có ra cho tha nhơn, phần của tha nhơn, sanh theo tha nhơn, thuộc về phần của tha nhơn mà liên hệ với nghiệp do ái kiến tức là lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ. Đây gọi là thọ bên ngoài.

11.

∗ ***Thọ thô** và **thọ tế** đó ra sao?*
- Thọ bất thiện là thọ thô. Thọ thiện và thọ vô ký là thọ tế.
- Thọ thiện và thọ bất thiện là thọ thô. Thọ vô ký là thọ tế.
- Khổ thọ là thọ thô. Lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thọ tế.
- Lạc thọ và khổ thọ là thọ thô. Phi khổ phi lạc thọ là thọ tế.
- Thọ của người không nhập thiền là thọ thô. Thọ của bực nhập thiền là thọ tế.
- Thọ hưởng cảnh lậu là thọ thô. Thọ hưởng cảnh phi lậu là thọ tế.

Hoặc nên biết thọ thô, thọ tế là do so sánh mỗi bực thọ với thọ.

12.

∗ ***Thọ xấu** và **thọ tốt** đó ra sao?*
- Thọ bất thiện là thọ xấu. Thọ thiện và thọ vô ký là thọ tốt.
- Thọ thiện và thọ bất thiện là thọ xấu. Thọ vô ký là thọ tốt.
- Khổ thọ là thọ xấu. Lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thọ tốt.
- Lạc thọ và khổ thọ là thọ xấu. Phi khổ phi lạc thọ là thọ tốt.
- Thọ của người không nhập thiền là thọ xấu. Thọ của bậc nhập thiền là thọ tốt.
- Thọ hưởng cảnh lậu là thọ xấu. Thọ hưởng phi cảnh lậu là thọ tốt.

Hoặc nên biết thọ xấu, thọ tốt bằng cách so sánh mỗi bực thọ với thọ.

13.

∗ ***Thọ viễn** đó ra sao?*
- Thọ bất thiện xa lìa thọ thiện và thọ vô ký.
- Thọ thiện và thọ vô ký xa lìa thọ bất thiện.
- Thọ thiện là thọ xa lìa thọ bất thiện và thọ vô ký.
- Thọ bất thiện và thọ vô ký là thọ xa lìa với thọ thiện.
- Thọ vô ký là thọ xa lìa với thọ thiện và thọ bất thiện.
- Thọ thiện và thọ bất thiện là thọ xa lìa thọ vô ký.
- Khổ thọ là thọ xa lìa lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thọ xa lìa khổ thọ.
- Lạc thọ là thọ xa lìa khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ là thọ xa lìa lạc thọ.
- Phi khổ phi lạc thọ là thọ xa lìa lạc thọ và khổ thọ.
- Lạc thọ và khổ thọ là thọ xa lìa phi khổ phi lạc thọ.
- Thọ của người không nhập thiền là thọ xa lìa thọ của bực nhập thiền.
- Thọ của bực nhập thiền là thọ xa lìa thọ của người không nhập thiền.
- Thọ mà thành cảnh của lậu là thọ xa lìa thọ mà không thành cảnh của lậu.
- Thọ không thành cảnh của lậu là thọ xa lìa thọ mà thành cảnh của lậu.

Đây gọi là thọ viễn.

∗ ***Thọ cận** đó ra sao?*
- Thọ bất thiện là thọ gần với thọ bất thiện.
- Thọ thiện là thọ gần với thọ thiện.
- Thọ vô ký là thọ gần với thọ vô ký.
- Khổ thọ là thọ gần với khổ thọ.

- Lạc thọ là thọ gần với lạc thọ.
- Phi khổ phi lạc thọ là thọ gần với phi khổ phi lạc thọ.
- Thọ của người không nhập thiền là thọ gần với thọ của người không nhập thiền.
- Thọ của bực nhập thiền là thọ gần với thọ của bực nhập thiền.
- Thọ mà thành cảnh của lậu là thọ gần với thọ thành cảnh của lậu.
- Thọ mà không thành cảnh của lậu là thọ gần với thọ không thành cảnh của lậu. Đây gọi là thọ cận.

Hoặc nên biết thọ gần, thọ xa là do theo sự so sánh mỗi bực mỗi thọ.

3) Tưởng uẩn

14.

Tưởng uẩn *đó ra sao?* Mỗi tưởng nào như là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, tưởng thô, tưởng tế, tưởng tốt, tưởng xấu, tưởng gần, tưởng xa gồm chung lại một cho dón gọn. Đây gọi là tưởng uẩn.

15.

* ***Tưởng quá khứ*** *đó ra sao?* Những tưởng nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ như là tưởng nhãn xúc, tưởng nhĩ xúc, tưởng tỷ xúc, tưởng thiệt xúc, tưởng thân xúc, tưởng ý xúc, thuộc tưởng quá khứ, yếu hiệp trong phần quá khứ.

* ***Tưởng vị lai*** *đó ra sao?* Những tưởng nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau sẽ phát ra đầy đủ, như là tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc, thuộc về vị lai, yếu hiệp trong phần vị lai.

* ***Tưởng hiện tại*** *đó ra sao?* Những tưởng nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, yếu hiệp thành phần hiện tại.

16.

* ***Tưởng bên trong*** *đó ra sao?* Những tưởng nào trong tự phần của mỗi chúng sanh, trong mình, trong thân ta, trong mình ta, trong phần thân thể con người của ta do nghiệp liên quan ái kiến chấp trước như là tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Đây gọi là tưởng bên trong.

* ***Tưởng bên ngoài*** *đó ra sao?* Những tưởng nào sanh cho tha nhơn ngoài ra tâm ta, phần của tha nhơn, sanh theo tha nhơn, thuộc về phần của tha nhơn mà liên hệ với nghiệp do ái kiến chấp trước như là tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Như thế gọi là tưởng bên ngoài.

17.

* ***Tưởng thô*** *và* ***tưởng tế*** *đó ra sao?*
  - Tưởng mà sanh từ nơi xúc phẫn nhuế (tức là tưởng sanh từ ngũ môn) là tưởng thô. Tưởng mà sanh từ xúc vô phóng dật (là tưởng sanh từ ý môn) là tưởng tế.
  - Tưởng bất thiện là tưởng thô. Tưởng thiện và tưởng vô ký là tưởng tế.
  - Tưởng thiện và tưởng bất thiện là tưởng thô. Tưởng vô ký là tưởng tế.
  - Tưởng tương ưng khổ thọ là tưởng thô. Tưởng tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là tưởng tế.
  - Tưởng tương ưng lạc thọ và khổ thọ là tưởng thô. Tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ là tưởng tế.

- Tưởng của người không nhập thiền là tưởng thô. Tưởng của bực nhập thiền là tưởng tế.
- Tưởng mà thành cảnh của lậu là tưởng thô. Tưởng không thành cảnh của lậu là tưởng tế.

Hoặc nên biết tưởng thô và tưởng tế bằng cách so sánh mỗi bực mỗi cách tưởng.

18.

∗ ***Tưởng xấu** và **tưởng tốt** đó ra sao?*

- Tưởng bất thiện là tưởng xấu. Tưởng thiện và tưởng vô ký là tưởng tốt.
- Tưởng thiện và tưởng bất thiện là tưởng xấu. Tưởng vô ký là tưởng tốt.
- Tưởng tương ưng khổ thọ là tưởng xấu. Tưởng tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là tưởng tốt.
- Tưởng tương ưng lạc thọ và khổ thọ là tưởng xấu. Tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ là tưởng tốt.
- Tưởng của người không nhập thiền là tưởng xấu. Tưởng của bực nhập thiền là tưởng tốt.
- Tưởng mà thành cảnh của lậu là tưởng xấu. Tưởng không thành cảnh của lậu là tưởng tốt.

Cũng nên biết tưởng tốt, tưởng xấu bằng cách so sánh mỗi bực mỗi tưởng.

19.

∗ ***Tưởng viễn** đó ra sao?*

- Tưởng bất thiện là tưởng viễn ly tưởng thiện và tưởng vô ký.
- Tưởng thiện và tưởng vô ký là tưởng viễn ly tưởng bất thiện.
- Tưởng thiện là tưởng viễn ly tưởng bất thiện và tưởng vô ký.
- Tưởng bất thiện và tưởng vô ký là tưởng viễn ly tưởng thiện.
- Tưởng vô ký là tưởng viễn ly tưởng thiện và tưởng bất thiện.
- Tưởng thiện và tưởng bất thiện là tưởng viễn ly tưởng vô ký.
- Tưởng mà tương ưng với khổ thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Tưởng mà tương ưng với lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng khổ thọ.
- Tưởng mà tương ưng với lạc thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Tưởng mà tương ưng với khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng lạc thọ.
- Tưởng mà tương ưng với phi khổ phi lạc thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng lạc thọ và khổ thọ.
- Tưởng mà tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là tưởng viễn ly với tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tưởng của người không nhập thiền là tưởng viễn ly với tưởng của bực nhập thiền.
- Tưởng của bực nhập thiền là tưởng viễn ly với tưởng của người không nhập thiền.
- Tưởng mà thành cảnh của lậu là tưởng viễn ly với tưởng không thành cảnh của lậu.
- Tưởng mà không thành cảnh của lậu là tưởng viễn ly với tưởng thành cảnh của lậu.

Đây gọi là tưởng viễn.

∗ ***Tưởng cận** đó ra sao?*

- Tưởng bất thiện là tưởng gần với tưởng bất thiện.

- Tưởng thiện là tưởng gần với tưởng thiện.
- Tưởng vô ký là tưởng gần với tưởng vô ký.
- Tưởng tương ưng khổ thọ là tưởng gần với tưởng tương ưng khổ thọ.
- Tưởng tương ưng lạc thọ là tưởng gần với tưởng tương ưng lạc thọ.
- Tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ là tưởng gần với tưởng tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Tưởng của người không nhập thiền là tưởng gần với tưởng của người không nhập thiền.
- Tưởng của bực nhập thiền là tưởng gần với tưởng của bực nhập thiền.
- Tưởng mà thành cảnh của lậu là tưởng gần với tưởng thành cảnh của lậu.
- Tưởng mà không thành cảnh của lậu là tưởng gần với tưởng không thành cảnh của lậu.

Đây gọi là tưởng cận.

Hoặc nên biết tưởng cận, tưởng viễn là do nương theo sự so sánh mỗi bực mỗi tưởng.

4) Hành uẩn

20.

Hành uẩn trong khi *đó ra sao?* Mỗi hành nào là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa, thuộc về hành, gồm chung lại một theo phần hành. Đây gọi là hành uẩn.

21.

∗ ***Hành quá khứ*** *đó ra sao?* Những hành nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ, tư nhãn xúc, tư nhĩ xúc, tư tỷ xúc, tư thiệt xúc, tư thân xúc, tư ý xúc. Đây gọi là hành quá khứ.

∗ ***Hành vị lai*** *đó ra sao?* Những hành nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau sẽ phát ra đầy đủ như là tư nhãn xúc… tư ý xúc. Đây gọi là hành vị lai.

∗ ***Hành hiện tại*** *đó ra sao?* Những hành nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại nên gồm chung lại sắp thành phần hiện tại. Đây gọi là hành hiện tại.

22.

∗ ***Hành bên trong*** *đó ra sao?* Hành nào mà của tự mỗi chúng sanh có ra cho ta, phần ta, sanh trong ta, riêng phần người mà thủ chấp trước như là tư nhãn xúc… tư ý xúc. Đây gọi là hành bên trong.

∗ ***Hành bên ngoài*** *đó ra sao?* Những hành nào là của mỗi chúng sanh, riêng người khác, về phần của người, chấp trước phần ta, sanh trong ta, có cho ta như là tư nhãn xúc… tư ý xúc. Đây gọi là hành bên ngoài.

23.

∗ ***Hành thô*** *và* ***hành tế*** *đó ra sao?*

- Hành bất thiện là hành thô. Hành thiện và hành vô ký là hành tế.

- Hành thiện và hành bất thiện là hành thô. Hành vô ký là hành tế.
- Hành tương ưng khổ thọ là hành thô. Hành tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là hành tế.
- Hành tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là hành thô. Hành tương ưng với phi khổ phi lạc thọ là hành tế.
- Hành của người không nhập thiền là hành thô. Hành của bực nhập thiền là hành tế.
- Hành mà thành cảnh của lậu là hành thô. Hành không thành cảnh của lậu là hành tế.

Hoặc nên biết hành thô và hành tế do nương theo so sánh mỗi hành và mỗi bực.

24.

∗ ***Hành xấu*** *và* ***hành tốt*** *đó ra sao?*

- Hành bất thiện là hành xấu. Hành thiện và hành vô ký là hành tốt.
- Hành thiện và hành bất thiện là hành xấu. Hành vô ký là hành tốt.
- Hành mà tương ưng với khổ thọ là hành xấu. Hành tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là hành tốt.
- Hành tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là hành xấu. Hành tương ưng với phi khổ phi lạc thọ là hành tốt.
- Hành của người không nhập thiền là hành xấu. Hành của bực nhập thiền là hành tốt.
- Hành mà thành cảnh của lậu là hành xấu. Hành không thành cảnh của lậu là hành tốt.

Hoặc nên biết hành xấu và hành tốt do nương theo sự so sánh mỗi hành mỗi bực.

25.

∗ ***Hành viễn*** *đó ra sao?*

- Hành bất thiện là hành viễn ly với hành thiện và hành vô ký.
- Hành thiện và hành vô ký là hành viễn ly với hành bất thiện.
- Hành thiện là hành viễn ly với hành bất thiện và hành vô ký.
- Hành bất thiện và hành vô ký là hành viễn ly với hành thiện.
- Hành vô ký là hành viễn ly với hành thiện và hành bất thiện.
- Hành thiện và hành bất thiện là hành viễn ly với hành vô ký.
- Hành tương ưng khổ thọ là hành viễn ly với hành tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Hành tương ưng với lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là hành viễn ly với hành tương ưng khổ thọ.
- Hành tương ưng lạc thọ là hành viễn ly với hành tương ưng khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Hành tương ưng khổ thọ và hành tương ung phi khổ phi lạc thọ là hành viễn ly với hành tương ưng lạc thọ.
- Hành tương ưng với phi khổ phi lạc thọ là hành viễn ly với hành tương ưng lạc thọ và khổ thọ.
- Hành tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là hành viễn ly với hành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Hành của người không nhập thiền là hành viễn ly với hành của bực nhập thiền.
- Hành của bực nhập thiền là hành viễn ly với hành của người không nhập thiền.
- Hành mà thành cảnh của lậu là hành viễn ly với hành không thành cảnh của lậu.
- Hành không thành cảnh của lậu là hành viễn ly với hành mà thành cảnh của lậu.

Đây gọi là hành viễn.

∗ ***Hành cận*** *đó ra sao?*

- Hành bất thiện là hành cận với hành bất thiện.
- Hành thiện là hành cận với hành thiện.
- Hành vô ký là hành cận với hành vô ký.
- Hành tương ưng khổ thọ là hành cận với hành tương ưng khổ thọ.
- Hành tương ưng lạc thọ là hành cận với hành tương ưng lạc thọ.
- Hành tương ưng phi khổ phi lạc thọ là hành cận với hành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Hành của người không nhập thiền là hành cận với hành của người không nhập thiền.
- Hành của bực nhập thiền là hành cận với hành của bực nhập thiền.
- Hành mà thành cảnh của lậu là hành cận với hành thành cảnh của lậu.
- Hành không thành cảnh của lậu là hành cận với hành không thành cảnh của lậu.

Đây gọi là hành cận.

Hoặc nên biết hành viễn, hành cận là do nương so sánh mỗi hành và mỗi bực.

5) Thức uẩn

26.

***Thức uẩn** đó ra sao?* Mỗi thức nào là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc gần, hoặc xa, dón gọn lại chung thành một gọi là thức uẩn.

27.

* ***Thức quá khứ** đó ra sao?* Thức nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, thuộc về quá khứ, yếu hiệp thành phần quá khứ, như là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Đây gọi là thức quá khứ.

* ***Thức vị lai** đó ra sao?* Thức nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau sẽ phát ra đầy đủ, thuộc về vị lai, yếu hiệp thành phần vị lai như là nhãn thức… ý thức. Đây gọi là thức vị lai.

* ***Thức hiện tại** đó ra sao?* Thức nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, yếu hiệp thành phần hiện tại như là nhãn thức… ý thức. Đây gọi là thức hiện tại.

28.

* ***Thức bên trong** đó ra sao?* Thức nào riêng của mỗi chúng sanh chấp trước như là có nơi mình, phần mình, sanh trong mình, phần của mỗi người, nhân riêng của mỗi người như là nhãn thức… ý thức. Đây gọi là thức bên trong.

* ***Thức bên ngoài** đó ra sao?* Thức nào mà của chúng sanh khác thuộc phần tha nhơn, riêng chấp tự phần trong người của tha nhơn, sanh cho tha nhơn, có cho tha nhơn, riêng về phần tha nhơn như là nhãn thức… ý thức. Đây gọi là thức bên ngoài.

29.

* ***Thức thô** và **thức tế** đó ra sao?*
  - Thức bất thiện là thức thô. Thức thiện và thức vô ký là thức tế.
  - Thức thiện và thức bất thiện là thức thô. Thức vô ký là thức tế.
  - Thức tương ưng khổ thọ là thức thô. Thức tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thức tế.

- Thức tương ưng lạc thọ và khổ thọ là thức thô. Thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ là thức tế.
- Thức của người không nhập thiền là thức thô. Thức của bực nhập thiền là thức tế.
- Thức mà thành cảnh của lậu là thức thô. Thức không thành cảnh của lậu là thức tế.

Hoặc nên biết thức thô và thức tế là do nương theo cách so sánh mỗi thức và mỗi bực.

30.

∗ ***Thức xấu** và **thức tốt** đó ra sao?*

- Thức bất thiện là thức xấu. Thức thiện và thức vô ký là thức tốt.
- Thức thiện và thức bất thiện là thức xấu. Thức vô ký là thức tốt.
- Thức tương ưng với khổ thọ là thức xấu. Thức tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thức tốt.
- Thức tương ưng với lạc thọ và khổ thọ là thức xấu. Thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ là thức tốt.
- Thức của người không nhập thiền là thức xấu. Thức của bực nhập thiền là thức tốt.
- Thức mà thành cảnh của lậu là thức xấu. Thức không thành cảnh của lậu là thức tốt.

Hoặc nên biết thức tốt và thức xấu là do nương theo so sánh mỗi thức mỗi bực.

31.

∗ ***Thức viễn** đó ra sao?*

- Thức bất thiện là thức xa với thức thiện và thức vô ký.
- Thức thiện và thức vô ký là thức xa với thức bất thiện.
- Thức thiện là thức xa với thức bất thiện và thức vô ký.
- Thức bất thiện và thức vô ký là thức xa với thức thiện.
- Thức vô ký là thức xa với thức thiện và thức bất thiện.
- Thức thiện và thức bất thiện là thức xa với thức vô ký.
- Thức tương ưng khổ thọ là thức xa với thức tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Thức tương ưng lạc thọ và phi khổ phi lạc thọ là thức xa với thức tương ưng khổ thọ.
- Thức tương ưng lạc thọ là thức xa với thức tương ưng với khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ.
- Thức tương ưng khổ thọ và phi khổ phi lạc thọ là thức xa với thức tương ưng lạc thọ.
- Thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ là thức xa với thức tương ưng lạc thọ và khổ thọ.
- Thức tương ưng lạc thọ và khổ thọ là thức xa với thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Thức của người không nhập thiền là thức xa với thức của bực nhập thiền.
- Thức của bực nhập thiền là thức xa với thức của người không nhập thiền.
- Thức mà thành cảnh của lậu là thức xa với thức không thành cảnh của lậu.
- Thức không thành cảnh của lậu là thức xa với thức thành cảnh của lậu.

Đây gọi là thức viễn.

∗ ***Thức cận** đó ra sao?*

- Thức bất thiện là thức gần với thức bất thiện.
- Thức thiện là thức gần với thức thiện.
- Thức vô ký là thức gần với thức vô ký.

- Thức tương ưng khổ thọ là thức gần với thức tương ưng khổ thọ.
- Thức tương ưng lạc thọ là thức gần với thức tương ưng lạc thọ.
- Thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ là thức gần với thức tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
- Thức của người không nhập thiền là thức gần với thức của người không nhập thiền.
- Thức của bực nhập thiền là thức gần với thức của bực nhập thiền.
- Thức mà thành cảnh của lậu là thức gần với thức thành cảnh của lậu.
- Thức mà không thành cảnh của lậu là thức gần với thức không thành cảnh của lậu.

Đây gọi là thức cận.

Hoặc nên biết thức viễn, thức cận nương theo so sánh riêng mỗi thức thành ra mỗi bực.

Dứt phần phân theo Kinh

B. UẨN PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP

32.

Ngũ uẩn tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

1) Sắc uẩn đó ra sao?

33.

Sắc uẩn phân phần thành một như là tất cả sắc pháp thành phi nhân, thành vô nhân, thành bất tương ưng nhân, thành hữu duyên, thành hữu vi, thành sắc, thành hiệp thế, thành hữu lậu, thành cảnh triền, thành cảnh phược, thành cảnh bộc, thành cảnh phối, thành cảnh cái, thành cảnh khinh thị, thành cảnh thủ, thành cảnh phiền não, thành vô ký, thành cảnh vô tri, thành phi sở hữu, thành bất tương ưng tâm, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi hữu tầm hữu tứ, thành phi vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ, thành phi đồng sanh (pháp) hỷ, thành phi đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả, chẳng phải pháp sơ đạo hay ba đạo cao tuyệt trừ, chẳng phải pháp hữu nhân sơ đạo hay ba đạo cao tuyệt trừ, phi nhân sanh tử, phi nhân đến Níp-bàn, phi hữu học phi vô học, cũng thành hy thiểu, thành Dục giới, phi Sắc giới, phi Vô sắc giới, liên quan luân hồi, chẳng phải không liên quan luân hồi, cũng thành bất định, thành phi nhân xuất luân hồi, thành sanh tồn, lục thức biết đặng, bị vô thường bị lão ép uổng. Sắc uẩn phân phần thành một bằng cách như thế.

34.

Sắc uẩn phân phần thành hai như là sắc thủ, sắc phi thủ, sắc do thủ, sắc phi do thủ, sắc thủ cảnh thủ, sắc phi do thủ cảnh thủ, sắc kiến, sắc bất kiến, sắc hữu đối chiếu, sắc vô đối chiếu, sắc quyền, sắc phi quyền, sắc đại sung, sắc phi đại sung, sắc biểu tri, sắc phi biểu tri, sắc y tâm, sắc bất y tâm, sắc đồng còn với tâm, sắc không đồng còn với tâm, sắc tùng hành với tâm, sắc không tùng hành với tâm, sắc nội phần, sắc ngoại phần, sắc thô, sắc tế, sắc viễn, sắc cận, sắc đoàn thực, sắc phi đoàn thực. Sắc uẩn phân phần làm hai bằng cách như thế.

35.

Sắc uẩn phân phần thành ba như là sắc nội thành thủ, sắc ngoại thành thủ, sắc ngoại phi thủ, sắc nội do thủ, sắc ngoại do thủ, sắc ngoại bất do thủ, sắc nội do thủ cảnh thủ, sắc ngoại do thủ cảnh thủ, sắc ngoại bất do thủ cảnh thủ… sắc nội đoàn thực, sắc ngoại đoàn thực, sắc ngoại phi đoàn thực. Sắc uẩn phân phần thành ba như thế.

36.

Sắc uẩn phân phần thành bốn như là sắc thủ thành do thủ, sắc thủ phi thành do thủ, sắc phi thủ thành do thủ, sắc phi thủ phi thành do thủ, sắc thủ do thủ cảnh thủ, sắc thủ phi do thủ cảnh thủ, sắc phi thủ do thủ cảnh thủ, sắc phi thủ phi do thủ cảnh thủ, sắc thủ hữu đối chiếu, sắc thủ vô đối chiếu, sắc phi thủ hữu đối chiếu, sắc phi thủ vô đối chiếu, sắc thủ thô, sắc thủ tế, sắc phi thủ mà thô, sắc phi thủ mà tế, sắc thủ viễn, sắc thủ cận, sắc phi thủ mà viễn, sắc phi thủ mà cận… sắc thấy, sắc nghe, sắc ngửi, sắc biết. Sắc uẩn phân phần thành bốn như thế.

37.

Sắc uẩn phân phần thành năm như là địa chất, thủy chất, hỏa chất, phong chất, sắc y sinh. Sắc uẩn phân phần thành năm như thế.

38.

Sắc uẩn phân phần thành sáu như là sắc nhãn thức biết, sắc nhĩ thức biết, sắc tỷ thức biết, sắc thiệt thức biết, sắc thân thức biết, sắc ý thức biết… Sắc uẩn phân phần thành sáu bằng cách như thế.

39.

Sắc uẩn phân phần thành bảy như là sắc nhãn thức biết… sắc ý giới biết, sắc ý thức giới biết. Sắc uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

40.

Sắc uẩn phân phần thành tám như là sắc nhãn thức biết… sắc thân thức xúc lạc biết, sắc thân thức xúc khổ biết, sắc ý giới biết, sắc ý thức giới biết. Sắc uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.

41.

Sắc uẩn phân phần thành chín như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền và sắc phi quyền. Sắc uẩn phân phần thành chín bằng cách như thế.

42.

Sắc uẩn phân phần thành mười như là nhãn quyền… mạng quyền, sắc phi quyền mà hữu đối chiếu, sắc phi quyền mà vô đối chiếu. Sắc uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

43.

Sắc uẩn phân phần thành mười một như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ và sắc không thấy không đối chiếu liên quan trong pháp xứ. Sắc uẩn phân phần thành mười một bằng cách như thế.

Đây gọi là sắc uẩn.

2) Thọ uẩn đó ra sao?

44.

∗ Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc.

∗ Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn hữu nhơn, thọ uẩn vô nhơn.

∗ Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thiện, thọ uẩn bất thiện và thọ uẩn vô ký.

∗ Thọ uẩn phân phần thành bốn như là thọ uẩn Dục giới, thọ uẩn Sắc giới, thọ uẩn Vô sắc giới và thọ uẩn siêu thế.

∗ Thọ uẩn phân phần thành năm như là thọ uẩn lạc quyền, thọ uẩn khổ quyền, thọ uẩn hỷ quyền, thọ uẩn ưu quyền, thọ uẩn xả quyền. Thọ uẩn phân phần thành năm bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành sáu như là thọ nhãn xúc, thọ nhĩ xúc, thọ tỷ xúc, thọ thiệt xúc, thọ thân xúc, thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành sáu bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành bảy như là thọ nhãn xúc… thọ thân xúc, thọ ý giới xúc, thọ ý thức giới xúc. Thọ uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành tám như là thọ nhãn xúc… thọ thân lạc xúc, thọ thân khổ xúc, thọ ý giới xúc, thọ ý thức giới xúc. Thọ uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành chín như là thọ nhãn xúc… thọ thân xúc, thọ ý giới xúc, thọ ý thức giới thiện xúc, thọ ý thức giới bất thiện xúc, thọ ý thức giới vô ký xúc. Thọ uẩn phân phần thành chín bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành mười như là thọ nhãn xúc… thọ thân lạc xúc, thọ thân khổ xúc, thọ ý giới xúc, thọ ý thức giới thiện xúc, thọ ý thức giới bất thiện xúc, thọ ý thức giới vô ký xúc. Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

45.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc.
* Thọ uẩn phân phần thành hai tức là thọ uẩn hữu nhơn, thọ uẩn vô nhơn.
* Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn dị thục quả, thọ uẩn dị thục nhân, thọ uẩn phi dị thục quả phi dị thục nhân.
* Thọ uẩn thành do thủ cảnh thủ, phi thành do thủ cảnh thủ, phi do thủ phi cảnh thủ.
* Thọ uẩn phiền não cảnh phiền toái, phi phiền não cảnh phiền toái và phi phiền não phi cảnh phiền toái.
* Thọ uẩn hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ và vô tầm vô tứ.
* Thọ uẩn sơ đạo tuyệt trừ, ba đạo cao tuyệt trừ và phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thọ uẩn hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, phi hữu nhơn sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thọ uẩn nhân sanh tử, nhân đến Níp-bàn, phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.
* Thọ uẩn hữu học, vô học, phi hữu học phi vô học.
* Thọ uẩn hy thiểu, đáo đại, vô lượng.
* Thọ uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng.
* Thọ uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương.
* Thọ uẩn thành tà cho quả nhất định, thành chánh cho quả nhất định, thành bất định (cả hai).
* Thọ uẩn có đạo là cảnh, có đạo là nhơn, có đạo là trưởng.
* Thọ uẩn sanh tồn, phi sanh tồn, sẽ sanh.
* Thọ uẩn quá khứ, vị lai, hiện tại.
* Thọ uẩn cảnh quá khứ, cảnh vị lai, cảnh hiện tại.
* Thọ uẩn nội phần, ngoại phần, nội và ngoại phần.
* Thọ uẩn cảnh nội phần, cảnh ngoại phần, cảnh nội và ngoại…

Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

46.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc.
* Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng nhân, bất tương ưng nhân.
* Thọ uẩn phi nhân hữu nhân, phi nhân vô nhân.

* Thọ uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế.
* Thọ uẩn có tâm biết đặng, có tâm không biết đặng.

* Thọ uẩn thành hữu lậu, thành vô lậu.
* Thọ uẩn tương ưng lậu, bất tương ưng lậu.
* Thọ uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, phi lậu bất tương ưng lậu.

* Thọ uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền.
* Thọ uẩn tương ưng triền, bất tương ưng triền.
* Thọ uẩn triền bất tương ưng triền, phi triền bất tương ưng triền.

* Thọ uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược.
* Thọ uẩn tương ưng phược, bất tương ưng phược.
* Thọ uẩn bất tương ưng phược cảnh phược, bất tương ưng phược phi cảnh phược.

* Thọ uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc.
* Thọ uẩn tương ưng bộc, bất tương ưng bộc.
* Thọ uẩn bất tương ưng bộc cảnh bộc, bất tương ưng bộc phi cảnh bộc.

* Thọ uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối.
* Thọ uẩn tương ưng phối, bất tương ưng phối.
* Thọ uẩn bất tương ưng phối cảnh phối, bất tương ưng phối phi cảnh phối.

* Thọ uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái.
* Thọ uẩn tương ưng cái, bất tương ưng cái.
* Thọ uẩn bất tương ưng cái cảnh cái, bất tương ưng cái phi cảnh cái.

* Thọ uẩn thành cảnh khinh thị, thành phi cảnh khinh thị.
* Thọ uẩn tương ưng khinh thị, bất tương ưng khinh thị.
* Thọ uẩn bất tương ưng khinh thị mà khinh thị, bất tương ưng khinh thị phi khinh thị.

* Thọ uẩn thành do thủ, phi thành do thủ.
* Thọ uẩn thành cảnh thủ, phi cảnh thủ
* Thọ uẩn tương ưng thủ, bất tương ưng thủ.
* Thọ uẩn bất tương ưng thủ mà cảnh thủ, bất tương ưng thủ mà phi cảnh thủ.

* Thọ uẩn cảnh phiền não, phi cảnh phiền não.
* Thọ uẩn cảnh phiền toái, phi cảnh phiền toái.
* Thọ uẩn tương ưng phiền não, bất tương ưng phiền não.
* Thọ uẩn bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não, bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.

* Thọ uẩn sơ đạo tuyệt trừ, phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Thọ uẩn ba đạo cao tuyệt trừ, phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thọ uẩn hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, hữu nhơn phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Thọ uẩn hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, phi hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ.

* Thọ uẩn hữu tầm, vô tầm.
* Thọ uẩn hữu tứ, vô tứ.

* Thọ uẩn thành hữu hỷ, thành vô hỷ.
* Thọ uẩn đồng sanh hỷ, phi đồng sanh hỷ.

* Thọ uẩn Dục giới, phi Dục giới.
* Thọ uẩn Sắc giới, phi Sắc giới.
* Thọ uẩn Vô sắc giới, phi Vô sắc giới.

* Thọ uẩn liên quan luân hồi, bất liên quan luân hồi.
* Thọ uẩn nhân xuất luân hồi, phi nhân xuất luân hồi.
* Thọ uẩn thành nhất định, thành bất định.
* Thọ uẩn thành hữu thượng, thành vô thượng.
* Thọ uẩn thành hữu y, thành vô y.
* Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký…

  Thọ uẩn phân phần thành mười theo cách như thế.

47.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc.
* Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu y, thành vô y.
* Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân.
* Thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại…

  Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Phần căn tam đề

48.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu y, thành vô y. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu y, thành vô y. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn tam đề

Phần lưỡng lợi *(Ubhatovaḍḍhakavāra).*

49.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là

thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng nhân, bất tương ưng nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành phiền não cảnh phiền toái, thành phiền não phi cảnh phiền toái, thành phi phiền não phi cảnh phiền toái… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành có tâm biết đặng, thành có tâm không biết đặng. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu lậu, thành phi lậu. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng lậu, bất tương ưng lậu. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, phi lậu bất tương ưng lậu. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng triền, bất tương ưng triền. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành triền bất tương ưng triền, phi triền bất tương ưng triền. Thọ

uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng phược, bất tương ưng phược. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành tà cho quả nhất định, thành chánh cho quả nhất định, thành bất định (cả hai)… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn bất tương ưng triền cảnh triền, thọ uẩn bất tương ưng triền phi cảnh triền. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn có đạo là cảnh, có đạo là nhân, có đạo là trưởng… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn tương ưng bộc, bất tương ưng bộc. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn bất tương ưng bộc mà cảnh bộc, bất tương ưng bộc phi cảnh bộc. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thọ uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần lưỡng lợi

Phần phân đa

50.

* Thọ uẩn phân phần thành bảy như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn phân phần thành bảy theo cách như thế.

* Cách nữa, thọ uẩn phân phần thành bảy như là thọ uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… thọ uẩn thành cảnh nội, thành cảnh

ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn phân phần thành bảy theo cách như thế.

51.

* Thọ uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Thọ nhãn xúc, thọ nhĩ xúc, thọ tỷ xúc, thọ thiệt xúc, thọ thân xúc, thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai mươi bốn theo cách như thế.

* Một cách nữa, thọ uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Thọ nhãn xúc… thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai mươi bốn theo cách như thế.

52.

Thọ uẩn phân phần thành ba mươi như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ nhãn xúc… thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành ba mươi theo cách như thế.

53.

* Thọ uẩn phân phần thành nhiều cách như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ nhãn xúc… thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần thành nhiều cách như thế.

* Một nữa, thọ uẩn phân phần thành nhiều thứ như là thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… thọ uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thọ uẩn do tỷ xúc làm duyên… thọ uẩn do thiệt xúc làm duyên… thọ uẩn do thân xúc làm duyên… thọ uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thọ nhãn xúc… thọ ý xúc. Thọ uẩn phân phần nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là thọ uẩn.

Dứt Phần phân đa

3.)Tưởng uẩn đó ra sao?

Phần căn nhị đề

54.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc.
* Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân.
* Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký.
* Tưởng uẩn phân phần thành bốn như là tưởng uẩn thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành năm như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc quyền, thành tương ưng khổ quyền, thành tương ưng hỷ quyền, thành tương ưng ưu quyền, thành tương ưng xả quyền.
* Tưởng uẩn phân phần thành sáu như là tưởng nhãn xúc, tưởng nhĩ xúc, tưởng tỷ xúc, tưởng thiệt xúc, tưởng thân xúc, tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần thành sáu bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành bảy như là tưởng nhãn xúc… tưởng thân xúc, tưởng ý giới xúc, tưởng ý thức giới xúc. Tưởng uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành tám như là tưởng nhãn xúc… tưởng thân xúc đồng sanh lạc, tưởng thân xúc đồng sanh khổ, tưởng ý giới xúc, tưởng ý thức giới xúc. Tưởng uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành chín như là tưởng nhãn xúc… tưởng thân xúc, tưởng ý giới xúc, tưởng ý thức giới thiện xúc, tưởng ý thức giới bất thiện xúc, tưởng ý thức giới vô ký xúc. Tưởng uẩn phân phần thành chín bằng cách như thế.
* Tưởng uẩn phân phần thành mười như là tưởng nhãn xúc… tưởng thân xúc đồng sanh lạc, tưởng thân xúc đồng sanh khổ, tưởng ý giới xúc, tưởng ý thức giới xúc thiện, tưởng ý thức giới xúc bất thiện, tưởng ý thức giới xúc vô ký. Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

55.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc.
* Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân.
* Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Tưởng uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tưởng uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ. Tưởng uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não. Tưởng uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ. Tưởng uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Tưởng uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Tưởng uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học. Tưởng uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng. Tưởng uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng. Tưởng uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương. Tưởng uẩn thành tà cho quả nhất định, thành chánh cho quả nhất định, thành bất định

(cả hai). Tưởng uẩn có đạo là cảnh, có đạo là nhân, có đạo là trưởng. Tưởng uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh (vì có nhân sẵn). Tưởng uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại. Tưởng uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại. Tưởng uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần. Tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

56.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc.

* Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành nhân tương ưng, thành nhân bất tương ưng. Tưởng uẩn thành phi nhân mà hữu nhân, phi nhân vô nhân. Tưởng uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Tưởng uẩn thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng. Tưởng uẩn thành lậu, thành phi lậu. Tưởng uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Tưởng uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành phi lậu bất tương ưng lậu. Tưởng uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Tưởng uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Tưởng uẩn thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, thành bất tương ưng triền mà phi cảnh triền. Tưởng uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Tưởng uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Tưởng uẩn thành cảnh phược bất tương ưng phược, thành phi cảnh phược bất tương ưng phược. Tưởng uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Tưởng uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Tưởng uẩn thành bộc bất tương ưng bộc, thành phi bộc bất tương ưng bộc. Tưởng uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Tưởng uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Tưởng uẩn thành phối bất tương ưng phối, thành phi phối bất tương ưng phối. Tưởng uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Tưởng uẩn thành tương ưng cái, thành bất tương ưng cái. Tưởng uẩn thành cái bất tương ưng cái, thành phi cái bất tương ưng cái. Tưởng uẩn thành cảnh khinh thị, thành phi cảnh khinh thị. Tưởng uẩn thành tương ưng khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị. Tưởng uẩn thành khinh thị bất tương ưng khinh thị, thành phi khinh thị bất tương ưng khinh thị. Tưởng uẩn thành thủ, thành phi thủ. Tưởng uẩn thành cảnh thủ, thành phi cảnh thủ. Tưởng uẩn thành tương ưng thủ, thành bất tương ưng thủ. Tưởng uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Tưởng uẩn thành cảnh phiền não, thành phi cảnh phiền não. Tưởng uẩn thành phiền toái, thành phi phiền toái. Tưởng uẩn thành tương ưng phiền não, thành bất tương ưng phiền não. Tưởng uẩn thành phiền não bất tương ưng phiền não, thành phi phiền não bất tương ưng phiền não. Tưởng uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, thành phi hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ. Tưởng uẩn thành hữu tầm, thành vô tầm. Tưởng uẩn thành hữu tứ, thành vô tứ. Tưởng uẩn thành hữu hỷ, thành vô hỷ. Tưởng uẩn thành đồng sanh pháp hỷ, thành phi đồng sanh pháp hỷ. Tưởng uẩn thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh lạc. Tưởng uẩn thành đồng sanh xả, thành phi đồng sanh xả. Tưởng uẩn thành Dục giới, thành phi Dục giới. Tưởng uẩn thành Sắc giới, thành phi Sắc giới. Tưởng uẩn thành Vô sắc giới, thành phi Vô sắc giới. Tưởng uẩn thành liên quan luân hồi, thành bất liên quan luân hồi. Tưởng uẩn thành nhân xuất luân hồi, thành phi nhân xuất luân hồi. Tưởng uẩn thành nhất định, thành bất định. Tưởng uẩn thành hữu thượng, thành vô thượng. Tưởng uẩn thành hữu y, thành vô y.

* Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký…

  Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

57.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu y, thành vô y. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn nhị đề

Phần căn tam đề

58.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu y, thành vô y. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu y, thành vô y. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn tam đề

Phần lưỡng lợi

59.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành phiền não cảnh phiền toái, thành phiền não phi cảnh phiền toái, thành phi phiền não phi cảnh phiền toái… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành lậu, thành phi lậu. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành phi lậu bất tương ưng lậu. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành triền thành bất tương ưng triền, thành phi triền bất tương ưng triền. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn bất tương ưng phược mà cảnh phược, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành tà cho quả nhất định, thành chánh cho quả nhất định, thành bất định (cả hai)… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh bộc bất tương ưng bộc, thành phi cảnh bộc bất tương ưng bộc. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành bất tương ưng phối mà cảnh phối, thành bất tương ưng phối mà phi cảnh phối. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành nội, thành ngoại, thành nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Tưởng uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần lưỡng lợi

Phần phân đa

60.

* Tưởng uẩn phân phần thành bảy như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn phân phần thành bảy bằng cách thế.

* Một cách nữa, tưởng uẩn phân phần thành bảy như là tưởng uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… tưởng uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn phân phần thành bảy theo cách như thế.

61.

* Tưởng uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Tưởng nhãn xúc, tưởng nhĩ xúc, tưởng tỷ xúc, tưởng thiệt xúc, tưởng thân xúc, tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

* Một cách nữa, tưởng uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

62.

Tưởng uẩn phân phần thành ba mươi như là tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần thành ba mươi bằng cách như thế.

63.

* Tưởng uẩn phân phần thành nhiều cách như vầy tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần nhiều cách bằng lối như thế.

* Một cách nữa, tưởng uẩn phân phần nhiều thứ như là tưởng uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tưởng uẩn do nhĩ xúc làm duyên… tưởng uẩn do tỷ xúc làm duyên… tưởng uẩn do thiệt xúc làm duyên… tưởng uẩn do thân xúc làm duyên… tưởng uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới,

thành siêu thế. Tưởng nhãn xúc… tưởng ý xúc. Tưởng uẩn phân phần nhiều cách bằng lối như thế.

Đây gọi là tưởng uẩn.

Dứt Phần phân đa

4) Hành uẩn đó ra sao?

Phần căn nhị đề

64.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm.
* Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân.
* Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký.
* Hành uẩn phân phần thành bốn như là hành uẩn thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế.
* Hành uẩn phân phần thành năm như là hành uẩn thành tương ưng lạc quyền, thành tương ưng khổ quyền, thành tương ưng hỷ quyền, thành tương ưng ưu quyền, thành tương ưng xả quyền.
* Hành uẩn phân phần thành sáu như là tư nhãn xúc, tư nhĩ xúc, tư tỷ xúc, tư thiệt xúc, tư thân xúc, tư ý xúc. Hành uẩn phân phần thành sáu bằng cách thế nầy.
* Hành uẩn phân phần thành bảy như là tư nhãn xúc… tư thân xúc, tư ý giới xúc, tư ý thức giới xúc. Hành uẩn phân phần thành bảy bằng cách như đây.
* Hành uẩn phân phần thành tám như là tư nhãn xúc… tư thân xúc đồng sanh lạc, tư thân xúc đồng sanh khổ, tư ý giới xúc, tư ý thức giới xúc. Hành uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.
* Hành uẩn phân phần thành chín như là tư nhãn xúc… tư ý giới xúc, tư ý thức giới xúc thiện, tư ý thức giới xúc bất thiện, tư ý thức giới xúc vô ký. Hành uẩn phân phần thành chín bằng cách như đây.
* Hành uẩn phân phần thành mười như là tư nhãn xúc… tư thân xúc đồng sanh lạc, tư thân xúc đồng sanh khổ, tư ý giới xúc, tư ý thức giới xúc thiện, tư ý thức giới xúc bất thiện, tư ý thức giới xúc vô ký. Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

65.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Hành uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Hành uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ. Hành uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não. Hành uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ. Hành uẩn thành đồng sanh (pháp) hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Hành uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Hành uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và

phi ba đạo cao tuyệt trừ. Hành uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Hành uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học. Hành uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng. Hành uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng. Hành uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương. Hành uẩn thành tà nhất định, thành chánh nhất định, thành bất định (cả hai). Hành uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng. Hành uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh. Hành uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại. Hành uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại. Hành uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần. Hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như đây.

66.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Hành uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Hành uẩn thành nhân mà hữu nhân, thành hữu nhân mà phi nhân. Hành uẩn thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân. Hành uẩn thành phi nhân mà hữu nhân, thành phi nhân và vô nhân. Hành uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Hành uẩn thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết. Hành uẩn thành lậu, thành phi lậu. Hành uẩn thành hữu lậu, thành vô lậu. Hành uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Hành uẩn thành lậu hữu lậu, thành lậu vô lậu. Hành uẩn thành lậu tương ưng lậu, thành tương ưng lậu phi lậu. Hành uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu phi lậu. Hành uẩn thành triền, thành phi triền. Hành uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Hành uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Hành uẩn thành triền cảnh triền, thành phi triền cảnh triền. Hành uẩn thành triền tương ưng triền, thành phi triền tương ưng triền. Hành uẩn thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Hành uẩn thành phược, thành phi phược. Hành uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Hành uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Hành uẩn thành phược cảnh phược, thành phi phược cảnh phược. Hành uẩn thành phược tương ưng phược, thành phi phược tương ưng phược. Hành uẩn thành bất tương ưng phược cảnh phược, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Hành uẩn thành bộc, thành phi bộc. Hành uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Hành uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Hành uẩn thành bộc cảnh bộc, thành phi bộc cảnh bộc. Hành uẩn thành bộc tương ưng bộc, thành phi bộc tương ưng bộc. Hành uẩn thành bộc bất tương ưng bộc, thành phi bộc bất tương ưng bộc. Hành uẩn thành phối, thành phi phối. Hành uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Hành uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Hành uẩn thành phối cảnh phối, thành phi phối cảnh phối. Hành uẩn thành phối tương ưng phối, thành phi phối tương ưng phối. Hành uẩn thành bất tương ưng phối mà cảnh phối, thành bất tương ưng phối phi cảnh phối. Hành uẩn thành cái, thành phi cái. Hành uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Hành uẩn thành tương ưng cái, thành bất tương ưng cái. Hành uẩn thành cái mà cảnh cái, thành phi cái mà cảnh cái. Hành uẩn thành cái tương ưng cái, thành phi cái tương ưng cái. Hành uẩn thành bất tương ưng cái mà cảnh cái, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Hành uẩn thành khinh thị, thành phi khinh thị. Hành uẩn thành cảnh khinh thị, thành phi cảnh khinh thị. Hành uẩn thành tương ưng khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị. Hành uẩn thành khinh thị cảnh khinh thị, thành cảnh khinh thị phi khinh thị. Hành uẩn thành bất tương ưng khinh thị mà cảnh khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh

khinh thị. Hành uẩn thành thủ, thành phi thủ. Hành uẩn thành do thủ, thành phi do thủ. Hành uẩn thành cảnh thủ, thành phi cảnh thủ. Hành uẩn thành tương ưng thủ, thành bất tương ưng thủ. Hành uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ. Hành uẩn thành thủ tương ưng thủ, thành phi thủ tương ưng thủ. Hành uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Hành uẩn thành phiền não, thành phi phiền não. Hành uẩn thành cảnh phiền não, thành phi cảnh phiền não. Hành uẩn thành cảnh phiền toái, thành phi cảnh phiền toái. Hành uẩn thành tương ưng phiền não, thành bất tương ưng phiền não. Hành uẩn thành phiền não cảnh phiền não, thành phiền não phi cảnh phiền não. Hành uẩn thành phiền não cảnh phiền toái, thành phi phiền não cảnh phiền toái. Hành uẩn thành phiền não tương ưng phiền não, thành phi phiền não tương ưng phiền não. Hành uẩn thành bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Hành uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Hành uẩn thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Hành uẩn thành hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, thành phi hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ. Hành uẩn thành hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, thành vô nhơn ba đạo cao tuyệt trừ. Hành uẩn thành hữu tầm, thành vô tầm. Hành uẩn thành hữu tứ, thành vô tứ. Hành uẩn thành hữu hỷ, thành vô hỷ. Hành uẩn thành đồng sanh hỷ, thành phi đồng sanh hỷ. Hành uẩn thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh lạc. Hành uẩn thành đồng sanh xả, thành phi đồng sanh xả. Hành uẩn thành Dục giới, thành phi Dục giới. Hành uẩn thành Sắc giới, thành phi Sắc giới. Hành uẩn thành Vô sắc giới, thành phi Vô sắc giới. Hành uẩn thành siêu thế, thành phi siêu thế. Hành uẩn thành nhân sanh tử, thành phi nhân sanh tử. Hành uẩn thành nhất định, thành bất định. Hành uẩn thành hữu thượng, thành vô thượng. Hành uẩn thành hữu y, thành vô y.

- ∗ Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký…
- ∗ Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

67.

Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu y, thành vô y. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn nhị đề

Phần căn tam đề

68.

- ∗ Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
- ∗ Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu y, thành vô y. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.
- ∗ Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba

như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu y, thành vô y. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… Hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn tam đề

Phần lưỡng lợi

69.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân, thành phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt

trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành lậu, thành phi lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu lậu, thành vô lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành lậu hữu lậu, thành phi lậu hữu lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành lậu tương ưng lậu, thành phi lậu tương ưng lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành phi lậu bất tương ưng lậu. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành triền, thành phi triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành tà nhất định, thành chánh nhất định, thành bất định (cả hai)… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành triền cảnh triền, thành phi triền cảnh triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành triền tương ưng triền, thành phi triền tương ưng triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành triền bất tương ưng triền, thành phi triền bất tương ưng triền. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành phược, thành phi phược. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Hành uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần lưỡng lợi

Phần phân đa

70.

* Hành uẩn phân phần thành bảy như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Hành uẩn phân phần thành bảy bằng cách thế nầy.

* Một cách nữa, hành uẩn phân phần thành bảy như là hành uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… hành uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Hành uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

71.

* Hành uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

* Một cách nữa, hành uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

72.

Hành uẩn phân phần thành ba mươi như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần thành ba mươi bằng cách như thế.

73.

* Hành uẩn phân phần thành nhiều cách như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới,

thành siêu thế. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần nhiều thứ bằng cách như thế.

* Một cách nữa, hành uẩn phân phần nhiều thứ như là hành uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Hành uẩn do nhĩ xúc làm duyên… hành uẩn do tỷ xúc làm duyên… hành uẩn do thiệt xúc làm duyên… hành uẩn do thân xúc làm duyên… hành uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Tư nhãn xúc… tư ý xúc. Hành uẩn phân phần nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là hành uẩn.

Dứt Phần phân đa

5) Thức uẩn đó ra sao?

Phần căn nhị đề

74.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc.
* Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân.
* Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký.
* Thức uẩn phân phần thành bốn như là thức uẩn thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế.
* Thức uẩn phân phần thành năm như là thức uẩn thành tương ưng lạc quyền, thành tương ưng khổ quyền, thành tương ưng hỷ quyền, thành tương ưng ưu quyền, thành tương ưng xả quyền.
* Thức uẩn phân phần thành sáu như là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Thức uẩn phân phần thành sáu bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành bảy như là nhãn thức… thân thức, ý giới, ý thức giới. Thức uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành tám như là nhãn thức… thân thức đồng sanh lạc, thân thức đồng sanh khổ, ý giới, ý thức giới. Thức uẩn phân phần thành tám bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành chín như là nhãn thức… thân thức, ý giới, ý thức giới thiện, ý thức giới bất thiện, ý thức giới vô ký. Thức uẩn phân phần thành chín bằng cách như thế.
* Thức uẩn phân phần thành mười như là nhãn thức… thân thức đồng sanh lạc, thân thức đồng sanh khổ, ý giới, ý thức giới thiện, ý thức giới bất thiện, ý thức giới vô ký. Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

75.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Thức uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục

quả phi dị thục nhân. Thức uẩn thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ, thành phi thủ phi cảnh thủ. Thức uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não. Thức uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ. Thức uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Thức uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thức uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thức uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Thức uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học. Thức uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng. Thức uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng. Thức uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương. Thức uẩn thành tà nhất định, thành chánh nhất định, thành bất định (cả hai). Thức uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng. Thức uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh. Thức uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại. Thức uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại. Thức uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần. Thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

76.

∗ Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Thức uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Thức uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Thức uẩn thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết. Thức uẩn thành cảnh lậu, thành phi cảnh lậu. Thức uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Thức uẩn thành bất tương ưng lậu mà cảnh lậu, thành bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu. Thức uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Thức uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Thức uẩn thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Thức uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Thức uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Thức uẩn thành phược bất tương ưng phược, thành bất tương ưng phược phi phược. Thức uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Thức uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Thức uẩn thành bất tương ưng bộc mà cảnh bộc, thành bất tương ưng bộc phi cảnh bộc. Thức uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Thức uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Thức uẩn thành bất tương ưng phối mà cảnh phối, thành bất tương ưng phối mà phi cảnh phối. Thức uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Thức uẩn thành tương ưng cái, thành bất tương ưng cái. Thức uẩn thành cái tương ưng cái, thành phi cái bất tương ưng cái. Thức uẩn thành cảnh khinh thị, thành phi cảnh khinh thị. Thức uẩn thành tương ưng khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị. Thức uẩn thành bất tương ưng khinh thị mà cảnh khinh thị, thành bất tương ưng khinh thị và phi cảnh khinh thị. Thức uẩn thành do thủ, thành phi do thủ. Thức uẩn thành cảnh thủ, thành phi cảnh thủ. Thức uẩn thành tương ưng thủ, thành bất tương ưng thủ. Thức uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Thức uẩn thành cảnh phiền não, thành phi cảnh phiền não. Thức uẩn thành cảnh phiền toái, thành phi cảnh phiền toái. Thức uẩn thành tương ưng phiền não, thành bất tương ưng phiền não. Thức uẩn thành bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não, thành bất tương ưng phiền não và phi cảnh phiền não. Thức uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Thức uẩn thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thức uẩn thành

hữu nhơn sơ đạo tuyệt trừ, thành phi hữu nhơn phi sơ đạo tuyệt trừ. Thức uẩn thành hữu nhơn ba đạo cao tuyệt trừ, thành vô nhơn phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thức uẩn thành hữu tầm, thành vô tầm. Thức uẩn thành hữu tứ, thành vô tứ. Thức uẩn thành hữu hỷ, thành vô hỷ. Thức uẩn thành đồng sanh hỷ, thành phi đồng sanh hỷ. Thức uẩn thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh lạc. Thức uẩn thành đồng sanh xả, thành phi đồng sanh xả. Thức uẩn thành Dục giới, thành phi Dục giới. Thức uẩn thành Sắc giới, thành phi Sắc giới. Thức uẩn thành Vô sắc giới, thành phi Vô sắc giới. Thức uẩn thành liên quan luân hồi, thành bất liên quan luân hồi. Thức uẩn thành nhân xuất luân hồi, thành phi nhân xuất luân hồi. Thức uẩn thành nhất định, thành bất định. Thức uẩn thành hữu thượng, thành vô thượng. Thức uẩn thành hữu y, thành vô y.

∗ Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

77.

Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu y, thành vô y. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn nhị đề

Phần căn tam đề

78.

∗ Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

∗ Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu y, thành vô y. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

∗ Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

∗ Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu y, thành vô y. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần căn tam đề

Phần lưỡng lợi

79.

∗ Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thức uẩn phân phần thành

ba như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng nhân, thành bất tương ưng nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành phi nhân hữu nhân, thành phi nhân vô nhân. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành dị thục quả, thành dị thục nhân, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hiệp thế, thành siêu thế. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành do thủ cảnh thủ, thành phi do thủ cảnh thủ, thành phi do thủ phi cảnh thủ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái cảnh phiền não, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành hữu lậu, thành vô lậu. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng lậu, thành bất tương ưng lậu. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành lậu bất tương ưng lậu, thành phi lậu bất tương ưng lậu. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ, thành ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh triền, thành phi cảnh triền. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng triền, thành bất tương ưng triền. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành nhân sanh tử, thành nhân đến Níp-bàn, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành hữu học, thành vô học, thành phi hữu học phi vô học… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh phược, thành phi cảnh phược. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành hy thiểu, thành đáo đại, thành vô lượng… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng phược, thành bất tương ưng phược. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành bất tương ưng phược mà cảnh phược, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành ty hạ, thành trung bình, thành tinh lương… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh bộc, thành phi cảnh bộc. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành tà (cho quả) nhất định, thành chánh (cho quả) nhất định, thành bất định (cả hai)… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng bộc, thành bất tương ưng bộc. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành bất tương ưng bộc mà cảnh bộc, thành bất tương ưng bộc phi cảnh bộc. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành sanh tồn, thành phi sanh tồn, thành sẽ sanh… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh phối, thành phi cảnh phối. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành quá khứ, thành vị lai, thành hiện tại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành tương ưng phối, thành bất tương ưng phối. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành cảnh quá khứ, thành cảnh vị lai, thành cảnh hiện tại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành bất tương ưng phối mà cảnh phối, thành bất tương ưng phối và phi cảnh phối. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành nội phần, thành ngoại phần, thành nội và ngoại phần… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

* Thức uẩn phân phần thành một tức là thức uẩn tương ưng xúc. Thức uẩn phân phần thành hai như là thức uẩn thành cảnh cái, thành phi cảnh cái. Thức uẩn phân phần thành ba như là thức uẩn thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại… Thức uẩn phân phần thành mười bằng cách như thế.

Dứt Phần lưỡng lợi

Phần phân đa

80.

* Thức uẩn phân phần thành bảy như là thức uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

* Một cách nữa, thức uẩn phân phần thành bảy như là thức uẩn thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn phân phần thành bảy bằng cách như thế.

81.

* Thức uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

* Một cách nữa, thức uẩn phân phần thành hai mươi bốn như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành hai mươi bốn bằng cách như thế.

82.

Thức uẩn phân phần thành ba mươi như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành ba mươi bằng cách như thế.

83.

* Thức uẩn phân phần thành nhiều cách như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành nhiều cách như thế.

* Một cách nữa, thức uẩn phân phần thành nhiều cách như là thức uẩn do nhãn xúc làm duyên, thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ… thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới,

thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Thức uẩn do nhĩ xúc làm duyên… thức uẩn do tỷ xúc làm duyên… thức uẩn do thiệt xúc làm duyên… thức uẩn do thân xúc làm duyên… thức uẩn do ý xúc làm duyên, thành cảnh nội, thành cảnh ngoại, thành cảnh nội và ngoại, thành Dục giới, thành Sắc giới, thành Vô sắc giới, thành siêu thế. Nhãn thức… ý thức. Thức uẩn phân phần thành nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là thức uẩn.

Dứt Phần phân đa

Dứt phân theo Diệu Pháp

C. UẨN PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

84. Ngũ uẩn như là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

Đáp đầu đề tam, đáp đầu đề nhị.

Ngũ uẩn mà uẩn nào thành thiện, uẩn nào thành bất thiện, uẩn nào thành vô ký,… uẩn nào thành hữu y, uẩn nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

85.

* Sắc uẩn thành vô ký. Bốn uẩn (sau) cũng thành thiện, cũng thành bất thiện, cũng thành vô ký.
* Hai uẩn (trước) không thể nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Ba uẩn (sau) cũng thành tương ưng lạc thọ, cũng thành tương ưng khổ thọ, cũng thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* Sắc uẩn thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tứ (danh) uẩn cũng thành dị thục quả, cũng thành dị thục nhân, cũng thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân.
* Sắc uẩn cũng thành do thủ cảnh thủ, cũng thành phi do thủ cảnh thủ. Tứ (danh) uẩn cũng thành do thủ cảnh thủ, cũng thành phi do thủ cảnh thủ, cũng thành phi do thủ phi cảnh thủ.
* Sắc uẩn thành phi phiền toái cảnh phiền não. Tứ (danh) uẩn cũng thành phiền toái cảnh phiền não, cũng thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Sắc uẩn thành vô tầm, vô tứ. Ba uẩn (giữa) cũng thành hữu tầm hữu tứ, cũng thành vô tầm hữu tứ, cũng thành vô tầm vô tứ. Hành uẩn cũng thành hữu tầm hữu tứ, cũng thành vô tầm hữu tứ, mà không thể nói thành hữu tầm hữu tứ, vô tầm hữu tứ, vô tầm vô tứ.
* Sắc uẩn không thể nói thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Thọ uẩn thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, cũng thành đồng sanh xả, mà cũng không thể nói thành đồng sanh hỷ. Ba uẩn (giữa) cũng thành đồng sanh hỷ, cũng thành đồng sanh lạc, cũng thành đồng sanh xả, mà cũng không thể nói thành đồng sanh hỷ, đồng sanh lạc, đồng sanh xả.

- ∗ Thức uẩn thành pháp phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ (danh) uẩn cũng thành sơ đạo tuyệt trừ, cũng thành ba đạo cao tuyệt trừ, cũng thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- ∗ Sắc uẩn thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ (danh) uẩn cũng thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, cũng thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ. Cũng thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
- ∗ Sắc uẩn thành phi nhân sanh tử, phi nhân đến Níp-bàn. Tứ (danh) uẩn cũng thành nhân sanh tử, cũng thành nhân đến Níp-bàn, cũng thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.
- ∗ Sắc uẩn thành phi hữu học phi vô học. Tứ (danh) uẩn cũng thành hữu học, cũng thành vô học, cũng thành phi hữu học phi vô học.
- ∗ Sắc uẩn thành hy thiểu. Tứ (danh) uẩn cũng thành hy thiểu, cũng thành đáo đại, cũng thành vô lượng.
- ∗ Sắc uẩn thành bất tri cảnh. Tứ (danh) uẩn cũng thành cảnh hy thiểu, cũng thành cảnh đáo đại, cũng thành cảnh vô lượng, mà không nên nói thành cảnh hy thiểu, thành cảnh đáo đại, thành cảnh vô lượng.
- ∗ Sắc uẩn thành trung bình. Tứ (danh) uẩn cũng thành ty hạ, cũng thành trung bình, cũng thành tinh lương.
- ∗ Sắc uẩn thành bất định. Tứ (danh) uẩn cũng thành tà cho quả nhất định, cũng thành chánh cho quả nhất định, cũng thành bất định.
- ∗ Sắc uẩn thành bất tri cảnh. Tứ (danh) uẩn cũng thành cảnh đáo đại, cũng thành có đạo là cảnh, cũng thành có đạo là nhân, cũng thành có đạo là trưởng; mà không thể nói rằng có đạo là cảnh, có đạo là nhân, có đạo là trưởng.
- ∗ Ngũ uẩn cũng thành sanh tồn, cũng thành phi sanh tồn, cũng thành sẽ sanh.
- ∗ Ngũ uẩn cũng thành quá khứ, cũng thành vị lai, cũng thành hiện tại.
- ∗ Sắc uẩn thành bất tri cảnh. Tứ (danh) uẩn cũng thành biết cảnh quá khứ, cũng thành biết cảnh vị lai, cũng thành biết cảnh hiện tại, mà không thể nói thành biết cảnh quá khứ, thành biết cảnh vị lai, thành biết cảnh hiện tại.
- ∗ Ngũ uẩn thành nội phần, cũng thành ngoại phần, cũng thành nội và ngoại phần.
- ∗ Sắc uẩn thành bất tri cảnh. Tứ (danh) uẩn cũng thành tri cảnh nội, cũng thành tri cảnh ngoại, cũng thành tri cảnh nội và ngoại; mà không nên nói rằng thành tri cảnh nội, thành tri cảnh ngoại, thành tri cảnh nội và ngoại.
- ∗ Tứ (danh) uẩn thành bất kiến vô đối chiếu. Còn sắc uẩn cũng thành thấy đặng hữu đối chiếu, cũng thành bất kiến mà hữu đối chiếu, cũng thành bất kiến và vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

86.

- ∗ Tứ uẩn (trừ hành) thành phi nhân. Hành uẩn thành nhân cũng có, thành phi nhân cũng có.

* Sắc uẩn thành vô nhân. Tứ (danh) uẩn thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng nhân. Tứ (danh) uẩn thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.

* Sắc uẩn không thể nói thành nhân hữu nhân và thành phi nhân hữu nhân. Ba uẩn không thể nói thành nhân hữu nhân và thành phi nhân hữu nhân cũng có, không thể nói thành phi nhân hữu nhân cũng có. Hành uẩn thành nhân hữu nhân cũng có và thành phi nhân hữu nhân cũng có; không thể nói thành nhân hữu nhân và thành phi nhân hữu nhân cũng có.

* Sắc uẩn không thể nói thành nhân tương ưng nhân và thành phi nhân tương ưng nhân. Ba uẩn không thể nói thành nhân tương ưng nhân, mà thành phi nhân tương ưng nhân cũng có, không thể nói thành phi nhân tương ưng nhân cũng có. Hành uẩn thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có, không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay là thành phi nhân tương ưng nhân cũng có.

* Sắc uẩn thành phi nhân hữu nhân. Ba uẩn thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có. Hành uẩn thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có; không thể nói có thể thành phi nhân hữu nhân hay là thành phi nhân vô nhân cũng có.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

87.

* Ngũ uẩn thành hữu duyên, thành hữu vi.
* Tứ (danh) uẩn thành bất kiến. Sắc uẩn cũng thành bị thấy, cũng thành không thấy.
* Tứ (danh) uẩn thành vô đối chiếu. Sắc uẩn cũng thành hữu đối chiếu, cũng thành vô đối chiếu.
* Sắc uẩn thành sắc. Tứ (danh) uẩn thành phi sắc.
* Sắc uẩn thành hiệp thế. Tứ (danh) uẩn cũng thành hiệp thế, cũng thành siêu thế.
* Ngũ uẩn cũng thành có tâm biết đặng, cũng thành có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

88.

* Tứ uẩn (trừ hành) thành phi lậu. Hành uẩn cũng thành lậu, cũng thành phi lậu.

* Sắc uẩn thành cảnh lậu. Tứ (danh) uẩn cũng thành cảnh lậu, cũng thành phi cảnh lậu.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng lậu. Tứ (danh) uẩn cũng thành tương ưng lậu, cũng thành bất tương ưng lậu.

* Sắc uẩn không thể nói thành lậu cảnh lậu và thành phi lậu cảnh lậu. Ba (danh) uẩn (trừ hành) không thể nói rằng thành lậu cảnh lậu và thành phi lậu cảnh lậu, cũng không thể nói rằng thành phi lậu cảnh lậu. Hành uẩn thành lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu cảnh lậu cũng có; chẳng đặng nói là thành lậu cảnh lậu và thành phi lậu cảnh lậu.

* Sắc uẩn không thể nói thành lậu tương ưng lậu và thành phi lậu tương ưng lậu. Ba uẩn (trừ hành) không đặng nói thành lậu tương ưng lậu và thành phi lậu tương ưng lậu; cũng không nên nói thành phi lậu tương ưng lậu. Hành uẩn thành lậu tương ưng lậu

cũng có, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; không thể nói thành lậu tương ưng lậu và thành phi lậu tương ưng lậu.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng lậu cảnh lậu. Tứ (danh) uẩn cũng thành cảnh lậu bất tương ưng lậu và cũng thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu; mà cũng không nên nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu và thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.

iv. Đáp phần chùm triền *(saṃyojanagocchaka)*

89.

* Tứ uẩn thành phi triền. Hành uẩn thành triền cũng có, thành phi triền cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh triền. Tứ uẩn thành cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành triền cảnh triền, mà thành phi triền cảnh triền. Tam uẩn không thể nói thành triền cảnh triền, mà thành phi triền cảnh triền cũng có, không thể nói thành triền cảnh triền cũng có. Hành uẩn thành triền cảnh triền cũng có, thành phi triền cảnh triền cũng có, không nên nói có thể thành triền cảnh triền, có thể thành phi triền cảnh triền cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói có thể thành triền tương ưng triền, có thể thành phi triền tương ưng triền. Ba uẩn không thể nói thành triền tương ưng triền, thành phi triền tương ưng triền cũng có; không thể nói thành triền tương ưng triền, thành phi triền tương ưng triền cũng có. Hành uẩn thành triền tương ưng triền cũng có, thành phi triền tương ưng triền cũng có; không nên nói có thể thành triền tương ưng triền, mà có thể thành phi triền tương ưng triền cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng triền cảnh triền. Tứ uẩn thành bất tương ưng triền cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có; không nên nói có thể thành bất tương ưng triền mà cảnh triền, có thể nói thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có.

v. Đáp phần chùm phược *(ganthagocchaka)*

90.

* Tứ uẩn thành phi phược. Hành uẩn thành phược cũng có, thành phi phược cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh phược. Tứ uẩn thành cảnh phược cũng có, thành phi cảnh phược cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng phược. Tứ uẩn thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành phược cảnh phược, thành phi phược cảnh phược. Ba uẩn không thể nói thành phược cảnh phược, thành phi phược cảnh phược cũng có; không thể nói thành phi phược cảnh phược cũng có. Hành uẩn thành phược cảnh phược cũng có, thành phi phược cảnh phược cũng có; không nên nói có thể thành phược cảnh phược, có thể thành phi phược cảnh phược cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói có thể thành phược tương ưng phược, có thể thành phi phược tương ưng phược. Ba uẩn không nên nói thành phược tương ưng phược, mà thành phi phược tương ưng phược cũng có; không thể nói thành phi phược tương ưng phược cũng có. Hành uẩn thành phược tương ưng phược cũng có, thành phi phược tương ưng

phược cũng có; không nên nói có thể thành phược tương ưng phược, có thể thành phi phược tương ưng phược cũng có.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng phược cảnh phược. Tứ (danh) uẩn thành bất tương ưng cảnh phược cũng có, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có; không nên nói có thể thành bất tương ưng phược cảnh phược, có thể thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có.

vi, vii, viii. Đáp phần chùm bộc *(oghagocchaka)*

91.

* Tứ uẩn thành phi bộc… tứ uẩn thành phi phối… tứ uẩn thành phi cái… hành uẩn thành cái cũng có, thành phi cái cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh cái. Tứ (danh) uẩn thành cảnh cái cũng có, thành phi cảnh cái cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng cái. Tứ (danh) uẩn thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói thành cái cảnh cái, mà thành phi cái cảnh cái. Ba uẩn không thể nói thành cái cảnh cái mà thành phi cái cảnh cái cũng có, không thể nói thành phi cái cảnh cái cũng có. Hành uẩn thành cái cảnh cái cũng có, thành phi cái cảnh cái cũng có; không nên nói có thể thành cái cảnh cái, có thể thành phi cái cảnh cái cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói có thể thành tương ưng cái, có thể thành phi cái tương ưng cái. Ba uẩn không nên nói thành cái tương ưng cái, mà thành phi cái tương ưng cái cũng có, không thể nói thành phi cái tương ưng cái cũng có. Hành uẩn thành cái tương ưng cái cũng có, thành phi cái tương ưng cái cũng có, mà không nên nói có thể thành cái tương ưng cái, có thể thành phi cái tương ưng cái cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng cái mà cảnh cái. Tứ uẩn thành bất tương ưng cái mà cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có; không nên nói có thể thành bất tương ưng cái mà cảnh cái, có thể thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có.

ix. Đáp phần chùm khinh thị *(parāmāsagocchaka)*

92.

* Tứ uẩn thành phi khinh thị. Hành uẩn thành khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh khinh thị. Bốn uẩn thành cảnh khinh thị cũng có, thành phi cảnh khinh thị cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng khinh thị. Ba uẩn thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có. Hành uẩn thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có; không nên nói có thể thành tương ưng khinh thị, có thể thành bất tương ưng khinh thị cũng có.
* Sắc uẩn không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị, thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có. Ba uẩn không nên nói thành khinh thị cảnh khinh thị, mà thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có; không thể nói thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có. Hành uẩn thành khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cảnh khinh thị

cũng có, không nên nói có thể thành khinh thị cảnh khinh thị, có thể thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị. Tứ (danh) uẩn thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có; không nên nói có thể thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị, có thể thành phi khinh thị bất tương ưng khinh thị cũng có.

x. Đáp phần nhị đề đại *(mahantaraduka)*

93.

* Sắc uẩn thành không biết cảnh. Tứ (danh) uẩn thành biết cảnh.
* Tứ uẩn thành phi tâm. Thức uẩn thành tâm.
* Ba uẩn thành sở hữu tâm, nhị uẩn thành phi sở hữu tâm.
* Ba uẩn thành tương ưng tâm. Sắc uẩn thành bất tương ưng tâm. Thức uẩn không thể nói có thể thành tương ưng tâm, có thể thành bất tương ưng tâm.
* Ba uẩn thành hòa với tâm. Sắc uẩn thành không hòa với tâm. Thức uẩn không thể nói có thể thành hòa với tâm, có thể thành không hòa với tâm.
* Ba uẩn thành sở y tâm. Thức uẩn thành phi sở y tâm. Sắc uẩn thành sở y tâm cũng có, thành phi sở y tâm cũng có.
* Ba uẩn thành đồng sanh tồn với tâm. Thức uẩn thành phi đồng sanh tồn với tâm. Sắc uẩn thành sanh tồn với tâm cũng có, thành phi sanh tồn với tâm cũng có.
* Ba uẩn thành hành động với tâm. Thức uẩn không hành động với tâm. Sắc uẩn thành tùng hành với tâm cũng có, thành phi tùng hành với tâm cũng có.
* Ba uẩn thành sở y và hòa với tâm. hai uẩn thành phi sở y phi hòa với tâm.
* Ba uẩn thành tâm sở y đồng tồn và hòa với tâm. Nhị uẩn thành phi tâm sở y phi đồng tồn và không hòa với tâm.
* Ba uẩn thành có tâm làm chỗ nương tùng hành và hòa với tâm. Hai uẩn thành phi có tâm làm chỗ nương phi tùng hành phi hòa với tâm.
* Ba uẩn thành bên ngoài. Thức uẩn thành bên trong. Sắc uẩn thành bên trong cũng có, thành bên ngoài cũng có.
* Tứ uẩn thành phi thủ. Sắc uẩn thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có, thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ *(upādānagocchaka)*

94.

* Tứ uẩn thành phi thủ. Hành uẩn thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Sắc uẩn thành cảnh thủ. Bốn uẩn thành cảnh thủ cũng có, thành phi cảnh thủ cũng có.
* Sắc uẩn thành bất tương ưng thủ. Bốn uẩn thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có.
* Sắc uẩn không nên nói thành thủ cảnh thủ, mà thành phi thủ cảnh thủ. Ba uẩn không nên nói thành thủ cảnh thủ, thành cảnh thủ phi thủ cũng có và có phần không nên nói

thành cảnh thủ phi thủ. Hành uẩn thành thủ cảnh thủ cũng có và thành cảnh thủ phi thủ cũng có; không nên nói có thể thành thủ cảnh thủ, tuy nhiên thành cảnh thủ phi thủ cũng có.

* Sắc uẩn không nên nói có thể thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ. Ba uẩn không thể nói thành thủ tương ưng thủ, mà thành phi thủ tương ưng thủ và không thể nói thành phi thủ tương ưng thủ cũng có. Hành uẩn thành thủ tương ưng thủ cũng có, thành tương ưng thủ phi thủ cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành thủ tương ưng thủ, tuy nhiên thành tương ưng thủ phi thủ cũng có.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ. Tứ uẩn thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có, không nên nói dĩ nhiên thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, tuy nhiên thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có.

xii. Đáp phần chùm phiền não *(kilesagocchaka)*

95.

* Tứ uẩn thành phi phiền não. Hành uẩn thành phiền não cũng có, thành phi phiền não cũng có.

* Sắc uẩn thành cảnh phiền não. Bốn uẩn thành cảnh phiền não cũng có, thành phi cảnh phiền não cũng có.

* Sắc uẩn thành phi cảnh phiền toái. Bốn uẩn thành cảnh phiền toái cũng có, thành phi cảnh phiền toái cũng có.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng phiền não. Tứ uẩn thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.

* Sắc uẩn không thể nói thành phiền não cảnh phiền não, mà thành cảnh phiền não phi phiền não. Ba uẩn không nên nói thành phiền não cảnh phiền não, mà thành cảnh phiền não phi phiền não cũng có; không nên nói thành cảnh phiền não phi phiền não cũng có. Hành uẩn thành phiền não cảnh phiền não cũng có, thành cảnh phiền não phi phiền não cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành phiền não cảnh phiền não, tuy nhiên thành cảnh phiền não phi phiền não cũng có.

* Sắc uẩn không nên nói dĩ nhiên thành phiền não cảnh phiền toái, tuy nhiên thành cảnh phiền toái phi phiền não cũng có. Ba uẩn không nên nói thành phiền não cảnh phiền toái, mà thành cảnh phiền toái phi phiền não, cũng không nên nói thành cảnh phiền toái phi phiền não. Hành uẩn thành phiền não cảnh phiền toái cũng có, thành cảnh phiền toái phi phiền não cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành phiền não cảnh phiền toái, tuy nhiên thành cảnh phiền toái phi phiền não cũng có.

* Sắc uẩn không nên nói dĩ nhiên thành phiền não tương ưng phiền não, dĩ nhiên thành tương ưng phiền não phi phiền não. Ba uẩn không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, thành tương ưng phiền não phi phiền não cũng có, không nên nói thành tương ưng phiền não phi phiền não. Hành uẩn thành phiền não tương ưng phiền não cũng có, thành tương ưng phiền não phi phiền não cũng có, không nên nói tuy nhiên thành phiền não tương ưng phiền não, tuy nhiên thành tương ưng phiền não phi phiền não cũng có.

* Sắc uẩn thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não. Tứ uẩn thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não

cũng có, không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay tuy nhiên thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

96.

* Sắc uẩn thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ uẩn thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Sắc uẩn thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ uẩn thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Sắc uẩn thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. Tứ uẩn thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Sắc uẩn thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ uẩn thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Sắc uẩn thành vô tầm. Tứ uẩn thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Sắc uẩn thành vô tứ. Tứ uẩn thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Sắc uẩn thành vô hỷ. Tứ uẩn thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Sắc uẩn thành phi đồng sanh hỷ. Tứ uẩn thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Hai uẩn thành phi đồng sanh lạc. Ba uẩn thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Hai uẩn thành phi đồng sanh xả. Ba uẩn thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Sắc uẩn thành Dục giới. Tứ uẩn thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Sắc uẩn thành phi Sắc giới. Tứ uẩn thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* Sắc uẩn thành phi Vô sắc giới. Tứ uẩn thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Sắc uẩn thành liên quan luân hồi. Tứ uẩn thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Sắc uẩn thành phi nhân xuất luân hồi. Tứ uẩn thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* Sắc uẩn thành bất định. Tứ uẩn thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Sắc uẩn thành hữu thượng. Tứ uẩn thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
* Sắc uẩn thành vô y. Tứ uẩn thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có như thế nầy.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ Uẩn phân tích

PHẦN II - XỨ PHÂN TÍCH

A. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH

97.

Thập nhị xứ như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ.

98.

* Nhãn thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự biến chuyển thay đổi cố nhiên. Sắc thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Nhĩ thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Thinh thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Tỷ thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Khí thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Thiệt thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Vị thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Thân thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Xúc thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.
* Ý thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên. Pháp thành vô thường, thành khổ não, thành vô ngã, có sự hành vi biến chuyển cố nhiên.

Dứt phân theo Kinh

B. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

99.

Thập nhị xứ như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

100.

* ***Nhãn xứ** đó ra sao?* Nhãn não là thần kinh nương sắc tứ đại sung… cũng gọi nhà không. Đây gọi là nhãn xứ.
* ***Nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ** và **thân xứ** đó ra sao?*… thân nào là thần kinh nương sắc tứ đại sung… cũng kêu là nhà không. Đây gọi là… thân xứ.
* ***Ý xứ** đó ra sao?* Ý xứ phân phần thành một tức là ý xứ tương ưng xúc. Ý xứ phân phần thành hai như là ý xứ thành hữu nhân, thành vô nhân. Ý xứ phân phần thành ba như là ý xứ thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… ý xứ phân phần thành nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là ý xứ.

* ***Sắc xứ*** *đó ra sao?* Sắc nào là màu nương sắc tứ đại sung… cũng kêu nhà không. Đây gọi là sắc xứ.
* ***Thinh xứ, khí xứ, vị xứ, xúc xứ*** *đó ra sao?* … địa chất… cũng kêu là xúc xứ. Đây gọi là… xúc xứ.
* ***Pháp xứ*** *đó ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, sắc không thấy, không đối chiếu, liên quan trong pháp xứ và vô vi giới.
* *Trong pháp xứ đó mà* ***thọ uẩn*** *ra sao?* Thọ uẩn phân phần thành một tức là thọ uẩn tương ưng xúc… Thọ uẩn phân phần thành nhiều thứ bằng cách thế nầy. Đây gọi là thọ uẩn.
* ***Tưởng uẩn*** *đó ra sao?* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc… Tưởng uẩn phân phần thành nhiều thứ bằng cách thế nầy. Đây gọi là tưởng uẩn.
* ***Hành uẩn*** *đó ra sao?* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm… hành uẩn phân mỗi phần thành nhiều thứ bằng cách thế nầy. Đây gọi là hành uẩn.
* ***Sắc uẩn không thấy không đối chiếu*** *liên quan trong pháp xứ đó ra sao?* Nữ quyền… đoàn thực. Đây gọi là sắc không thấy, không đối chiếu liên quan trong pháp xứ.
* ***Vô vi giới*** *đó ra sao?* Sự dứt ái, sự dứt sân, sự dứt si. Đây gọi là vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là pháp xứ.

Dứt Phần phần theo Diệu Pháp

C. XỨ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

101.

Thập nhị xứ như là nhãn xứ, sắc xứ… ý xứ và pháp xứ.

Đáp đầu đề tam, đáp đầu đề nhị

Thập nhị xứ mà những chi thành thiện, những chi thành bất thiện, những chi thành vô ký… những chi thành hữu y, những chi thành vô y?

1) Đáp theo đầu đề tam

102.

* Mười xứ (thô) thành vô ký. Nhị xứ (tế) thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Mười xứ (thô) không nên nói có thể thành tương ưng lạc thọ, có thể thành tương ưng khổ thọ, có thể thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Ý xứ thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có. Pháp xứ thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói tuy nhiên thành tương ưng lạc thọ, tuy nhiên thành tương ưng khổ thọ, tuy nhiên thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.

∗ Thập xứ (thô) thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Nhị xứ (tế) thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

∗ Ngũ xứ thành do thủ cảnh thủ. Thinh xứ thành phi do thủ cảnh thủ. Tứ xứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có. Nhị xứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.

∗ Thập xứ thành phi phiền toái cảnh phiền não. Nhị xứ thành phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.

∗ Thập xứ thành vô tầm vô tứ. Ý xứ thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Pháp xứ thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có; không nên nói có thể thành hữu tầm hữu tứ, có thể thành vô tầm hữu tứ, có thể thành vô tầm vô tứ cũng đặng.

∗ Thập xứ không nên nói có thể thành đồng sanh hỷ, có thể thành đồng sanh lạc, có thể thành đồng sanh xả. Nhị xứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có; không nên nói có thể thành đồng sanh hỷ, có thể thành đồng sanh lạc, có thể thành đồng sanh xả cũng đặng.

∗ Thập xứ thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị xứ thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

∗ Thập xứ thành phi nhân phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị xứ thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

∗ Thập xứ thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Nhị xứ thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.

∗ Thập xứ thành phi hữu học phi vô học. Nhị xứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.

∗ Thập xứ thành hy thiểu. Nhị xứ thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.

∗ Thập xứ thành bất tri cảnh. Nhị xứ thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh đáo đại cũng có, thành tri cảnh vô lượng cũng có; không nên nói có thể thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại, thành tri cảnh vô lượng.

∗ Thập xứ thành trung bình. Nhị xứ thành ty hạ cũng có, thành trung bình cũng có, thành tinh lương cũng có.

∗ Thập xứ thành bất định. Nhị xứ thành tà nhất định cũng có, thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.

∗ Thập xứ thành bất tri cảnh. Nhị xứ thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân, thành đạo là trưởng.

* Ngũ xứ thành sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có, không thể nói thành phi sanh tồn. Thinh xứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, không thể nói thành sẽ sanh. Ngũ xứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có. Pháp xứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có; không nên nói có thể thành sanh tồn, mà có thể thành phi sanh tồn hay có thể thành sẽ sanh cũng đặng.

* Thập nhất xứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Pháp xứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có; không nên nói có thể thành quá khứ, có thể thành vị lai, có thể thành hiện tại cũng đặng.

* Thập xứ thành bất tri cảnh. Nhị xứ thành tri cảnh quá khứ cũng có, thành tri cảnh vị lai cũng có, thành tri cảnh hiện tại cũng có; không nên nói có thể thành cảnh quá khứ, có thể thành cảnh vị lai, có thể thành cảnh hiện tại cũng đặng.

* Thập nhị xứ thành nội phần cũng đặng, thành ngoại phần cũng đặng, thành nội và ngoại phần cũng đặng.

* Thập xứ thành bất tri cảnh. Nhị xứ thành tri cảnh nội cũng có, thành tri cảnh ngoại cũng có, thành tri cảnh nội và ngoại cũng có; không nên nói có thể thành tri cảnh nội, có thể thành tri cảnh ngoại hay có thể thành tri cảnh nội và ngoại cũng đặng.

* Sắc nhập thành hữu kiến hữu đối chiếu. Cửu nhập thành bất kiến hữu đối chiếu. Nhị nhập thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

103.

* Thập nhất xứ thành phi nhân. Pháp xứ thành nhân cũng có, thành phi nhân cũng có.

* Thập xứ thành vô nhân. Nhị xứ thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.

* Thập xứ thành bất tương ưng nhân. Nhị xứ thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.

* Thập xứ không nên nói có thể thành nhân hữu nhân hay có thể thành phi nhân hữu nhân. Ý xứ không thể nói thành nhân hữu nhân, mà thành phi nhân hữu nhân cũng có; không thể nói thành phi nhân hữu nhân cũng có. Pháp xứ thành nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân hữu nhân cũng có, không nên nói có thể thành nhân hữu nhân hay có thể thành phi nhân hữu nhân cũng đặng.

* Thập xứ không nên nói có thể thành nhân tương ưng nhân và phi nhân tương ưng nhân. Ý xứ không thể nói thành nhân tương ưng nhân, mà thành phi nhân tương ưng nhân cũng có, cũng không thể nói hoặc thành phi nhân tương ưng nhân. Pháp xứ thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có; không nên nói có thể thành nhân tương ưng nhân và phi nhân tương ưng nhân.

* Thập xứ thành phi nhân vô nhân. Ý xứ thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có. Pháp xứ thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có; không nên nói thành phi nhân hữu nhân và phi nhân vô nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

104.

* Thập nhất xứ thành hữu duyên, pháp xứ thành hữu duyên cũng có, thành vô duyên cũng có.
* Thập nhất xứ thành hữu vi. Pháp xứ thành hữu vi cũng có, thành vô vi cũng có.
* Thập nhất xứ thành bất kiến. Sắc xứ thành hữu kiến.
* Thập xứ thành hữu đối chiếu. Nhị xứ thành vô đối chiếu.
* Thập xứ thành sắc. Ý xứ thành phi sắc. Pháp xứ thành sắc cũng có, thành phi sắc cũng có.
* Thập xứ thành hiệp thế. Nhị xứ thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
* Thập nhị xứ thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

105.

* Thập nhất xứ thành phi lậu. Pháp xứ thành lậu cũng có, thành phi lậu cũng có.
* Thập xứ thành cảnh lậu. Nhị xứ thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng lậu. Nhị xứ thành tương ưng lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu cũng có.
* Thập xứ không thể nói thành lậu cảnh lậu, mà thành phi lậu cảnh lậu. Ý xứ không thể nói thành lậu cảnh lậu, mà thành phi lậu cảnh lậu cũng có, không thể nói thành phi lậu cảnh lậu cũng có. Pháp xứ thành lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu cảnh lậu cũng có, không nên nói có thể thành lậu cảnh lậu cũng có và thành phi lậu cảnh lậu cũng có.
* Thập xứ không nên nói có thể thành lậu tương ưng lậu và thành phi lậu tương ưng lậu. Ý xứ không thể nói thành lậu tương ưng lậu, mà thành phi lậu tương ưng lậu cũng có, không thể nói thành phi lậu tương ưng lậu cũng có. Pháp xứ thành lậu tương ưng lậu cũng có, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; không nên nói có thể thành lậu tương ưng lậu và phi lậu tương ưng lậu.
* Thập xứ thành bất tương ưng lậu cảnh lậu. Nhị xứ thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu cũng có; không nên nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có và bất tương ưng lậu phi cảnh lậu cũng có.

iv. Đáp phần chùm triền *(saṃyojanagocchaka)*

106.

* Thập nhất xứ thành phi triền. Pháp xứ thành triền cũng có, thành phi triền cũng có.
* Thập xứ thành cảnh triền. Nhị xứ thành cảnh triền cũng có, thành phi cảnh triền cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng triền. Nhị xứ thành tương ưng triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Thập xứ không nên nói thành triền cảnh triền mà thành cảnh triền phi triền. Ý xứ không thể nói thành triền cảnh triền, nhưng thành cảnh triền mà phi triền cũng có, cũng có phần không thể nói thành cảnh triền mà phi triền. Pháp xứ thành triền và cảnh

triền cũng có, thành cảnh triền mà phi triền cũng có, cũng có phần không nên nói có thể thành triền mà cảnh triền hay thành cảnh triền mà phi triền.

* Thập xứ không nên nói có thể thành triền tương ưng triền hay tương ưng triền mà phi triền. Ý xứ không thể nói thành triền tương ưng triền, mà thành tương ưng triền phi triền cũng có, cũng có phần không đặng nói tương ưng triền phi triền. Pháp xứ thành triền tương ưng triền cũng có, thành tương ưng triền phi triền cũng có; không nên nói thành triền tương ưng triền và tương ưng triền phi triền.

* Thập xứ thành bất tương ưng triền mà cảnh triền. Nhị xứ thành bất tương ưng triền mà cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền mà phi cảnh triền cũng có; nhưng có phần không đặng nói có thể thành bất tương ưng triền và cảnh triền hay có thể thành bất tương ưng triền mà phi triền.

v. Đáp phần chùm phược *(ganthagocchaka)*

107.

* Thập nhất xứ thành phi phược. Pháp xứ thành phược cũng có, thành phi phược cũng có.

* Thập xứ thành cảnh phược. Nhị xứ thành cảnh phược cũng có, thành phi cảnh phược cũng có.

* Thập xứ thành bất tương ưng phược. Nhị xứ thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.

* Thập xứ không thể nói thành phược cảnh phược và cảnh phược phi phược. Ý xứ không thể nói thành phược cảnh phược, mà thành cảnh phược phi phược cũng có, cũng có phần không đặng nói thành cảnh phược phi phược. Pháp xứ thành phược cảnh phược cũng có, thành cảnh phược phi phược cũng có, nhưng có phần không đặng nói thành phược cảnh phược hay có thể thành cảnh phược phi phược.

* Thập xứ không nên nói có thể thành phược tương ưng phược hay có thể thành tương ưng phược phi phược. Ý xứ không thể nói thành phược tương ưng phược, mà có phần thành tương ưng phược phi phược và cũng có phần không nên nói thành tương ưng phược mà phi phược. Pháp xứ thành phược tương ưng phược cũng có, thành tương ưng phược mà phi phược cũng có, nhưng cũng có phần không đặng nói là có thể thành phược tương ưng phược hay là có thể thành tương ưng phược phi phược.

vi, vii, viii. Đáp phần chùm bộc *(oghegocchaka ādi)*

108.

* Thập nhất xứ thành phi bộc… thập nhất xứ thành phi phối… thập nhất xứ thành phi cái… pháp xứ thành cái cũng có, thành phi cái cũng có.

* Thập xứ thành cảnh cái. Nhị xứ thành cảnh cái cũng có, thành phi cảnh cái cũng có.

* Thập xứ thành bất tương ưng cái. Nhị xứ thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.

* Thập xứ không thể nói thành cái cảnh cái và cảnh cái phi cái. Ý xứ không thể nói thành cái cảnh cái, mà thành phi cái cảnh cái cũng có, cũng có phần không đặng nói thành cái phi cái. Pháp xứ thành cái cảnh cái cũng có, thành cảnh cái phi cái cũng có, có phần không đặng nói thành cái cảnh cái hay thành cảnh cái phi cái.

* Thập xứ không nên nói có thể thành cái tương ưng cái hay có thể thành tương ưng cái phi cái. Ý xứ không thể nói thành cái tương ưng cái, mà cũng có phần thành tương ưng cái phi cái; nhưng có phần không đặng nói thành tương ưng cái phi cái. Pháp xứ thành cái tương ưng cái cũng có, thành tương ưng cái phi cái cũng có; nhưng cũng có phần không đặng nói có thể thành cái tương ưng cái và tương ưng cái phi cái.
* Thập xứ thành bất tương ưng cái mà cảnh cái. Nhị xứ thành bất tương ưng cái mà cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái mà phi cảnh cái cũng có; nhưng cũng có phần không đặng nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái.

ix. Đáp phần chùm khinh thị *(parāmāsagocchaka)*

109.

* Thập nhất xứ thành phi khinh thị. Pháp xứ thành khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cũng có.
* Thập xứ thành cảnh khinh thị. Nhị xứ thành cảnh khinh thị cũng có, thành phi cảnh khinh thị cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng khinh thị. Ý xứ thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có. Pháp xứ thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có, cũng có phần không đặng nói thành tương ưng khinh thị hay có thể thành bất tương ưng khinh thị.
* Thập xứ không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị, mà thành cảnh khinh thị phi khinh thị. Ý xứ không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị, mà thành cảnh khinh thị phi khinh thị cũng có; cũng có phần không đặng nói thành cảnh khinh thị phi khinh thị. Pháp xứ thành khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành cảnh khinh thị phi khinh thị cũng có; cũng có phần không đặng nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay có thể thành cảnh khinh thị phi khinh thị.
* Thập xứ thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị. Nhị xứ thành bất tương ưng khinh thị mà cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có; cũng có phần không đặng nói thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị hay có thể thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.

x. Đáp phần nhị đề đại *(mahantaraduka)*

110.

* Thập xứ thành bất tri cảnh. Ý xứ thành tri cảnh. Pháp xứ thành tri cảnh cũng có, thành bất tri cảnh cũng có.
* Ý xứ thành tâm. Thập nhất xứ thành phi tâm.
* Thập nhất xứ thành phi sở hữu tâm, pháp xứ thành sở hữu tâm cũng có, thành phi sở hữu tâm cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng tâm. Pháp xứ thành tương ưng tâm cũng có, thành bất tương ưng tâm cũng có. Ý xứ không nên nói có thể thành tương ưng tâm hay có thể thành bất tương ưng tâm.

* Thập xứ thành không hòa trộn với tâm. Pháp xứ thành hòa trộn với tâm cũng có, thành không hòa trộn với tâm cũng có. Ý xứ không nên nói có thể thành hòa trộn với tâm hay có thể không thành hòa trộn với tâm.
* Lục xứ thành phi y xứ tâm sanh. Lục xứ thành phi y xứ tâm sanh cũng có, thành y xứ tâm sanh cũng có.
* Thập nhất xứ thành phi đồng còn với tâm. Pháp xứ thành đồng còn với tâm cũng có, thành phi đồng còn với tâm cũng có.
* Thập nhất xứ thành phi tùng hành với tâm. Pháp xứ thành tùng hành với tâm cũng có, thành phi tùng hành với tâm cũng có.
* Thập nhất xứ thành không hòa và không nương tâm làm sở sanh. Pháp xứ thành hòa với tâm và nương tâm làm sở sanh cũng có, thành không hòa với tâm và không nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập nhất xứ thành không đồng còn không hòa và không nương tâm làm sở sanh. Pháp xứ thành hòa đồng còn nương tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi đồng còn phi nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập nhất xứ thành phi tùng hành phi hòa phi nương tâm làm sở sanh. Pháp xứ thành tùng hành hòa và nương tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi tùng hành phi nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Lục xứ thành nội phần. Lục xứ thành ngoại phần.
* Cửu xứ thành thủ. Nhị xứ thành thủ. Pháp xứ thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Ngũ xứ thành do thủ. Thinh xứ thành phi do thủ. Lục xứ thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ *(upādānagocchaka)*

111.

* Thập nhất xứ thành thủ. Pháp xứ thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Thập xứ thành cảnh thủ. Nhị xứ thành cảnh thủ cũng có, thành phi cảnh thủ cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng thủ. Nhị xứ thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có.
* Thập xứ không thể nói thành thủ cảnh thủ hay thành cảnh thủ phi thủ. Ý xứ không thể nói thành thủ cảnh thủ mà thành cảnh thủ phi thủ cũng có; không thể nói thành cảnh thủ phi thủ cũng có. Pháp xứ thành thủ cảnh thủ cũng có, thành cảnh thủ phi thủ cũng có, cũng có phần không đặng nói thành thủ cảnh thủ hay có thể thành cảnh thủ phi thủ.
* Thập xứ không đặng nói có thể thành thủ tương ưng thủ, có thể thành tương ưng thủ phi thủ. Ý xứ không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành tương ưng thủ phi thủ, cũng không đặng nói là thành tương ưng thủ phi thủ. Pháp xứ thành thủ tương ưng thủ cũng có, thành tương ưng thủ phi thủ cũng có, cũng có phần không đặng nói thành thủ tương ưng thủ hay thành tương ưng thủ phi thủ.
* Thập xứ thành bất tương ưng thủ mà cảnh thủ. Nhị xứ thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có, có phần không đặng nói thành bất tương ưng thủ mà cảnh thủ hay bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.

xii. Đáp phần chùm phiền não (kilesagocchaka)

112.

* Thập nhất xứ thành phi phiền não. Pháp xứ thành phiền não cũng có, thành phi phiền não cũng có.
* Thập xứ thành cảnh phiền não. Nhị xứ thành cảnh phiền não cũng có, thành phi cảnh phiền não cũng có.
* Thập xứ thành phi phiền toái. Nhị xứ thành phiền toái cũng có, thành phi phiền toái cũng có.
* Thập xứ thành bất tương ưng phiền não. Nhị xứ thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.
* Thập xứ không thể nói thành phiền não cảnh phiền não, mà thành cảnh phiền não phi phiền não. Ý xứ cũng có phần không thể nói thành phiền não cảnh phiền não, thành cảnh phiền não phi phiền não; cũng có phần không nên nói thành cảnh phiền não phi phiền não. Pháp xứ thành phiền não cảnh phiền não cũng có, thành phiền não phi cảnh phiền não cũng có, cũng có phần không nên nói là thành phiền não cảnh phiền não hay thành cảnh phiền não phi phiền não.
* Thập xứ không nên nói thành phiền não và phiền toái hay thành phiền toái phi phiền não. Ý xứ không nên nói thành phiền não và phiền toái hay thành phiền toái phi phiền não, cũng có phần không nên nói thành phiền toái phi phiền não. Pháp xứ thành phiền não và phiền toái cũng có, thành phiền toái phi phiền não cũng có, không nên nói có thể thành phiền não và phiền toái hay phiền toái phi phiền não.
* Thập xứ không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành tương ưng phiền não phi phiền não. Ý xứ không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành tương ưng phiền não phi phiền não; mà có phần không đặng nói thành tương ưng phiền não phi phiền não. Pháp xứ thành phiền não tương ưng phiền não cũng có, thành tương ưng phiền não phi phiền não cũng có; có phần không đặng nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành tương ưng phiền não phi phiền não.
* Thập xứ thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não. Nhị xứ thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có, có phần không đặng nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

113.

* Thập xứ thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Nhị xứ thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập xứ thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị xứ thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập xứ thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. Nhị xứ thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập xứ thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị xứ thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

∗ Thập xứ thành vô tầm. Nhị xứ thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
∗ Thập xứ thành vô tứ. Nhị xứ thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
∗ Thập xứ thành vô hỷ. Nhị xứ thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
∗ Thập xứ thành phi đồng sanh hỷ. Nhị xứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
∗ Thập xứ thành phi đồng sanh lạc. Nhị xứ thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
∗ Thập xứ thành phi đồng sanh xả. Nhị xứ thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
∗ Thập xứ thành Dục giới. Nhị xứ thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
∗ Thập xứ thành phi Sắc giới. Nhị xứ thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
∗ Thập xứ thành phi Vô sắc giới. Nhị xứ thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
∗ Thập xứ thành liên quan luân hồi. Nhị xứ thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
∗ Thập xứ thành phi nhân xuất luân hồi. Nhị xứ thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
∗ Thập xứ thành bất định. Nhị xứ thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
∗ Thập xứ thành hữu thượng. Nhị xứ thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
∗ Thập xứ thành vô y. Nhị xứ thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có như thế nầy.

Dứt Phần vấn đáp
Đã đầy đủ Xứ phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN III - CHẤT PHÂN TÍCH
(Dhātuvibhaṅga)

A. CHẤT PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH *(Suttantabhājanīya)*

Lục chất - phần thứ nhất

114.

Chất *(dhātu)* có sáu như là chất đất, chất nước, chất lửa, chất gió, chất hư không, chất thức.

115.

***Chất đất** đó ra sao?* Chất đất có hai thứ như là chất đất nội phần, chất đất ngoại phần.

- ***Chất đất nội phần** đó ra sao?* Trạng thái cứng, trạng thái sần sượng, sự cứng, tư cách cứng bên phần trong của ta, thành sắc do thủ bên trong như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tì, tim, gan, mỡ sa, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ; hay là những cách cứng sượng, sự cứng, trạng thái cứng tự phần bên trong, thành sắc bên trong do thủ. Nếu có như thế nầy gọi là địa chất nội.
- ***Chất đất ngoại phần** đó ra sao?* Tư cách cứng sượng, sự cứng, trạng thái cứng bên ngoài thành sắc ngoại phi do thủ như là sắc, kim khoáng, chì trắng, chì đen, bạc, trân châu, ngọc như ý, miêu tình châu, xà cừ, sơn nham, đạm hồng châu, hóa tệ (bạc thành đồng), vàng, ngọc như ý đỏ, ngọc như ý sọc, cỏ, khúc cây, đá trứng, gạch ngói, đất, miếng đá, núi hay là những cách cứng sượng, sự cứng, trạng thái cứng bên ngoài thành sắc ngoại phi do thủ. Những chi có như thế đây gọi là địa chất ngoại.

Địa chất nội và địa chất ngoại kêu chung lại là địa chất.

116.

***Thủy chất** đó ra sao?* Thủy chất có hai thứ như là thủy chất nội và thủy chất ngoại.

- ***Thủy chất nội** đó ra sao?* Sự tươm ướt, cách tươm ướt, sự dẻo, cách dẻo, trạng thái thu dính phần bên trong của ta thành sắc nội do thủ như là mật, đàm, nhớt, máu, nước mồ hôi, não, nước mắt, hỏa du, nước miếng, nước mũi, tủy, nước tiểu hay là sự ướt im, cách ướt im, sự mềm dẻo, cách mềm dẻo, trạng thái thu hút bên trong của ta thành sắc nội do thủ, những phần như thế gọi là thủy chất nội.
- ***Thủy chất ngoại** đó ra sao?* Sự im ướt, cách im ướt, sự dẻo, cách dẻo, trạng thái thu hút quến sắc phần bên ngoài thành sắc phi do thủ bên ngoài như là vị rễ cây, vị cây, vị vỏ cây, vị lá cây, vị bông cây, vị trái cây, sữa sống, sữa chín, bơ trong, bơ cục, dầu, mật, nước mía, nước ở trong đất hay là nước ở trong hư không, hoặc sự ướt im, cách ướt im, sự dẻo, trạng thái dẻo, trạng thái thâu hút sắc thành bên ngoài, thành sắc phi do thủ bên ngoài, mặc dù có khác như thế nào, đây gọi là thủy chất ngoại.

Thủy chất nội và thủy chất ngoại gồm cả hai thứ ấy kêu chung lại là thủy chất.

117.

***Hỏa chất** đó ra sao?* Hỏa chất có hai thứ như là hỏa chất nội và hỏa chất ngoại.

- ***Hỏa chất nội** đó ra sao?* Sự nóng, tư cách nóng, sự ấm, tư cách ấm, sự ấm áp, tư cách ấm áp thành tự nội phần, thành sắc do thủ bên trong như là chất lửa làm cho

thân thể hư hao, chất lửa làm cho thân thể nóng nảy, chất lửa làm cho đồ ăn uống tiêu chuyển; hay là sự nóng, cách nóng, sự ấm, cách ấm, sự ôn noãn, cách ôn noãn thành bên trong của ta, thành sắc do thủ bên trong, dù có thế nào khác, đây gọi là hỏa chất nội.

- ***Hỏa chất ngoại** đó ra sao?* Sự nóng, cách nóng, sự ấm, cách ấm, sự ôn noãn, cách ôn noãn, thành bên ngoài, thành sắc phi do thủ bên ngoài như là lửa củi, lửa miếng cây, lửa cỏ, lửa cứt bò, lửa con Trúc sát, lửa rác, lửa trời nhoảng, sự nóng của lửa, sự nóng của mặt trời, sự nóng của đống củi, sự nóng của đống cỏ, sự nóng của đống lúa, sự nóng của đống tro hay là sự nóng, cách nóng, sự ấm, cách ấm, sự ôn, cách ôn thành bên ngoài, thành sắc phi do thủ bên ngoài, dù có như thế nào khác, đây gọi là hỏa chất ngoại.

Hỏa chất nội và hỏa chất ngoại hai thứ ấy gồm chung lại một gọi là hỏa chất *(tejodhātu).*

118.

***Phong chất** đó ra sao?* Phong chất có hai thứ như là phong chất nội và phong chất ngoại.

- ***Phong chất nội** đó ra sao?* Sự phất qua, cách phất lại, sự căng thẳng của sắc thành tự bên trong phần ta, thành sắc do thủ bên trong như là gió phất, gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong bụng, gió trong ruột, gió khắp mình, gió vũ khí, gió dao cạo, gió thổi qua trái tim, gió thở vô, gió thở ra hay là sự phất qua lại, cách phất qua lại, sự căng thẳng trong phần ta thành sắc do thủ, dù cách nào khác có như thế, đây gọi là phong chất nội.
- ***Phong chất ngoại** đó ra sao?* Sự phất qua lại, cách phất qua lại, sự căng thẳng của sắc thành ngoại, thành sắc bên ngoài phi do thủ như là gió đông, gió tây, gió nam, gió bắc, gió cuốn bụi, gió không cuốn bụi, gió lạnh, gió nóng, gió mềm, gió cứng, gió thấp, gió cao, gió cánh chim, gió chim đại bàng, gió lá đường, gió miệng thổi hay là sự phất qua lại, cách phất qua lại, sự căng thẳng của sắc bên ngoài thành sắc ngoại phi do thủ bên ngoài, dù cách nào khác có như thế, đây gọi là phong chất ngoại.

Phong chất nội và phong chất ngoại, hai thứ đó gom chung lại một gọi là phong chất.

119.

***Hư không chất** đó ra sao?* Hư không chất có hai thứ như là hư không chất nội và hư không chất ngoại.

- ***Hư không chất nội** đó ra sao?* Hư không trống rỗng, tư cách gọi là hư không, sự trống không, tư cách gọi là sự trống không, lỗ trống, tư cách gọi là lỗ trống, chỗ mà máu và thịt không đụng chạm là phần trong ta thành sắc nội do thủ như là lỗ tai, lỗ mũi, lỗ miệng, lỗ cuống họng, lỗ nuốt đồ ăn, lỗ chứa đồ ăn uống và lỗ để cho đồ ăn uống chạy xuống. Hay là trống không, cách cho là trống không, sự trống không, cách cho là sự trống không, lỗ trống, cách cho là lỗ trống, chỗ mà thịt và máu không đụng chạm thuộc về phần ta thành sắc nội do thủ. Dù có như thế nào khác đây gọi là hư không chất nội.
- ***Hư không chất ngoại** đó ra sao?* Trống không, cách cho rằng trống không, sự trống không, cách cho rằng sự trống không, lỗ trống, cách cho rằng lỗ trống, chỗ mà sắc tứ đại sung không đụng chạm là bên ngoài, thành sắc ngoại phi do thủ. Dù có như thế nào khác đây gọi là hư không chất ngoại.

Hư không chất nội và hư không chất ngoại gom cả hai thứ ấy chung lại một gọi là hư không chất.

120.

Thức chất *đó ra sao?* Nhãn thức chất, nhĩ thức chất, tỷ thức chất, thiệt thức chất, thân thức chất và ý thức chất. Đây gọi là thức chất.

Những chơn tướng nầy gọi là lục chất.

Lục chất - phần thứ hai

121.

Lục chất nữa như là lạc chất, khổ chất, hỷ chất, ưu chất, xả chất và vô minh chất.

- ***Lạc chất*** *đó ra sao?* Sự thích thân, sự sướng thân, sự hưởng cảnh thích sướng sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh thích sướng sanh từ thân xúc. Đây gọi là lạc chất.
- ***Khổ chất*** *đó ra sao?* Sự không thích thân, sự khổ thân, sự hưởng cảnh không thích hợp và khổ thân sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không thích hợp và khổ thân sanh từ thân xúc. Đây gọi là khổ chất.
- ***Hỷ chất*** *đó ra sao?* Sự thích hợp tâm, sự vui lòng, sự hưởng cảnh thích hợp của tâm và sự vui lòng sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh thích hợp của tâm và sự vui lòng sanh từ ý xúc. Đây gọi là hỷ chất.
- ***Ưu chất*** *đó ra sao?* Sự không thích hợp tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không thích hợp của tâm và sự khổ tâm sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không thích hợp của tâm và sự khổ tâm sanh từ ý xúc. Đây gọi là ưu chất.
- ***Xả chất*** *đó ra sao?* Sự hưởng cảnh phi vui, phi buồn, phi khổ, phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh phi khổ, phi lạc, phi vui, phi buồn sanh từ ý xúc. Đây gọi là xả chất.
- ***Vô minh chất*** *đó ra sao?* Sự bất tri, sự bất kiến… như cây gỗ tức là vô minh, căn bất thiện tức là si. Đây gọi là vô minh chất.

  Những chơn tướng nầy gọi là lục chất.

Lục chất - phần thứ ba

122.

Lục chất khác nữa như là dục chất, sân độc chất, ác độc chất, ly dục chất, vô sân độc chất và vô ác độc chất.

- ***Dục chất*** *đó ra sao?* Sự mong mỏi, sự quá mong mỏi, sự nghĩ ngợi mà hiệp với dục, sự mà tâm dựa vào cảnh, sự mà tâm khắn khít vào cảnh, sự đem tâm đến cảnh, tà tư duy. Đây gọi là dục chất. Phía dưới có Ngục vô gián là chỗ tột, phía trên có Tha Hóa Tự Tại thiên là chỗ tột. Uẩn, xứ, giới, sắc, thọ, tưởng, hành, thức luân chuyển trong ấy, liên quan trong ấy. Đây gọi là dục chất.
- ***Sân độc chất*** *đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi, cách rất nghĩ ngợi mà hiệp với sân độc… tà tư duy. Đây gọi là sân độc chất.
  Một cách nữa, sự mà tâm thù oán trong mười thứ thù oán, sự thù oán mạnh, sự đụng chạm, sự bực bội, sự tức giận, sự lừng lẫy, sự rất lừng lẫy, sự tính ác độc, sự tính rất

độc ác độc, sự tính độc ác tột bực, cách tâm sân độc, cách tâm rất ác độc, cách sân giận, thái độ sân giận, trạng thái sân giậnsự tính độc ác, thái độ tính độc ác, trạng thái tính độc ác, sự sân độc, thái độ sân độc, trạng thái sân độc, sự giận hờn, sự ác xấu, cách nói không ra, tâm không ưa thích, đây gọi là sân độc chất.

- ***Ác độc chất** đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi mà hiệp với ác độc… tà tư duy. Đây gọi là ác độc chất. Cũng có người trong đời nầy vẫn ép uổng chúng sanh bằng một cách nào với những vật chất như là bàn tay, cục đất, khúc cây, khí giới, hoặc dây, sự xâm lăng, thái độ xâm lăng, sự ép uổng, thái độ ép uổng, sự kích nộ, sự cừu hận, sự rất ép uổng người khác hiện thấy như thế. Đây gọi là ác độc chất.
- ***Ly dục chất** đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi mà hiệp với ly dục… chánh tư duy, đây gọi là ly dục chất. Dù cho tất cả pháp thiện. Đây gọi là ly dục chất.
- ***Vô sân độc chất** đó ra sao?* Sự suy xét, rất suy xét, mà hiệp với sự không sân độc… chánh tư duy, đây gọi là vô sân độc chất. Sự có bạn tốt, thái độ có bạn tốt, trạng thái có bạn tốt đối cả chúng sanh tâm từ siêu thoát. Đây gọi là vô sân độc chất.
- ***Vô ác độc chất** đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi mà hiệp với vô ác độc. Sự suy xét, sự tâm dựa vào cảnh chặt chẽ, sự đem tâm đến cảnh, chánh tư duy, đây gọi là vô sân độc chất. Sự bi, thái độ bi, trạng thái bi, tâm bi siêu thoát đối với chúng sanh. Đây gọi là vô ác độc chất.

Những chơn tướng nầy gọi là lục chất.

123.

Phần lục chất có 6, cả ba phần lục chất này yếu hiệp gồm chung lại một thành mười tám theo cách như đây.

Dứt chất phân tích phần phân theo Kinh

B. CHẤT PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP

124.

Thập bát giới như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới.

125.

* ***Nhãn giới** đó ra sao?* Nhãn nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… cũng kêu nhà không, đây gọi là nhãn giới.
* ***Sắc giới** đó ra sao?* Sắc nào nương tứ đại sung tức là các màu… hoặc kêu là sắc chất. Đây gọi là sắc giới.
* ***Nhãn thức giới** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, nhãn thức giới đều từ nương thần kinh nhãn và cảnh sắc sanh ra. Đây gọi là nhãn thức giới.

126.

* ***Nhĩ giới** đó ra sao?* Nhĩ nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại minh… cũng kêu là nhà trống. Đây gọi là nhĩ giới.
* ***Thinh giới** đó ra sao?* Thinh nào nương sắc tứ đại minh vô kiến hữu đối chiếu… hoặc kêu là thinh chất. Đây gọi là thinh giới.

* ***Nhĩ thức giới** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, nhĩ thức giới đều từ nơi nương thần kinh nhĩ và cảnh thinh sanh ra. Đây gọi là nhĩ thức giới.

127.

* ***Tỷ giới** đó ra sao?* Tỷ nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại minh… cũng kêu nhà không, đây gọi là tỷ giới.
* ***Khí giới** đó ra sao?* Khí nào nương sắc tứ đại sung sanh ra mà bất kiến vô đối chiếu… hoặc kêu khí chất. Đây gọi là khí giới.
* ***Tỷ thức giới** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, tỷ thức giới đều từ nơi nương thần kinh tỷ và cảnh khí sanh ra. Đây gọi là tỷ thức giới.

128.

* ***Thiệt giới** đó ra sao?* Thiệt nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại minh sanh ra… hoặc kêu nhà không. Đây gọi là thiệt giới.
* ***Vị giới** đó ra sao?* Vị nào nương sắc tứ đại minh bất kiến hữu đối chiếu… hoặc kêu vị chất. Đây gọi là vị giới.
* ***Thiệt thức giới** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, thiệt thức giới đều từ nơi nương thần kinh thiệt và cảnh vị sanh ra. Đây gọi là thiệt thức giới.

129.

* ***Thân giới** đó ra sao?* Thân nào thành sắc thần kinh nương sắc tứ đại minh… cũng kêu nhà không. Đây gọi là thân giới.
* ***Xúc giới** đó ra sao?* Địa chất… hoặc kêu xúc chất. Đây gọi là xúc giới.
* ***Thân thức giới** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, thân thức giới đều từ nơi nương thần kinh thân và cảnh xúc sanh ra. Đây gọi là thân thức giới.

130.

* ***Ý giới** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, ý giới đều từ nơi thứ lớp đã diệt, sẽ sanh hằng không xen hở gián đoạn đối với nhãn thức… đối với nhĩ thức… đối với tỷ thức… đối với thiệt thức… tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, ý giới, đều từ nơi thứ lớp diệt trước sanh sau của thân thức. Hay là sơ thâu thập cảnh trong các pháp. Đây gọi là ý giới.
* ***Pháp giới** đó ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, sắc bất kiến và vô đối chiếu liên quan trong pháp xứ và vô vi giới.
    - ***Thọ uẩn** đó ra sao?* Thọ uẩn phân phần thành một, tức là thọ uẩn tương ưng xúc. Thọ uẩn phân phần thành hai như là thọ uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Thọ uẩn phân phần thành ba như là thọ uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… Thọ uẩn phân phần thành nhiều thứ theo như cách nầy. Đây gọi là thọ uẩn.
    - ***Tưởng uẩn** đó ra sao?* Tưởng uẩn phân phần thành một tức là tưởng uẩn tương ưng xúc. Tưởng uẩn phân phần thành hai như là tưởng uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Tưởng uẩn phân phần thành ba như là tưởng uẩn thành thiện, thành bất thiện,

thành vô ký… Tưởng uẩn phân phần thành nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là tưởng uẩn.

- ***Hành uẩn** đó ra sao?* Hành uẩn phân phần thành một tức là hành uẩn tương ưng tâm. Hành uẩn phân phần thành hai như là hành uẩn thành hữu nhân, thành vô nhân. Hành uẩn phân phần thành ba như là hành uẩn thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký… hành uẩn phân phần nhiều thứ bằng cách như thế. Đây gọi là hành uẩn.
- ***Sắc bất kiến vô đối chiếu** liên quan trong pháp xứ đó ra sao?* Nữ quyền… Đoàn thực. Đây gọi là sắc bất kiến vô đối chiếu liên quan trong pháp xứ.
- ***Vô vi giới** đó ra sao?* Sự hết ái, hết sân, hết si. Đây gọi là vô vi giới.

Những chơn tướng nầy gọi là pháp giới.

∗ ***Ý thức giới** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… ý thức giới đều từ nơi nương diệt trước sanh sau của nhãn thức giới… nhĩ thức giới… tỷ thức giới… thiệt thức giới… thân thức giới cho đến tâm, ý, tâm địa… ý thức giới đều từ nơi nương theo thứ lớp diệt trước sanh sau của ý giới. Hoặc nữa, tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý là ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, ý thức giới đều từ nơi nương ý giới và cảnh pháp sanh ra. Đây gọi là ý thức giới.

Dứt Chất phân tích phần phân theo Diệu Pháp

C. CHẤT PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

131.

Thập bát giới như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới và ý thức giới.

ĐÁP ĐẦU ĐỀ TAM ĐÁP ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong thập bát giới mà giới nào thành thiện, giới nào thành bất thiện, giới nào thành vô ký… cho đến giới nào thành hữu y, giới nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

132.

∗ Thập lục giới thành vô ký. Nhị giới thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.

∗ Thập giới không nên nói có thể thành tương ưng lạc thọ, tương ưng khổ thọ, tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Ngũ giới thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Thân thức giới thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, ý thức giới thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có, pháp giới thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có; mà không nên nói có thể thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.

∗ Thập giới thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Ngũ giới thành dị thục quả. Ý giới thành dị thục quả cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Nhị

giới thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

* Thập giới thành do thủ cảnh thủ. Thinh giới thành phi do thủ cảnh thủ. Ngũ giới thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có. Nhị giới thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.

* Thập lục giới thành phi phiền toái cảnh phiền não. Nhị giới thành phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.

* Thập ngũ giới thành vô tầm, vô tứ. Ý giới thành hữu tầm hữu tứ. Ý thức giới thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Pháp giới thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có; cũng không nên nói có thể thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ và thành vô tầm vô tứ.

* Thập giới không nên nói có thể thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả. Ngũ giới thành đồng sanh xả. Thân thức giới thành phi đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả; không nên nói thành đồng sanh lạc cũng có. Nhị giới thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có; không nên nói có thể thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành đồng sanh xả.

* Thập lục giới thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị giới thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Thập lục giới thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị giới thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Thập lục giới thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Nhị giới thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.

* Thập lục giới thành phi hữu học phi vô học. Nhị giới thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.

* Thập lục giới thành pháp hy thiểu. Nhị giới thành pháp hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.

* Thập giới thành bất tri cảnh. Lục giới thành tri pháp hy thiểu. Nhị giới thành tri pháp hy thiểu cũng có, thành tri pháp đáo đại cũng có, thành tri pháp vô lượng cũng có; không nên nói có thể thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại, thành tri cảnh vô lượng cũng có.

* Thập lục giới thành pháp trung bình. Nhị giới thành pháp ty hạ cũng có, thành pháp trung bình cũng có, thành pháp tinh lương cũng có.

* Thập lục giới thành pháp bất định. Nhị giới thành tà nhất định cũng có, thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.

* Thập giới thành bất tri cảnh. Lục giới không nên nói có thể thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân, thành đạo là trưởng. Nhị giới thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không nên nói có thể thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân, thành đạo là trưởng cũng có.

* Thập giới thành sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có, không nên nói thành phi sanh tồn. Thinh giới thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có; không nên nói thành sẽ sanh. Lục giới thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có. Pháp giới thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có; không nên nói có thể thành sanh tồn, thành phi sanh tồn hay thành sẽ sanh cũng có.

* Thập thất giới thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Pháp giới thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có; không nên nói có thể thành quá khứ, thành vị lai hay thành hiện tại cũng có.

* Thập giới thành bất tri cảnh. Lục giới thành biết cảnh hiện tại. Nhị giới thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có; không nên nói có thể thành biết cảnh quá khứ, thành biết cảnh vị lai, thành biết cảnh hiện tại cũng có.

* Thập bát giới thành bên trong cũng có, thành bên ngoài cũng có, thành bên trong và bên ngoài cũng có.

* Thập giới thành bất tri cảnh. Lục giới thành biết cảnh bên trong cũng có, thành biết cảnh bên ngoài cũng có, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có. Nhị giới thành biết cảnh bên trong cũng có, thành biết cảnh bên ngoài cũng có, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có; nhưng không nên nói thành biết cảnh bên trong, thành biết cảnh bên ngoài, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có.

Sắc giới thành hữu kiến hữu đối chiếu. Cửu giới thành vô kiến hữu đối chiếu. Bát giới thành vô kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân (hetugocchaka)

133.

* Thập thất giới thành phi nhân. Bát giới thành nhân cũng có, thành phi nhân cũng có.

* Thập lục giới thành vô nhân. Nhị giới thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.

* Thập lục giới thành bất tương ưng nhân. Nhị giới thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.

* Thập lục giới không đặng nói tuy nhiên thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân. Ý thức giới không đặng nói thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân cũng có; nhưng không nên nói thành hữu nhân phi nhân cũng có. Pháp giới thành nhân hữu nhân cũng có, thành hữu nhân phi nhân cũng có, nhưng không nên nói thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân cũng có.

* Thập lục giới không đặng nói thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân. Ý thức giới không đặng nói thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương

ưng nhân cũng có, không đặng nói thành phi nhân tương ưng nhân cũng có. Pháp giới thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có; nhưng không đặng nói tuy nhiên thành nhân tương ưng nhân hay thành phi nhân tương ưng nhân.

* Thập lục giới thành phi nhân vô nhân. Ý thức giới thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có. Pháp giới thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có; nhưng không đặng nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh (cūlantaraduka)

134.

* Thập thất giới thành hữu duyên. Pháp giới thành hữu duyên cũng có, thành vô duyên cũng có.
* Thập thất giới thành hữu vi. Pháp giới thành hữu vi cũng có, thành vô vi cũng có.
* Thập thất giới thành bất kiến. Sắc giới thành hữu kiến.
* Thập giới thành hữu đối chiếu. Bát giới thành vô đối chiếu.
* Thập giới thành sắc. Thất giới thành phi sắc. Pháp giới thành sắc cũng có, thành phi sắc cũng có.
* Thập lục giới thành hiệp thế. Nhị giới thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
* Thập bát giới thành có tâm biết đặng, thành có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu (āsavagocchaka)

135.

* Thập thất giới thành phi lậu. Pháp giới thành lậu cũng có, thành phi lậu cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh lậu. Nhị giới thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng lậu. Nhị giới thành tương ưng lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu cũng có.
* Thập lục giới không đặng nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Ý thức giới không thể nói thành lậu cảnh lậu, mà thành phi lậu cảnh lậu cũng có, cũng không thể nói thành phi lậu cảnh lậu. Pháp giới thành lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu cảnh lậu cũng có, nhưng không đặng nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu.
* Thập lục giới không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Ý thức giới không thể nói thành lậu tương ưng lậu, mà thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; nhưng không thể nói thành phi lậu tương ưng lậu cũng có. Pháp giới thành lậu tương ưng lậu cũng có, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có, nhưng không đặng nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Thập lục giới thành lậu bất tương ưng lậu. Nhị giới thành lậu bất tương ưng lậu cũng có, thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có, nhưng không đặng nói thành lậu bất tương ưng lậu hay thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có.

iv. Đáp phần chùm triền (saṃyojanagocchaka)

136.

* Thập thất giới thành phi triền. Pháp giới thành triền cũng có, thành phi triền cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh triền. Nhị giới thành cảnh triền cũng có, thành phi cảnh triền cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng triền. Nhị giới thành tương ưng triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành triền cảnh triền hay thành phi triền cảnh triền. Ý thức giới không thể nói thành triền cảnh triền hay thành phi triền cảnh triền cũng có, không thể nói thành phi triền cảnh triền cũng có. Pháp giới thành triền cảnh triền cũng có, thành phi triền cảnh triền cũng có, không thể nói thành triền cảnh triền hay thành phi triền cảnh triền cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền. Ý thức giới không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền; cũng không thể nói thành phi triền tương ưng triền cũng có. Pháp giới thành triền tương ưng triền cũng có, thành phi triền tương ưng triền cũng có, không thể nói tuy nhiên thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng triền mà cảnh triền. Nhị giới thành bất tương ưng triền mà cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có, không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng triền mà cảnh triền hay thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có.

v. Đáp phần chùm phược (ganthagocchaka)

137.

* Thập thất giới thành phi phược. Pháp giới thành phược cũng có, thành phi phược cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh phược. Nhị giới thành cảnh phược cũng có, thành phi cảnh phược cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng phược. Nhị giới thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Thập lục giới không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược. Ý thức giới không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược cũng có, nhưng không thể nói thành phi phược cảnh phược cũng có. Pháp giới thành phược cảnh phược cũng có, thành phi phược cảnh phược cũng có, nhưng không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược.
* Thập lục giới không nên nói tuy nhiên thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược. Ý thức giới không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược cũng có, nhưng không nên nói thành phi phược tương ưng phược. Pháp giới thành phược tương ưng phược cũng có, thành phi phược tương ưng phược cũng có, nhưng không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược cũng có.

* Thập lục giới thành bất tương ưng phược cảnh phược. Nhị giới thành bất tương ưng phược cảnh phược cũng có, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có; không nên nói thành bất tương ưng phược cảnh phược hay thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có.

vi, vii, viii. Đáp phần chùm bộc (oghegocchaka ādi)

138.

* Thập thất giới thành phi bộc… thập thất giới thành phi phối… thập thất giới thành phi cái… pháp giới thành cái cũng có, thành phi cái cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh cái. Nhị giới thành cảnh cái cũng có, thành phi cảnh cái cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng cái. Nhị giới thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.
* Thập lục giới không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái. Ý thức giới không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái cũng có, không thể nói thành phi cái cảnh cái cũng có. Pháp giới thành cái cảnh cái cũng có, thành phi cái cảnh cái cũng có; không nên nói tuy nhiên thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái. Ý thức giới không nên nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái; cũng không nên nói thành phi cái tương ưng cái. Pháp giới thành cái tương ưng cái cũng có, thành phi cái tương ưng cái cũng có; không nên nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng cái mà cảnh cái. Nhị giới thành bất tương ưng cái mà cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có; không nên nói tuy nhiên thành cái bất tương ưng cái, thành phi cái bất tương ưng cái cũng có.

ix. Đáp phần chùm khinh thị (parāmāsagocchaka)

139.

* Thập thất giới thành phi khinh thị. Pháp giới thành khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh khinh thị. Nhị giới thành cảnh khinh thị cũng có, thành phi cảnh khinh thị cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng khinh thị. Ý thức giới thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có. Pháp giới thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có; không nên nói thành tương ưng khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị.
* Thập lục giới không nên nói thành khinh thị cảnh khinh thị, thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Ý thức giới không nên nói thành khinh thị cảnh khinh thị, mà thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có, không nên nói thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Pháp giới thành khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có; không nên nói tuy nhiên thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có.

∗ Thập lục giới thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị. Nhị giới thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có, không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có.

x. Đáp phần nhị đề đại (mahantaraduka)

140.

∗ Thập giới thành bất tri cảnh. Thất giới thành tri cảnh. Pháp giới thành tri cảnh cũng có, thành bất tri cảnh cũng có.

∗ Thập nhất giới thành phi tâm. Thất giới thành tâm.

∗ Thập thất giới thành phi sở hữu tâm. Pháp giới thành sở hữu tâm cũng có, thành phi sở hữu tâm cũng có.

∗ Thập giới thành bất tương ưng tâm. Pháp giới thành tương ưng tâm cũng có, thành bất tương ưng tâm cũng có. Thất giới không nên nói tuy nhiên thành tương ưng tâm hay thành bất tương ưng tâm.

∗ Thập giới thành không hòa với tâm. Pháp giới thành hòa với tâm cũng có, thành không hòa với tâm cũng có. Thất giới không thể nói tuy nhiên thành hòa với tâm hay thành không hòa với tâm.

∗ Thập nhị giới thành phi tâm làm sở y sinh. Lục giới thành nương tâm làm sở y sinh cũng có, thành phi nương tâm làm sở y sinh cũng có.

∗ Thập thất giới thành phi đồng còn với tâm. Pháp giới thành đồng còn với tâm cũng có, thành phi đồng còn với tâm cũng có.

∗ Thập thất giới thành phi tùng hành với tâm. Pháp giới thành tùng hành với tâm cũng có, thành phi tùng hành với tâm cũng có.

∗ Thập thất giới thành phi hòa phi nương tâm làm sở sanh. Pháp giới thành hòa với tâm nương tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi nương tâm làm sở sanh cũng có.

∗ Thập thất giới thành phi đồng tồn phi hòa phi có tâm làm sở sanh. Pháp giới thành hòa đồng tồn với tâm và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi đồng tồn phi hòa với tâm và phi có tâm làm sở sanh cũng có.

∗ Thập thất giới thành phi hòa phi tùng hành với tâm và phi có tâm làm sở sanh. Pháp giới thành tùng hành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi tùng hành với tâm và phi có tâm làm sở sanh cũng có.

∗ Thập nhị giới thành tự nội. Lục giới thành ngoại phần.

∗ Cửu giới thành thủ. Bát giới thành phi thủ. Pháp giới thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.

∗ Thập giới thành do thủ. Thinh giới thành phi do thủ. Thất giới thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ (upādānagocchaka)

141.

∗ Thập thất giới thành phi thủ. Pháp giới thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.

* Thập lục giới thành cảnh thủ. Nhị giới thành cảnh thủ cũng có, thành phi cảnh thủ cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng thủ. Nhị giới thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ. Ý thức giới không nên nói thành thủ cảnh thủ, mà thành phi thủ cảnh thủ cũng có. Pháp giới thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có, không nên nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ cũng có.
* Thập lục giới không thể nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ cũng có. Ý thức giới không nên nói thành thủ tương ưng thủ, mà thành phi thủ tương ưng thủ cũng có, nhưng không thể nói thành phi thủ tương ưng thủ cũng có. Pháp giới thành thủ tương ưng thủ cũng có, thành phi thủ tương ưng thủ cũng có, không đặng nói tuy nhiên thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng thủ cảnh thủ. Nhị giới thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có, không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng thủ cảnh thủ hay thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có.

xii. Đáp phần chùm phiền não (kilesagocchaka)

142.

* Thập thất giới thành phi phiền não. Pháp giới thành phiền não cũng có, thành phi phiền não cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh phiền não. Nhị giới thành cảnh phiền não cũng có, thành phi cảnh phiền não cũng có.
* Thập lục giới thành cảnh phiền toái. Nhị giới thành cảnh phiền toái cũng có, thành phi cảnh phiền toái cũng có.
* Thập lục giới thành bất tương ưng phiền não. Nhị giới thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não. Ý thức giới không nên nói thành phiền não cảnh phiền não, thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có, không thể nói thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có. Pháp giới thành phiền não cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có, không nên nói tuy nhiên thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có.
* Thập lục giới không nên nói thành phiền não cảnh phiền toái hay thành phi phiền não cảnh phiền toái. Ý thức giới không nên nói thành phiền não cảnh phiền toái, thành phi phiền não cảnh phiền toái cũng có; không nên nói thành phi phiền não cảnh phiền toái cũng có. Pháp giới thành phiền não cảnh phiền toái cũng có, thành phi phiền não cảnh phiền toái cũng có, không nên nói tuy nhiên thành phiền não cảnh phiền toái, thành phi phiền não cảnh phiền toái cũng có.
* Thập lục giới không nên nói dĩ nhiên thành phiền não tương ưng phiền não, thành phi phiền não tương ưng phiền não. Ý thức giới không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có; không thể nói thành phi

phiền não tương ưng phiền não cũng có. Pháp giới thành phiền não tương ưng phiền não cũng có, thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành phiền não tương ưng phiền não hay thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có.

* Thập lục giới thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não. Nhị giới thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có; không nên nói tuy nhiên thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối (piṭṭhiduka)

143.

* Thập lục giới thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Nhị giới thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập lục giới thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị giới thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập lục giới thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. Nhị giới thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập lục giới thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị giới thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập ngũ giới thành vô tầm. Ý thức giới thành hữu tầm. Nhị giới thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Thập ngũ giới thành vô tứ. Ý giới thành hữu tứ. Nhị giới thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Thập lục giới thành vô hỷ. Nhị giới thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Thập lục giới thành phi đồng sanh hỷ. Nhị giới thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Thập ngũ giới thành phi đồng sanh lạc. Tam giới thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Thập nhứt giới thành phi đồng sanh xả. Ngũ giới thành đồng sanh xả. Nhị giới thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Thập lục giới thành Dục giới. Nhị giới thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Thập lục giới thành phi Sắc giới. Nhị giới thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* Thập lục giới thành phi Vô sắc giới. Nhị giới thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Thập lục giới thành liên quan luân hồi. Nhị giới thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Thập lục giới thành bất định. Nhị giới thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.

* Thập lục giới thành hữu thượng. Nhị giới thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.

* Thập lục giới thành vô y. Nhị giới thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có như thế vậy.

Dứt Phần vấn đáp.
Đầy đủ Giới phân tích.

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN IV - ĐẾ PHÂN TÍCH *(Saccavibhaṅga)*

A. ĐẾ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO KINH

144.

Tứ thánh đế như là khổ thánh đế, khổ tập thánh đế, khổ diệt thánh đế, khổ diệt tiến hành thánh đế.

1) Khổ thánh đế

145.

***Khổ thánh đế** đó ra sao?* Sanh khổ, già khổ, tử khổ, sầu, khóc, khổ, ưu, ai, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, cầu bất đắc khổ, tóm tắt ngũ thủ uẩn khổ.

146.

***Sanh** đó ra sao?* Sự sanh, cách sanh hoàn toàn, thái độ lướt xuống sanh ra riêng biệt, sự hiện bày của uẩn, sự đặng xứ, trong mỗi chúng sanh, của những chúng sanh. Dù thế nào đây gọi là sanh.

147.

***Lão** đó ra sao?* Sự già cả, cách cũ kỹ, sự răng rụng, cách tóc bạc, sự da nhăn, sự bớt thọ, cách chín mùi của thân thể trong mỗi chúng sanh, của mỗi chúng sanh. Dù như như thế nào đây gọi là lão.

148.

***Tử** đó ra sao?* Sự biến đổi, trạng thái di động, sự hư hoại, cách tiêu mất, tử vong, sự chết, sự quá vãng, sự tan rã uẩn, sự bỏ xác, dứt mạng sống lìa mỗi chúng sanh, của những chúng sanh đó như thế nào, đây gọi là tử.

149.

***Sầu** đó ra sao?* Sự buồn bực, thái độ buồn bực, trạng thái buồn bực, sự sầu não, sự đốt lòng, sự buồn xo, sự khổ, cách héo bên trong của những người khi gặp thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dầu gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào như thế. Đây gọi là sầu.

150.

***Khóc** đó ra sao?* Sự khóc lóc, sự khóc than, thái độ khóc, thái độ khóc than, trạng thái khóc, trạng thái khóc than, sự kêu oan, sự loạn ngữ, sự thút thít, sự ấm ức, thái độ ấm ức, trạng thái tức tưởi của người gặp lúc thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dầu gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào, đây gọi là khóc.

151.

***Khổ** đó ra sao?* Sự không vui thích thân, sự khổ thân, sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không vui sướng thành khổ sanh từ thân xúc, dù thế nào đây gọi là khổ.

152.

***Ưu** đó ra sao?* Sự không vui tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ tâm sanh từ ý xúc, dù như thế nào đây gọi là ưu.

153.

***Ai** đó ra sao?* Sự thương thảm, cách thương thảm, trạng thái thương tiếc, cách thương tiếc của người gặp thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù gặp trong cách nào hay bị một nhân khổ nào như thế, đây gọi là ai.

154.

***Oán tăng hội khổ** đó ra sao?* Sự đi chung, sự đến chung, sự ở chung, sự hội hiệp với trường hợp không ưa thích, không yêu chuộng, lối không vừa lòng của trong đời như là sắc, thinh, khí, vị, xúc hoặc gặp những người tính sẽ tàn hại, tính sẽ phá lợi, tính sẽ phá sự an vui, sự sẽ làm ra tai nạn từ nơi hội hợp với họ như thế, đây gọi là oán tăng hội khổ.

155.

***Ái biệt ly khổ** đó ra sao?* Sự không đặng đi chung, không đặng đến chung, không đặng ở chung, không đặng hội hợp nhau với cảnh thích, thương yêu, vừa lòng của đời như là sắc, thinh, khí, vị, xúc hoặc đối với người yêu chuộng từ nơi sự tiến hóa, yêu chuộng với sự lợi ích, yêu chuộng với sự an vui, yêu chuộng với sự kính mến, mà ta bị xa lìa họ như là cha, mẹ, anh, chị, em, bậu bạn, quan hầu cận và bà con thân thích như thế, đây gọi là ái biệt ly khổ.

156.

***Cầu bất đắc khổ** đó ra sao?*

- Lẽ thường sự sanh ra đối với tất cả chúng sanh còn sanh nữa dĩ nhiên không thể khỏi, dù chúng ta muốn khỏi sanh nữa cũng chẳng đặng hay muốn sự sanh đừng đến cho chúng ta điều nầy không bao giờ đặng, như thế đây gọi là cầu bất đắc khổ.
- Lẽ thường, sự già cả đối với chúng sanh ai cũng chẳng muốn… nên mong rằng, sự già cả, đau đớn… cho đến sự chết chóc của chúng sanh… hay sự sầu, sự khóc lóc, sự khổ, sự ưu khổ, sự ai, sự oán-tăng hội khổ, sự biệt ly khổ vẫn đến cho tất cả chúng sanh dù mong mỏi cho đừng có như thế, điều nầy không như ý nguyện. Như thế gọi là cầu bất đắc khổ.

157.

*Tóm tắt **ngũ thủ uẩn** đó ra sao?* Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn, đây tóm tắt gọi là ngũ thủ uẩn thành khổ.

Những chơn tướng nầy gọi là khổ thánh đế.

2) Khổ tập thánh đế

158.

***Khổ tập thánh đế** đó ra sao?* Ái nào là nhân phát sanh đời mới, hiệp với sự vọng dục, vui thích, phơi phới với những cảnh tức là dục ái, sắc ái và ly sắc ái.

159.

∗ Cũng chính là sự ái nầy khi sanh phải sanh từ chỗ nào, khi đình trụ phải đình trụ chỗ ấy, sắc ái, sắc mãn ý nào vẫn có trong đời thì ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc ái, sắc mãn ý ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc ái, sắc mãn ý ấy.

∗ *Thế nào là **sắc ái, sắc mãn ý** trong đời?*

- Nhãn là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, thì ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi nhãn ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi nhãn ấy. Nhĩ… tỷ… thiệt… thân… ý thành sắc ái, sắc mãn ý trong đời thì ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi ý ấy, khi đình trụ cũng đình trụ từ nơi ý ấy.
- Sắc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc ấy. Thinh… khí… vị… xúc… cảnh pháp là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi cảnh pháp ấy, khi đình trụ cũng đình trụ từ nơi cảnh pháp ấy.

- Nhãn thức là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi nhãn thức ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi nhãn thức ấy. Nhĩ thức… tỷ thức… thiệt thức… thân thức… ý thức là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi ý thức ấy, khi đình trụ cũng đình trụ từ nơi ý thức ấy.
- Nhãn xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi nhãn xúc ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi nhãn xúc ấy. Nhĩ xúc… tỷ xúc… thiệt xúc… thân xúc… ý xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi ý xúc, khi đình trụ cũng đình trụ nơi ý xúc ấy.
- Thọ nhãn xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi thọ nhãn xúc ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi thọ nhãn xúc ấy. Thọ nhĩ xúc… thọ tỷ xúc… thọ thiệt xúc… thọ thân xúc… thọ ý xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi thọ ý xúc ấy, khi đình trụ cũng đình trụ từ nơi thọ ý xúc ấy.
- Sắc tưởng là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc tưởng ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc tưởng ấy. Thinh tưởng… khí tưởng… vị tưởng… xúc tưởng… pháp tưởng là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp tưởng ấy, khi trụ cũng trụ nơi pháp tưởng ấy.
- Sắc tư *(Rūpasañcetanā)* là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc tư ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc tư ấy. Thinh tư… khí tư… vị tư… xúc tư… pháp tư là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp tư ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi pháp tư ấy.
- Sắc dục *(Rūpataṅhā)* là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc dục, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc dục ấy. Thinh dục… khí dục… vị dục… xúc dục… pháp dục là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp dục ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi pháp dục ấy.
- Sắc tầm là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc tầm ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc tầm ấy. Thinh tầm… khí tầm… vị tầm… xúc tầm… pháp tầm là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp tầm ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi pháp tầm ấy.
- Sắc tứ là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi sắc tứ ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi sắc tứ ấy. Thinh tứ… khí tứ… vị tứ… xúc tứ… pháp tứ là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi sanh cũng sanh từ nơi pháp tứ ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi pháp tứ ấy.

Những chơn tướng nầy gọi là khổ tập thánh đế.

3) Khổ diệt thánh đế

160.

***Khổ diệt thánh đế** đó ra sao?* Sự mửa, sự tắc móc, cách buông ra, sự đưa khỏi, sự không dính dấp nơi ái như thế.

161.

* Cũng chính ái ấy mà khi dứt bỏ sẽ dứt bỏ nơi đâu? Khi diệt trừ phải diệt trừ nơi đâu?

Sắc ái, sắc mãn ý trong đời vẫn có, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc ái, sắc mãn ý, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc ái, sắc mãn ý ấy.

* Cái chi là sắc ái, sắc mãn ý trong đời?
  - Nhãn là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi nhãn ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi nhãn ấy. Nhĩ… tỷ… thiệt… thân… ý là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi ái ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi ý ấy.
  - Sắc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc ấy. Thinh… khí… vị… xúc… cảnh pháp là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi cảnh pháp ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi cảnh pháp ấy.
  - Nhãn thức là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi nhãn thức ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi nhãn thức ấy. Nhĩ thức… tỷ thức… thiệt thức… thân thức… ý thức là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi ý thức ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi ý thức ấy.
  - Nhãn xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi nhãn xúc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi nhãn xúc ấy. Nhĩ xúc… tỷ xúc… thiệt xúc… thân xúc… ý xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi ý xúc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi ý xúc ấy.
  - Thọ nhãn xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi thọ nhãn xúc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi thọ nhãn xúc ấy. Thọ nhĩ xúc… thọ tỷ xúc… thọ thiệt xúc… thọ thân xúc… thọ ý xúc là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi thọ ý xúc ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi thọ ý xúc ấy.
  - Sắc tưởng là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc tưởng ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc tưởng ấy. Thinh tưởng… khí tưởng… vị tưởng… xúc tưởng… pháp tưởng là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi pháp tưởng ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp tưởng ấy.
  - Sắc tư là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc tư ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc tư ấy. Thinh tư… khí tư… vị tư… xúc tư… pháp tư là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi pháp tư ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp tư ấy.
  - Sắc dục *(Rūpatanhā)* là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc dục ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc dục ấy. Thinh dục… khí dục… vị dục… xúc dục… pháp dục là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, pháp dục nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi pháp dục ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp dục ấy.
  - Sắc tầm là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ từ nơi sắc tầm ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc tầm ấy. Thinh tầm… khí tầm… vị tầm… xúc tầm… pháp tầm là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi pháp tầm ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp tầm ấy.
  - Sắc tứ là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi sắc tứ ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi sắc tứ ấy. Thinh tứ… khí tứ… vị tứ… xúc tứ… pháp tứ là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, ái nầy khi dứt bỏ cũng dứt bỏ nơi pháp tứ ấy, khi diệt trừ cũng diệt trừ nơi pháp tứ ấy.

Như thế đây gọi là khổ diệt thánh đế.

4) Thánh đế tiến hành nhân diệt khổ

162.

Thánh đế tiến hành nhân diệt khổ *ra sao?* Chính là Thánh đạo có tám chi như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

163.

Trong bát chi đạo mà chánh kiến *đó ra sao?* Sự hiểu trong khổ tập, sự hiểu trong khổ diệt, sự hiểu trong tiến hành nhân diệt khổ, như thế gọi là chánh kiến.

164.

Chánh tư duy *đó ra sao?* Sự nghĩ ngợi trong cách ly dục, sự suy xét trong cách không sân độc, sự suy nghĩ trong cách không ép uổng, như thế gọi là chánh tư duy.

165.

Chánh ngữ *đó ra sao?* Sự ngăn trừ cách vọng ngôn, sự ngăn trừ cách lưỡng thiệt, sự ngăn trừ cách ác khẩu, sự ngăn trừ cách ỷ ngữ, thế gọi là chánh ngữ.

166.

Chánh nghiệp *đó ra sao?* Sự ngăn trừ sát sanh, sự ngăn trừ trộm cướp, sự ngăn trừ tà dâm, thế gọi là chánh nghiệp.

167.

Chánh mạng *đó ra sao?* Bực Thánh tăng Phật Giáo đã dứt trừ tà nghiệp nuôi mạng bằng cách chơn chánh, thế gọi là chánh mạng.

168.

Chánh tinh tấn *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo làm cho sự vừa thích hợp phát sanh, siêng năng mở mối tinh tấn bảo vệ tâm vững vàng hầu ngăn ngừa tội ác chưa sanh không cho sanh… hầu chừa bỏ pháp tội ác đã từng sanh… hầu tạo pháp thiện chưa sanh đặng sanh làm cho sanh vừa thích hợp, siêng năng khởi điểm tinh tấn chăm nom tâm tánh đặng vững vàng hầu yên trụ không tán thất sự chú tâm, sự rộng rãi, sự tiến hóa, sự đầy đủ nơi pháp thiện đã từng sanh, thế gọi là chánh tinh tấn.

169.

Chánh niệm *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo bực hội hợp với sự tinh tấn, có lương tri, có tu niệm, hằng tỏ ngộ thấy thân trong thân, hạn chế tham ác và sân trong đời đặng rồi là bực hiệp với sự tinh tấn, có chánh niệm lương tri, thường quán thấy thọ trong thọ… bực hiệp với sự tinh tấn, có chánh niệm lương tri, thường quán thấy tâm trong tâm… bực hiệp với sự tinh tấn có chánh niệm lương tri, thường quán thấy pháp trong pháp, hạn chế tham ác và sân theo trong đời, đã bớt đặng; như thế gọi là chánh niệm.

170.

Chánh định *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo nầy thanh tịnh ly dục, vắng lặng, đã lìa những pháp bất thiện, chứng sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ nội tịch tịnh, đến chứng nhị thiền làm cho tâm càng thanh tịnh do vắng lặng tầm, tứ thành pháp phát khởi độc đoán bên trong tột không tầm, tứ, chỉ còn hỷ, lạc, sanh từ định do khai trừ hỷ được nữa mới thành bực có tâm xả, có chánh niệm lương tri và hưởng lạc bằng danh thân; chứng tam thiền là thiền của chư Thánh khen ngợi kẻ đắc như thế nầy là bực có tâm xả vẫn đặng chánh niệm an vui. Đắc chứng tứ thiền vô khổ lạc do trừ lạc khổ, vì trước kia hỷ ưu đã dứt tuyệt, có chánh niệm đầy đủ vẫn do xả, đây gọi là chánh định.

Như thế gọi là Thánh đế tiến hành nhân diệt khổ.

Dứt phần theo Kinh

B. ĐẾ PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Phần bát chi

171.

Tứ đế như là khổ, khổ tập, khổ diệt và tiến hành nhân diệt khổ.

172.

Trong tứ đế mà khổ tập *đó ra sao?* Ái dục *(taṅhā)* gọi là khổ tập.

173.

Khổ *đó ra sao?* Tất cả sắc pháp và pháp thành tố *(kiriyā) tư* thiện, tư bất thiện, quả nghiệp trong đời và tất cả pháp thiện, cả ba nhân thiện thuộc về cảnh lậu với phiền não, luôn với bất thiện ngoài ra tham, như thế gọi là khổ.

174.

Diệt đế *đó ra sao?* Cách trừ tuyệt dục *(taṅhā)*, đây gọi là diệt khổ.

175.

Tiến hành nhân diệt khổ *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ và lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc trì vẫn có trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy.

176.

Trong bát chi đạo mà chánh kiến *đó ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, sự lựa chọn pháp, sự hiểu thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh kiến.

177.

Chánh tư duy *đó ra sao?* Sự suy xét, cách rất suy xét… sự nghĩ ngợi đúng, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh tư duy.

178.

Chánh ngữ *đó ra sao?* Sự chừa, cách bỏ qua, tư *(cetanā)* là cơ quan chừa lìa tứ ác khẩu, thái độ không làm, cách không làm, cách không xâm phạm, sự không quá mức, thái độ hạn chế nguyên nhân tứ ác ngữ thành tứ chánh ngữ là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh ngữ.

179.

Chánh nghiệp *đó ra sao?* Cách ngăn, cách bỏ qua, cách chừa bỏ, tư là cơ quan chừa bỏ, xa lìa thân ác, thái độ không làm, cách không làm, cách không phạm, cách không quá cỡ, sự hạn chế nguyên nhân tam thân ác, việc làm chân chánh, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh nghiệp.

180.

Chánh mạng *đó ra sao?* Sự ngăn, cách chừa, thái độ dứt bỏ, tư ngăn trừ xa lìa tà mạng, cách không làm, thái độ không làm, lối chẳng phạm, cách không quá chừng, sự hạn chế nguyên nhân tà nghiệp mà nuôi mạng chơn chánh, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh mạng.

181.

Chánh tinh tấn *đó ra sao?* Cách mở mối tâm siêng năng… sự siêng năng chơn thật, cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh tinh tấn.

182.

Chánh niệm *đó ra sao?* Sự hằng nhớ… cách nhớ theo… nhớ bằng cách chơn chánh, cũng gọi niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh niệm.

183.

Chánh định *đó ra sao?* Sự đình trụ của tâm… tâm vững vàng bằng cách chơn chánh, cũng gọi định giác chi thuộc chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh định.

Đây gọi là tiến hành nhân diệt khổ, những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhân diệt khổ.

184.

Trong tứ đế mà tập khổ *đó ra sao?* Dục *(taṅhā)* cũng là phiền não lựa ra. Đây gọi là khổ tập.

185.

Khổ *đó ra sao?* Tất cả sắc pháp, pháp thành tố *(kiriyā)* phi quả phi thiện phi bất thiện, cả ba nhân thiện luôn cả pháp thiện thuộc về cảnh lậu và phiền não luôn bất thiện ngoài ra (tham), như thế đây gọi là khổ.

186.

Diệt khổ *đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục và phiền não ngoài ra, đây gọi là diệt khổ.

187.

Tiến hành nhân diệt khổ *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc nan trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành nhân diệt khổ, chư pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhân diệt khổ.

188.

Trong tứ đế mà tập khổ *đó ra sao?* Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng bất thiện lựa ra, đây gọi là khổ tập.

189.

Khổ *đó ra sao?* Tất cả sắc pháp tố *(kiriyā)* phi quả phi thiện phi bất thiện, cả ba nhân thiện luôn pháp thiện thuộc về cảnh lậu và phiền não luôn bất thiện trừ ra tham, như thế đây gọi là khổ.

190.

Diệt khổ *đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục, phiền não dư ra và pháp bất thiện dư ra, đây gọi là diệt khổ.

191.

Tiến hành nhân diệt khổ *đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc nan trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Chư pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhân diệt khổ.

192.

Trong tứ đế mà khổ tập *đó ra sao?* Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng là bất thiện lựa ra, cũng đồng cảnh lậu với ba nhân thiện hiệp thế mà trích ra, đây gọi là khổ tập.

193.

***Khổ** đó ra sao?* Pháp thiện thành cảnh của lậu mà ngoài ra, dị thục quả thiện và bất thiện mà thành cảnh của lậu và pháp thành tố *(kiriyā)* phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả với tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

194.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục và phiền não bất thiện còn dư, luôn cả ba nhân thiện thành cảnh của lậu, đây gọi là diệt khổ.

195.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ.

196.

***Trong tứ đế mà khổ tập** đó ra sao?* Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng là bất thiện lựa ra, cũng đồng cảnh lậu với ba nhân thiện và pháp thiện hiệp thế mà trích ra, đây gọi là khổ tập.

197.

***Khổ** đó ra sao?* Dị thục quả của thiện và bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

198.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục, phiền não bất thiện ngoài ra, luôn nhân thiện thuộc cảnh lậu và thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi là diệt khổ.

199.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh *(viveka)* mà hành nan đắc trì trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ.

2) Phần ngũ chi đạo *(pañcaṅgikavāra)*

200.

Tứ đế là khổ, tập khổ, diệt khổ và tiến hành diệt khổ.

201.

***Trong tứ đế mà tập khổ** đó ra sao?* Dục *(taṅhā)* đây gọi là tập khổ.

202.

***Khổ** đó ra sao?* Phiền não ngoài ra, bất thiện ngoài ra, ba nhân thiện cảnh lậu, pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, dị thục quả của thiện và bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả với tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

203.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục, đây gọi là diệt khổ.

204.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc trì trong khi nào

thì ngũ chi đạo như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định vẫn có trong khi ấy.

205.

***Trong ngũ chi đạo mà chánh kiến** ra sao?* Tuệ hay thái độ rõ thấu… sự không mê mờ, sự trạch pháp, sự nhận thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh kiến.

206.

***Chánh tư duy** đó ra sao?* Sự suy xét, sự rất suy xét, cách nghĩ ngợi… thành chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh tư duy.

207.

***Chánh tinh tấn** trong khi có ra sao?* Cách mở mối siêng năng… sự cần đúng, cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh tinh tấn.

208.

***Chánh niệm** trong khi có ra sao?* Sự nhớ đặng, cách thường niệm, phụ niệm… sự nhớ đúng, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh niệm.

209.

***Chánh định** đó ra sao?* Sự đình trụ của tâm… sự tâm vững vàng đứng đắn, định giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, dù thế nào đây gọi là chánh định.

Như thế gọi là tiến hành diệt khổ. Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ…

210.

***Trong tứ đế mà tập khổ** đó ra sao?* Dục, phiền não và bất thiện ngoài ra ba nhân thiện thuộc cảnh lậu, pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi là tập khổ.

211.

***Khổ** đó ra sao?* Dị thục quả của thiện và bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện, bất thiện, phi dị thục quả, cùng tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

212.

***Diệt khổ** trong khi có ra sao?* Cách tuyệt trừ dục và phiền não bất thiện ngoài ra ba nhân thiện thuộc cảnh lậu và pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi là diệt khổ.

213.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc nan trong khi nào thì năm chi đạo như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là tiến hành diệt khổ.
Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ.

3) Phần tất cả chi *(sabbasaṅgāhikavāra)*

214.

Tứ đế như là khổ, tập khổ, diệt khổ, tiến hành diệt khổ.

215.

***Trong tứ đế mà tập khổ** ra sao?* Dục *(taṅhā)*, đây gọi là tập khổ.

216.

***Khổ** đó ra sao?* Phiền não, bất thiện ngoài ra, ba nhân thiện thuộc cảnh lậu, pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, dị thục quả của thiện, bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện phi dị thục quả, tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

217.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách trừ tuyệt dục *(taṅhā)*. Đây gọi là diệt khổ.

218.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ vắng lặng mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Đây gọi là tiến hành diệt khổ…

219.

***Tập khổ** đó ra sao?* Dục, phiền não bất thiện ngoài ra, ba nhân thiện thuộc cảnh lậu, pháp thiện thành cảnh lậu ngoài ra. Đây gọi là tập khổ.

220.

***Khổ** đó ra sao?* Dị thục quả của thiện, bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, tất cả sắc pháp. Đây gọi là khổ.

221.

***Diệt khổ** đó ra sao?* Cách tuyệt trừ dục, phiền não bất thiện ngoài ra, ba nhân thiện thuộc cảnh lậu và pháp thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi là diệt khổ.

222.

***Tiến hành diệt khổ** đó ra sao?* Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo, đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ vắng lặng mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Dứt chia theo Diệu Pháp

C. ĐẾ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

223.

Tứ thánh đế là khổ thánh đế, tập thánh đế, diệt thánh đế, đạo thánh đế.

ĐÁP ĐẦU ĐỀ TAM ĐÁP ĐẦU ĐỀ NHỊ

Tứ thánh đế thành thiện, thành bất thiện, thành vô ký *đó ra sao?*… thánh đế thành hữu y, thành vô y *đó ra sao?*

1) Đáp theo đầu đề tam

224.

* Tập đế thành bất thiện. Đạo đế thành thiện. Diệt đế thành vô ký. Khổ đế thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Nhị đế thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có. Diệt đế không thể nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Khổ đế thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ hay thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* Nhị đế thành pháp dị thục nhân. Diệt đế thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Khổ đế thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

* Tập đế thành phi do thủ mà cảnh thủ. Nhị đế thành phi do thủ phi cảnh thủ. Khổ đế thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có.

* Tập đế thành phiền toái cảnh phiền não. Nhị đế thành phi phiền toái phi cảnh phiền não. Khổ đế thành phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có.

* Tập đế thành hữu tầm hữu tứ. Diệt đế thành vô tầm vô tứ. Đạo đế thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Khổ đế thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có; không thể nói thành hữu tầm hữu tứ, thành vô tầm hữu tứ, thành vô tầm vô tứ cũng có.

* Nhị đế thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có. Diệt đế không thể nói thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc hay thành đồng sanh xả. Khổ đế thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có, không nên nói thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc hay thành đồng sanh xả.

* Nhị đế thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ. Tập đế thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, khổ đế thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Nhị đế thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tập đế thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có. Khổ đế thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Tập đế thành nhân sanh tử. Đạo đế thành nhân đến Níp-bàn. Diệt đế thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn. Khổ đế thành nhân sanh tử cũng có, thành phi nhân đến Níp-bàn cũng có.

* Đạo đế thành hữu học. Tam đế thành phi hữu học phi vô học.

* Tập đế thành pháp hy thiểu. Nhị đế thành pháp vô lượng. Khổ đế thành pháp hy thiểu cũng có, thành pháp đáo đại cũng có.

* Diệt đế thành bất tri cảnh. Đạo đế thành tri cảnh vô lượng, tập đế thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh đáo đại cũng có, nhưng không thành tri cảnh vô lượng; không thể nói thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại. Khổ đế thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh vô lượng cũng có; không nên nói thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại hay thành tri cảnh vô lượng cũng có.

* Tập đế thành ty hạ. Nhị đế thành tinh lương. Khổ đế thành ty hạ cũng có, thành trung bình cũng có.

* Diệt đế thành bất định. Đạo đế thành chánh nhất định. Nhị đế thành tà nhất định cũng có, thành bất định cũng có.

* Diệt đế thành bất tri cảnh. Tập đế không thể nói thành biết đạo là cảnh, thành đạo là nhân, vẫn thành đạo là trưởng. Đạo đế không thành biết đạo là cảnh, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không thể nói thành biết đạo là nhân, thành biết đạo là trưởng cũng có. Khổ đế thành biết đạo là cảnh cũng có, nhưng không thành biết đạo là nhân, mà thành biết đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành biết đạo là cảnh, thành biết đạo là trưởng cũng có.

* Nhị đế thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, không thể nói thành sẽ sanh. Diệt đế không nên nói thành sanh tồn, thành phi sanh tồn hay thành sẽ sanh. Khổ đế thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tam đế thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Diệt đế không thể nói thành quá khứ, thành vị lai hay thành hiện tại.
* Diệt đế thành bất tri cảnh. Đạo đế không thể nói thành biết cảnh quá khứ, thành biết cảnh vị lai hay biết cảnh hiện tại. Nhị đế thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có; không thể nói thành biết cảnh quá khứ, thành biết cảnh vị lai, thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* Diệt đế thành pháp bên ngoài. Tam đế thành pháp bên trong cũng có, thành pháp bên ngoài cũng có, thành bên trong và bên ngoài cũng có.
* Diệt đế thành bất tri cảnh. Đạo đế thành biết cảnh bên ngoài. Tập đế thành biết cảnh bên trong cũng có, thành biết cảnh bên ngoài cũng có, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có. Khổ đế thành biết cảnh bên trong cũng có, thành biết cảnh bên ngoài cũng có, thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có; không thể nói thành biết cảnh bên trong, thành biết cảnh bên ngoài hay thành biết cảnh bên trong và bên ngoài cũng có.
* Tam đế thành bất kiến vô đối chiếu. Khổ đế thành hữu kiến hữu đối chiếu cũng có, thành bất kiến hữu đối chiếu cũng có, thành bất kiến vô đối chiếu cũng có.

2) Đáp theo đầu đề nhị *(dukamātikā)*

i. Đáp phần chùm nhân (hetugocchaka)

225.

* Tập đế thành nhân. Diệt đế thành phi nhân. Nhị đế thành nhân cũng có, thành phi nhân cũng có.
* Nhị đế thành hữu nhân. Diệt đế thành vô nhân. Khổ đế thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.
* Nhị đế thành tương ưng nhân. Diệt đế thành bất tương ưng nhân. Khổ đế thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.
* Tập đế thành nhân hữu nhân. Diệt đế không thể nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân. Đạo đế thành nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân hữu nhân cũng có, không nên nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân.
* Tập đế thành nhân tương ưng nhân. Diệt đế không nên nói thành nhân tương ưng nhân cũng có hay thành phi nhân tương ưng nhân cũng có. Đạo đế thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có. Khổ đế thành nhân tương ưng nhân cũng có, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có; không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay thành phi nhân tương ưng nhân cũng có.
* Diệt đế thành phi nhân, thành vô nhân. Tập đế không thể nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân. Đạo đế thành phi nhân hữu nhân cũng có, không thể nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân cũng có. Khổ đế thành phi nhân

hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có; không nên nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân cũng có.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh (cūlantaraduka)

226.

* Tam đế thành hữu duyên. Diệt đế thành vô duyên.
* Tam đế thành hữu vi. Diệt đế thành vô vi.
* Tam đế thành kiến bất đắc. Khổ đế thành kiến đắc cũng có, thành kiến bất đắc cũng có.
* Tam đế thành vô đối chiếu. Khổ đế thành hữu đối chiếu cũng có, thành vô đối chiếu cũng có.
* Tam đế thành phi sắc. Khổ đế thành sắc (pháp) cũng có, thành phi sắc cũng có.
* Nhị đế thành hiệp thế. Nhị đế thành siêu thế.
* Tứ đế thành có tâm biết đặng, thành có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu (āsavagocchaka)

227.

* Tập đế thành lậu. Nhị đế thành phi lậu. Khổ đế thành lậu cũng có, thành phi lậu cũng có.
* Nhị đế thành cảnh lậu. Nhị đế thành phi cảnh lậu.
* Tập đế thành tương ưng lậu. Nhị đế thành bất tương ưng lậu. Khổ đế thành tương ưng lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu cũng có.
* Tập đế thành lậu cảnh lậu. Nhị đế không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Khổ đế thành lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu cảnh lậu cũng có.
* Tập đế thành lậu bất tương ưng lậu. Nhị đế không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Khổ đế thành lậu tương ưng lậu cũng có, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Nhị đế thành phi lậu bất tương ưng lậu. Tập đế không thể nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu hay thành phi lậu bất tương ưng lậu. Khổ đế thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, không thể nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu, hoặc thành bất tương ưng lậu phi lậu cũng có.

iv. Đáp phần chùm triền (saṃyojanagocchaka)

228.

* Tập đế thành triền. Nhị đế thành phi triền. Khổ đế thành triền cũng có, thành phi triền cũng có.
* Nhị đế thành cảnh triền. Nhị đế thành phi cảnh triền.
* Tập đế thành tương ưng triền. Nhị đế thành bất tương ưng triền. Khổ đế thành tương ưng triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Tập đế thành triền cảnh triền. Nhị đế không thể nói thành triền cảnh triền hay thành phi triền cảnh triền. Khổ đế thành triền cảnh triền cũng có, thành phi triền cảnh triền cũng có.

* Tập đế thành triền tương ưng triền. Nhị đế không nên nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền. Khổ đế thành triền tương ưng triền cũng có, thành phi triền tương ưng triền cũng có; không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền.
* Nhị đế thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Tập đế không nên nói thành bất tương ưng triền cảnh triền hay thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Khổ đế thành bất tương ưng triền cảnh triền cũng có, nhưng không đặng nói thành bất tương ưng triền cảnh triền, hoặc thành bất tương ưng triền phi cảnh triền.

v. Đáp phần chùm phược (ganthagocchaka)

229.

* Tập đế thành phược. Nhị đế thành phi phược. Khổ đế thành phược cũng có, thành phi phược cũng có.
* Nhị đế thành cảnh phược. Nhị đế thành phi cảnh phược.
* Nhị đế thành bất tương ưng phược. Nhị đế thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Tập đế thành phược cảnh phược. Nhị đế không đặng nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược. Khổ đế thành phược cảnh phược cũng có, thành phi phược cảnh phược cũng có.
* Tập đế thành phược tương ưng phược, không đặng nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược. Nhị đế không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược. Khổ đế thành phược tương ưng phược cũng có, thành phi phược tương ưng phược cũng có; không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược.
* Nhị đế thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Nhị đế thành bất tương ưng phược cảnh phược cũng có, không thể nói thành bất tương ưng phược cảnh phược hay thành bất tương ưng phược phi cảnh phược.

vi, vii, vii. Đáp phần chùm bộc (oghagocchaka ādi)

230.

* Tập đế thành bộc… tập đế thành phối… tập đế thành cái… nhị đế thành phi cái. Khổ đế thành cái cũng có, thành phi cái cũng có.
* Nhị đế thành cảnh cái. Nhị đế thành phi cảnh cái.
* Tập đế thành tương ưng cái. Nhị đế thành bất tương ưng cái. Khổ đế thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.
* Tập đế thành cái cảnh cái. Nhị đế không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái. Khổ đế thành cái cảnh cái cũng có, thành phi cái cảnh cái cũng có.
* Tập đế thành cái tương ưng cái. Nhị đế không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái. Khổ đế thành cái tương ưng cái cũng có, thành phi cái tương ưng cái cũng có; không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái.

* Nhị đế thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Tập đế không đặng nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Khổ đế thành bất tương ưng cái cảnh cái cũng có, không nên nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có.

ix. Đáp phần chùm khinh thị (parāmāsagocchaka)

231.

* Tam đế thành phi khinh thị. Khổ đế thành khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cũng có.
* Nhị đế thành cảnh khinh thị. Nhị đế thành phi cảnh khinh thị.
* Nhị đế thành bất tương ưng khinh thị. Tập đế thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có. Khổ đế thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có; không nên nói thành tương ưng khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị.
* Tập đế không đặng nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Nhị đế không nên nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Khổ đế thành khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có.
* Nhị đế thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị. Nhị đế thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, không nên nói thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.

x. Đáp phần nhị đề đại (mahantaraduka)

232.

* Nhị đế thành tri cảnh. Diệt đế thành bất tri cảnh. Khổ đế thành tri cảnh cũng có, thành bất tri cảnh cũng có.
* Tam đế thành phi tâm. Khổ đế thành tâm cũng có, thành phi tâm cũng có.
* Nhị đế thành sở hữu tâm. Diệt đế thành phi sở hữu tâm. Khổ đế thành sở hữu tâm cũng có, thành phi sở hữu tâm cũng có.
* Nhị đế thành tương ưng tâm. Diệt đế thành bất tương ưng tâm. Khổ đế thành tương ưng tâm cũng có, thành bất tương ưng tâm cũng có; không nên nói tuy nhiên thành tương ưng tâm hay thành bất tương ưng tâm cũng có.
* Nhị đế thành hòa hợp với tâm. Diệt đế thành bất hòa hợp với tâm. Khổ đế thành hòa hợp với tâm cũng có, thành bất hòa hợp với tâm cũng có; không nên nói thành hòa hợp với tâm hay thành bất hòa hợp với tâm cũng có.
* Nhị đế thành hữu tâm sở sanh. Diệt đế thành phi hữu tâm sở sanh. Khổ đế thành hữu tâm sở sanh cũng có, thành phi hữu tâm sở sanh cũng có.
* Nhị đế thành đồng sanh tồn tâm. Diệt đế thành phi đồng sanh tồn tâm. Khổ đế thành đồng sanh tồn tâm cũng có, thành phi đồng sanh tồn tâm cũng có.
* Nhị đế thành tùng tâm thông lưu. Diệt đế thành phi tùng tâm thông lưu. Khổ đế thành tùng tâm thông lưu cũng có, thành phi tùng tâm thông lưu cũng có.

* Nhị đế thành hòa với tâm có tâm làm sở sanh. Diệt đế thành phi hòa với tâm không có tâm làm sở sanh. Khổ đế thành hòa với tâm có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa với tâm không có tâm làm sở sanh cũng có.
* Nhị đế thành hòa đồng sanh tồn và có tâm làm sở sanh. Diệt đế thành phi hòa đồng sanh tồn và không nương tâm làm sở sanh. Khổ đế thành hòa đồng sanh tồn và nương tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh cũng có.
* Nhị đế thành hòa tùng thông lưu và nương tâm làm sở sanh. Diệt đế thành phi hòa tùng thông lưu và không có tâm làm sở sanh. Khổ đế thành hòa tùng thông lưu và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa tùng thông lưu và không có tâm làm sở sanh cũng có.
* Tam đế thành pháp ngoại. Khổ đế thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có.
* Tam đế thành phi y sinh. Khổ đế thành y sinh cũng có, thành phi y sinh cũng có.
* Tam đế thành phi do thủ. Khổ đế thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ (upādānagocchaka)

233.

* Tập đế thành thủ. Nhị đế thành phi thủ. Khổ đế thành thủ cũng có, thành phi thủ cũng có.
* Nhị đế thành cảnh thủ. Nhị đế thành phi cảnh thủ.
* Nhị đế thành bất tương ưng thủ. Nhị đế thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có.
* Tập đế thành thủ cảnh thủ. Nhị đế không nên nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ. Khổ đế thành thủ cảnh thủ cũng có, thành phi thủ cảnh thủ cũng có.
* Tập đế thành thủ tương ưng thủ cũng có, không thể nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ cũng có.
* Nhị đế không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ. Khổ đế thành thủ tương ưng thủ cũng có, thành phi thủ tương ưng thủ cũng có; không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ.
* Nhị đế thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Nhị đế thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có; không nên nói thành bất tương ưng thủ cảnh thủ, hoặc thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.

xii. Đáp phần chùm phiền não (kilesagocchaka)

234.

* Tập đế thành phiền não. Nhị đế thành phi phiền não. Khổ đế thành phiền não cũng có, thành phi phiền não cũng có.
* Nhị đế thành cảnh phiền não. Nhị đế thành phi cảnh phiền não.
* Tập đế thành phiền toái. Nhị đế thành phi phiền toái. Khổ đế thành phiền toái cũng có, thành phi phiền toái cũng có.

* Tập đế thành tương ưng phiền não. Nhị đế thành bất tương ưng phiền não. Khổ đế thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.

* Tập đế thành phiền não cảnh phiền não. Nhị đế không thể nói thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não. Khổ đế thành phiền não cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có.

* Tập đế thành phiền não và phiền toái. Nhị đế không nên nói thành phiền não và phiền toái hay thành phi phiền não mà phiền toái. Khổ đế thành phiền não và phiền toái cũng có, thành phi phiền não mà phiền toái cũng có; không đặng nói thành phiền não và phiền toái hay thành phi phiền não mà phiền toái.

* Tập đế thành phiền não tương ưng phiền não. Nhị đế không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành phi phiền não tương ưng phiền não. Khổ đế thành phiền não tương ưng phiền não cũng có, thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có; không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não hay thành phi phiền não tương ưng phiền não.

* Nhị đế thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Tập đế không nên nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Khổ đế thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có; không nên nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não hay thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối (piṭṭhiduka)

235.

* Nhị đế thành sơ đạo tuyệt trừ. Nhị đế thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.

* Nhị đế thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị đế thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Nhị đế thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. Nhị đế thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có.

* Nhị đế thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ. Nhị đế thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Tập đế thành hữu tầm. Diệt đế thành vô tầm. Nhị đế thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.

* Tập đế thành hữu tứ. Diệt đế thành vô tứ. Nhị đế thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.

* Diệt đế thành vô hỷ. Tam đế thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.

* Diệt đế thành phi đồng sanh hỷ. Tam đế thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.

* Diệt đế thành phi đồng sanh lạc. Tam đế thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.

* Diệt đế thành phi đồng sanh xả. Tam đế thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.

* Tập đế thành Dục giới. Nhị đế thành phi Dục giới. Khổ đế thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Tam đế thành phi Sắc giới. Khổ đế thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* Tam đế thành phi Vô sắc giới. Khổ đế thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Nhị đế thành liên quan luân hồi. Nhị đế thành bất liên quan luân hồi.
* Đạo đế thành nhân xuất luân hồi. Tam đế thành phi nhân xuất luân hồi.
* Đạo đế thành nhất định. Diệt đế thành bất định. Nhị đế thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Nhị đế thành hữu thượng. Nhị đế thành vô thượng.
* Tập đế thành hữu y. Nhị đế thành vô y. Khổ đế thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có như thế nầy.

Dứt Phần vấn đáp
Đầy đủ Đế phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN V - QUYỀN PHÂN TÍCH
(Indrīyavibhaṅga)

236.

Nhị thập nhị quyền như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền.

237.

* ***Trong 22 quyền** mà **nhãn quyền** đó ra sao?* Nhãn nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… hoặc kêu nhà không, đây gọi là nhãn quyền.
* ***Nhĩ quyền**… **tỷ quyền**… **thiệt quyền**… **thân quyền** đó ra sao?* Thân nào là sắc thần kinh nương sắc tứ đại sung… hoặc kêu nhà không, đây gọi là thân quyền.
* ***Ý quyền** đó ra sao?* Ý quyền phân phần thành một tức là ý quyền tương ưng xúc… ý quyền phân phần thành nhiều thứ theo cách thế nầy, đây gọi là ý quyền.

238.

* ***Nữ quyền** đó ra sao?* Hình vóc nữ, tiêu chuẩn nữ, thái độ nữ, tư cách nữ, chơn tướng nữ, trạng thái đều của nữ, mặc dù thế nào đây gọi là nữ quyền.
* ***Nam quyền** đó ra sao?* Hình vóc nam, tiêu chuẩn nam, thái độ nam, tư cách nam, chơn tướng nam, trạng thái đều của nam, mặc dù thế nào đây gọi là nam quyền.
* ***Mạng quyền** đó ra sao?* Mạng quyền có hai thứ như là mạng quyền sắc và mạng quyền phi sắc.
  - *Trong hai thứ mạng quyền ấy mà **sắc mạng quyền** ra sao?* Số thọ của sự sống còn, sự hiện còn, thái độ hiện còn, cách thức vẫn còn tiếp tục, sự đang hiện hành, sự đang dinh dưỡng cai quản cho còn sống, tức là mạng sống của mỗi sắc pháp, dù thế nào đây gọi là sắc mạng quyền.
  - ***Mạng quyền phi sắc** đó ra sao?* Tuổi thọ, sự vững còn, sự đang còn, thái độ đang hiện hành, tư cách vẫn còn tiếp tục sự đang hành vi, sự dinh dưỡng cai quản sự sống còn tức là mạng của những danh pháp như thế nào, đây gọi là mạng quyền phi sắc.

239.

* ***Lạc quyền** đó ra sao?* Sự vui sướng nơi thân, sự thỏa thích thân, sự hưởng cảnh an vui thành lạc mà sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh an vui thành lạc sanh từ thân xúc, dù thế nào đây gọi là lạc quyền.
* ***Khổ quyền** đó ra sao?* Sự không thích hợp của thân, sự khổ nơi thân, sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không an vui thành khổ sanh từ thân xúc, dù thế nào đây gọi là khổ quyền.
* ***Hỷ quyền** đó ra sao?* Sự vui thích nơi tâm, sự an vui tâm, sự hưởng cảnh an vui thành lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh an vui thành lạc sanh từ ý xúc, dù thế nào đây gọi là hỷ quyền.

* ***Ưu quyền** đó ra sao?* Sự không vui thích nơi tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui thích thành khổ sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh không an vui thành khổ sanh từ ý xúc, dù thế nào đây gọi là ưu quyền.

* ***Xả quyền** đó ra sao?* Sự phi vui phi buồn, cách hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, dù thế nào đây gọi là xả quyền.

240.

* ***Tín quyền** đó ra sao?* Đức tin, trạng thái tín ngưỡng, lòng tin tưởng, sự rất ngưỡng mộ, cai quản sự tín là đức tin, tín lực, dù thế nào đây gọi là tín quyền.

* ***Cần quyền** đó ra sao?* Cách khai đoan cho tâm siêng năng, sự cố gắng, sự sốt sắng, sự lướt tới, sự cương quyết, sự siêng năng, sự ráng chịu, sự khẳng khái, sự khắn khít, sự lướt tới không lui sụt, không thối chuyển bỏ thích hợp, không lui sụt phận sự, sự chăm nom, chiếu cố phận sự, cai quản siêng cần, cũng gọi cần lực, chánh tinh tấn, dù ra sao đây gọi là cần quyền.

* ***Niệm quyền** đó ra sao?* Sự nhớ đặng, sự trực nhớ, sự nhớ lại, nhớ ghi, thái độ nhớ, sự nhớ chắc không lơ đãng, không quên, cai quản sự nhớ đặng tức là chánh niệm, niệm lực, dù thế nào đây gọi là niệm quyền.

* ***Định quyền** đó ra sao?* Sự đình trụ của tâm, sự vững vàng của tâm, sự gắn chặt của tâm, sự không lay động của tâm, sự không tán loạn của tâm, trạng thái của tâm không lay động, sự vắng lặng, cách cai quản làm cho yên tịnh, cũng gọi là chánh định, định lực, dù thế nào đây gọi là định quyền.

* ***Tuệ quyền** đó ra sao?* Trí tuệ, trạng thái hiểu rõ, sự rõ thấu, sự gạn xét… sự không mờ, sự trạch pháp hay là chánh kiến, dù thế nào đây gọi là tuệ quyền.

241.

* ***Tri dị tri quyền** đó ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không tối tăm, lối trạch pháp hay là chánh kiến, trạch pháp giác chi thành chi của đạo, liên quan trong đạo, đặng biết pháp chưa từng biết, đặng thấy pháp chưa từng thấy, đặng đắc chứng pháp chưa từng đắc chứng, đặng hiểu pháp chưa từng hiểu, đặng làm cho rõ pháp những cái chưa từng làm cho rõ, như thế đây gọi là tri dị tri quyền.

* ***Tri dĩ tri quyền** đó ra sao?* Trí tuệ, trạng thái hiểu rõ… sự không mê mờ, cách lựa chọn pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, đặng hiểu pháp đã hiểu, đặng biết pháp đã biết, đặng thấy pháp đã thấy, đặng đắc chứng pháp đã đắc chứng hầu làm cho rõ rệt những pháp đã từng làm rõ rệt, như thế đây gọi là tri dĩ tri quyền.

* ***Tri cụ tri quyền** đó ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, cách lựa chọn pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, đặng hiểu pháp đã hiểu, đặng thấy pháp đã thấy, đặng chứng pháp đã chứng, đặng biết pháp đã biết, hầu làm cho rõ những pháp đã làm rõ, như thế đây gọi là tri cụ tri quyền.

Dứt chia theo Diệu Pháp

PHẦN VẤN ĐÁP

242.

Nhị thập nhị quyền như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu

quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền.

ĐÁP ĐẦU ĐỀ TAM ĐÁP ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong nhị thập nhị quyền mà quyền nào thành thiện, quyền nào thành bất thiện, quyền nào thành vô ký… quyền nào thành hữu y, quyền nào thành vô y.

1) Quyền phân tích đáp theo đầu đề tam

243.

* Thập quyền thành vô ký. Ưu quyền thành bất thiện. Tri dị tri quyền thành thiện. Tứ quyền thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có. Lục quyền thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.

* Thập nhị quyền không đặng nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ. Lục quyền thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có. Tam quyền thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có. Mạng quyền thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng khổ thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói thành tương ưng lạc thọ, thành tương ưng khổ thọ hay thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.

* Thất quyền thành phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tam quyền thành pháp dị thục quả. Nhị quyền thành pháp dị thục nhân. Tri dĩ tri quyền thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có. Cửu quyền thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

* Cửu quyền thành do thủ cảnh thủ. Ưu quyền thành phi do thủ cảnh thủ. Tam quyền thành phi do thủ phi cảnh thủ. Cửu quyền thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.

* Cửu quyền thành phi phiền toái mà cảnh phiền não. Ưu quyền thành phiền toái cảnh phiền não. Tam quyền thành phi phiền toái cảnh phiền não. Tam quyền thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có. Lục quyền thành phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.

* Cửu quyền thành vô tầm vô tứ. Ưu quyền thành hữu tầm hữu tứ. Xả quyền thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Thập nhất quyền thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.

* Thập nhất quyền không thể nói thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc hay thành đồng sanh xả. Hỷ quyền thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả cũng có, không nên nói thành đồng sanh hỷ cũng có. Lục quyền thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có. Tứ quyền thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có; không nên nói thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.

* Thập ngũ quyền thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Ưu quyền thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có. Lục quyền thành sơ đạo tuyệt trừ

cũng có, thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Thập ngũ quyền thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ. Ưu quyền thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có. Lục quyền thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.

* Thập quyền thành phi nhân sanh tử và phi nhân đến Níp-bàn. Ưu quyền thành nhân sanh tử. Tri dị tri quyền thành nhân đến Níp-bàn. Trí quyền thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có. Cửu quyền thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.

* Thập quyền thành phi hữu học phi vô học. Nhị quyền thành hữu học. Tri cụ tri quyền thành vô học. Cửu quyền thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.

* Thập quyền thành hy thiểu. Tam quyền thành vô lượng. Cửu quyền thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.

* Thất quyền thành bất tri cảnh. Nhị quyền thành tri cảnh hy thiểu. Tam quyền thành tri cảnh vô lượng. Ưu quyền thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh đáo đại cũng có, thành tri cảnh vô lượng cũng có; không nên nói thành tri cảnh hy thiểu, hay thành tri cảnh đáo đại.

* Cửu quyền thành tri cảnh hy thiểu cũng có, thành tri cảnh đáo đại cũng có, thành tri cảnh vô lượng cũng có; không nên nói thành tri cảnh hy thiểu, thành tri cảnh đáo đại hay thành tri cảnh vô lượng cũng có.

* Cửu quyền thành trung bình. Ưu quyền thành ty hạ. Tam quyền thành tinh vi. Tam quyền thành trung bình cũng có, thành tinh vi cũng có. Lục quyền thành ty hạ cũng có, thành trung bình cũng có, thành tinh vi cũng có.

* Thập quyền thành bất định. Tri dĩ tri quyền thành chánh nhất định. Tứ quyền thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có. Ưu quyền thành tà nhất định cũng có, thành bất định cũng có. Lục quyền thành tà nhất định cũng có, thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.

* Thất quyền thành bất tri cảnh. Tứ quyền không thể nói thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân, thành có đạo là trưởng. Tri dĩ tri quyền không thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành có đạo là nhân hay thành có đạo là trưởng cũng có. Tri dị tri quyền không thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành có đạo là nhân hay thành có đạo là trưởng cũng có. Cửu quyền thành có đạo là cảnh cũng có, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân hay thành có đạo là trưởng cũng có.

* Thập quyền thành sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có; không thể nói thành phi sanh tồn. Nhị quyền thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có; không thể nói thành sẽ sanh. Thập quyền thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.

* Nhị thập nhị quyền thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Thất quyền thành bất tri cảnh. Nhị quyền thành tri cảnh hiện tại cũng có. Tam quyền không thể nói thành tri cảnh quá khứ, thành tri cảnh vị lai, thành tri cảnh hiện tại.
* Thập quyền thành tri cảnh quá khứ cũng có, thành tri cảnh vị lai cũng có, thành tri cảnh hiện tại cũng có; không nên nói thành tri cảnh quá khứ, thành tri cảnh vị lai, thành tri cảnh hiện tại.
* Nhị thập nhị quyền thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Thất quyền thành bất tri cảnh. Tam quyền thành tri cảnh ngoại. Tứ quyền thành tri cảnh nội cũng có, thành tri cảnh ngoại cũng có, thành tri cảnh nội và ngoại cũng có. Bát quyền thành tri cảnh nội cũng có, thành tri cảnh ngoại cũng có, thành tri cảnh nội và ngoại cũng có; không nên nói thành tri cảnh nội, thành tri cảnh ngoại, thành tri cảnh nội và ngoại cũng có.

  Ngũ quyền thành bất kiến hữu đối chiếu. Thập thất quyền thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Quyền phân tích đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân (hetugocchaka)

244.

* Tứ quyền thành nhân. Thập bát quyền thành phi nhân.
* Thất quyền thành hữu nhân. Cửu quyền thành vô nhân. Lục quyền thành hữu nhân cũng có, thành vô nhân cũng có.
* Thất quyền thành tương ưng nhân. Cửu quyền thành bất tương ưng nhân. Lục quyền thành tương ưng nhân cũng có, thành bất tương ưng nhân cũng có.
* Tứ quyền thành nhân hữu nhân. Cửu quyền không thể nói thành nhân hữu nhân, vẫn thành hữu nhân phi nhân. Tam quyền không thể nói thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân. Lục quyền không thể nói thành nhân hữu nhân, thành hữu nhân phi nhân cũng có, không thể nói thành hữu nhân phi nhân cũng có.
* Tứ quyền thành nhân tương ưng nhân. Cửu quyền không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay thành phi nhân tương ưng nhân. Tam quyền không thể nói thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân. Lục quyền không thể nói thành nhân tương ưng nhân, thành phi nhân tương ưng nhân cũng có, không thể nói thành phi nhân tương ưng nhân cũng có.
* Cửu quyền thành phi nhân vô nhân. Tam quyền thành phi nhân hữu nhân. Tứ quyền không thể nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân. Lục quyền thành phi nhân hữu nhân cũng có, thành phi nhân vô nhân cũng có.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh (cūlantaraduka)

245.

* Nhị thập nhị quyền thành hữu duyên, thành hữu vi, thành bất kiến.
* Ngũ quyền thành hữu đối chiếu. Thập thất quyền thành vô đối chiếu.

* Thất quyền thành sắc pháp. Thập tứ quyền thành phi sắc pháp. Mạng quyền thành sắc (pháp) cũng có, thành phi sắc (pháp) cũng có.
* Thập quyền thành hiệp thế. Tam quyền thành siêu thế. Cửu quyền thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
* Nhị thập nhị quyền thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu (āsavagocchaka)

246.

* Nhị thập nhị quyền thành phi lậu.
* Thập quyền thành cảnh lậu. Tam quyền thành phi cảnh lậu. Cửu quyền thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có.
* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng lậu. Ưu quyền thành tương ưng lậu. Lục quyền thành tương ưng lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu cũng có.
* Thập quyền không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Tam quyền không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Cửu quyền không thể nói thành lậu cảnh lậu, thành phi lậu cảnh lậu cũng có, không nên nói thành phi lậu cảnh lậu cũng có.
* Thập ngũ quyền không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Ưu quyền không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Lục quyền không nên nói thành lậu tương ưng lậu, thành phi lậu tương ưng lậu cũng có; không thể nói thành phi lậu tương ưng lậu cũng có.
* Cửu quyền thành bất tương ưng lậu mà cảnh lậu. Tam quyền thành phi lậu bất tương ưng lậu. Ưu quyền không thể nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu hay thành phi lậu bất tương ưng lậu. Tam quyền thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có; không thể nói thành bất tương ưng lậu cảnh lậu hay thành phi lậu bất tương ưng lậu cũng có.

iv. Đáp phần chùm triền (saññojanagocchaka)

247.

* Nhị thập nhị quyền thành phi triền.
* Thập quyền thành cảnh triền. Tam quyền thành phi cảnh triền. Cửu quyền thành cảnh triền cũng có, thành phi cảnh triền cũng có.
* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng triền. Ưu quyền thành tương ưng triền. Lục quyền thành tương ưng triền cũng có, thành bất tương ưng triền cũng có.
* Thập quyền không thể nói thành triền cảnh triền, thành phi triền cảnh triền. Tam quyền không thể nói thành triền cảnh triền, hay thành phi triền cảnh triền. Cửu quyền không thể nói thành triền cảnh triền, thành phi triền cảnh triền cũng có, không thể nói thành phi triền cảnh triền cũng có.
* Thập ngũ quyền không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền. Ưu quyền không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền

tương ưng triền. Lục quyền không thể nói thành triền tương ưng triền hay thành phi triền tương ưng triền cũng có; không thể nói thành phi triền tương ưng triền cũng có.

* Cửu quyền thành bất tương ưng triền cảnh triền. Tam quyền thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Ưu quyền không thể nói thành bất tương ưng triền cảnh triền, vẫn thành bất tương ưng triền phi cảnh triền. Tam quyền thành bất tương ưng triền cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng triền cảnh triền cũng có, thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có; không nên nói thành bất tương ưng triền cảnh triền, vẫn thành bất tương ưng triền phi cảnh triền cũng có.

v. Đáp phần chùm phược (ganthagocchaka)

248.

* Nhị thập nhị quyền thành phi phược.
* Thập quyền thành cảnh phược. Tam quyền thành phi cảnh phược. Cửu quyền thành cảnh phược cũng có, thành phi cảnh phược cũng có.
* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng phược. Ưu quyền thành tương ưng phược. Lục quyền thành tương ưng phược cũng có, thành bất tương ưng phược cũng có.
* Thập quyền không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược. Tam quyền không thể nói thành phược cảnh phược hay thành phi phược cảnh phược. Cửu quyền không nên nói thành phược cảnh phược, thành phi phược cảnh phược cũng có; không thể nói thành phi phược cảnh phược cũng có.
* Thập ngũ quyền không nên nói thành phược tương ưng phược, vẫn thành phi phược tương ưng phược. Ưu quyền không thể nói thành phược tương ưng phược hay thành phi phược tương ưng phược. Lục quyền không thể nói thành phược tương ưng phược, thành phi phược tương ưng phược cũng có; không thể nói thành phi phược tương ưng phược cũng có.
* Cửu quyền thành bất tương ưng phược cảnh phược. Tam quyền thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Ưu quyền không nên nói thành bất tương ưng phược cảnh phược hay thành bất tương ưng phược phi cảnh phược. Tam quyền thành bất tương ưng phược cảnh phược cũng có, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng phược cảnh phược cũng có, thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có; không nên nói thành bất tương ưng phược cảnh phược, vẫn thành bất tương ưng phược phi cảnh phược cũng có.

vi, vii, viii. Đáp phần chùm bộc (oghagocchakādi)

249.

* Nhị thập nhị quyền thành phi bộc…
* Nhị thập nhị quyền thành phi phối…
* Nhị thập nhị quyền thành phi cái…
* Thập quyền thành cảnh cái. Tam quyền thành phi cảnh cái. Cửu quyền thành cảnh cái cũng có, thành phi cảnh cái cũng có.

* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng cái. Ưu quyền thành tương ưng cái. Lục quyền thành tương ưng cái cũng có, thành bất tương ưng cái cũng có.

* Thập quyền không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái. Tam quyền không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái. Cửu quyền không thể nói thành cái cảnh cái hay thành phi cái cảnh cái cũng có; không nên nói thành phi cái cảnh cái cũng có.

* Thập ngũ quyền không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái. Ưu quyền không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái. Lục quyền không thể nói thành cái tương ưng cái hay thành phi cái tương ưng cái cũng có; không nên nói thành phi cái tương ưng cái cũng có.

* Cửu quyền thành bất tương ưng cái cảnh cái. Tam quyền thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Ưu quyền không thể nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái. Tam quyền thành bất tương ưng cái cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng cái cảnh cái cũng có, thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có; không nên nói thành bất tương ưng cái cảnh cái hay thành bất tương ưng cái phi cảnh cái cũng có.

xi. Đáp phần chùm khinh thị (parāmāsagocchaka)

250.

* Nhị thập nhị quyền thành phi khinh thị.

* Thập quyền thành cảnh khinh thị. Tam quyền thành phi cảnh khinh thị. Cửu quyền thành cảnh khinh thị cũng có, thành phi cảnh khinh thị cũng có.

* Thập lục quyền thành bất tương ưng khinh thị. Lục quyền thành tương ưng khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị cũng có.

* Thập quyền không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Tam quyền không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị. Cửu quyền không thể nói thành khinh thị cảnh khinh thị hay thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có; không thể nói thành phi khinh thị cảnh khinh thị cũng có.

* Thập quyền thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị. Tam quyền thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị. Tam quyền thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị cũng có, thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có; không thể nói thành bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị hay thành bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị cũng có.

x. Đáp phần nhị đề đại (mahantaraduka)

251.

* Thất quyền thành bất tri cảnh. Thập tứ quyền thành tri cảnh. Mạng quyền thành tri cảnh cũng có, thành bất tri cảnh cũng có.

* Nhị thập nhất quyền thành phi tâm. Ý quyền thành tâm.

* Thập tam quyền thành sở hữu tâm. Bát quyền thành phi sở hữu tâm. Mạng quyền thành sở hữu tâm cũng có, thành phi sở hữu tâm cũng có.

* Thập tam quyền thành tương ưng tâm. Thất quyền thành bất tương ưng tâm. Mạng quyền thành tương ưng tâm cũng có, thành bất tương ưng tâm cũng có. Ý quyền không thể nói thành tương ưng tâm hay thành bất tương ưng tâm.
* Thập tam quyền thành hòa với tâm. Thất quyền thành phi hòa với tâm. Mạng quyền thành hòa với tâm cũng có, thành phi hòa với tâm cũng có. Ý quyền không thể nói thành hòa với tâm hay thành phi hòa với tâm.
* Thập tam quyền thành hữu tâm sở y sinh. Bát quyền thành phi hữu tâm sở y sinh. Mạng quyền thành hữu tâm sở y sinh cũng có, thành phi hữu tâm sở y sinh cũng có.
* Thập tam quyền thành đồng sanh tồn tâm. Bát quyền thành phi đồng sanh tồn tâm. Mạng quyền thành đồng sanh tồn tâm cũng có, thành phi đồng sanh tồn tâm cũng có.
* Thập tam quyền thành tùng tâm thông lưu. Bát quyền thành phi tùng tâm thông lưu. Mạng quyền thành tùng tâm thông lưu cũng có, thành phi tùng tâm thông lưu cũng có.
* Thập tam quyền thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Bát quyền thành phi hòa với tâm và phi có tâm làm sở sanh. Mạng quyền thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa với tâm và phi có tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập tam quyền thành hòa sanh tồn và có tâm làm sở sanh. Bát quyền thành phi hòa phi sanh tồn và phi có tâm làm sở sanh. Mạng quyền thành hòa sanh tồn và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi sanh tồn và phi có tâm làm sở sanh cũng có.
* Thập tam quyền thành hòa tùng thông lưu và có tâm làm sở sanh. Bát quyền thành phi hòa phi tùng thông lưu và phi có tâm làm sở sanh. Mạng quyền thành hòa tùng thông lưu và có tâm làm sở sanh cũng có, thành phi hòa phi tùng thông lưu và phi có tâm làm sở sanh cũng có.
* Lục quyền thành nội phần. Thập lục quyền thành ngoại phần.
* Thất quyền thành y sinh. Thập tứ quyền thành phi y sinh. Mạng quyền thành y sinh cũng có, thành phi y sinh cũng có.
* Cửu quyền thành do thủ. Tứ quyền thành phi do thủ. Cửu quyền thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có.

xi. Đáp phần chùm thủ (upādānagocchaka)

252.

* Nhị thập nhị quyền thành phi thủ.
* Thập quyền thành cảnh thủ. Tam quyền thành phi cảnh thủ. Cửu quyền thành cảnh thủ cũng có, thành phi cảnh thủ cũng có.
* Thập lục quyền thành bất tương ưng thủ. Lục quyền thành tương ưng thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ cũng có. Thập quyền không thể nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ.
* Tam quyền không thể nói thành thủ cảnh thủ hay thành phi thủ cảnh thủ. Cửu quyền không nên nói thành thủ cảnh thủ, thành phi thủ cảnh thủ cũng có; không thể nói thành phi thủ cảnh thủ cũng có.

* Thập lục quyền không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ. Lục quyền không nên nói thành thủ tương ưng thủ hay thành phi thủ tương ưng thủ cũng có; không nên nói thành phi thủ tương ưng thủ cũng có.
* Thập quyền thành bất tương ưng thủ cảnh thủ. Tam quyền thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ. Tam quyền thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng thủ cảnh thủ cũng có, thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có; không nên nói thành bất tương ưng thủ cảnh thủ hay thành bất tương ưng thủ phi cảnh thủ cũng có.

xii. Đáp phần chùm phiền não (kilesagocchaka)

253.

* Nhị thập nhị quyền thành phi phiền não.
* Thập quyền thành cảnh phiền não. Tam quyền thành phi cảnh phiền não. Cửu quyền thành cảnh phiền não cũng có, thành phi cảnh phiền não cũng có.
* Thập ngũ quyền thành phi phiền toái. Ưu quyền thành phiền toái. Lục quyền thành phiền toái cũng có, thành phi phiền toái cũng có.
* Thập ngũ quyền thành bất tương ưng phiền não. Ưu quyền thành tương ưng phiền não. Lục quyền thành tương ưng phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não cũng có.
* Thập quyền không nên nói thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não. Tam quyền không thể nói thành phiền não cảnh phiền não hay thành phi phiền não cảnh phiền não. Cửu quyền không nên nói thành phiền não cảnh phiền não, mà thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có; không nên nói thành phi phiền não cảnh phiền não cũng có.
* Thập ngũ quyền không thể nói thành phiền não và phiền toái hay thành phi phiền não và phiền toái. Ưu quyền không thể nói thành phiền não và phiền toái hay thành phiền toái phi phiền não. Lục quyền không nên nói thành phiền não và phiền toái, mà thành phiền toái phi phiền não cũng có; không nên nói thành phiền toái phi phiền não cũng có.
* Thập ngũ quyền không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, vẫn thành phi phiền não tương ưng phiền não. Ưu quyền không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, mà thành phi phiền não tương ưng phiền não. Lục quyền không nên nói thành phiền não tương ưng phiền não, mà thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có; không nên nói thành phi phiền não tương ưng phiền não cũng có.
* Cửu quyền thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não. Tam quyền thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Ưu quyền không nên nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, vẫn thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não. Tam quyền thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có. Lục quyền thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não cũng có, thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có; không nên nói thành bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, mà thành bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não cũng có.

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối (piṭṭhiduka)

254.

* Thập ngũ quyền thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Thất quyền thành sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập ngũ quyền thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thất quyền thành ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Thập ngũ quyền thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. Thất quyền thành hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ cũng có.
* Thập ngũ quyền thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Thất quyền thành hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ cũng có, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ cũng có.
* Cửu quyền thành vô tầm. Ưu quyền thành hữu tầm. Thập nhị quyền thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Cửu quyền thành vô tứ. Ưu quyền thành hữu tứ. Thập nhị quyền thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Thập nhất quyền thành vô hỷ. Thập nhất quyền thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Thập nhất quyền thành phi đồng sanh hỷ. Thập nhất quyền thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Thập nhị quyền thành phi đồng sanh lạc. Thập quyền thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Thập nhị quyền thành phi đồng sanh xả. Thập quyền thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Thập quyền thành Dục giới. Tam quyền thành phi Dục giới. Cửu quyền thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Thập tam quyền thành phi Sắc giới. Cửu quyền thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* Thập tứ quyền thành phi Vô sắc giới. Bát quyền thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Thập quyền thành liên quan luân hồi. Tam quyền thành bất liên quan luân hồi. Cửu quyền thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Thập nhất quyền thành phi nhân xuất luân hồi. Tri dị tri quyền thành nhân xuất luân hồi. Thập quyền thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* Thập quyền thành bất định. Tri dị tri quyền thành nhất định. Thập nhất quyền thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Thập quyền thành hữu thượng. Tam quyền thành vô thượng. Cửu quyền thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.

∗ Thập ngũ quyền thành vô y. Ưu quyền thành hữu y. Lục quyền thành hữu y cũng có, thành vô y cũng có.

Dứt vấn đáp
Đầy đủ Quyền phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hồi hướng phước đến tất cả chúng sanh, nhất là các vị Chư thiên *có oai lực ủng hộ tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.*

Sài Gòn
23-05-1975 . 13-04-2518
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN VI - DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH
(Paccayakāravibhaṅga)

A. DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

255.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử sầu, khóc, khổ, ưu, ai trợ sanh ra như thế.

256.

Vô minh *trong khi có ra sao?* Sự không biết khổ, không biết tập khổ, không biết diệt khổ, không biết tiến hành diệt khổ. Như thế gọi là vô minh.

257.

Hành do vô minh trợ *đó ra sao?* Phước hành, phi phước hành, bất động hành, thân hành, khẩu hành và tâm hành.

- ***Phước hành*** *trong khi có ra sao?* Tư thiện thành Dục giới, thành Sắc giới, thành tựu do bố thí, trì giới, tu tiến. Đây gọi là phước hành.
- ***Phi phước hành*** *trong khi có ra sao?* Tư bất thiện thuộc Dục giới. Đây gọi là phi phước hành.
- ***Bất động hành*** *trong khi có ra sao?* Tư thiện thuộc Vô sắc giới. Đây gọi là bất động hành.
- ***Thân hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết điều khiển thân là thân hành, sự cố quyết điều khiển khẩu là khẩu hành, sự cố quyết điều khiển ý là tâm hành.

Như thế gọi là hành do vô minh làm duyên trợ.

258.

Thức do hành trợ *trong khi có ra sao?* Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức; như thế gọi là thức do hành trợ.

259.

Danh sắc do thức trợ *trong khi có ra sao?* Danh một phần và sắc một phần.

- *Trong hai phần ấy mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý. Đây gọi là danh.
- ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Như là sắc tứ đại sung và sắc y sinh. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói gọi là danh sắc phát sanh do thức làm duyên.

260.

Lục nhập do danh sắc trợ *đó ra sao?* Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập và ý nhập. Như thế gọi là lục nhập do danh sắc trợ.

261.

Xúc do lục nhập trợ *trong khi có ra sao?* Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc và ý xúc. Như thế gọi là xúc sanh ra do lục nhập trợ.

262.

***Thọ do xúc trợ** đó ra sao?* Thọ nhãn xúc, thọ nhĩ xúc, thọ tỷ xúc, thọ thiệt xúc, thọ thân xúc, thọ ý xúc. Thế gọi là thọ do xúc làm duyên.

263.

***Ái do thọ trợ** trong khi có ra sao?* Sắc ái, thinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái và pháp ái. Như thế gọi là ái do thọ trợ.

264.

***Thủ do ái trợ** đó ra sao?* Dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ. Thế gọi là thủ do ái trợ.

265.

***Hữu do thủ trợ** trong khi có ra sao?* Hữu có 2: Một là nghiệp hữu *(kammabhava),* hai là sanh hữu *(uppattibhava).*

- *Trong hai hữu ấy mà **nghiệp hữu** đó ra sao?* Phước hành, phi phước hành, bất động hành. Thế gọi là nghiệp hữu. Nghiệp mà làm nhân đưa đến tất cả hữu *(bhava),* như thế gọi là nghiệp hữu.
- ***Sanh hữu** trong khi có ra sao?* Dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, tưởng hữu, vô tưởng hữu, phi tưởng phi phi tưởng hữu, nhất uẩn hữu, tứ uẩn hữu và ngũ uẩn hữu. Thế gọi là sanh hữu.

Nghiệp hữu và sanh hữu như đã kể, thế gọi là hữu sanh ra do thủ làm duyên.

266.

***Sanh do hữu trợ** đó ra sao?* Sự sanh, cách sanh đầy đủ, sự quân sanh, sự tạm sanh, sự biệt sanh, cách phát ra của uẩn, sự hiện đặng của nhập trong mỗi chúng sanh, của những chúng sanh ấy. Dù thế nào đều gọi là sanh có ra do hữu làm duyên.

267.

***Lão tử do sanh trợ** đó ra sao?*

- *Lão và tử, mà **lão** đó trong khi có ra sao?* Sự già cả, cách già cả, sự răng rụng, cách tóc bạc, sự da nhăn, sự giảm thọ, cách chín mùi của mạng sống trong những chúng sanh ấy, của mỗi chúng sanh ấy. Như thế gọi là lão.
- ***Tử** trong khi có ra sao?* Cách biến đổi, sự thay đổi, sự hư hoại, sự mất đi, sự thác, sự chết, sự quá vãng, sự tan rã ngũ uẩn, sự bỏ xác, cách mạng quyền đứt xa lìa trong những chúng sanh, của mỗi chúng sanh đó. Như thế gọi là tử.

Lão và tử như đã nói đó, gọi là lão tử có ra do sanh làm duyên.

268.

***Sầu** trong khi có ra sao?* Sự buồn bực, thái độ buồn bực, trạng thái buồn bực, sự sầu não, sự đốt lòng, sự buồn xo, sự khổ, cách héo bên trong của những người khi gặp thân tộc điêu tàn, hoặc tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù cho gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào như thế. Đây gọi là sầu *(soka).*

269.

***Khóc** đó ra sao?* Sự khóc lóc, sự khóc than, thái độ khóc, thái độ than khóc, trạng thái khóc, trạng thái khóc than, sự kêu oan, sự khóc kể, sự thút thít, sự ấm ức, thái độ ấm ức, trạng thái tức tưởi của người gặp lúc thân tộc điêu tàn, hoặc tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào. Như thế gọi là khóc *(parideva).*

270.

***Khổ** trong khi có ra sao?* Sự không vui thích thân, sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không vui sướng thành khổ sanh từ thân xúc. Như thế gọi là khổ.

271.

***Ưu** trong khi có ra sao?* Sự không vui tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu *(domanassa).*

272.

***Ai** trong khi có ra sao?* Sự thương tâm, cách thương thảm, trạng thái thương tiếc, cách thương tiếc của người khi gặp thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào. Như thế gọi là ai *(upāyāsa).*

273.

Nói rằng sự phát sanh lên của tất cả khổ ấy vẫn có như thế tức là sự đồng khứ, sự đồng lai, sự hội hiệp, sự hiện hành của tất cả khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế, do nhân ấy mới gọi là sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Phần theo Kinh

B. ĐẦU ĐỀ DIỆU PHÁP

1) Tứ phần duyên khởi

Phần vô minh căn

274.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Tất cả sự khổ phát sanh chồng đống phải có bằng cách như thế.

275.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh cả khối khổ phải có bằng cách như thế.

276.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

277.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả đống khổ vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần duyên khởi

2) Tứ phần nhân

Phần vô minh căn

278.

Vô minh trợ cho hành, vô minh là nhân. Hành trợ cho thức, hành là nhân. Thức trợ cho danh, thức là nhân. Danh trợ cho lục nhập, danh là nhân. Lục nhập trợ xúc, lục nhập là nhân. Xúc trợ cho thọ, xúc là nhân. Thọ trợ cho ái, thọ là nhân. Ái trợ cho thủ, ái là nhân. Thủ trợ cho hữu, hữu trợ cho sanh, sanh trợ cho lão tử. Sự phát sanh của tất cả đống khổ vẫn có bằng cách như thế.

279.

Vô minh trợ cho hành, vô minh là nhân. Hành trợ cho thức, hành là nhân. Thức trợ cho danh, thức là nhân. Danh trợ cho lục nhập, danh là nhân. Lục nhập trợ xúc, lục nhập là nhân. Xúc trợ cho thọ, xúc là nhân. Thọ trợ cho ái, thọ là nhân. Ái trợ cho thủ, ái là nhân. Thủ trợ cho hữu, hữu trợ cho sanh, sanh trợ cho tử.

Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

280.

Vô minh trợ cho hành, vô minh là nhân. Hành trợ cho thức, hành là nhân. Thức trợ cho danh sắc, thức là nhân. Danh sắc trợ cho lục nhập, danh sắc là nhân. Lục nhập trợ xúc, lục nhập là nhân. Xúc trợ cho thọ, xúc là nhân. Thọ trợ cho ái, thọ là nhân. Ái trợ cho thủ, ái là nhân. Thủ trợ cho hữu, hữu trợ cho sanh, sanh trợ cho lão tử. Sự phát sanh của tất cả đống khổ vẫn có bằng cách như thế.

281.

Vô minh trợ cho hành, vô minh là nhân. Hành trợ cho thức, hành là nhân. Thức trợ cho danh sắc, thức là nhân. Danh sắc trợ cho lục nhập, danh sắc là nhân. Lục nhập trợ cho xúc, lục nhập là nhân. Xúc trợ cho thọ, xúc là nhân. Thọ trợ cho ái, thọ là nhân. Ái trợ cho thủ, ái là nhân. Thủ trợ cho hữu, hữu trợ cho sanh, sanh trợ cho lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần nhân

Tứ phần tương ưng

282.

Vô minh trợ hành là vô minh tương ưng. Hành trợ thức là hành tương ưng. Thức trợ danh là thức tương ưng. Danh trợ lục nhập là danh tương ưng. Lục nhập trợ xúc là lục nhập tương ưng. Xúc trợ thọ là xúc tương ưng. Thọ trợ ái là thọ tương ưng. Ái trợ thủ là ái tương ưng. Thủ trợ hữu, hữu trợ sanh. Sanh trợ lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

283.

Vô minh trợ hành là vô minh tương ưng. Hành trợ thức là hành tương ưng. Thức trợ danh là thức tương ưng. Danh trợ xúc là danh tương ưng. Xúc trợ thọ là xúc tương ưng. Thọ trợ ái là thọ tương ưng. Ái trợ thủ là ái tương ưng. Thủ trợ hữu, hữu trợ sanh. Sanh trợ lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

284.

Vô minh trợ hành là vô minh tương ưng. Hành trợ thức là hành tương ưng. Thức trợ danh sắc là thức tương ưng với danh. Danh sắc trợ lục nhập là danh tương ưng. Lục nhập trợ xúc là lục nhập tương ưng. Xúc trợ thọ là xúc tương ưng. Thọ trợ ái là thọ tương ưng. Ái trợ thủ là ái tương ưng. Thủ trợ hữu, hữu trợ sanh, sanh trợ lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

285.

Vô minh trợ hành là vô minh tương ưng. Hành trợ thức là hành tương ưng. Thức trợ danh sắc là thức tương ưng danh. Danh sắc trợ lục nhập là danh tương ưng. Lục nhập trợ xúc là lục nhập tương ưng. Xúc trợ thọ là xúc tương ưng. Thọ trợ ái là thọ tương

ưng. Ái trợ thủ là ái tương ưng. Thủ trợ hữu, hữu trợ sanh, sanh trợ lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần tương ưng

3) Tứ phần tương tế

Phần vô minh căn

286.

Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Hành duyên thức, thức duyên hành. Thức duyên danh, danh duyên thức. Danh duyên lục nhập, lục nhập duyên danh. Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập. Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc. Thọ duyên ái, ái duyên thọ. Ái duyên thủ, thủ duyên ái. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ cách nầy vẫn có bằng cách như thế.

287.

Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Hành duyên thức, thức duyên hành. Thức duyên danh, danh duyên thức. Danh duyên xúc, xúc duyên danh. Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc. Thọ duyên ái, ái duyên thọ. Ái duyên thủ, thủ duyên ái. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ cách nầy vẫn có bằng lối như thế.

288.

Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Hành duyên thức, thức duyên hành. Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc. Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập. Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc. Thọ duyên ái, ái duyên thọ. Ái duyên thủ, thủ duyên ái. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

289.

Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Hành duyên thức, thức duyên hành. Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc. Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập. Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc. Thọ duyên ái, ái duyên thọ. Ái duyên thủ, thủ duyên ái. Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của tất cả khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Phần tương tế

Tám phần nhất là căn hành v.v…

290.

Hành duyên vô minh. Thức duyên vô minh. Danh duyên vô minh. Lục nhập duyên vô minh. Xúc duyên vô minh. Thọ duyên vô minh. Ái duyên vô minh. Thủ duyên vô minh. Vô minh duyên hành. Hành duyên thức. Thức duyên danh sắc. Danh sắc duyên lục nhập. Lục nhập duyên xúc. Xúc duyên thọ. Thọ duyên ái. Ái duyên thủ. Thủ duyên hữu. hữu duyên sanh. Sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của các đám khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Phần đầu đề

C. DUYÊN KHỞI PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Bất thiện xiển minh

Mười hai tâm bất thiện

Tâm bất thiện thứ nhất
Tứ phần duyên khởi

291.

Chư pháp bất thiện *là chi?* Trong khi nào tâm bất thiện sanh ra đồng sanh hỷ thọ, tương ưng tà kiến, hoặc có sắc làm cảnh, hoặc có thinh làm cảnh, hoặc có khí làm cảnh, hoặc có vị làm cảnh, hoặc có xúc làm cảnh, hoặc có pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của các đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

292.

Trong những duyên khởi đó, mà ***vô minh*** *là chi?* Sự không biết, không thấy… vô minh như then chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh.

293.

Hành do vô minh trợ *đó ra sao?* Sự tính, sự quyết tính, sự cố quyết. Như thế gọi là hành do vô minh trợ.

294.

Thức do hành trợ *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là thức do hành trợ.

295.

Danh do thức trợ *đó ra sao?* Thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh do thức trợ.

296.

Lục nhập do danh trợ *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là lục nhập do danh trợ.

297.

Xúc do lục nhập trợ *đó ra sao?* Cách đụng, sự chạm, thái độ đụng chạm, trạng thái đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là xúc do lục nhập trợ.

298.

Thọ do xúc trợ *đó ra sao?* Sự vui lòng, cách thích tâm, sự hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là thọ do xúc trợ.

299.

Ái do thọ trợ *đó ra sao?* Sự vọng dục, cách rất vọng dục, sự lôi cuốn làm cho phải theo sự ưa thích, sự phơi phới, sự hớn hở, bằng cách vọng dục, sự móng của tâm. Dù ra sao như thế gọi là ái do thọ trợ.

300.

Thủ do ái trợ *đó ra sao?* Tà kiến, thiên kiến, tông phái là hầm sanh của sự điêu tàn, cách chấp theo biến chuyển; dù thế nào đây gọi là thủ do ái trợ.

301.

Hữu do thủ trợ *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn trừ ra thủ. Như thế gọi là hữu do thủ trợ.

302.

Sanh do hữu trợ *đó ra sao?* Sự sanh, sự quân sanh, sự phát sanh, sự biệt sanh, cách hiện bày của những pháp ấy. Dù như thế nào đây gọi là sanh do hữu trợ.

303.

Lão tử do sanh trợ *đó ra sao?*

- *Lão và tử, mà **lão** đó ra sao?* Sự già, cách già, sự giảm thọ của những pháp ấy. Dù cách nào như thế gọi là lão.
- ***Tử** trong khi có ra sao?* Sự mất đi, sự hư đi, cách tan rã, sự hư hoại, sự không bền, cách mất tiêu của những pháp ấy. Như thế gọi là tử.

Lão và tử vừa kể qua như thế gọi là lão tử do sanh trợ.

304.

Gọi rằng sự sanh ra của tất cả đống khổ vẫn có bằng cách như thế đó, tức là sự tập khứ, sự tập lai, sự hội hợp, cách hiện bày của những đống khổ đó. Do nhân ấy mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

305.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi ấy thì sự sanh ra của những đống khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

306.

∗ *Trong những duyên khởi đó, mà **vô minh** ra sao?* Sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh.

∗ ***Hành do vô minh trợ** đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, sự cố tính, dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành.

∗ ***Thức do hành trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Dù cách nào như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Danh do thức trợ** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh do thức trợ.

∗ *Câu nói: xúc do danh trợ, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra. Như thế gọi là danh.

∗ ***Xúc do danh trợ** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù ra sao như thế gọi là xúc do danh trợ.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

307.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

308.

∗ *Trong những duyên khởi mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Dù ra sao như thế gọi là vô minh.

∗ ***Hành do vô minh trợ** đó ra sao?* Sự tính, cách tính, sự quyết tính, sự cố tính. Dù ra sao như thế gọi là vô minh duyên hành.

∗ ***Thức do hành trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Danh sắc do thức trợ** đó ra sao?*

- Danh và sắc, mà danh đó là chi? Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.

- ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sự sanh của nhãn xứ, sự sanh của nhĩ xứ, sự sanh của tỷ xứ, sự sanh của thiệt xứ, sự sanh của thân xứ. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc mà sanh ra do tâm, có tâm làm nhân sanh, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã kể, gọi là thức duyên danh sắc.

∗ *Câu nói lục nhập trợ danh sắc, mà* ***danh sắc*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sắc nào nương theo ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã kể gọi là danh sắc *(nāmarūpa).*

∗ ***Lục nhập trợ danh sắc*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh sắc duyên lục nhập.

∗ ***Xúc do lục nhập trợ*** *đó ra sao?* Cách đụng, sự đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

309.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thời những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

310.

∗ *Trong những duyên khởi đó mà* ***vô minh*** *là chi?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như chốt gài, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

∗ ***Hành do vô minh trợ*** *trong khi có ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là vô minh duyên hành.

∗ ***Thức do hành trợ*** *trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Danh sắc do thức trợ*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc mà sanh từ nơi tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói. Gọi là thức duyên danh sắc.

∗ *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ, mà* ***danh sắc*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sắc tứ đại sung và sắc nào nương theo ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã kể, gọi là danh sắc.

∗ ***Lục nhập do danh sắc trợ*** *đó ra sao?* Nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập. Như thế gọi là danh sắc duyên lục nhập.

∗ ***Xúc do lục nhập trợ*** *đó ra sao?* Cách đụng, sự đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần duyên khởi

Tứ phần nhân

311.

∗ Vô minh duyên hành thì vô minh là nhân,
∗ Hành duyên thức thì hành là nhân,
∗ Thức duyên danh thì thức là nhân,
∗ Danh duyên lục nhập thì danh là nhân,
∗ Lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân,
∗ Xúc duyên thọ thì xúc là nhân,
∗ Thọ duyên ái thì thọ là nhân,
∗ Ái duyên thủ thì ái là nhân,
∗ Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử trong khi nào thì sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

312.

∗ *Trong những duyên khởi đó mà* ***vô minh*** *ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt. Si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

∗ *Hành do vô minh trợ thì* ***vô minh là nhân*** *đó ra sao?* Sự tính, cách tính, sự cố quyết, thái độ cố quyết; như thế gọi là vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.

∗ *Thức do hành trợ thì* ***hành là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức thì thức là nhân.

∗ *Danh do thức trợ thì* ***thức là nhân*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh thì thức là nhân.

∗ *Lục nhập do danh trợ, thì* ***danh là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập thì danh là nhân.

∗ *Xúc do lục nhập trợ, thì* ***lục nhập là nhân*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.

∗ *Thọ do xúc trợ, thì* ***xúc là nhân*** *đó ra sao?* Sự vui lòng, sự thích ý, cách hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ thì xúc là nhân.

∗ *Ái do thọ trợ, thì* ***thọ là nhân*** *đó ra sao?* Sự dục vọng, cách rất dục vọng… sự quá mong mỏi của tâm. Như thế gọi là thọ duyên ái thì thọ là nhân.

∗ *Ái duyên thủ, thì* ***ái là nhân*** *đó ra sao?* Tà kiến, thiên kiến, hoang vu kiến, ký khu kiến, thù nghịch kiến, biến hóa kiến, kiến thức như triền, chấp trước, nghịch kiến, kiến hoặc, khinh thị, lộ đồ sai, tà đạo, sự sai căn nguyên tà giáo, chấp ngược. Dù ra sao như thế gọi là ái duyên thủ thì ái là nhân.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

313.

* Vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.
* Hành duyên thức thì hành là nhân.
* Thức duyên danh thì thức là nhân.
* Danh duyên xúc thì danh là nhân.
* Xúc duyên thọ thì xúc là nhân.
* Thọ duyên ái thì thọ là nhân.
* Ái duyên thủ thì ái là nhân.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

314.

* ***Vô minh** trong khi có ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt. Si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

* *Hành do vô minh trợ, thì vô* ***minh là nhân*** *đó ra sao?* Sự tính, sự quyết tính, thái độ cố quyết, dù cách nào như thế đều gọi là hành do vô minh trợ thì vô minh là nhân.

* *Thức do hành trợ thì* ***hành là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức thì hành là nhân.

* *Danh do thức trợ, thì* ***thức là nhân*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh thì thức là nhân.

* *Còn nói xúc do danh trợ thì danh là nhân, mà* ***danh*** *ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra xúc. Như thế gọi là danh

* *Xúc do danh trợ, thì* ***danh là nhân*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là danh duyên xúc thì danh là nhân.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

315.

* Vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.
* Hành duyên thức thì hành là nhân.
* Thức duyên danh sắc thì thức là nhân.
* Danh sắc duyên lục nhập thì danh sắc là nhân.
* Lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.
* Xúc duyên thọ thì xúc là nhân.
* Thọ duyên ái thì thọ là nhân.
* Ái duyên thủ thì ái là nhân.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

316.

* *Trong những duyên khởi đó, mà* ***vô minh*** *ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

* *Hành do vô minh trợ, thì* ***vô minh là nhân*** *đó ra sao?* Sự tính, cố tính, sự cố quyết, dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.

* *Thức do hành trợ, thì* ***hành là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức thì thức là nhân.

* *Danh sắc do thức trợ, thì* ***thức là nhân*** *đó ra sao?*

- *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sự sanh của nhãn nhập… sự sanh của thân nhập. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc sanh do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói. Gọi là thức duyên danh sắc thì thức là nhân.

∗ *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ, thì* ***danh sắc là nhân*** *đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà* ***danh*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sắc nào mà hiện hành nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói đó, như thế gọi là danh sắc.

∗ *Lục nhập do danh sắc trợ, thì* ***danh sắc là nhân*** *ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh sắc duyên lục nhập thì danh sắc là nhân.

∗ *Xúc do lục nhập trợ, thì* ***lục nhập là nhân*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

317.

∗ Vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.
∗ Hành duyên thức thì hành là nhân.
∗ Thức duyên danh sắc thì thức là nhân.
∗ Danh sắc duyên lục nhập thì danh sắc là nhân.
∗ Lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.
∗ Xúc duyên thọ thì xúc là nhân.
∗ Thọ duyên ái thì thọ là nhân.
∗ Ái duyên thủ thì ái là nhân.
∗ Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

318.

∗ *Trong những duyên khởi ấy, mà* ***vô minh*** *là chi?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

∗ *Hành do vô minh trợ, thì* ***vô minh là nhân*** *đó ra sao?* Sự tính, cách tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế đều gọi là vô minh duyên hành thì vô minh là nhân.

∗ *Thức do hành trợ, thì* ***hành là nhân*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức thì hành là nhân.

∗ *Danh sắc do thức trợ, thì* ***thức là nhân*** *đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà* ***danh*** *trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là danh.
- ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ. Hay là những sắc nào khác đồng có như là sắc sanh do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Đây gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói đó, thế gọi là thức duyên danh sắc thì thức là nhân.

* *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ, thì **danh sắc là nhân** đó ra sao?*
    - *Danh và sắc, mà **danh** trong khi có ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là danh.
    - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc tứ đại sung và sắc hiện hành nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

    Danh và sắc như đã nói. Đây gọi là danh sắc.

* *Lục nhập do danh sắc trợ, thì **danh sắc là nhân** đó ra sao?* Như là nhãn xứ… ý xứ. Đây gọi là danh sắc duyên lục nhập thì danh sắc là nhân.
* *Xúc do lục nhập trợ, thì **lục nhập là nhân** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm, dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc thì lục nhập là nhân.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần nhân

Tứ phần tương ưng

319.

* Vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* Hành duyên thức là hành tương ưng.
* Thức duyên danh sắc là thức tương ưng.
* Danh sắc duyên lục nhập là danh sắc tương ưng.
* Lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.
* Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* Thọ duyên ái là thọ tương ưng.
* Ái duyên thủ là ái tương ưng.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

320.

* ***Trong những duyên khởi**, mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.
* *Hành do vô minh trợ là **vô minh tương ưng** ra sao?* Sự tính, cách cố tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* *Thức do hành trợ là **hành tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức là hành tương ưng.
* *Danh sắc do thức trợ là **thức tương ưng** ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh sắc là thức tương ưng.
* *Lục nhập do danh trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập là danh tương ưng.
* *Xúc do lục nhập trợ là **lục nhập tương ưng** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Thế gọi là lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.

∗ *Thọ do xúc trợ là **xúc tương ưng** đó ra sao?* Sự vui lòng, cách tâm an vui, sự hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ là xúc tương ưng.

∗ *Ái do thọ trợ là **thọ tương ưng** đó ra sao?* Sự vọng dục, sự rất mong mỏi… sự vọng dục của tâm; thế gọi là thọ duyên ái là thọ tương ưng.

∗ *Thủ do ái trợ là **ái tương ưng** đó ra sao?* Tà kiến, thiên kiến… nơi nguồn phát sanh của sự điêu tàn, cách chấp theo dị đoan. Như thế gọi là ái duyên thủ là ái tương ưng.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

321.

∗ Vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
∗ Hành duyên thức là hành tương ưng.
∗ Thức duyên danh là thức tương ưng.
∗ Danh duyên xúc là danh tương ưng.
∗ Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
∗ Thọ duyên ái là thọ tương ưng.
∗ Ái duyên thủ là ái tương ưng.
∗ Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự phát sanh của những khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

322.

∗ *Trong những duyên khởi mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Thế gọi là vô minh.

∗ *Hành do vô minh trợ là **vô minh tương ưng** đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết tính; Thế gọi là vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.

∗ *Thức do hành trợ là **hành tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức là hành tương ưng.

∗ *Danh do thức trợ là **thức tương ưng** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh là thức tương ưng.

∗ *Câu nói xúc do danh trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra xúc. Như thế gọi là danh.

∗ *Xúc do danh trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là danh duyên xúc là danh tương ưng.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

323.

∗ Vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
∗ Hành duyên thức là hành tương ưng.
∗ Thức duyên danh sắc là thức tương ưng danh.
∗ Danh sắc duyên lục nhập là danh tương ưng.
∗ Lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.
∗ Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
∗ Thọ duyên ái là thọ tương ưng.
∗ Ái duyên thủ là ái tương ưng.

* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự phát sanh của những khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

324.

* *Trong những duyên khởi mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.
* *Hành do vô minh trợ là **vô minh tương ưng** đó ra sao?* Sự tính, cách tính, thái độ cố quyết tính, dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* *Thức do hành trợ là **hành tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức là hành tương ưng.
* *Danh sắc do thức trợ là **thức tương ưng danh** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự phát sanh của nhãn xứ… sự phát sanh của thân xứ. Hay là những sắc nào đồng có như là sắc do tâm sanh, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Thế gọi là sắc.

  Danh và sắc đã nói, gọi là thức duyên danh sắc là thức tương ưng danh.
* *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ là danh tương ưng, mà **danh sắc** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc nào hành động nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói, gọi là danh sắc.
* *Lục nhập do danh sắc trợ là **danh tương ưng** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Thế gọi là danh sắc duyên lục nhập là danh tương ưng.
* *Xúc do lục nhập trợ là **lục nhập tương ưng** đó ra sao?* Cách đụng, sự đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

325.

* Vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.
* Hành duyên thức là hành tương ưng.
* Thức duyên danh sắc là thức tương ưng danh.
* Danh sắc duyên lục nhập là danh tương ưng.
* Lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.
* Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* Thọ duyên ái là thọ tương ưng.
* Ái duyên thủ là ái tương ưng.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

326.

* *Trong những duyên khởi ấy mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Thế gọi là vô minh.

∗ *Hành do vô minh trợ là* ***vô minh tương ưng*** *đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết tính. Dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành là vô minh tương ưng.

∗ *Thức do hành trợ là* ***hành tương ưng*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức là hành tương ưng.

∗ *Danh sắc do thức trợ là* ***thức tương ưng*** *đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
- ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào khác vẫn có như là sắc do tâm sanh, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc đã nói gọi là thức duyên danh sắc là thức tương ưng danh.

∗ *Câu nói lục nhập do danh sắc trợ là* ***danh tương ưng*** *đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
- ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sắc tứ đại sung và sắc nào hành vi nương ý thức giới. Thế gọi là sắc.

Danh và sắc như đã nói, gọi là danh sắc.

∗ *Lục nhập do danh sắc trợ là* ***danh tương ưng*** *đó ra sao?* Nhãn xứ… ý xứ. Thế gọi là danh sắc duyên lục nhập là danh tương ưng.

∗ *Xúc sanh ra do lục nhập trợ là* ***lục nhập tương ưng*** *ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế đều gọi là lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần tương ưng

Tứ phần tương tế

327.

∗ Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh.
∗ Hành duyên thức, thức duyên hành.
∗ Thức duyên danh, danh duyên thức.
∗ Danh duyên lục nhập, lục nhập duyên danh.
∗ Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập.
∗ Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
∗ Thọ duyên ái, ái duyên thọ.
∗ Ái duyên thủ, thủ duyên ái.
∗ Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

328.

∗ *Trong những duyên khởi mà* ***vô minh*** *đó ra sao?* Sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

329.

* ***Hành do vô minh trợ*** *đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết; dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành.

* ***Hành sanh ra do vô minh trợ*** *đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là hành duyên vô minh.

330.

* ***Thức sanh ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

* ***Hành sanh ra do thức trợ*** *đó ra sao?* Sự tính, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là thức duyên hành.

331.

* ***Danh sanh ra do thức trợ*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là thức duyên danh.

* ***Thức sanh ra do danh trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên thức.

332.

* ***Lục nhập sanh ra do danh trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập.

* ***Danh sanh ra do lục nhập trợ*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Đây gọi là lục nhập duyên danh.

333.

* ***Xúc sanh ra do lục nhập trợ*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm; dù cách nào như thế đều gọi là lục nhập duyên xúc.

* ***Lục nhập sanh ra do xúc trợ*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là xúc duyên lục nhập.

334.

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sự vui lòng, sự thích ý, cách hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Xúc sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là thọ duyên xúc.

335.

* ***Ái sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự dục vọng, cách đa dục vọng, sự móng tưởng của tâm. Như thế gọi là thọ duyên ái.

* ***Thọ sanh ra do ái làm duyên*** *đó ra sao?* Sự vui lòng, cách thích ý, sự hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ái duyên thọ.

336.

* ***Thủ sanh ra do ái làm duyên*** *đó ra sao?* Tà kiến, thiên kiến… nguồn gốc phát sanh các sự điêu tàn, cách chấp trước bằng cách dị đoan. Như thế gọi là ái duyên thủ.

* ***Ái sanh ra do thủ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự dục vọng, cách đa dục vọng… cách móng tưởng của tâm. Như thế gọi là thủ duyên ái.

337.

***Hữu sanh ra do thủ làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thủ. Thế gọi là thủ duyên hữu.

338.

***Sanh có ra do hữu làm duyên** đó ra sao?* Sự phát sanh ra, cách sanh đầy đủ, thái độ sanh ra, sự sanh trọn phần, sự hiện bày của những pháp ấy. Thế gọi là hữu duyên sanh.

339.

***Lão tử có ra do sanh làm duyên** đó ra sao?*

- *Lão và tử, mà **lão** là chi?* Sự già cả, cách cũ kỹ, sự giảm thọ của những pháp ấy. Như thế gọi là lão.
- ***Tử** trong khi có ra sao?* Sự đang mất, sự đang hoại, cách đang hư, thái độ tiêu tán, mất luôn đi, không trường tồn của những pháp ấy. Như thế gọi là tử.

Lão và tử như đã nói, thế gọi là sanh duyên lão tử.

340.

Nói rằng sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế đó, tức là sự chung hiệp khứ lai, cách hiệp hội, lối hiện bày của những đống khổ ấy vẫn có bằng cách như thế. Bởi nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

341.

∗ Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh.
∗ Hành duyên thức, thức duyên hành.
∗ Thức duyên danh, danh duyên thức.
∗ Danh duyên xúc, xúc duyên danh.
∗ Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
∗ Thọ duyên ái, ái duyên thọ.
∗ Ái duyên thủ, thủ duyên ái.
∗ Hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

342.

∗ ***Trong những duyên khởi đó**, mà **vô minh** ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Thế gọi là vô minh.

∗ ***Hành sanh ra do vô minh trợ** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố quyết, sự cố tính. Như thế gọi là vô minh duyên hành.

∗ ***Vô minh sanh ra do hành trợ** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là hành duyên vô minh.

∗ ***Thức sanh ra do hành trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Hành sanh ra do thức trợ** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là thức duyên hành.

∗ ***Danh sanh ra do thức trợ** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là thức duyên danh.

∗ ***Thức sanh ra do danh trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên thức.

* ***Câu nói xúc có ra do danh**, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra xúc. Thế gọi là danh.

* ***Xúc sanh ra do danh trợ** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm; dù cách nào như thế gọi là danh duyên xúc.

* ***Danh có ra do xúc trợ** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Thế gọi là xúc duyên danh.
  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

343.

* Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh.
* Hành duyên thức, thức duyên hành.
* Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức.
* Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc.
* Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập.
* Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
* Thọ duyên ái, ái duyên thọ.
* Ái duyên thủ, thủ duyên ái.
* Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

344.

* ***Trong những duyên khởi đó** mà **vô minh** là chi?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

* ***Hành có ra do vô minh trợ** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố quyết, thái độ cố tính. Đây gọi là vô minh duyên hành.

* ***Vô minh sanh ra do hành trợ** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là hành duyên vô minh.

* ***Thức sanh ra do hành trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

* ***Hành sanh ra do thức trợ** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Thế gọi là thức duyên hành.

* ***Danh sắc có ra do thức trợ** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào khác đồng có như là sắc do tâm sanh, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc đã nói. Thế gọi là thức duyên danh sắc.

* *Câu nói danh sắc duyên thức mà **danh sắc** đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc nào hành động nương ý thức giới. Thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói, gọi là danh sắc.

∗ ***Thức sanh ra do danh sắc trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh sắc duyên thức.

∗ *Câu nói danh sắc duyên lục nhập mà **danh sắc** đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
- ***Sắc** trong khi có ra sao?* Sắc nào hành vi nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc đã nói đó, như thế gọi là danh sắc.

∗ ***Lục nhập có ra do danh sắc trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Thế gọi là danh sắc duyên lục nhập.

∗ ***Danh sắc có ra do lục nhập trợ** đó ra sao?*
- *Danh và sắc, mà **danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Thế gọi là danh.
- ***Sắc** đó ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào đồng có như là sắc sanh do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Như thế gọi là sắc.

Danh và sắc đã nói đó, như thế gọi là lục nhập duyên danh sắc.

∗ ***Xúc sanh ra do lục nhập trợ** đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

∗ ***Lục nhập có ra do xúc làm duyên trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Thế gọi là xúc duyên lục nhập.
Bởi nhân ấy mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

345.

∗ Vô minh duyên hành, hành duyên vô minh.
∗ Hành duyên thức, thức duyên hành.
∗ Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức.
∗ Danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên danh sắc.
∗ Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập.
∗ Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
∗ Thọ duyên ái, ái duyên thọ.
∗ Ái duyên thủ, thủ duyên ái.
∗ Thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

346.

∗ ***Trong những duyên khởi** mà **vô minh** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như then chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh.

∗ ***Hành có ra do vô minh trợ** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách tính quyết, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành.

∗ ***Vô minh sanh ra do hành trợ** đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt gài, si là căn bất thiện. Thế gọi là hành duyên vô minh.

∗ ***Thức có ra do hành trợ** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Thế gọi là hành duyên thức.

* ***Hành có ra do thức làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Thế gọi là thức duyên hành.

* ***Danh sắc có ra do thức làm duyên*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó là chi?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *đó ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào khác đồng có như là sắc sanh do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Thế gọi là sắc.

* *Câu nói* ***thức có ra do danh sắc*** *mà* ***danh sắc*** *đó là chi?*
  - *Phần danh và phần sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *đó ra sao?* Sắc nào là hành vi nương ý thức giới. Thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói gọi là danh sắc.

* ***Thức sanh ra do danh sắc làm duyên*** *đó ra sao?*
  Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Dù cách nào thế gọi là danh sắc duyên thức.

* *Câu nói* ***danh sắc duyên lục nhập*** *mà* ***danh sắc*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *đó ra sao?* Sắc tứ đại sung và những sắc nào hành vi nương ý thức giới. Như thế gọi là sắc.

  Danh và sắc như đã nói gọi là danh sắc.

* ***Lục nhập do danh sắc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… ý xứ. Thế gọi là danh sắc duyên lục nhập.

* ***Danh sắc có ra do lục nhập làm duyên*** *đó ra sao?*
  - *Danh và sắc, mà* ***danh*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Thế gọi là danh.
  - ***Sắc*** *trong khi có ra sao?* Sự sanh ra của nhãn xứ… sự sanh ra của thân xứ hay những sắc nào khác đồng có như là sắc sanh ra do tâm, có tâm làm nhân, có tâm làm sở sanh. Thế gọi là sắc.

    Danh và sắc đã nói đó, thế gọi là lục nhập duyên danh sắc.

* ***Xúc có ra do lục nhập làm duyên*** *đó ra sao?* Sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

* ***Lục nhập có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ… ý xứ. Như thế gọi là xúc duyên lục nhập.

  Bởi nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Tứ phần tương tế

Tâm bất thiện thứ hai, ba và bốn

347.

***Chư pháp bất thiện** đó ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh hỷ thọ, tương ưng tà kiến hữu dẫn, đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng tà kiến… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng tà kiến hữu dẫn; hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thắng giải *(adhimokkha),* thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

348.

* ***Trong những duyên khởi** đó mà **vô minh** ra sao?* Sự không biết, cách không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Thế gọi là vô minh.

* ***Hành sanh ra do vô minh làm duyên** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là vô minh duyên hành.

* ***Thắng giải sanh ra do ái làm duyên** đó ra sao?* Cách quyết đoán của tâm, cách đoán quyết, thái độ đoán quyết cảnh. Dù cách nào như thế đều gọi là ái duyên thắng giải.

* ***Hữu có ra do thắng giải** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu…
  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ năm

349.

***Chư pháp bất thiện** ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả thọ, tương ưng tà kiến; hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của những khối khổ đó vẫn có ra bằng cách như thế.

350.

* ***Trong những duyên khởi** đó, mà **vô minh** ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh…

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Sở hữu hưởng phi khổ phi lạc, phi ưu, phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ. Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ sáu, bảy và tám

351.

***Chư pháp bất thiện** ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả thọ, tương ưng tà kiến, hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng tà kiến… đồng sanh xả thọ bất tương ưng tà kiến hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hay có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ chín và mười

352.

Chư pháp bất thiện trong khi có ra sao? Tâm bất thiện đồng sanh ưu thọ, tương ưng phẫn nhuế ... đồng sanh ưu thọ tương ưng phẫn nhuế hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên phẫn *(paṭigha),* phẫn duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh của những đống khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

353.

* ***Trong những duyên khởi*** *mà* ***vô minh*** *đó ra sao?* Sự không biết, sự không thấy… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ, sở hữu tâm khổ, hưởng khổ, phi hỷ sanh từ ý xúc, cách hứng chịu những khổ, những phi hỷ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Phẫn nhuế phát sanh do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự thù hiềm, cách oán hận của tâm… sự hung hăng, miệng ác độc, những cách trái ngược vui vẻ của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên phẫn nhuế.

* ***Thắng giải sanh ra do phẫn nhuế làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phán đoán, cách giải quyết, thái độ quyết phân cảnh đặng của tâm. Như thế gọi là phẫn nhuế duyên thắng giải.

* ***Hữu phát sanh do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ mười một

354.

Chư pháp bất thiện trong khi có ra sao? Tâm bất thiện đồng sanh xả thọ, tương ưng hoài nghi. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hoài nghi, hoài nghi duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ vẫn có bằng cách như thế.

355.

* ***Trong những duyên khởi*** *đó mà* ***vô minh*** *ra sao?* Sự bất tri, sự bất kiến… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh.

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, sự hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Hoài nghi sanh ra do thọ làm duyên** đó ra sao?* Cách nghi ngờ, sự nghi hoặc, thái độ nghi nan, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, cách nghi ngờ, sự không quyết một, sự tính vớ vẫn, suy xét vu vơ, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, ý do dự. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên hoài nghi.

* ***Hữu sanh ra do hoài nghi làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà trừ hoài nghi. Như thế gọi là hoài nghi duyên hữu.

  Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm bất thiện thứ mười hai

356.

***Chư pháp bất thiện** trong khi có ra sao?* Tâm bất thiện đồng sanh xả thọ, tương ưng phóng dật. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên phóng dật, phóng dật duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

357.

* ***Trong những duyên khởi** đó mà **vô minh** ra sao?* Sự bất tri, bất kiến… vô minh như cây chốt, si là căn bất thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô minh.

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

* ***Phóng dật sanh ra do thọ làm duyên** đó ra sao?* Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự lao chao của tâm, sự sôi nổi của tâm. Như thế gọi là thọ duyên phóng dật.

* ***Thắng giải sanh ra do phóng dật làm duyên** đó ra sao?* Sự quyết đoán, cách quyết đoán, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là phóng dật duyên thắng giải.

* ***Hữu sanh ra do thắng giải làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ ra thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu…

  Do nhân ấy mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ đó vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Bất thiện xiển minh

2) Thiện xiển minh

a) Tám tâm thiện dục giới

Tâm thiện dục giới thứ nhất

358.

***Chư pháp thiện** là chi?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí; hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập,

lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh *(pasāda),* thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

359.

* ***Trong những duyên khởi** đó mà **thiện căn** ra sao?*
  - *Vô tham, vô sân và vô si, mà **vô tham** ra sao?* Cách không tham, sự không tham, thái độ không tham, sự không dục vọng, cách không dục vọng, thái độ không dục vọng, sự không chú ý lấy của cải tài vật người khác, vô tham là căn thiện. Như thế gọi là vô tham.
  - ***Vô sân** trong khi có ra sao?* Vô sân, vô hại, vô sân độc, không tính sân độc (ác), không tính ép uổng, vô sân là căn thiện. Như thế gọi là vô sân.
  - ***Vô si** trong khi có ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, cách trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là vô si.

  Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện.
* ***Hành sanh ra do căn thiện làm duyên** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết, dù cách nào như thế gọi là thiện căn duyên hành.
* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm vui, sự hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thanh có ra do thọ làm duyên** đó ra sao?* Đức tin, sự tín ngưỡng, thái độ quyết tin, sự rất tin tưởng. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thanh (trong sạch).
* ***Thắng giải sanh ra do thanh làm duyên** đó ra sao?* Sự quyết đoán của tâm, thái độ quyết đoán của tâm, sự đoán quyết cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thanh duyên thắng giải.
* ***Hữu sanh ra do thắng giải làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm thiện dục giới thứ hai, ba và bốn

360.

* ***Chư pháp thiện** trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

361.

* ***Căn thiện** đó ra sao?*
  - *Vô tham và vô sân, mà **vô tham** đó ra sao?* Cách không ham, sự không muốn, thái độ không tham lam, không nặng dục vọng, sự không nặng dục vọng, thái độ không nặng dục vọng, cách không chú ý sẽ lấy tiền, của cải người khác, vô tham là căn thiện. Dù cách nào như thế gọi là vô tham.

- ***Vô sân*** *trong khi có ra sao?* Sự không giận dỗi, không tính hại, thái độ không độc hại, không sân độc, thái độ không sân độc, vô sân là căn thiện. Như thế gọi là vô sân.

Những trạng thái pháp như thế gọi là căn thiện.

* ***Hành có ra do căn thiện làm duyên*** *đó ra sao?* Sự cố quyết, cách tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là thiện căn duyên hành.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm thiện dục giới thứ năm và sáu

362.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ, tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

363.

* ***Căn thiện*** *trong khi có ra sao?* Vô tham, vô sân, vô si… Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện *(kusalamūla).*

* ***Hành sanh ra do căn thiện làm duyên*** *ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Dù thế nào như thế gọi là thiện căn duyên hành.

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm thiện dục giới thứ bảy và tám

364.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ, bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

365.

* ***Căn thiện*** *đó ra sao?* Vô tham và vô sân. Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện.

* ***Hành sanh ra do thiện căn làm duyên*** *đó ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Thế gọi là thiện căn duyên hành…

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

b) Tâm thiện sắc giới

366.

Chư pháp thiện *ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định có đề mục đất trong khi đó thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

367.

* ***Căn thiện*** *trong khi có ra sao?* Vô tham, vô sân và vô si… Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện *(kusalamūla).*

* ***Hành sanh ra do thiện căn làm duyên*** *đó ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là thiện căn duyên hành.

  Bởi nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

c) Tâm thiện vô sắc giới

368.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối siêu thế hầu đến Vô sắc giới do lướt khỏi những Vô sở hữu xứ đồng sanh với Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng tuyệt trừ lạc… đến bực tứ thiền trong khi đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

369.

* ***Căn thiện*** *trong khi có ra sao?* Vô tham, vô sân và vô si… Những chơn tướng nầy gọi là căn thiện *(kusalamūla).*

* ***Hành sanh ra do căn thiện*** *đó ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là thiện căn duyên hành… .

* ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

  Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế

d) Tâm thiện siêu thế

370.

* ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

371.

* ***Căn thiện*** *là chi?*

- *Vô tham, vô sân và vô si, mà **vô si** ra sao?* Trí tuệ, thái độ hiểu rõ… sự vô si, cách trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Dù cách nào như thế gọi là vô si. Những chơn tướng nầy gọi là thiện căn *(kusalamūla).*
- ***Thiện căn duyên hành** đó ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là thiện căn duyên hành… .

∗ ***Thọ có ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Sở hữu tâm vui, sở hữu tâm hỷ, lạc, cách hưởng cảnh vui thích sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu vui thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

∗ ***Thanh có ra do thọ làm duyên** đó ra sao?* Đức tin, sự tín ngưỡng, thái độ tôn trọng, thái độ sùng bái. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thanh.

∗ ***Thắng giải sanh ra do thanh làm duyên** đó ra sao?* Sự quyết đoán, cách quyết đoán, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thanh duyên thắng giải.

∗ ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (trừ thắng giải). Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Câu nói sự sanh ra của những pháp ấy vẫn có bằng cách như thế đó như là sự đi chung, đến chung, cách hội hiệp, lối hiện bày của những pháp ấy vẫn có bằng cách như thế.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những pháp ấy ấy có bằng cách như thế, chỉ có bấy nhiêu thôi.

Dứt Thiện xiển minh

3) Vô ký xiển minh

a) Tám tâm dị thục quả thiện vô nhân

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ nhất

372.

***Chư pháp vô ký** là chi?* Nhãn thức thuộc dị thục quả, đồng sanh xả thọ, sanh ra biết cảnh sắc do nghiệp thiện Dục giới đã làm tích trữ, trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

373.

∗ ***Hành** trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách tính quyết, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế đều gọi là hành.

∗ ***Thức sanh ra do hành làm duyên** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ nhãn thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Danh có ra do thức làm duyên** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh.

∗ ***Lục nhập sanh ra do danh làm duyên** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ nhãn thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập.

∗ ***Xúc có ra do lục nhập làm duyên** đó ra sao?* Sự đụng, cách chạm, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm. Dù cách nào như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Hữu sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn (trừ thọ). Như thế gọi là thọ duyên hữu…
Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

374.
* Hành duyên thức, hành là nhân.
* Thức duyên danh, thức là nhân.
* Danh duyên lục nhập, danh là nhân.
* Lục nhập duyên xúc, lục nhập là nhân.
* Xúc duyên thọ, xúc là nhân.
* Thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ đó vẫn có ra bằng cách như thế.

375.
* Hành duyên thức là hành tương ưng.
* Thức duyên danh là thức tương ưng.
* Danh duyên lục nhập là danh tương ưng.
* Lục nhập duyên xúc là lục nhập tương ưng.
* Xúc duyên thọ là xúc tương ưng.
* Thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

376.
* Hành duyên thức, thức duyên hành.
* Thức duyên danh, danh duyên thức.
* Danh duyên lục nhập, lục nhập duyên danh.
* Lục nhập duyên xúc, xúc duyên lục nhập.
* Xúc duyên thọ, thọ duyên xúc.
* Thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử.

Sự sanh ra của những đống khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ hai, ba, bốn và năm

377.

Chư pháp vô ký *là chi?* Nhĩ thức thuộc dị thục quả đồng sanh với xả thọ, biết cảnh thinh… tỷ thức thuộc dị thục quả đồng sanh với xả thọ, biết cảnh khí… thiệt thức thuộc dị thục quả đồng sanh với xả thọ, biết cảnh vị… thân thức thuộc dị thục quả đồng sanh lạc thọ, biết cảnh xúc, do nghiệp thiện Dục giới đã làm tích trữ mới sanh ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

378.
* ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách quyết tính, thái độ cố quyết. Dù cách nào như thế gọi là hành…

∗ ***Thọ sanh ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sự sướng thân, sự thích của thân hưởng cảnh sướng thích sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh sướng thích sanh từ thân xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.

∗ ***Hữu sanh ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn (trừ thọ). Như thế gọi là thọ duyên hữu…

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ sáu

379.

Chư pháp vô ký *ra sao?* Ý giới thành dị thục quả đồng sanh xả thọ. Hoặc có cảnh sắc… hoặc có cảnh xúc hay những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa mới có, thì trong khi đó hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

380.

∗ ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.

∗ ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi hỷ phi phi hỷ, sự hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

∗ ***Thắng giải có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phán đoán, cách phán đoán, thái độ phán đoán của tâm. Đây gọi là thọ duyên thắng giải.

∗ ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu… Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ bảy

381.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành dị thục quả đồng sanh hỷ thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa mới tạo ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

382.

∗ ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.

∗ ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức…

* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm mãn ý, sở hữu tâm khoái lạc, sự hưởng mãn ý an lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu những mãn ý an lạc sanh từ ý xúc. Dù cách nào như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thắng giải có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phân đoán, cách phân đoán, thái độ phân đoán. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thắng giải.
* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (mà trừ ra thắng giải). Như thế gọi là thắng giải duyên hữu…

Bởi nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ tám

383.

Chư pháp vô ký *ra sao?* Ý thức giới thành dị thục quả đồng sanh xả thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để mới phát ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

384.

* ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.
* ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức…
* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Sở hữu tâm phi mãn ý, phi phi mãn ý, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thắng giải có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phân đoán, cách quyết đoán, thái độ đoán quyết cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thắng giải.
* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn (trừ thắng giải). Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Bởi nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

b) Tám tâm dị thục quả Dục giới

385.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thuộc dị thục quả, đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra đặng do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa mới có ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

386.

∗ ***Trong những duyên khởi*** *đó mà* ***hành*** *là chi?* Sự cố quyết, thái độ tính, cách cố quyết; dù cách nào như thế gọi là hành.

∗ ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Thanh có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Đức tin, sự trong sạch, cách tín ngưỡng, thái độ trọng kỉnh, dù cách nào như thế gọi là thọ duyên thanh (trong sạch).

∗ ***Thắng giải có ra do thanh làm duyên*** *đó ra sao?* Sự phán đoán, cách phán quyết, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Dù cách nào như thế gọi là thanh duyên thắng giải.

∗ ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (trừ thắng giải). Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh ra của những khối khổ đó vẫn có bằng cách như thế.

c) Tâm dị thục quả Sắc giới

387.

Chư pháp vô ký *ra sao?*

- Bực tu tiến theo đường lối siêu thế hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định bằng đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực tu tiến tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất có dị thục quả phát sanh ra do nghiệp thiện Sắc giới đã làm chất để mới đặng có ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

d) Tâm dị thục quả Vô sắc giới

388.

Chư pháp vô ký *ra sao?*

- Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới đã trừ luôn lạc, lướt khỏi những Vô sở hữu xứ chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực trừ luôn lạc lướt khỏi những Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà đặng dị thục quả do đã làm nghiệp thiện Vô sắc giới chứa để mới đặng thì trong khi đó hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

e) Tâm dị thục quả Siêu thế

389.

Chư pháp vô ký *ra sao?*

- Bực tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc

sanh từ định mà hành nan đắc cấp trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng như thế gọi là chư pháp thiện.

- Bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do thiền thiện siêu thế hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định do nhờ tu tiến mà hành nan đắc cấp *(dukkhāpaṭipadā-dandhābhiññā)* thuộc chủng tiêu diệt *(suññata)* trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những pháp ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

f) Bảy tâm dị thục quả bất thiện

Tâm dị thục quả bất thiện thứ nhứt, hai, ba, tư và năm

390.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Nhãn thức thuộc dị thục quả, đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh sanh ra… nhĩ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có thinh làm cảnh sanh ra… tỷ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có khí làm cảnh sanh ra… thiệt thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có vị làm cảnh sanh ra… thân thức thuộc dị thục quả đồng sanh khổ thọ có xúc làm cảnh sanh ra đều do đã tạo chứa nghiệp bất thiện có trong khi nào thì trong khi đó hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự phát sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

391.

∗ ***Trong những duyên khởi** đó mà **hành** ra sao?* Sự cố quyết, cách cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.

∗ ***Thức có ra do hành làm duyên** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ thân thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

∗ ***Thọ có ra do xúc làm duyên** đó ra sao?* Như là thân không thích, thân chịu khổ, sự hưởng khổ, hưởng không thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

∗ ***Hữu có ra do thọ làm duyên** đó ra sao?* Như là tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn (trừ thọ). Như thế gọi là thọ duyên hữu.
Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả bất thiện thứ sáu

392.

***Chư pháp vô ký** ra sao?* Ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra đặng do tạo chứa nghiệp bất thiện trong khi nào thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

393.

∗ ***Trong những duyên khởi** đó, mà **hành** ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.

∗ ***Thức sanh ra do hành làm duyên** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… thuộc ý giới. Như thế gọi là hành duyên thức…

∗ ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sở hữu tâm phi mãn ý phi phi mãn ý, sự hưởng phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

∗ ***Thắng giải có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sự phân đoán, đoán quyết, thái độ đoán quyết cảnh của tâm. Như thế gọi là thọ duyên thắng giải.

∗ ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả bất thiện thứ bảy

394.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay là những cảnh chi mở mối sanh ra do tạo chứa nghiệp bất thiện trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có bằng cách như thế.

395.

∗ ***Hành*** *trong khi có ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là hành.

∗ ***Thức có ra do hành làm duyên*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức…

Do đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

g) Ba tâm tố vô nhân

396.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý giới thuộc tố, phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả đồng sanh xả thọ, có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh; hay là những cảnh chi mở mối sanh ra… ý thức giới thuộc tố, phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, đồng sanh xả thọ, có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

h) Tám tâm đại tố dục giới

397.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thuộc tố, phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn…, có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc,

xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

i) Tâm tố sắc giới

398.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Bực vô sanh tu tiến theo thiền Sắc giới thuộc tố, phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, đã viễn ly chư dục thành kiến pháp lạc xứ… đắc sơ thiền bằng đề mục đất trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế…

j) Tâm tố vô sắc giới

399.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Bực vô sanh tu tiến theo thiền Vô sắc giới thuộc tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, chỉ kiến pháp lạc xứ do lướt qua cho đến khỏi Vô sở hữu xứ và trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng phi tưởng phi phi tưởng trong khi đó thì hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Vô ký xiển minh

4) Xiển minh phần căn vô minh đối với thiện

a) Tám tâm đại thiện

Tâm đại thiện thứ nhứt

400.

Chư pháp thiện *ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí, có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

401.

* ***Vô minh duyên hành*** *đó ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, thái độ cố quyết; như thế gọi là vô minh duyên hành.
* ***Thọ có ra do xúc làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sự mãn ý của tâm, an lạc của tâm, hưởng sự mãn ý từ ý xúc, thái độ hứng chịu những sự mãn ý an lạc từ nơi ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.
* ***Thanh có ra do thọ làm duyên*** *đó ra sao?* Như là đức tin, sự tín ngưỡng, cách tín ngưỡng, thái độ tín ngưỡng; như thế gọi là thọ duyên thanh.
* ***Thắng giải có ra do thanh làm duyên*** *đó ra sao?* Như là sự quyết tâm, cách quyết đoán, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Như thế gọi là thanh duyên thắng giải.

* ***Hữu có ra do thắng giải làm duyên*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

402.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

403.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của các khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

404.

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm thiện dục giới thứ hai, ba, tư, năm, sáu, bảy và tám

405.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thời vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

b) Tâm thiện sắc giới

406.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định, nương đề mục đất trong khi đó thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

c) Tâm thiện vô sắc giới

407.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, đã trừ luôn lạc lướt khỏi Vô sở hữu xứ, chứng tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó thì vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh

duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

d) Tâm thiện siêu thế

408.

Chư pháp thiện *trong khi có ra sao?* Bực tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì lúc ấy vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những pháp ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Xiển minh phần căn vô minh đối với thiện

5) Xiển minh phần thiện căn dị thục quả

a) Tâm dị thục quả thiện vô nhân

Tâm dị thục quả thiện vô nhân thứ nhất

409.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Nhãn thức thuộc dị thục quả, đồng sanh xả thọ do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa sanh ra có sắc làm cảnh trong khi nào thì lúc đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

410.

Thiện căn duyên hành *đó ra sao?* Như là sự cố quyết, sự quyết tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là thiện căn duyên hành… Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả thiện vô nhơn thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám

411.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Trong khi nào nhĩ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, có thinh làm cảnh… tỷ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, có khí làm cảnh… thiệt thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, có vị làm cảnh… thân thức thuộc dị thục quả đồng sanh lạc thọ, có xúc làm cảnh… ý giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh hỷ thọ có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra… ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chất chứa trong khi đó thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

b) Tám tâm đại dị thục quả

412.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ

thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… do đã tạo chứa để nghiệp thiện Dục giới đã làm, có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

c) Tâm dị thục quả sắc giới

413.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

- Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định có đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực tĩnh ly chư dục, đã chứng sơ thiền mà thành dị thục quả do đã tạo chứa nghiệp Sắc giới có ra cũng hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định nương đề mục đất trong khi nào thì lúc đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh (trong sạch), thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

d) Tâm dị thục quả vô sắc giới

414.

Chư pháp vô ký *ra sao?*

- Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới trừ luôn lạc do lướt khỏi Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp thiện.
- Bực lướt khỏi Vô sở hữu xứ đã trừ luôn lạc đắc tứ thiền thuộc dị thục quả do đã tạo chứa nghiệp vô sắc mà đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó là thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh, thanh duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

e) Tâm dị thục quả siêu thế

415.

Chư pháp vô ký *trong khi có ra sao?*

- Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những chơn tướng như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực tĩnh ly chư dục đã đắc sơ thiền thành dị thục quả do đã tiến hành thiền thiện siêu thế hiệp tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì chủng tiêu diệt trong khi nào thì lúc đó thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thanh. Thanh duyên

thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những pháp ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Phần thiện căn dị thục quả xiển minh

6) Xiển minh phần bất thiện căn dị thục quả

a) Bảy tâm dị thục quả bất thiện

Tâm dị thục quả bất thiện thứ nhất

416.

***Chư pháp vô ký** ra sao?* Khi nào dị thục quả do nghiệp bất thiện tạo sanh ra tức là nhãn thức đồng sanh xả thọ, có sắc làm cảnh, trong khi đó thì bất thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

417.

***Bất thiện căn duyên hành** đó ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, trạng thái cố quyết. Như thế gọi là bất thiện căn duyên hành… Do nhân đó mới gọi là sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả bất thiện thứ hai, ba, bốn, năm và sáu

418.

***Chư pháp vô ký** ra sao?* Khi nào dị thục quả do nghiệp bất thiện tạo ra thành nhĩ thức đồng sanh xả thọ có thinh làm cảnh… thành tỷ thức đồng sanh xả thọ có khí làm cảnh… thành thiệt thức đồng sanh xả thọ có vị làm cảnh… thành thân thức đồng sanh khổ thọ có xúc làm cảnh… thành ý giới đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì bất thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Tâm dị thục quả bất thiện thứ bảy

419.

***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Khi nào dị thục quả do nghiệp bất thiện tạo ra thuộc ý thức giới đồng sanh xả thọ có cảnh sắc… hoặc cảnh pháp hay những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì bất thiện căn duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh, danh duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên thắng giải, thắng giải duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Sự sanh ra của những khối khổ vẫn có ra bằng cách như thế.

420.

***Bất thiện căn duyên hành** đó ra sao?* Như là sự cố quyết, sự cố tính, thái độ cố quyết. Như thế gọi là bất thiện căn duyên hành.

421.

***Hành duyên thức** trong khi có ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là hành duyên thức.

422.

***Thức duyên danh** đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn. Như thế gọi là thức duyên danh.

423.

Danh duyên lục nhập *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là danh duyên lục nhập.

424.

Lục nhập duyên xúc *đó ra sao?* Như là sự đụng, cách đụng, sự đụng chạm, thái độ đụng chạm, như thế gọi là lục nhập duyên xúc.

425.

Xúc duyên thọ *đó ra sao?* Như là sự phi hỷ phi phi hỷ của tâm, hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hứng chịu cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là xúc duyên thọ.

426.

Thọ duyên thắng giải *đó ra sao?* Như là sự quyết đoán, cách phân đoán, thái độ quyết đoán cảnh của tâm. Như thế gọi là thọ duyên thắng giải.

427.

Thắng giải duyên hữu *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà trừ thắng giải. Như thế gọi là thắng giải duyên hữu.

428.

Hữu duyên sanh *đó ra sao?* Như là cách sanh, sự sanh, cách có ra, phát ra đầy đủ, sanh trọn phần, sự phát hiện của những pháp đó. Như thế gọi là hữu duyên sanh.

429.

Sanh duyên lão tử *đó ra sao?*

- *Lão và tử, mà* ***lão*** *đó ra sao?* Như là sự già, trạng thái già, bớt sự sống còn của những pháp ấy. Như thế gọi là lão.
- ***Tử*** *trong khi có ra sao?* Như là sự mất, cách hoại, sự tan rã, sự hư hao, không bền vững, cách mất đi của những pháp ấy. Như thế gọi là tử.

Lão và tử như đã nói đó. Thế gọi là sanh duyên lão tử.

430.

Câu nói sự sanh ra của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế tức là sự tập khứ, tập lai, cách hội hợp, thái độ hiện bày của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Do nhân đó mới gọi là sự phát sanh của những khối khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Dứt Phần bất thiện căn dị thục quả xiển minh
Dứt Phân theo Diệu Pháp
Đầy đủ duyên khởi phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN VII - NIỆM XỨ PHÂN TÍCH

A. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHẦN THEO KINH

431.

Tứ niệm xứ:

- 1 là Phíc-khú trong Phật Giáo nầy thường quán thân trong thân bên trong, thường quán thân trong thân bên ngoài, thường quán thân trong thân bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, lương tri, niệm, ngăn chận đặng tham ác và ưu trong đời.
- 2 là thường quán thọ trong thọ bên trong, thường quán thọ trong thọ bên ngoài, thường quán thọ trong thọ bên trong và bên ngoài, có sự tinh tấn, đặng lương tri, niệm, ngăn ngừa đặng ưu và tham ác trong đời.
- 3 là thường quán tâm trong tâm bên trong, thường quán tâm trong tâm bên ngoài, thường quán tâm trong tâm bên trong và bên ngoài, có sự tinh tấn, lương tri, niệm ngăn ngừa ưu và tham ác trong đời.
- 4 là thường quán pháp trong pháp bên trong, thường quán pháp trong pháp bên ngoài, thường quán pháp trong pháp bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, lương tri, niệm, ngăn ngừa đặng ưu và tham ác trong đời.

1) Niệm thân xiển minh

432.

*Phíc-khú **thường quán thấy thân trong thân bên trong** như thế nào?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy, quán thấy trong thân từ bàn chân sắp lên, từ ngọn tóc sắp xuống, có da bọc xung quanh, đầy dẫy những đồ không sạch, trong thân có những thứ khác khác như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tỳ, tim, gan, màng mỡ sa, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ, mật, đàm, mũ, máu, mồ hôi, mỡ cục, nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt khớp xương, nước tiểu.
- Chính Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu tiến hành đa quán, rành với ấn chứng ấy thời Phíc-khú đó càng sử dụng tu tiến hành đa, niệm rành ấn chứng đó mới chăm chú tâm vào trong thân bên ngoài.

433.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thân trong thân bên ngoài** như thế nào?*

- Phíc-khú trong Phật Giáo nầy quán thấy thân bên ngoài từ bàn chân sắp lên, từ ngọn tóc sắp xuống, da bao bọc giáp vòng, dẫy đầy những đồ bất tịnh trong thân của người khác những thứ như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tỳ, tim, gan, màng mỡ sa, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ, mật, đàm, mũ, máu, mồ hôi, mỡ cục, nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt khớp xương, nước tiểu.

- Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu tiến hành đa, niệm rành ấn chứng ấy thời vị Phíc-khú đó càng sử dụng tu tiến hành đa, niệm rành ấn chứng ấy rồi mới chú tâm vào những trong thân bên trong và bên ngoài.

434.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thân trong thân bên trong và bên ngoài** bằng cách nào?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy quán thấy cả thân bên trong và bên ngoài, từ bàn chân sắp lên, từ ngọn tóc sắp xuống, da bao bọc chung quanh, dẫy đầy với những đồ bất tịnh trong thân ấy với những món như là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tỳ, tim, gan, màng mỡ sa, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ, mật, đàm, mũ, máu, mồ hôi, mỡ cục, nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt khớp xương, nước tiểu, như thế Phíc-khú mới đặng gọi là thường quán thấy cả thân trong thân bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, lương tri, niệm ngăn ngừa đặng tránh khỏi tham ác và ưu trong đời.

435.

*Gọi thường quán thấy mà **thường quán thấy** ra sao?* Như là trí tuệ, nào là thái độ rõ thấu… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là thường quán thấy. Đây là Phíc-khú thành bực vào đến, thường quán thấy hằng vào đến, rành vào đến, hằng rành vào đến, đã vào đến, hằng đã vào đến, hằng đã rành vào đến, do nhân đó mới gọi là thường quán thấy.

436.

Còn gọi vẫn tức là vẫn liên hệ nhau, vẫn hành, vẫn chăm nom, vẫn hành động, vẫn cho hành vi, vẫn dạo đi, vẫn tạm trụ; do nhân ấy mới gọi là vẫn *(viharati).*

437.

*Gọi tinh tấn mà **tinh tấn** đó ra sao?* Như là mở mối siêng năng cho tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là tinh tấn. Đây là thành bực tỷ khưu vào đến bực tinh tấn, hằng vào đến, rành vào đến, hằng rành vào đến, hằng đã rành vào đến, hợp với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là tinh tấn.

438.

*Gọi lương tri mà **lương tri** đó ra sao?* Như là trí tuệ, thái độ rõ thấu… vô si, trạch pháp, chánh kiến; như thế gọi là lương tri. Đây là Phíc-khú thành bực vào đến, hằng vào đến, rành vào đến, hằng rành vào đến, đã vào đến, hằng đã vào đến, hằng đã rành vào đến, hiệp với sự lương tri ấy. Do nhân đó mới gọi là có lương tri.

439.

*Gọi niệm mà **niệm** đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách hằng nhớ… chánh niệm. Như thế gọi là niệm. Đây là tỷ khưu thành bực vào đến, hằng vào đến, rành vào đến, đã vào đến, hằng đã vào đến, hằng đã rành vào đến hiệp với niệm ấy. Do nhân đó mới gọi là có niệm.

440.

*Chỗ nói hạn chế tham ác và ưu trong đời mà **ưu** đó ra sao?* Đời chính là thân hay thủ uẩn cũng gọi là đời. Như thế gọi là đời.

- ***Tham ác** đó ra sao?* Như là ái tình, tình cảm nặng… sự dục vọng của tâm. Như thế gọi là tham ác.
- ***Ưu** trong khi có ra sao?* Như là sự không vui của tâm, sự khổ của tâm, sự hưởng cảnh khổ không vui từ ý xúc, thái độ hứng chịu những khổ, những không vui từ ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Tham ác và ưu đã nói đó đã bị hạn chế, bị đè nén, vắng lặng êm ái cho đến diệt đi êm đềm, vắng bặt bằng cách đè nén bị làm cho điêu tàn càng rất điêu tàn, bị làm cho khô héo càng rất khô héo, bị làm cho phải cùng tột đến hết trong đời ấy. Do nhân đó mới gọi là hạn chế tham ác và ưu đặng khỏi trong đời.

Dứt Niệm thân xiển minh

2) Niệm thọ xiển minh

441.

Phíc-khú vẫn ***thường quán thấy thọ trong thọ bên trong*** *ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi hứng chịu lạc thọ cũng biết rõ rành ta hứng chịu lạc thọ, khi hứng chịu khổ thọ cũng biết rõ là ta hưởng khổ thọ, khi hưởng phi khổ phi lạc thọ cũng biết rõ rằng ta hưởng phi khổ phi lạc thọ; khi hưởng lạc thọ có vật chất cũng biết rõ ràng ta hưởng lạc thọ có vật chất; hoặc khi hưởng lạc thọ không có vật chất cũng biết rõ ràng ta hưởng lạc thọ không có vật chất; khi hưởng khổ thọ có vật chất cũng biết rõ ràng ta thọ khổ có vật chất; hoặc khi ta thọ khổ không có vật chất cũng biết rõ ràng ta thọ khổ không có vật chất; khi hưởng phi khổ phi lạc thọ có vật chất cũng biết rõ ràng ta thọ phi khổ phi lạc có vật chất. Hoặc khi hưởng phi khổ phi lạc thọ không có vật chất cũng biết rõ ràng ta thọ phi khổ phi lạc không có vật chất.
- Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu tiến rất nhiều, chăm chú rành rẽ với ấn chứng ấy, Phíc-khú đó đang sử dụng tu tiến càng nhiều, chú ý rành rẽ ấn chứng đó rồi, thời chú tâm vào trong thọ bên ngoài.

442.

Phíc-khú vẫn ***thường quán thấy thọ trong thọ bên ngoài*** *ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy chú ý rõ biết sự hứng chịu cảnh của người khác như vầy: Họ đang thọ lạc, biết họ đang thọ lạc… họ đang thọ khổ, biết rõ họ đang thọ khổ; họ đang thọ phi khổ phi lạc biết rõ họ đang thọ phi khổ phi lạc; họ đang thọ lạc có vật chất, biết rõ họ đang thọ lạc có vật chất; họ đang thọ lạc không có vật chất, biết rõ họ đang thọ lạc không có vật chất; họ đang thọ khổ có vật chất, biết rõ họ đang thọ khổ có vật chất; họ đang thọ khổ không có vật chất, biết rõ họ đang thọ khổ không có vật chất; họ đang thọ phi khổ phi lạc có vật chất, biết rõ họ đang thọ phi khổ phi lạc có vật chất; hay là họ đang thọ phi khổ phi lạc không có vật chất, cũng biết rõ họ đang thọ phi khổ phi lạc không có vật chất.
- Phíc-khú như thế đó vẫn sử dụng tu tiến càng cho nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy; Phíc-khú đang khi sử dụng tu tiến rất nhiều, chăm chú rành rẽ với ấn chứng ấy rồi, thời chú ý vào đến những thọ trong thọ bên trong và bên ngoài.

443.

Phíc-khú vẫn ***thường quán thấy thọ trong thọ cả bên trong và bên ngoài*** *ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy biết rõ thọ lạc của ai cũng là thọ lạc… biết rõ thọ khổ là thọ khổ, biết rõ thọ phi khổ phi lạc là thọ phi khổ phi lạc, biết rõ thọ lạc có vật chất là thọ lạc có vật chất, biết rõ thọ lạc không có vật chất là thọ lạc không có vật chất, biết rõ thọ khổ có vật chất là thọ khổ có vật chất, biết rõ thọ khổ không có vật chất là thọ khổ không có vật chất, biết rõ thọ phi khổ phi lạc có vật chất là thọ phi khổ phi lạc có vật chất, biết rõ thọ phi khổ phi lạc không có vật chất là thọ phi khổ phi lạc không có vật chất.

- Phíc-khú như thế mới đặng gọi là thường quán thấy thọ trong thọ cả bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, sự lương tri, có niệm hạn chế mất đặng tham ác và ưu trong đời.

444.

* *Gọi thường quán thấy mà **thường quán thấy** như thế nào?* Như là trí tuệ, thái độ biết rõ rệt… do nhân đó mới gọi là thường quán thấy.
* *Còn nói vẫn, mà **vẫn** đó ra sao?* Như là vẫn liên tiếp nhau… như thế gọi là vẫn *(viharati).*
* *Câu nói: Có tinh tấn mà **tinh tấn** đó ra sao?* Cách mở mối cho tâm siêng năng… do nhân đó mới gọi là có tinh tấn.
* *Câu nói: Có lương tri mà **lương tri** đó ra sao?* Như là trí tuệ, thái độ rõ thấu… do nhân đó mới gọi là có lương tri.
* *Câu nói: Có niệm mà **niệm** đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách nhớ theo… do nhân đó mới gọi là niệm.
* *Nói hạn chế tham ác và ưu trong đời mà **đời** đó ra sao?* Sự hưởng vui thích là đời, ngũ thủ uẩn là đời. Như thế gọi là đời.
* ***Tham ác** đó ra sao?* Như là sự ái dục, cách ái dục nặng… sự dục vọng của tâm. Như thế gọi là tham ác.
* ***Ưu** đó ra sao?* Như là sự làm trong tâm không vui, cách làm trong tâm khổ, sự hưởng cảnh khổ không vui từ ý xúc, cách hứng chịu những khổ, những không vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Tham ác và ưu trong đời như đã nói bị hạn chế, bị đè nén, êm ái vắng lặng cho đến im đìm tắt đi, dứt bằng cách hạn chế bị làm cho phải điêu tàn, bị làm cho điêu tàn bằng cách đè nén, bị làm cho khô khan, bị làm cho hoàn toàn khô khan, bị làm cho mất tuyệt cả trong đời nầy. Do nhân đó mới gọi là hạn chế dứt đặng tham ác và ưu trong đời.

Dứt Niệm thọ xiển minh

3) Niệm tâm xiển minh

445.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy tâm trong tâm bên trong** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi nào tự tâm có dục, biết rõ là tâm ta có dục, hoặc khi tâm ly dục, biết rõ là tâm ta ly dục.
- Khi tâm có sân biết rõ là tâm ta có sân, hoặc khi tâm ly sân, biết rõ là tâm ta ly sân.
- Khi tâm có si (nặng) biết rõ là tâm của ta có si (nặng), hoặc khi tâm ly si cũng biết rõ là tâm của ta ly si.
- Khi tâm hôn trầm cũng biết rõ là tâm của ta hôn trầm, hoặc khi tâm tán loạn cũng biết rõ tâm của ta tán loạn.
- Khi tâm thành đáo đại cũng biết rõ tâm của ta thành đáo đại, hoặc khi tâm không thành đáo đại cũng biết rõ tâm của ta không thành đáo đại.
- Khi tâm thành hữu thượng cũng biết rõ tâm của ta thành hữu thượng, hoặc khi tâm thành vô thượng cũng biết rõ tâm của ta thành vô thượng.

- Khi tâm đình trụ cũng biết rõ tâm của ta đình trụ, hoặc khi tâm không đình trụ cũng biết rõ tâm của ta không đình trụ.
- Khi tâm giải thoát cũng biết rõ tâm của ta giải thoát, hoặc khi tâm chưa giải thoát cũng biết rõ tâm của ta chưa giải thoát.

Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu hành nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy, Phíc-khú đó khi đang tu tiến nhiều, đã chăm chú rành với ấn chứng ấy, thời tâm chú ý đến tâm trong tâm bên trong.

446.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy tâm trong tâm bên ngoài** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi gặp tâm của kẻ khác có dục, biết rõ tâm của kẻ khác có dục. Hoặc khi tâm của người ấy ly dục, cũng biết rõ tâm của người ấy ly dục.
- Khi tâm của người đó có sân cũng biết rõ tâm của người đó có sân. Hoặc khi tâm của người đó ly sân cũng biết rõ tâm của người đó ly sân.
- Khi tâm của người đó có si cũng biết rõ tâm của người đó có si. Khi tâm của người đó ly si cũng biết rõ tâm của người đó ly si.
- Khi tâm của người đó hôn trầm cũng biết rõ tâm của người đó hôn trầm. Hoặc khi tâm của người đó tán loạn cũng biết rõ tâm của người đó tán loạn.
- Khi tâm của người đó thành đáo đại cũng biết rõ tâm của người đó thành đáo đại. Hay khi tâm của người đó không thành đáo đại cũng biết rõ tâm của người đó không thành đáo đại.
- Khi tâm của người đó thành hữu thượng, cũng biết rõ tâm của người đó thành hữu thượng. Hoặc khi tâm của người đó thành vô thượng cũng biết rõ tâm của người đó thành vô thượng.
- Khi tâm của người đó đình trụ, cũng biết rõ tâm của người đó đình trụ. Hoặc khi tâm của người đó không đình trụ cũng biết rõ tâm của người đó không đình trụ.
- Khi tâm của người đó giải thoát cũng biết rõ tâm của người đó giải thoát. Hoặc khi tâm của người đó chưa giải thoát cũng biết rõ tâm của người đó chưa giải thoát.

Phíc-khú đó vẫn sử dụng tu hành nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy, thời Phíc-khú đó khi đang sử dụng tu tiến nhiều, đã chăm chú rành với ấn chứng đó rồi, thời chú ý đến tâm trong tâm cả bên trong và bên ngoài.

447.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy tâm trong tâm cả bên trong và bên ngoài** ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi tâm của ta hay người khác có dục vọng, cũng biết rõ có dục vọng. Hoặc khi tâm ly dục cũng biết rõ tâm ly dục.
- Khi tâm có sân cũng biết rõ tâm có sân; hoặc khi tâm ly sân cũng biết rõ tâm ly sân.
- Khi tâm có si (nặng) cũng biết rõ tâm có si (nặng); hoặc khi tâm ly si cũng biết rõ tâm ly si.
- Khi tâm hôn trầm cũng biết rõ tâm hôn trầm; khi tâm tán loạn cũng biết rõ tâm tán loạn.
- Khi tâm thành đáo đại cũng biết rõ tâm thành đáo đại; khi tâm không thành đáo đại cũng biết rõ tâm không thành đáo đại.
- Khi tâm thành hữu thượng cũng biết rõ tâm thành hữu thượng; khi tâm thành vô thượng cũng biết rõ tâm thành vô thượng.
- Khi tâm đình trụ cũng biết rõ tâm đình trụ; hoặc khi tâm không đình trụ cũng biết rõ tâm không đình trụ.

- Khi tâm giải thoát cũng biết rõ tâm giải thoát; khi tâm chưa giải thoát cũng biết rõ tâm chưa giải thoát.

Phíc-khú có phẩm hạnh như thế mới đặng gọi là vẫn thường quán thấy tâm trong tâm cả bên trong và bên ngoài, có tinh tấn, đặng lương tri, chánh niệm hạn chế dứt đặng tham ác và ưu trong đời.

448.

∗ *Nói rằng thường quán thấy, mà* ***thường quán thấy*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ hiểu rõ… do nhân đó mới gọi là thường quán thấy.

∗ *Gọi vẫn mà* ***vẫn*** *đó ra sao?* Như là vẫn liên quan nhau… do nhân đó mới gọi là vẫn.

∗ *Nói có tinh tấn mà* ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối sự cần mẫn trong tâm… với nhân đó mới gọi là có tinh tấn.

∗ *Nói đặng lương tri mà* ***lương tri*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ hiểu rõ… do nhân đó mới gọi là đặng lương tri.

∗ *Gọi niệm mà* ***niệm*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách hằng nhớ… bằng nhân đó mới gọi là có niệm.

∗ *Gọi hạn chế mất đặng tham ác và ưu trong đời, mà* ***đời*** *đó ra sao?* Chính tâm đó là đời hay ngũ thủ uẩn cũng gọi là đời. Như thế gọi là đời.

∗ ***Tham ác*** *đó ra sao?* Như là sự dục vọng, cách đa dục vọng… sự quá mong mỏi của lòng. Như thế gọi là tham ác.

∗ ***Ưu*** *đó ra sao?* Sự làm trong tâm không vui, sự làm trong tâm phải khổ, cách hưởng cảnh phải khổ không vui từ nơi ý xúc, thái độ hứng chịu những khổ, những không vui từ nơi ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Tham ác và ưu như đã nói đó bị hạn chế, bị đè nén im đìm vắng lặng cho đến yên tịnh diệt tắt dứt mất bằng cách hạn chế, bị làm cho điêu tàn bằng cách hạn chế, bị làm cho khô khan rốt cuộc lìa khỏi trong đời nầy. Do nhân đó mới gọi là hạn chế mất đặng tham ác và ưu trong đời.

Dứt Niệm tâm xiển minh

4) Niệm pháp xiển minh

449.

Phíc-khú vẫn ***thường quán thấy pháp trong pháp bên trong*** *ra sao?*

Phần cái

Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi tâm bên trong có dục dục cũng biết rõ tâm của ta đang có dục dục; hoặc khi tâm bên trong không có dục dục cũng biết rõ tâm ta không có dục dục.

Một nữa, dục dục chưa sanh sẽ sanh do nhân nào biết rõ bằng nhân ấy. Một nữa, cách trừ dục dục đã sanh sẽ đặng do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, dục dục đã đặng trừ sẽ không sanh sau này do nhân chi, biết rõ nhân đó.

Khi sân độc đang có tâm bên trong… khi hôn trầm đang có tâm bên trong… khi Trạo cử đang có tâm bên trong… khi hoài nghi đang có tâm bên trong, cũng biết rõ tâm của ta đang có hoài nghi, hoặc khi tâm bên trong không có hoài nghi cũng biết rõ tâm của ta không có hoài nghi. Một nữa, hoài nghi chưa sanh sẽ sanh do nhân chi, biết

rõ nhân đó. Một nữa, cách trừ hoài nghi đã sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, hoài nghi đã đặng trừ sẽ không sanh sau này nữa do nhân nào biết rõ nhân đó.

Phần giác chi

Khi niệm giác chi đang có tâm bên trong, cũng biết rõ niệm giác chi đang có nơi tâm ta. Hoặc khi niệm giác chi không có tâm bên trong cũng biết rõ niệm giác chi không có nơi tâm ta.

Một nữa, niệm giác chi chưa sanh ra sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, sự tiến hóa đầy đủ của niệm giác chi đã sanh sẽ đặng do nhân nào biết rõ nhân đó.

Khi trạch pháp giác chi đang có nơi tâm bên trong… khi cần giác chi đang có nơi tâm bên trong… khi hỷ giác chi đang có nơi tâm bên trong… khi an giác chi đang có tại tâm bên trong… khi định giác chi đang có tại tâm bên trong… khi xả giác chi đang có tại tâm bên trong, cũng biết rõ xả giác chi đang có nơi tâm ta; hoặc khi xả giác chi không có nơi tâm bên trong cũng biết rõ xả giác chi không có nơi tâm ta. Một nữa, xả giác chi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, sự tiến hóa đầy đủ của xả giác chi đã sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân đó.

Phíc-khú như thế đó vẫn sử dụng tu hành đặng nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy thì Phíc-khú đó trong khi đang sử dụng tu hành nhiều đã rành chăm chú với ấn chứng ấy, thời chú ý đến pháp trong pháp bên ngoài.

450.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy pháp trong pháp bên ngoài** ra sao?*

Phần cái

Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi dục dục đang có của người khác cũng biết rõ dục dục họ đang có; hoặc khi dục dục của họ không có cũng biết rõ dục dục của họ không có. Một nữa, dục dục chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, sự trừ dục dục đã sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, dục dục đã trừ đặng sẽ không sanh nữa bằng nhân nào biết rõ nhân đó.

Khi sân độc của người kia đang có… khi hôn trầm của người kia đang có… khi trạo cử của người kia đang có… khi hoài nghi của người kia đang có, cũng biết rõ hoài nghi của người kia đang có hay hoài nghi của người kia không có cũng biết rõ hoài nghi của người kia không có. Một nữa, hoài nghi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, cách trừ hoài nghi sẽ sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân đó… Một nữa, hoài nghi đã đặng trừ sẽ không sanh nữa do nhân nào biết rõ nhân đó.

Phần giác chi

Khi người kia có niệm giác chi cũng biết rõ là người kia có niệm giác chi, hoặc khi người kia không có niệm giác chi cũng biết rõ người kia không có niệm giác chi. Một nữa, niệm giác chi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào thì biết rõ nhân ấy. Một nữa, sự tu tiến đầy đủ của niệm giác chi đã sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy.

Khi người kia có trạch pháp giác chi… khi người kia có cần giác chi… khi người kia có hỷ giác chi… khi người kia có an giác chi… khi người kia có định giác chi… khi người kia có xả giác chi, cũng biết rõ người kia có xả giác chi, hoặc khi người kia không có xả giác chi cũng biết rõ người kia không có xả giác chi. Một nữa, xả giác chi chưa sanh sẽ đặng sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, sự tu tiến đầy đủ của xả giác chi đã phát ra rồi sẽ có đặng do nhân chi biết rõ nhân ấy.

Phíc-khú ấy vẫn sử dụng tu hành đặng nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy, Phíc-khú có đương lúc sử dụng tu hành nhiều, chăm chú rành với ấn chứng ấy rồi mới chăm chú tâm vào đến trong pháp cả bên trong và bên ngoài.

451.

*Phíc-khú vẫn **thường quán thấy pháp trong pháp cả bên trong và bên ngoài** ra sao?*

Phần cái

Phíc-khú trong Phật giáo nầy khi đang có dục dục cũng biết rõ là đang có dục dục; hoặc không có dục dục cũng biết rõ là không có dục dục. Một nữa, dục dục chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, cách trừ dục dục đã sanh sẽ đặng do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, dục dục đã đặng trừ sẽ không sanh nữa do nhân nào biết rõ nhân ấy.

Khi đang có sân độc… khi đang có hôn trầm… khi đang có trạo hối… khi đang có hoài nghi cũng biết rõ là đang có hoài nghi; hoặc khi không có hoài nghi cũng biết rõ là không có hoài nghi. Một nữa, hoài nghi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, sự trừ hoài nghi đã sanh sẽ đặng bằng nhân nào biết rõ nhân ấy. Một nữa, hoài nghi đã trừ đặng, mà sẽ không sanh sau này do nhân nào biết rõ nhân ấy…

Phần giác chi

Khi niệm giác chi đang có cũng biết rõ là niệm giác chi đang có hay khi niệm giác chi không có cũng biết rõ là niệm giác chi không có. Một nữa, niệm giác chi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào cũng biết rõ nhân đó. Một nữa, tu tiến đầy đủ niệm giác chi đã sanh đặng do nhân nào biết rõ nhân ấy.

Khi có trạch pháp giác chi… khi có cần giác chi… khi có hỷ giác chi… khi có an giác chi… khi có định giác chi… khi có xả giác chi cũng biết rõ là có xả giác chi; hoặc khi không có xả giác chi cũng biết rõ là không có xả giác chi. Một nữa, xả giác chi chưa sanh mà sẽ sanh do nhân nào biết rõ nhân đó. Một nữa, sự tu tiến đầy đủ xả giác chi đã sanh ra đặng do nhân nào biết rõ nhân đó.

Thái độ Phíc-khú như thế mới đặng gọi là vẫn thường quán thấy pháp trong pháp cả bên trong và bên ngoài, có sự tinh tấn, đặng lương tri, có niệm hạn chế đặng tham ác và ưu trong đời.

452.

*Nói thường quán thấy, mà **thường quán thấy** đó như thế nào?*

- Như là tuệ, thái độ biết rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là thường quán thấy.
- Phíc-khú thành bực đã vào đến, rành vào đến. Phíc-khú thành bực đã cận, đã rành cận, vào đến rồi, vào đến rành rẽ, đã vào đến, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với cách thường quán thấy; do nhân đó mới gọi là thường quán thấy.

453.

*Gọi vẫn mà **vẫn** đó ra sao?* Nói vẫn có giải là vẫn liên quan nhau, vẫn hành vi, vẫn trau dồi, vẫn hành động, vẫn cho hành động, vẫn dạo đi, vẫn đình trụ. Do nhân đó mới gọi là vẫn *(viharati).*

454.

*Nói có sự cần mà **sự cần** giải rộng như thế nào?*

- Cách mở mối sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn. Dù cách nào như thế gọi là tinh tấn.

- Phíc-khú thành bực đáo cận, đã rành cận, vào đến rồi, vào đến rành, đã vào đến, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là có tinh tấn.

455.

*Nói lương tri mà **lương tri** giải rộng như thế nào?* Như là tuệ, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp, chánh kiến, dù cách nào như thế gọi là lương tri. Phíc-khú là bực đã đến cận, đã rành cận, đã vào đến rồi, vào đến rành, đã vào đến, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với lương tri ấy. Do nhân đó mới gọi là có lương tri.

456.

*Gọi có niệm, mà **niệm** giải rộng ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách thường nhớ… chánh niệm. Dù cách nào như thế gọi là niệm. Phíc-khú thành bực đã cận, đã rành cận, vào đến rồi, vào đến rành, đã vào đến, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với niệm ấy. Do nhân đó mới gọi là có niệm.

457.

∗ *Câu nói hạn chế tham ác và ưu trong đời mất đặng mà nói **đời** giải ra sao?* Chính những pháp ấy gọi là đời *(loka),* ngũ thủ uẩn dĩ nhiên cũng gọi là đời. Như thế gọi là đời.

∗ ***Tham ác** đó ra sao?* Sự dục vọng, cách đa dục vọng, sự dục vọng nặng nề nơi tâm. Dù cách nào như thế gọi là tham ác.

∗ ***Ưu** đó ra sao?* Như là sự khổ của tâm, sự không vui của tâm, sự hứng chịu cảnh khổ không ưa thích từ ý xúc, thái độ thọ hưởng những cảnh khổ không ưa thích sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Tham ác và ưu như đã nói đó bị hạn chế, bị đè nén, vắng lặng im đìm đặng đến êm ái tắt đi, tắt bằng cách yểm ức, bị làm cho điêu tàn, bị làm cho hoàn toàn tiêu diệt, bị làm cho khô khan, bị làm cho khô khan hoàn toàn, bị làm cho rốt cuộc ra khỏi đời, bị làm cho rốt cuộc đặng lìa khỏi trong đời ấy. Do nhân đó mới gọi là yểm ức mất đặng tham ác và ưu trong đời.

Dứt Niệm pháp xiển minh
Dứt Phân theo Kinh

B. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHÂN THEO DIỆU PHÁP

458.

Tứ niệm xứ:

- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy vẫn thường quán thấy thân trong thân.
- 2 là vẫn thường quán thấy thọ trong thọ.
- 3 là vẫn thường quán thấy tâm trong tâm.
- 4 là vẫn thường quán thấy pháp trong pháp.

459.

∗ *Phíc-khú vẫn **thường quán thấy thân trong thân** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì vẫn thường quán thấy thân trong thân trong khi nào, thời sự nhớ đặng, sự thường nhớ, sự trực nhớ, niệm, thái độ nhớ, sự nhớ chắc, không lơ đãng, không quên. Niệm tức là niệm quyền, niệm lực, chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo, trong khi đó dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng với niệm xứ.

* *Phíc-khú vẫn* ***thường quán thấy thọ trong thọ*** *ra sao?* Phíc-khú trong Phật giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì, vẫn thường quán thấy thọ trong thọ trong khi nào thì niệm hay sự thường nhớ… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi đó. Dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với niệm xứ.
* *Phíc-khú vẫn* ***thường quán thấy tâm trong tâm*** *ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì vẫn thường quán thấy tâm trong tâm trong khi nào thì niệm hay sự thường nhớ… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo, có trong khi ấy. Dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Những pháp ngoài ra tương ưng với niệm xứ.
* *Phíc-khú vẫn* ***thường quán thấy pháp trong pháp*** *ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì, vẫn thường quán thấy pháp trong pháp trong khi nào thì niệm, sự thường nhớ đặng… chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo đều có trong khi đó. Như thế gọi là niệm xứ. Những pháp ngoài ra gọi tương ưng với niệm xứ.
* *Trong những pháp đã kể mà* ***niệm xứ*** *là chi?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì vẫn thường quán thấy pháp trong pháp trong khi nào thì niệm, sự thường nhớ… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo đều có trong khi đó. Dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Những pháp ngoài ra gọi tương ưng với niệm xứ.

460.

Tứ niệm xứ: Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy vẫn thường quán thấy thân trong thân. Hai là vẫn thường quán thấy thọ trong thọ. Ba là vẫn thường quán thấy tâm trong tâm. Bốn là vẫn thường quán thấy pháp trong pháp.

461.

* *Phíc-khú vẫn* ***thường quán thấy thân trong thân*** *ra sao?*
    - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
    - Bực tĩnh ly chư dục chứng sơ thiền thành dị thục quả do tu hành chất chứa thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt do quán kiến thân trong thân đắc trong khi nào thì niệm hay sự nhớ đặng… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi đó. Dù cách nào như thế gọi là niệm xứ. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với niệm xứ.
* *Phíc-khú vẫn* ***thường quán thấy thọ trong thọ*** *ra sao?*

- Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… chứng sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy.
- Bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng dị thục quả do thiền thiện siêu thế, đã tu hành tiến hóa chứa để vẫn hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt do quán thấy thọ trong thọ trong khi nào thì niệm hay sự thường nhớ đặng… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo có trong khi đó. Như thế gọi là niệm xứ. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng với niệm xứ.

∗ *Phíc-khú* ***thường quán thấy tâm trong tâm*** *ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Đây là chư pháp thiện.

∗ *Phíc-khú* ***thường quán thấy pháp trong pháp*** *ra sao?* Phíc-khú tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do thiền thiện siêu thế đã tu hành tích trữ mà hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt do quán thấy pháp trong pháp trong khi nào thì niệm hay sự thường nhớ đặng… cũng là chánh niệm, niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi ấy. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với niệm xứ.

Dứt Phần chia theo Diệu Pháp

C. NIỆM XỨ PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

462.

Tứ niệm xứ:

- Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy vẫn thường quán thấy thân trong thân, có tinh tấn, đặng lương tri, có niệm đè nén đặng tham ác và ưu nơi đời.
- Hai là vẫn thường quán thấy thọ trong thọ, có tinh tấn, đặng lương tri, có niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời.
- Ba là vẫn thường quán thấy tâm trong tâm, có tinh tấn, đặng lương tri, có chánh niệm hạn chế được tham ác và ưu nơi đời.
- Bốn là vẫn thường quán thấy pháp trong pháp có tinh tấn, đặng lương tri, có niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong tứ niệm xứ mà niệm xứ nào thành thiện, niệm xứ nào thành bất thiện, niệm xứ nào thành vô ký… niệm xứ nào thành hữu y, niệm xứ nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

463.

∗ Tứ niệm xứ thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
∗ Tứ niệm xứ thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
∗ Tứ niệm xứ thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có.
∗ Tứ niệm xứ thành phi thủ phi cảnh thủ.
∗ Tứ niệm xứ thành phi phiền toái và phi cảnh phiền não.

* Tứ niệm xứ thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Tứ niệm xứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tứ niệm xứ thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ niệm xứ thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ niệm xứ thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tứ niệm xứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có.
* Tứ niệm xứ thành vô lượng *(appamāṇā).*
* Tứ niệm xứ thành cảnh vô lượng *(appamāṇāramaṇā)*
* Tứ niệm xứ thành tinh lương *(paṇītā).*
* Tứ niệm xứ thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Tứ niệm xứ thành đạo là cảnh.
* Tứ niệm xứ thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không thể nói thành đạo là nhân hay thành đạo là trưởng.
* Tứ niệm xứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tứ niệm xứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có; không thể nói thành tri cảnh quá khứ, thành tri cảnh vị lai, vẫn thành tri cảnh hiện tại.
* Tứ niệm xứ thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tứ niệm xứ thành tri cảnh ngoại.
* Tứ niệm xứ thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị *(dukamātikā)*

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

464.

Tứ niệm xứ thành phi nhân. Tứ niệm xứ thành hữu nhân. Tứ niệm xứ thành tương ưng nhân. Tứ niệm xứ không thể nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân. Tứ niệm xứ không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay thành phi nhân tương ưng nhân. Tứ niệm xứ thành phi nhân hữu nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

Tứ niệm xứ thành hữu duyên. Tứ niệm xứ thành hữu vi. Tứ niệm xứ thành bất kiến. Tứ niệm xứ thành vô đối chiếu. Tứ niệm xứ thành phi sắc. Tứ niệm xứ thành siêu thế. Tứ niệm xứ thành có tâm biết đặng. Tứ niệm xứ thành có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

Tứ niệm xứ thành phi lậu. Tứ niệm xứ thành phi cảnh lậu. Tứ niệm xứ thành bất tương ưng lậu. Tứ niệm xứ không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Tứ niệm xứ không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu. Tứ niệm xứ thành bất tương ưng lậu phi lậu.

ix, v, vi, vii, viii, ix, x. Đáp phần chùm triền… *(sanyojanagocchakādi)*

Tứ niệm xứ thành phi triền… Tứ niệm xứ thành phi phược… Tứ niệm xứ thành phi bộc… Tứ niệm xứ thành phi phối… Tứ niệm xứ thành phi cái… Tứ niệm xứ thành phi khinh thị… Tứ niệm xứ thành hữu (tri) cảnh *(sārammaṇa).* Tứ niệm xứ thành phi tâm. Tứ niệm xứ thành sở hữu tâm. Tứ niệm xứ thành tương ưng tâm. Tứ niệm xứ thành hòa với tâm. Tứ niệm xứ thành có tâm làm sở sanh. Tứ niệm xứ thành đồng sanh tồn với tâm. Tứ niệm xứ thành tùng tâm thông lưu. Tứ niệm xứ thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Tứ niệm xứ thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. Tứ niệm xứ thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. Tứ niệm xứ thành bên ngoài. Tứ niệm xứ thành phi y sinh. Tứ niệm xứ thành phi do thủ.

xi. xii, xii. Đáp phần chùm thủ *(upadanagocchakādi)*

Tứ niệm xứ thành phi thủ… Tứ niệm xứ thành phi phiền não… Tứ niệm xứ thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ niệm xứ thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ niệm xứ thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ. Tứ niệm xứ thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ niệm xứ thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có. Tứ niệm xứ thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có. Tứ niệm xứ thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có. Tứ niệm xứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có. Tứ niệm xứ thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có. Tứ niệm xứ thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có. Tứ niệm xứ thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có. Tứ niệm xứ thành bất liên quan luân hồi. Tứ niệm xứ thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có. Tứ niệm xứ thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có. Tứ niệm xứ thành vô thượng. Tứ niệm xứ thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần ngũ vấn đáp

Đầy đủ Niệm xứ phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN VIII - TỨ CHÁNH CẦN PHÂN TÍCH

A. TỨ CHÁNH CẦN PHÂN THEO KINH

465.

Tứ chánh cần:

- Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy ưa thích, tinh tấn, cố gắng, chăm nom tâm, ráng để trừ những pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh không cho sanh.
- Hai là ưa thích tinh tấn cố gắng chăm nom tâm để ráng trừ những pháp bất thiện tội lỗi đã từng sanh.
- Ba là ưa thích tinh tấn có gắng chăm nom tâm ráng cố gắng để tạo những pháp thiện chưa từng sanh đặng sanh.
- Bốn là ưa thích tinh tấn cố gắng chăm nom tâm ráng để gìn giữ đầy đủ tiến hóa càng rộng rãi không cho hao mòn những pháp thiện đã từng sanh.

466.

Phíc-khú làm cho ***sự ưa thích tinh tấn cố gắng chăm nom tâm, ráng để ngăn ngừa những pháp tội ác bất thiện chưa sanh không cho sanh*** *ra sao?* Thế nào là pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh? Như là ba nhân bất thiện tham, sân, si và phiền não nương tâm hiện hành đồng với tham, sân, si đó tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn mà tương ưng với tham, sân, si ấy; hay là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tham, sân, si làm sở sanh. Như thế gọi là những pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh. Phíc-khú làm cho sự ưa thích, tinh tấn, cố gắng, chăm nom tâm ráng để ngăn những pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh không đặng sanh bằng cách như thế.

467.

Nói ưa thích mà ***ưa thích*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng, cách làm cho vừa lòng, sự thành người thích để sẽ tạo khôn khéo trong pháp dục thiện. Như thế gọi là dục, mà làm cho dục ấy phát sanh ra hoàn toàn, vững vàng càng cứng chắc hằng sanh ra, càng sanh ra. Do nhân đó mới gọi là ưa thích làm cho phát sanh.

468.

Nói tinh tấn mà ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Cách mở mối cho tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Phíc-khú thành bực đáo cận, đáo cận mỹ mãn, đã vào đến, vào đến chu đáo, đến rồi, trọn đến rồi, hiệp với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là tinh tấn.

469.

Nói mở mối siêng năng mà ***siêng năng*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối trong tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là mở mối siêng năng.

470.

Nói chăm nom tâm mà ***tâm*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm. bực chăm nom tâm, khéo chăm nom, ủng hộ, duy trì tâm ấy. Do nhân đó mới gọi là chăm nom tâm.

471.

Nói làm cho siêng năng mà ***siêng năng*** *đó ra sao?* Như là mở mối cho tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là siêng năng. Bực đã thành đáo chí hiệp với tinh tấn ấy… Do nhân đó mới gọi là sự làm cho tâm siêng năng.

472.

Phíc khú thích làm cho ***mở mối tâm siêng năng, tinh tấn, cố gắng trừ những pháp bất thiện tội ác đã sanh, mà những pháp bất thiện tội ác đã sanh*** *đó ra sao?* Như là ba nhân bất thiện tham, sân, si làm nền tảng cho thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn, thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà hiệp với phiền não. Như thế gọi là pháp bất thiện tội ác đã sanh.

Phíc-khú ưa làm cho mở mối tâm siêng năng, tinh tấn, cố gắng trừ những pháp bất thiện tội ác đã sanh bằng cách như thế.

473.

Nói ưa thích làm cho sanh ra mà ***ưa thích*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng, thích ý, bực thích làm cho khôn khéo, sự pháp dục như thế gọi là dục. Phíc-khú vẫn làm cho dục ấy phát sanh vững vàng đầy đủ tốt đẹp rất có ra, càng có ra. Do nhân đó mới gọi là thích làm cho phát sanh.

474.

Nói tinh tấn mà ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là mở mối siêng năng cho tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là tinh tấn.

475.

Nói cần mà ***cần*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối cho tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là cần, mà mở mối siêng năng, khai đoan hoàn toàn, sử dụng tiến hóa đa thực hành với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là mở mối siêng năng.

476.

Nói chăm nom tâm mà ***tâm*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà chăm nom tâm, khéo chăm nom, ủng hộ, duy trì, gìn giữ bảo vệ tâm ấy. Do nhân đó mới gọi là chăm nom tâm.

477.

Nói làm cho cố gắng mà ***cố gắng*** *đó ra sao?* Như là khai đoan tinh tấn trong tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là cố gắng. Phíc-khú đến bực cố gắng… chuyên môn cố gắng. Do nhân đó mới gọi là làm cho cố gắng.

478.

Phíc-khú ***chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh, mà chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh*** *là chi?* Như là ba nhân thiện: Vô tham, vô sân và vô si mà tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn và làm sở sanh cho thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Như thế gọi là chư pháp thiện chưa sanh. Phíc-khú mà chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh bằng cách như thế.

479.

Câu nói dục làm cho sanh ra… tinh tấn làm cho sanh ra… cần khai đoan làm cho sanh ra… chăm nom tâm làm cho sanh ra… do nhân đó mới gọi là dục làm cho sanh ra, mà ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối siêng năng nơi tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là siêng năng. Phíc-khú đã thành bực thân cận… hiệp với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là làm cho phát sanh tinh tấn.

480.

Phíc-khú chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện đã từng sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tiêu mòn, mà ***chư pháp thiện đã sanh*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện: Vô tham, vô sân và vô si tương ưng với thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn sở sanh của thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Như thế gọi là chư pháp thiện đã từng sanh. Phíc-khú thành bực

chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện đã sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi, không tiêu mòn bằng cách như thế.

481.

*Mà **sự đầy đủ** đó ra sao?*Nói hầu đặng đình trụ nghĩa là vẫn đình trụ, tức là sự không hao mất, không tiêu mòn, sự rất vững vàng, càng vững vàng, sự quảng đại, cách quảng đại, sự tiến hóa, cách tiến hóa, đó là sự đầy đủ.

482.

*Nói dục làm cho phát sanh… tinh tấn làm cho phát sanh… cần và khai đoan làm cho phát sanh… chăm nom tâm làm cho phát sanh. Do nhân đó mới gọi là dục làm cho phát sanh, mà **tinh tấn** đó ra sao?* Như là sự mở mối siêng năng cho tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là tinh tấn. Phíc-khú đã thành bực thân cận hiệp với tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là làm cho phát sanh tinh tấn.

Dứt Phân theo Kinh

B. TỨ CHÁNH CẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

483.

Tứ chánh cần:

- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh đặng làm cho chư pháp bất thiện tội lỗi chưa sanh không đặng sanh.
- 2 là chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh để trừ chư pháp bất thiện tội lỗi đã sanh.
- 3 là chăm nom khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh để làm cho chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh.
- 4 là chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn làm cho chư pháp thiện đã từng sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tiêu mòn.

484.

*Phíc-khú **chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh làm cho chư pháp bất thiện tội ác chưa từng sanh không đặng sanh** ra sao?* Phíc-khú trong khi tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì chư pháp bất thiện tội ác chưa từng sanh không đặng sanh do chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh.

485.

*Dục mà làm cho phát sanh, **dục** đó ra sao?* Như là sự vừa lòng, tâm ưa thích thuộc pháp dục, thành lối thích hợp khéo. Như thế gọi là dục, nhưng dục làm cho sanh ra, phát ra, rất phát ra, đình trụ đặng vững vàng. Do nhân đó mới gọi là dục làm cho phát sanh ra.

486.

*Tinh tấn làm cho phát sanh ra mà **tinh tấn** đó ra sao?* Như là mở mối cho tâm siêng năng, cố gắng, khắn khít, lướt tới, tinh cần, gắn bó, ráng chịu, cứng cỏi, khắn dính, lướt tới, không lui sụt, không thối chuyển với sự vừa lòng, không bỏ qua phận sự, trau dồi rành bổn phận, cần cũng gọi cần quyền, cần lực, cần giác chi, chánh tinh tấn, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là sự tinh tấn, mà Phíc-khú đã thành bực đáo cận, đã rành cận đáo, vào đến rồi, đã rành vào đến, đã đến nơi, hoàn toàn đã đến, đã hiệp với tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là tinh tấn.

487.

Nói khai đoan cần mà ***cần*** *đó giải ra sao?* Như là mở mối siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần, mà cần mở mối đây chuyên môn khai đoan sử dụng đa thực hành tu tiến với tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là khai đoan cần.

488.

Nói chăm chú tâm làm cho phát ra mà ***tâm*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm. Nhưng mà chăm chú tâm, chăm chú rành, ủng hộ bảo vệ với tâm ấy. Do nhân đó mới gọi là chăm chú tâm làm cho phát ra.

489.

Nói làm cho chánh tinh tấn phát sanh mà ***chánh tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là mở mối siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra đều gọi tương ưng với chánh tinh tấn.

490.

Phíc-khú ***chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn phát sanh hầu trừ những pháp bất thiện tội ác đã từng sanh*** *bằng cách nào?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi ấy Phíc-khú đó có sự chăm nom, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu trừ những pháp bất thiện tội ác đã từng sanh.

491.

Dục làm cho sanh ra… tinh tấn làm cho sanh ra… cần khai đoan làm cho sanh ra… chăm nom tâm làm cho tâm sanh ra… sốt sắng làm cho tâm sanh ra, mà ***chánh tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là sự mở mối siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh tinh tấn.

492.

Phíc-khú ***chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh*** *ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì trong khi ấy Phíc-khú đó chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh.

493.

Làm cho dục sanh ra… làm cho tinh tấn sanh ra… làm cho cần khai đoan sanh ra… sự chăm nom sanh ra… nói chánh tinh tấn sanh ra mà ***chánh tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là sự cần khai đoan làm trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh tinh tấn.

494.

Phíc-khú ***làm cho sanh ra sự chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu chư pháp thiện đã sanh đặng vững, rất vững đầy đủ tiến hóa rộng rãi không hao mất*** *ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì vẫn có trong khi nào đó thì Phíc-khú ấy làm cho sự chăm nom tâm mở mối dục, cần, tinh tấn hầu làm cho những pháp thiện đã sanh đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi không thất lạc. Như thế

gọi là Phíc-khú làm cho sanh ra sự chăm nom tâm, khai đoan dục, cần, tinh tấn hầu chư pháp thiện đã sanh đặng vững, rất vững đầy đủ tiến hóa rộng rãi không hao mất.

495.

Nói hầu còn đặng vững mà ***đặng còn vững*** *như thế nào?* Đó là không hao mất, mà hao mất như thế nào? Đó là rất vững vàng, mà rất vững vàng như thế nào? Đó là sự đầy đủ, mà đầy đủ như thế nào? Đó là sự tiến hóa, mà tiến hóa như thế nào? Đó là sự đầy đủ.

496.

Nói làm cho dục sanh ra mà ***dục*** *đó ra sao?* Cách vừa lòng, sự thích ý, bực làm cho rành trong pháp dục. Như thế gọi là dục. Phíc-khú vẫn làm cho dục phát sanh đàng hoàng vững vàng tốt đẹp càng phát sanh, rất phát sanh. Do nhân đó mới gọi là làm cho dục sanh ra.

497.

Nói làm cho tinh tấn sanh ra mà ***tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối nơi tâm siêng năng… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là tinh tấn. Phíc-khú đã thành bực đáo cận… hiệp với sự tinh tấn ấy. Do nhân đó mới gọi là tinh tấn.

498.

Nói mở mối làm cho cần sanh ra mà ***cần*** *đó ra sao?* Cách mở mối làm cho tâm siêng năng… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần, Phíc-khú vẫn khai đoan mở mối rành, sử dụng tu hành nhiều với sự cần ấy. Do nhân đó mới gọi là mở mối cần.

499.

Nói chăm nom tâm mà ***tâm*** *đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm. Phíc-khú vẫn chăm nom rành, ủng hộ bảo trì tâm ấy. Do nhân đó mới gọi là chăm nom tâm.

500.

Nói làm cho chánh tinh tấn sanh ra mà ***chánh tinh tấn*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng chánh tinh tấn.

501.

Trong những câu nói đó mà ***chánh tinh tấn*** *đó ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thời cách mở mối nơi tâm siêng năng… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi ấy. Dù cách nào như thế gọi là chánh tinh tấn. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng với chánh tinh tấn.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. TỨ CHÁNH CẦN PHẦN VẤN ĐÁP

502.

Tứ chánh cần:

- Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy làm cho dục, tinh tấn khai đoan cần, chăm nom tâm và sốt sắng sanh ra hầu ngăn chận những pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không đặng sanh.

- Hai là làm cho dục, tinh tấn, khai đoan cần, chăm nom tâm và sự siêng năng sanh ra hầu trừ những pháp bất thiện và tội ác đã từng sanh.
- Ba là làm cho dục, tinh tấn khai đoan cần, sự chăm nom tâm và sốt sắng sanh ra hầu tạo cho pháp thiện chưa sanh đặng sanh ra.
- Bốn là làm cho dục, tinh tấn khai đoan cần, sự chăm nom tâm và cách sốt sắng sanh ra hầu làm cho chư pháp thiện đã sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa rộng rãi đầy đủ không tiêu hao.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những tứ chánh cần mà chánh cần nào thành thiện, chánh cần nào thành bất thiện, chánh cần nào thành vô ký… chánh cần nào thành hữu y, chánh cần nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

503.

* Tứ chánh cần thành thiện.
* Tứ chánh cần thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Tứ chánh cần thành dị thục nhân.
* Tứ chánh cần thành phi thủ phi cảnh thủ.
* Tứ chánh cần thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Tứ chánh cần thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Tứ chánh cần thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tứ chánh cần thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ chánh cần thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ chánh cần thành nhân đến Níp-bàn.
* Tứ chánh cần thành hữu học.
* Tứ chánh cần thành vô lượng *(appamāṇā).*
* Tứ chánh cần thành cảnh vô lượng.
* Tứ chánh cần thành tinh lương.
* Tứ chánh cần thành chánh nhất định.
* Tứ chánh cần không thành đạo là cảnh.
* Tứ chánh cần thành đạo là nhân.
* Tứ chánh cần thành đạo là trưởng cũng có, không thể nói thành đạo là trưởng cũng có.
* Tứ chánh cần thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, không nên nói thành sẽ sanh.
* Tứ chánh cần thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có; không thể nói thành biết cảnh quá khứ, vẫn thành biết cảnh vị lai, vẫn thành biết cảnh hiện tại.
* Tứ chánh cần thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tứ chánh cần thành biết cảnh ngoại.
* Tứ chánh cần thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

504.

Tứ chánh cần thành phi nhân. Tứ chánh cần thành hữu nhân. Tứ chánh cần thành tương ưng nhân; không nên nói thành nhân hữu nhân, chỉ thành phi nhân hữu nhân; không nên nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành phi nhân tương ưng nhân và phi nhân hữu nhân.

ii. Đáp phần đỉnh *(cūlantaraduka)*

Tứ chánh cần thành hữu duyên. Tứ chánh cần thành hữu vi. Tứ chánh cần thành bất kiến. Tứ chánh cần thành vô đối chiếu. Tứ chánh cần thành phi sắc. Tứ chánh cần thành siêu thế. Tứ chánh cần thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsāvagocchaka)*

Tứ chánh cần thành phi lậu. Tứ chánh cần thành phi cảnh lậu. Tứ chánh cần thành bất tương ưng lậu, không nên nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Tứ chánh cần không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu, mà chỉ thành bất tương ưng lậu phi lậu.

iv, v, vi, vii, viii, ix & x. Đáp phần chùm triền…

Tứ chánh cần thành phi triền… Tứ chánh cần thành phi phược… Tứ chánh cần thành phi bộc… Tứ chánh cần thành phi phối… Tứ chánh cần thành phi cái… Tứ chánh cần thành phi khinh thị… Tứ chánh cần thành tri cảnh. Tứ chánh cần thành phi tâm. Tứ chánh cần thành sở hữu tâm. Tứ chánh cần thành tương ưng tâm. Tứ chánh cần thành hòa với tâm. Tứ chánh cần thành có tâm làm sở sanh. Tứ chánh cần thành đồng sanh tồn với tâm. Tứ chánh cần thành tùng tâm thông lưu. Tứ chánh cần thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Tứ chánh cần thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. Tứ chánh cần thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. Tứ chánh cần thành bên ngoài. Tứ chánh cần thành phi do thủ.

xi, xii & xiii. Đáp phần chùm thủ… *(upādānagocchakādi)*

Tứ chánh cần thành phi thủ… Tứ chánh cần thành phi phiền não… Tứ chánh cần thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ chánh cần thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ chánh cần thành hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ chánh cần thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ chánh cần thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có. Tứ chánh cần thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có. Tứ chánh cần thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có. Tứ chánh cần thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có. Tứ chánh cần thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có. Tứ chánh cần thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có. Tứ chánh cần thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có. Tứ chánh cần thành bất liên quan luân hồi. Tứ chánh cần thành nhân xuất luân hồi. Tứ chánh cần thành nhất định. Tứ chánh cần thành vô thượng. Tứ chánh cần thành vô y.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ Chánh cần phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN IX - NHƯ Ý TÚC PHÂN TÍCH
(Iddhipādavibhaṅga)

A. TỨ NHƯ Ý TÚC PHÂN TÍCH PHẦN THEO KINH

505.

Tứ như ý túc:

- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến như ý túc mà hiệp với dục, định, trưởng, hành.
- 2 là tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành.
- 3 là tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành.
- 4 là tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành.

506.

*Phíc-khú **tu tiến tứ như ý túc mà hiệp với dục, định, trưởng hành** ra sao?*

- Phíc-khú làm cho dục thành trưởng rồi mới đắc định nơi tâm. Như thế mới gọi là dục định. Phíc-khú đó làm cho dục, tinh tấn mở mối siêng năng, chăm nom tâm và sốt sắng sanh ra hầu ngăn ngừa những pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không cho sanh.
- Làm cho dục, sự tinh tấn, cách mở mối siêng năng, chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra hầu trừ những pháp bất thiện và tội ác đã sanh.
- Làm cho dục cách tinh tấn sự mở mối siêng năng, cách chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra hầu tạo những pháp thiện chưa sanh đặng sanh.
- Làm cho dục, sự tinh tấn, cách mở mối siêng năng, sự chăm chú tâm và sự sốt sắng sanh ra.
- Làm cho đình trụ rất vững vàng tiến hóa rộng rãi và đầy đủ không thất lạc những pháp thiện đã sanh. Như thế gọi là trưởng hành.

Dục, định và trưởng hành như đã nói, tóm lại hai cách đó thành một mới gọi là dục định, trưởng hành bằng cách như thế.

507.

* ***Dục** đó ra sao?* Như là sự vừa lòng thích ý, sự mến sẽ làm, cách khôn với pháp dục. Thế gọi là dục.

* ***Định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm, cách đình trụ của tâm, sự kiên trụ của tâm, tâm không lay động, không tán loạn, trạng thái không lay động của tâm cũng gọi là chỉ, định quyền, định lực, chánh định. Như thế gọi là định.

* ***Trưởng hành** trong khi có ra sao?*
  - Như là cách trong tâm khai đoan tinh tấn, cách siêng năng, sự sốt sắng, cách lướt tới, sự tinh tấn, sự chuyên ròng, cách chịu đựng, cách dẻo dai, cách khắn khít, sự lướt bằng cách không lui sụt, cách không thối bỏ dục, cách không bỏ qua phận sự, chăm nom phận sự chu đáo cũng gọi cần hay cần quyền, cần lực, chánh cần. Như thế gọi là trưởng hành.
  - Phíc-khú đã thành bực thân cận, đã rành thân cận, đã đến thân cận, rành đến thân cận, vào đến rồi, đã khéo vào đến rồi, đã hiệp với dục định và trưởng hành như đã nói đó. Do nhân ấy mới gọi là hiệp với dục, định, trưởng hành bằng cách như thế.

508.

- Nói như ý túc là sự thành tựu, thành tựu tốt, cách thành tựu, cách thành tựu tốt, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến bằng cách rành, sự đụng chạm, cách làm cho rõ rệt, sự vào đến với những pháp đó.
- Nói như ý túc như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn của bực chứng pháp đó. Còn nói tu như ý túc tức là vẫn sử dụng tu hành nhiều với pháp đó. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

509.

*Phíc-khú **tu như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành** như thế nào?*

- Phíc-khú thực hành cho thành trưởng rồi mới đắc định và đắc định của tâm. Định như thế gọi là cần định. Phíc-khú đó làm cho dục, tinh tấn khai đoan cần, chăm chú tâm và sự sốt sắng sanh ra để ngăn ngừa những pháp bất thiện và tội ác mà chưa sanh không đặng sanh, hầu trừ chư pháp bất thiện và tội ác đã sanh… hầu tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh, làm cho dục, tinh tấn khai đoan sự cần, sự chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra để làm cho chư pháp thiện đã sanh đặng trụ, rất đình trụ, tu tiến rộng rãi đầy đủ nơi chư pháp thiện đã sanh. Những pháp như thế gọi là trưởng hành.
- Cần, định và trưởng hành như đã nói, tóm lại hai cách đó thành một mà kêu chung là cần, định, trưởng hành bằng cách như thế.

510.

∗ ***Cần** trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cho tâm sanh ra siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là cần.

∗ ***Định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm, cách đình trụ của tâm, cách vững vàng của tâm, sự không lay động của tâm, sự không tán loạn của tâm, trạng thái không lay động của tâm, cũng gọi chỉ, định quyền, định lực, chánh định. Như thế gọi là định.

∗ ***Trưởng hành** trong khi có ra sao?* Như là sự khai đoan trong tâm siêng năng… chánh tinh tấn. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú đã thành bực đáo cận… đã hiệp với cần, định và trưởng hành như đã nói đó. Do nhân đó mới gọi là hiệp với cần, định, trưởng hành bằng cách như thế.

511.

∗ Nói như ý túc tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

∗ Câu nói như ý túc tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn của người chứng những pháp đó.

∗ Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng, trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

512.

*Phíc-khú **tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành** ra sao?*

- Phíc-khú làm cho tâm thành trưởng rồi mới đắc định, đắc định nơi tâm. Định ấy gọi là tâm định. Phíc-khú làm cho dục, tinh tấn mở mối cần, chăm nom tâm và sự sốt sắng phát sanh hầu ngăn ngừa chư pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không sanh… để trừ chư pháp bất thiện và tội ác đã sanh… để tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh, làm cho dục, tinh tấn mở mối cần, chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra để

cho đình trụ rất vững vàng tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tan mất của những pháp thiện đã sanh. Những chơn tướng như thế gọi là trưởng hành.
- Tâm định và trưởng hành như đã nói gom lại hai cách nầy thành một chỉ kêu là tâm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

513.

∗ ***Tâm*** *đó ra sao?* Như là chủ trương biết cảnh, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm.

∗ ***Định*** *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định. Như thế gọi là định.

∗ ***Trưởng hành*** *trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cần trong tâm… chánh tinh tấn. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú thành bực đã hiệp với tâm, định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với tâm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

514.

∗ Nói như ý túc tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đúng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

∗ Câu nói như ý túc tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn của người chứng pháp đó.

∗ Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

515.

Phíc-khú ***tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành*** *đó ra sao?*
- Phíc-khú làm cho tuệ đặng thành trưởng rồi mới đắc định, đắc định của tâm. Định ấy gọi là thẩm định. Phíc-khú đó làm cho dục, tinh tấn mở mối cần, chăm nom tâm và sự sấn sướt phát sanh hầu ngăn ngừa chư pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không sanh… để trừ chư pháp bất thiện và tội ác đã sanh… hầu tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh, làm cho tinh tấn mở mối cần, chăm nom tâm và sự sấn sướt phát sanh để làm cho chư pháp thiện đã sanh vững vàng đình trụ tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tan mất. Những trạng thái như thế gọi là trưởng hành.
- Thẩm, định và trưởng hành như đã nói đó gồm lại hai thứ thành một vẫn kêu là thẩm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

516.

∗ ***Thẩm*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ, trạng thái hiểu rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là thẩm *(vimaṅsā).*

∗ ***Định*** *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định. Như thế gọi là định.

∗ ***Trưởng hành*** *trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… và chánh tinh tấn. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú đã thành bực đáo cận… đã hiệp với thẩm, định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với thẩm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

517.

* Nói như ý túc tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đúng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.
* Câu nói như ý túc tức là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn của người chứng những pháp đó.
* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp đó. Do nhân ấy mới gọi là tu tiến như ý túc.

Dứt Phân theo Kinh

B. TỨ NHƯ Ý TÚC PHÂN THEO DIỆU PHÁP

518.

Tứ như ý túc:
- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến như ý túc mà hiện với dục, định, trưởng hành.
- 2 là tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành.
- 3 là tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành.
- 4 là tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành.

519.

*Phíc-khú **tu tiến như ý túc mà hiệp với dục, định, trưởng hành** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà vẫn hành nan đắc trì trong khi đó là tu tiến như ý túc mà hiệp với dục định, trưởng hành.

520.

* ***Dục** trong khi có ra sao?* Như là sự vừa lòng, cách thích ý, sự ưa mến để làm cho khôn khéo rành rẽ với pháp dục. Như thế gọi là dục.
* ***Định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định.
* ***Trưởng hành** trong khi đó ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú đã thành bực đáo cận, đã rành đáo cận, đã đến xong rồi, đã đến hoàn thành, đã vào đến, đã rành vào đến, đã hiệp với dục định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với dục, định, trưởng hành bằng cách như thế.

521.

* Nói như ý tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.
* Câu nói như ý túc tức là xúc… chiếu cố, vô phóng dật, của người chứng những pháp đó.
* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

522.

*Phíc-khú **tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt

ráo đặng trừ phiền não, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó là tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành.

523.

* ***Cần** trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần.

* ***Định** trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định.

* ***Trưởng hành** trong khi có ra sao?* Cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trưởng hành. Phíc-khú thành bực đã đáo cận… đã hiệp với cần, định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với cần, định, trưởng hành bằng cách như thế.

524.

* Nói như ý tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

* Câu nói như ý túc tức là xúc… chiếu cố, vô phóng dật của người đắc chứng pháp đó.

* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

525.

*Phíc-khú **tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó là tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành.

526.

* ***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm.

* ***Định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định.

* ***Trưởng hành** đó ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trưởng hành.

  Phíc-khú thành bực đáo cận… đã hiệp với tâm định và trưởng hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là hiệp với tâm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

527.

* Nói như ý tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

* Câu nói như ý túc tức là xúc… chiếu cố, vô phóng dật của người chứng những pháp đó.

* Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp đó. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

528.

Phíc-khú ***tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành*** *ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó là tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành.

529.

∗ ***Thẩm*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay cách hiểu rõ… sự không mê mờ, lối trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là thẩm *(vimaṅsā).*

∗ ***Định*** *trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định.

∗ ***Trưởng hành*** *đó ra sao?* Như là cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trưởng hành, mà Phíc-khú đã thành bực đáo cận, đáo cận rành rẽ, đã đến, đến rành rẽ, vào đến rồi, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với thẩm, định và trưởng hành như đã nói đó. Do nhân đó mới gọi là hiệp với thẩm, định, trưởng hành bằng cách như thế.

530.

∗ Nói như ý tức là sự thành tựu, trọn thành tựu, cách thành tựu, cách trọn thành tựu, sự đặng, sự đặng nữa, sự đến, sự đến đàng hoàng, sự đứng đắn, sự làm cho rõ, sự vào đến với những pháp đó.

∗ Câu nói như ý túc tức là xúc… chiếu cố, vô phóng dật của người chứng những pháp đó.

∗ Còn nói tu tiến như ý túc tức là vẫn sử dụng trau dồi làm cho nhiều với những pháp ấy. Do nhân đó mới gọi là tu tiến như ý túc.

531.

∗ Tứ như ý túc: Một là dục như ý túc. Hai là cần như ý túc. Ba là tâm như ý túc. Bốn là thẩm như ý túc.

532.

Dục như ý túc *đó ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì cách vừa lòng, sự thích ý, lối ưa mến làm cho khéo rành trong pháp dục. Như thế gọi là dục như ý túc. Còn những pháp ngoài ra gọi là tương ưng với dục như ý túc.

533.

Cần như ý túc *đó ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó thì cách mở mối cho sự siêng năng của tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo, vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là cần như ý túc. Còn những pháp ngoài ra chỉ gọi tương ưng với cần như ý túc.

534.

Tâm như ý túc *đó ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi

đó thì tâm, ý, tâm địa sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm như ý túc. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với tâm như ý túc.

535.

Thẩm như ý túc *trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định, vẫn hành nan đắc trì trong khi đó thời tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự không mê mờ, lối trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là thẩm như ý túc. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với thẩm như ý túc.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. TỨ NHƯ Ý TÚC PHẦN VẤP ĐÁP

536.

Tứ như ý túc:

- 1 là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến như ý túc mà hiệp với dục, định, trưởng hành.
- 2 là tu tiến như ý túc mà hiệp với cần, định, trưởng hành.
- 3 là tu tiến như ý túc mà hiệp với tâm, định, trưởng hành.
- 4 là tu tiến như ý túc mà hiệp với thẩm, định, trưởng hành.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những tứ như ý túc mà như ý túc nào thành thiện, như ý túc nào thành bất thiện, như ý túc nào thành vô ký… như ý túc nào thành hữu y, như ý túc nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

537.

* Tứ như ý túc chỉ thành thiện.
* Tứ như ý túc thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Tứ như ý túc thành dị thục nhân.
* Tứ như ý túc thành phi do thủ phi cảnh thủ.
* Tứ như ý túc thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Tứ như ý túc thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Tứ như ý túc thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tứ như ý túc thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành nhân xuất luân hồi.
* Tứ như ý túc thành hữu học.
* Tứ như ý túc thành vô lượng *(Appamāṇā)*.
* Tứ như ý túc thành cảnh vô lượng.
* Tứ như ý túc thành tinh lương.
* Tứ như ý túc thành chánh nhất định.
* Tứ như ý túc không thành đạo là cảnh.
* Tứ như ý túc thành đạo là nhân cũng có, không thành đạo là trưởng cũng có.

* Tứ như ý túc thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, không thể nói thành sẽ sanh.
* Tứ như ý túc thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tứ như ý túc không thể nói thành biết cảnh quá khứ; thành biết cảnh vị lai hay thành biết cảnh hiện tại.
* Tứ như ý túc thành bên trong cũng có, thành bên ngoài cũng có, thành bên trong và bên ngoài cũng có.
* Tứ như ý túc thành biết cảnh bên ngoài.
* Tứ như ý túc thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị *(dukamātikā)*

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

538.

* Thẩm như ý túc thành thiện. Tam như ý túc thành phi nhân.
* Tứ như ý túc thành hữu nhân.
* Tứ như ý túc thành tương ưng nhân.
* Thẩm như ý túc thành nhân hữu nhân. Tam như ý túc không thể nói thành nhân hữu nhân, chỉ thành phi nhân hữu nhân.
* Thẩm như ý túc thành nhân tương ưng nhân. Tam như ý túc không thể nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành phi nhân tương ưng nhân.
* Tam như ý túc thành phi nhân hữu nhân. Thẩm như ý túc không thể nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân.

ii, iii, iv, v, vi, vii, viii, ix. Đáp nhị đề đỉnh… *(cūlantaradukādi)*

539.

* Tứ như ý túc thành hữu duyên... Tứ như ý túc thành hữu vi... Tứ như ý túc thành bất kiến... Tứ như ý túc thành vô đối chiếu... Tứ như ý túc thành phi sắc... Tứ như ý túc thành siêu thế... Tứ như ý túc thành cũng có tâm biết, thành cũng có tâm không biết.
* Tứ như ý túc thành phi lậu... Tứ như ý túc thành phi cảnh lậu... Tứ như ý túc thành bất tương ưng lậu.
* Tứ như ý túc không thể nói thành lậu cảnh lậu, tuy nhiên thành phi lậu cảnh lậu.
* Tứ như ý túc không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Tứ như ý túc thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
* Tứ như ý túc thành phi triền… Tứ như ý túc thành phi phược… Tứ như ý túc thành phi bộc… Tứ như ý túc thành phi phối… Tứ như ý túc thành phi cái… Tứ như ý túc thành phi khinh thị

x. Đáp phần nhị đề đại *(mahantaraduka)*

540.

* Tứ như ý túc thành biết cảnh.
* Tam như ý túc thành phi tâm. Tâm như ý túc thành tâm.
* Tam như ý túc thành sở hữu tâm, tâm như ý túc thành phi sở hữu tâm.
* Tam như ý túc thành tương ưng tâm. Tâm như ý túc không thể nói thành tương ưng tâm hay thành bất tương ưng tâm.

* Tam như ý túc thành hòa với tâm. Tâm như ý túc không thể nói thành hòa với tâm hay vẫn thành phi hòa với tâm.
* Tam như ý túc thành có tâm làm sở sanh. Tâm như ý túc thành không có tâm làm sở sanh.
* Tam như ý túc thành đồng sanh tồn với tâm. Tâm như ý túc thành phi đồng sanh tồn với tâm.
* Tam như ý túc thành tùng tâm thông lưu. Tâm như ý túc thành phi tùng tâm thông lưu.
* Tam như ý túc thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Tâm như ý túc thành phi hòa với tâm và không có tâm làm sở sanh.
* Tam như ý túc thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. Tâm như ý túc thành phi hòa, phi đồng sanh tồn và khỏi nương tâm làm sở sanh
* Tam như ý túc thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. Tâm như ý túc thành phi tâm làm sở sanh và không hòa, không tùng thông lưu với tâm.
* Tam như ý túc thành ngoại phần. Tâm như ý túc thành nội phần.
* Tứ như ý túc thành phi y sinh.
* Tứ như ý túc thành phi do thủ.

xi, xii, xiii. Đáp phần chùm thủ... *(upādānagocchakādi)*

541.

* Tứ như ý túc thành phi thủ…
* Tứ như ý túc thành phi phiền não…
* Tứ như ý túc thành phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ như ý túc thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Tứ như ý túc thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Tứ như ý túc thành vô hỷ cũng có.
* Tứ như ý túc thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Tứ như ý túc thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Tứ như ý túc thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Tứ như ý túc thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Tứ như ý túc thành bất liên quan luân hồi.
* Tứ như ý túc thành nhân xuất luân hồi.
* Tứ như ý túc thành nhất định.
* Tứ như ý túc thành vô thượng.
* Tứ như ý túc thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ như ý túc phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN X - GIÁC CHI PHÂN TÍCH

A. GIÁC CHI PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

Phần thứ nhất của thất giác chi

542.

Thất giác chi: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

543.

*Trong thất giác chi đó mà **niệm giác chi** ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy thành bực có chánh niệm hiệp với sự nhớ đặng và trí cao siêu nhớ ghi, thường nhớ đặng với những sự làm để lâu hay sự nói đã lâu. Như thế gọi là niệm giác chi.
- Phíc-khú ấy vẫn có chánh niệm như thế, chọn lựa, quán rõ với pháp ấy bằng tuệ. Như thế gọi là trạch pháp giác chi.
- Sự tinh tấn, cách không lui sụt, chọn lựa quán rõ pháp ấy, đã mở mối cho tuệ. Như thế gọi là cần giác chi.
- Pháp hỷ mà lìa vật chất phát sanh với bực tinh tấn mà đã mở mối. Như thế gọi là hỷ giác chi.
- Sự tịnh thân tịnh tâm của bực mà tâm có pháp hỷ. Như thế gọi là an giác chi.
- Sự yên tịnh vững vàng của bực thân tâm đã yên tịnh. Như thế gọi là định giác chi.
- Bực nào có tâm đình trụ vững vàng, quán sát rành rẽ, thuần thục như thường. Thế gọi là xả giác chi.

Phần thứ hai của thất giác chi

544.

Thất giác chi: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

545.

*Trong thất giác chi mà **niệm giác chi** đó ra sao?*

- Vẫn có niệm trong pháp bên trong, vẫn có niệm trong pháp bên ngoài. Niệm trong pháp bên trong dù cách nào, niệm trong pháp bên trong như thế đó; thế cũng gọi là niệm giác chi.
- Vẫn hành vi để biết cao siêu cho đặng đắc chứng hầu đến Níp-bàn, niệm trong pháp bên ngoài dù thế nào thì niệm trong pháp bên ngoài thế đó. Thế cũng gọi là niệm giác chi, vẫn hành vi để biết rốt ráo hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

546.

***Trạch pháp giác chi** trong khi có ra sao?* Như là vẫn có sự lựa chọn trong pháp bên trong, vẫn có sự lựa chọn trong pháp bên ngoài; sự lựa chọn trong pháp bên trong dù thế nào thì sự lựa chọn trong pháp bên trong như thế đó, cũng gọi là trạch pháp giác chi, vẫn hành vi để rõ thấu hầu đắc chứng đến Níp-bàn và sự lựa chọn trong pháp bên ngoài dù như thế nào thì sự lựa chọn trong pháp bên ngoài như thế đó; cũng gọi trạch pháp giác chi, vẫn hành vi hầu rõ thấu tỏ ngộ để đắc chứng đến Níp-bàn.

547.

***Cần giác chi** trong khi có ra sao?* Như là vẫn có siêng năng bằng thân, vẫn có siêng năng bằng tâm; sự siêng năng bằng thân dù thế nào thì sự siêng năng bằng thân đó cũng gọi là cần giác chi. Vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn. Hay sự siêng năng bằng tâm dù thế nào thì siêng năng bằng tâm ấy cũng gọi là cần giác chi, vẫn hành vi để ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

548.

***Hỷ giác chi** trong khi có ra sao?* Như là vẫn có pháp hỷ mà có tầm có tứ; vẫn có pháp hỷ mà vô tầm vô tứ. Pháp hỷ mà hữu tầm hữu tứ dù thế nào thì pháp hỷ hữu tầm hữu tứ đó cũng gọi là hỷ giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn. Pháp hỷ mà vô tầm vô tứ dù thế nào thì pháp hỷ vô tầm vô tứ đó cũng gọi là hỷ giác chi, vẫn hành vi tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

549.

***An giác chi** trong khi có ra sao?* Như là vẫn có yên tịnh thân, vẫn có yên tịnh tâm. Yên tịnh thân dù thế nào thì yên tịnh thân đó cũng gọi an giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn. Yên tịnh tâm dù thế nào thì yên tịnh tâm đó cũng gọi là an giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

550.

***Định giác chi** trong khi có ra sao?* Vẫn có định hữu tầm hữu tứ, vẫn có định vô tầm vô tứ mà định hữu tầm hữu tứ dù thế nào thì định hữu tầm hữu tứ đó cũng gọi là định giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn. Định vô tầm vô tứ dù thế nào thì định vô tầm vô tứ đó cũng gọi là định giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

551.

***Xả giác chi** trong khi có ra sao?*

- Như là vẫn có xả trong pháp bên trong, vẫn có xả trong pháp bên ngoài. Xả trong pháp bên trong dù thế nào thì xả trong pháp bên trong như thế đó, cũng gọi xả giác chi vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.
- Xả trong pháp bên ngoài dù thế nào thì xả trong pháp bên ngoài như thế đó, cũng gọi xả giác chi, vẫn hành vi để tỏ ngộ hầu đắc chứng đến Níp-bàn.

Phần thứ ba của thất giác chi

552.

∗ **Thất giác chi**: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

∗ *Trong thất giác chi đó mà **niệm giác chi** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến niệm giác chi mà nương định, nương ly dục, nương diệt mong để đạt trừ tuyệt, tu tiến trạch pháp giác chi, tu tiến cần giác chi, tu tiến hỷ giác chi, tu tiến an giác chi, tu tiến định giác chi, tu tiến xả giác chi mà nương định, nương ly dục, nương diệt mong đặng trừ tuyệt.

Dứt Phần phân theo Kinh

B. GIÁC CHI PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

Vấn đáp phần riêng

553.

∗ **Thất giác chi**: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi và bảy là xả giác chi.

∗ ***Thất giác chi*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào Phíc-khú tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền vẫn hành nan đắc trì, thì thất giác chi vẫn có trong khi đó như là niệm giác chi… xả giác chi.

554.

Niệm giác chi *trong khi có ra sao?* Như là nhớ đặng, thường nhớ… chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm giác chi.

555.

Trạch pháp giác chi *trong khi có ra sao?* Như là tuệ hay thái độ biết rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là trạch pháp giác chi.

556.

Cần giác chi *trong khi có ra sao?* Như là sự mở mối siêng năng trong tâm… chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là cần giác chi.

557.

Hỷ giác chi *trong khi có ra sao?* Như là pháp hỷ, sự mừng no, cách rất vui, sự phơi phới, cách hớn hở, cách vui bồng bột, sự khoái, sự vui mừng, thái độ mừng của tâm chính là hỷ giác chi. Như thế gọi là hỷ giác chi.

558.

An giác chi *trong khi có ra sao?* Như là sự vắng lặng, cách yên tịnh, thái độ vắng lặng, chơn tướng yên tịnh hay sự yên tịnh của thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn thành an giác chi. Như thế gọi là an giác chi.

559.

Định giác chi *trong khi có ra sao?* Sự đình trụ của tâm… thành chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là định giác chi.

560.

Xả giác chi *trong khi có ra sao?* Như là sự buông bỏ, cách buông bỏ, chăm chú bằng tâm trung bình thành xả giác chi. Như thế gọi là xả giác chi.

Những pháp như thế gọi là thất giác chi. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với thất giác chi.

Vấn đáp phần chung

561.

Thất giác chi: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

- *Trong những thất giác chi đó mà* ***niệm giác chi*** *ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì niệm hay sự hằng nhớ… thành chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi niệm giác chi. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với niệm giác chi… .
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **trạch pháp giác chi**…
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **cần giác chi**…
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **hỷ giác chi**…

- … những pháp ngoài ra tương ưng với **an giác chi**…
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **định giác chi**…
- ***Xả giác chi** trong khi có ra sao?* Phíc-khú ấy trong khi đó tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi đó có sự như thường, thái độ như thường, cách chăm chú trung bình của tâm thành xả giác chi, dù cách nào như thế gọi là xả giác chi. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với xả giác chi.

Phần vấn đáp riêng

562.

* **Thất giác chi**: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.
* ***Thất giác chi** đó ra sao?*
  - Như là trong khi đó Phíc-khú ấy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà thành dị thục quả do tu hành tiến hóa thiền thiện siêu thế đã chứa để thuộc chủng tiêu diệt vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì thất giác chi như là niệm giác chi… xả giác chi vẫn có trong khi ấy.
* *Trong thất giác chi đó mà **niệm giác chi** ra sao?* Như là sự nhớ đặng, hằng nhớ… thành chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm giác chi…
* ***Xả giác chi** trong khi có ra sao?* Như là sự như thường, cách như thường, thái độ gắng chăm chú bằng cách trung bình của tâm, thành xả giác chi. Như thế gọi là xả giác chi.

  Những pháp ấy gọi là thất giác chi. Còn những pháp ngoài ra chỉ gọi là tương ưng với thất giác chi.

Vấn đáp phần chung

563.

* **Thất giác chi**: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.
  - *Trong thất giác chi đó mà **niệm giác chi** ra sao?*
    - Như là Phíc-khú đó tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định, vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
    - Bực thanh tịnh lìa chư dục… đắc sơ thiền mà thành dị thục quả do thực hành tu tiến theo thiền thiện siêu thế chứa để mà thuộc chủng tiêu diệt vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì niệm hay sự hằng nhớ… thành chánh niệm, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là niệm giác chi. Còn những pháp ngoài ra chỉ gọi là tương ưng với niệm giác chi…
  - … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **trạch pháp giác chi**…
  - … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **cần giác chi**…

- … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **hỷ giác chi**…
- … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **an giác chi**…
- … những pháp ngoài ra gọi tương ưng với **định giác chi**…
- ***Xả giác chi** trong khi có ra sao?*
    - Như là Phíc-khú tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định, vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
    - Bực vắng lặng xa lìa chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do đã thực hành tu tiến theo thiền thiện siêu thế vẫn hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt trong khi đó thì sự như thường, cách như thường, thái độ rất chăm chú bằng cách trung bình của tâm thành xả giác chi. Như thế gọi là xả giác chi. Còn những pháp ngoài ra chỉ gọi tương ưng với xả giác chi.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. GIÁC CHI PHÂN TÍCH - PHẦN VẤN ĐÁP

564.

Thất giác chi: Một là niệm giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là cần giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là an giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong những thất giác chi đó mà điều nào thành thiện, điều nào thành bất thiện, điều nào thành vô ký… điều nào thành hữu y, điều nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

565.

* Thất giác chi chỉ thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Hỷ giác chi thành tương ưng lạc thọ. Lục giác chi thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Thất giác chi thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có.
* Thất giác chi thành phi do thủ phi cảnh thủ.
* Thất giác chi thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Thất giác chi thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Hỷ giác chi thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, thành phi đồng sanh xả. Lục giác chi thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Thất giác chi thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thất giác chi thành phi hữu nhân phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thất giác chi thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Thất giác chi thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có.
* Thất giác chi thành vô lượng *(appamāṇā).*
* Thất giác chi thành cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇā).*

* Thất giác chi thành tinh lương *(paṇītā)*.
* Thất giác chi thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Thất giác chi không thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có. Không thể nói thành đạo là nhân, vẫn thành đạo là trưởng cũng có.
* Thất giác chi thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Thất giác chi thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Không thể nói vẫn thành biết cảnh quá khứ, vẫn thành biết cảnh vị lai, vẫn thành biết cảnh hiện tại.
* Thất giác chi thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Thất giác chi thành biết cảnh ngoại phần.
* Thất giác chi thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

I. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

566.

* Trạch pháp giác chi thành nhân. Lục giác chi thành phi nhân.
* Thất giác chi thành hữu nhân.
* Thất giác chi thành tương ưng nhân.
* Trạch pháp giác chi thành nhân hữu nhân. Lục giác chi không thể nói thành nhân hữu nhân, chỉ thành phi nhân hữu nhân.
* Trạch pháp giác chi thành nhân tương ưng nhân. Lục giác chi không thể nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành phi nhân tương ưng nhân.
* Lục giác chi thành phi nhân hữu nhân. Trạch pháp giác chi không nên nói thành phi nhân hữu nhân hay thành phi nhân vô nhân.

ii, iii, iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi, xii. Đáp phần nhị đề đỉnh…

567.

* Thất giác chi thành hữu duyên… .
* Thất giác chi thành hữu vi… .
* Thất giác chi thành bất kiến… .
* Thất giác chi thành vô đối chiếu… thất giác chi thành phi sắc.
* Thất giác chi thành siêu thế.
* Thất giác chi thành có tâm biết đặng cũng có, thành có tâm không biết đặng cũng có.
* Thất giác chi thành phi lậu.
* Thất giác chi thành phi cảnh lậu.
* Thất giác chi thành bất tương ưng lậu.
* Thất giác chi không thể nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu. Không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Thất giác chi thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
* Thất giác chi thành phi triền… thất giác chi thành phi phược… thất giác chi thành phi bộc… thất giác chi thành phi phối… thất giác chi thành phi cái… .
* Thất giác chi thành phi khinh thị… .
* Thất giác chi thành tri cảnh.

* Thất giác chi thành phi tâm.
* Thất giác chi thành sở hữu tâm.
* Thất giác chi thành tương ưng tâm.
* Thất giác chi thành hòa với tâm.
* Thất giác chi thành có tâm làm sở sanh.
* Thất giác chi thành đồng sanh tồn với tâm.
* Thất giác chi thành tùng tâm thông lưu.
* Thất giác chi thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh.
* Thất giác chi thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh.
* Thất giác chi thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm.
* Thất giác chi thành bên ngoài
* Thất giác chi thành phi y sinh.
* Thất giác chi thành phi do thủ.
* Thất giác chi thành phi thủ.
* Thất giác chi thành phi phiền não.

xiii. Đáp phần yêu bối *(piṭṭhiduka)*

568.

* Thất giác chi thành phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Thất giác chi thành phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thất giác chi thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Thất giác chi thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Thất giác chi thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Thất giác chi thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Hỷ giác chi thành vô hỷ. Lục giác chi thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Hỷ giác chi thành phi đồng sanh hỷ. Lục giác chi thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Hỷ giác chi thành đồng sanh lạc. Lục giác chi thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Hỷ giác chi thành phi đồng sanh xả. Lục giác chi thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Thất giác chi thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* Thất giác chi thành bất liên quan luân hồi.
* Thất giác chi thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* Thất giác chi thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có. Thất giác chi thành vô thượng. Thất giác chi thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ Giác chi phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XI - ĐẠO PHÂN TÍCH

A. ĐẠO PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

Phần thứ nhất của bát chánh đạo

569.

Thánh đạo có tám chi: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

570.

*Trong bát thánh đạo đó mà **chánh kiến** ra sao?* Như là cách biết khổ, sự biết khổ tập, sự biết khổ diệt, cách biết lối tiến hành đi đến diệt khổ. Như thế gọi là chánh kiến.

571.

***Chánh tư duy** đó ra sao?* Như là sự suy xét ly sân độc, sự suy xét không phải ép uổng. Như thế gọi là chánh tư duy.

572.

***Chánh ngữ** trong khi có ra sao?* Như là nói lời xa lìa vọng ngôn, nói lời xa lìa ỷ ngữ, nói lời xa lìa lưỡng thiệt, nói lời xa lìa ác khẩu. Như thế gọi là chánh ngữ.

573.

***Chánh nghiệp** trong khi có ra sao?* Như là sự xa lìa sát sanh, xa lìa trộm cướp, xa lìa tà dâm. Như thế gọi là chánh nghiệp.

574.

***Chánh mạng** trong khi có ra sao?* Như là bực thanh văn, Thánh quả đã chừa bỏ tà mạng, tự hượt nuôi sống bằng cách chơn chánh. Như thế gọi là chánh mạng.

575.

***Chánh tinh tấn** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú làm cho dục, cần khai đoan tinh tấn, chăm nom tâm và sự sốt sắng phát sanh hầu ngăn chận pháp bất thiện và tội ác chưa sanh không cho sanh. Hay làm cho dục, cần khai đoan tinh tấn, chăm nom tâm và sự sốt sắng phát sanh hầu trừ chư pháp bất thiện và tội ác đã sanh. Làm cho dục, cần khai đoan tinh tấn chăm nom tâm và sự sốt sắng phát sanh để tạo chư pháp thiện chưa sanh đặng sanh và làm cho dục, cần khai đoan tinh tấn, chăm nom tâm và sự sốt sắng sanh ra để làm cho pháp thiện đã sanh đặng đình trụ rất vững vàng, tiến hóa đầy đủ rộng rãi không tiêu hao. Như thế gọi là chánh tinh tấn.

576.

***Chánh niệm** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú vẫn thường quán thấy thân trong thân, có sự tinh tấn, đặng lương tri, có chánh niệm, hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời. Vẫn thường quán thấy thọ trong thọ có sự tinh tấn, đặng lương tri, có chánh niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời. Vẫn thường quán thấy tâm trong tâm có tinh tấn, lương tri, chánh niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời. Vẫn thường quán thấy pháp trong pháp, có tinh tấn, lương tri, chánh niệm hạn chế đặng tham ác và ưu nơi đời. Như thế gọi là chánh niệm.

577.

Chánh định *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú vắng lặng, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định; tĩnh ly tầm, tứ đắc nhị thiền nơi tâm, tự do trong sạch bởi không tầm không tứ chỉ còn hỷ, lạc sanh từ định. Do lìa luôn hỷ đến bực tâm thành xả, vẫn có chánh niệm lương tri, hưởng vui bằng danh thân, chứng thiền mà thiền của chư bực Thánh nhân khen ngợi người đắc thiền là bực có tâm xả, có chánh niệm, vẫn an vui. Như thế đắc luôn tứ thiền không khổ không lạc, do trừ lạc khổ và ưu hỷ đã vắng bặt trước rồi, có chánh niệm đầy đủ do xả. Như thế gọi là chánh định.

Phần thứ hai của bát thánh đạo

578.

Bát Thánh đạo: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

579.

Trong bát chánh đạo đó mà ***chánh kiến*** *ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu chánh kiến mà nương định, nương ly dục, nương diệt, hy vọng để trừ… tu tiến chánh tư duy… tu tiến chánh ngữ… tu tiến chánh nghiệp… tu tiến chánh mạng… tu tiến chánh tinh tấn… tu tiến chánh niệm… tu tiến chánh định, mà nương định, nương ly dục, nương diệt, mong đặng sự trừ bỏ.

Dứt Phần theo Kinh

B. ĐẠO PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Phần bát chi

580.

* **Bát chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

* ***Bát chi đạo*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì bát chi đạo như là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy.

581.

Chánh kiến *trong khi có ra sao?* Như là tuệ hay sự hiểu rõ… vô si, trạch pháp, sự nhận thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến.

582.

Chánh tư duy *trong khi có ra sao?* Như là sự suy xét, cách suy xét, sự nghĩ ngợi mạnh, sự đem tâm vào cảnh, sự tâm đến cảnh, sự tâm khắn khít trong cảnh, sự xét chơn chánh, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tư duy.

583.

Chánh ngữ *trong khi có ra sao?* Như là sự ngăn, cách ngừa, cách dứt bỏ, tính chừa bỏ, xa tứ ác khẩu, bất vi bất tác, không luống chẳng phạm, không quá chừng, cách hạn chế nguyên nhân tứ ác khẩu, nói lời chơn chánh, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh ngữ.

584.

***Chánh nghiệp** trong khi có ra sao?* Như là sự ngăn, cách ngừa, cách dứt bỏ, tính chừa bỏ, xa lìa tam thân ác, bất tác bất hành, chẳng phạm không luống qua giới hạn, cách hạn chế nguyên nhân của tam thân ác, việc làm chơn chánh, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh nghiệp.

585.

***Chánh mạng** trong khi có ra sao?* Như là sự ngăn, cách ngừa, cách dứt bỏ, tính chừa bỏ, xa lìa tà mạng, bất tác bất hành, không luống chẳng phạm qua giới hạn, cách hạn chế nguyên nhân tà mạng, cách nuôi mạng chơn chánh, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh mạng.

586.

***Chánh tinh tấn** trong khi có ra sao?* Như là sự mở mối cho tâm siêng năng… cách siêng năng chơn chánh, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn.

587.

***Chánh niệm** trong khi có ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách nhớ lại… sự nhớ ghi chơn chánh, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh niệm.

588.

***Chánh định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… cách đình trụ chơn chánh, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh định.

Những pháp kể trên gọi là bát chi đạo. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với bát chi đạo.

2) Phần ngũ chi

Vấn đáp cách đồng nhau

589.

* **Ngũ chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh tinh tấn, bốn là chánh niệm, năm là chánh định.

* ***Ngũ chi đạo** trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì ngũ chi đạo như là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vẫn có trong khi ấy.

  - ***Chánh kiến** trong khi có ra sao?* Như là tuệ, cách rõ thấu… vô si, trạch pháp, nhận thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến.
  - ***Chánh tư duy** trong khi có ra sao?* Như là sự suy xét, cách nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi… chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tư duy.
  - ***Chánh tinh tấn** trong khi có ra sao?* Như là cách mở mối cho tâm siêng năng… thuộc chánh tinh tấn, cần giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh tinh tấn.
  - ***Chánh niệm** trong khi có ra sao?* Như là cách nhớ đặng, sự nhớ lại… sự nhớ ghi chơn chánh, niệm giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh niệm.
  - ***Chánh định** trong khi có ra sao?* Như là sự đình trụ của tâm… tâm vững vàng đúng, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh định.

  Đây gọi là ngũ chi đạo. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với ngũ chi đạo.

Vấn đáp cách khác nhau

590.

* **Ngũ chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh tinh tấn, bốn là chánh niệm, năm là chánh định.

  - ***Chánh kiến** trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì tuệ, thái độ rõ thấu… vô si, trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chánh kiến. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh kiến.
  - … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh tư duy**.
  - … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh tinh tấn**.
  - … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh niệm**… .

  - ***Chánh định** trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì sự đình trụ của tâm thuộc chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chánh định. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với chánh định.

3) Phần bát chi

591.

* **Bát chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

* ***Bát chi đạo** trong khi có ra sao?*
  - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi pháp thiện.
  - Bực thanh tịnh lìa chư dục… đắc sơ thiền mà thành dị thục quả do tu hành chất chứa thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt trong khi nào thì Bát chi đạo như là chánh kiến… chánh định vẫn có trong khi ấy.

  Như thế gọi là bát chi đạo. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với bát chi đạo.

4) Phần ngũ chi

Vấn đáp cách đồng nhau

592.

* **Ngũ chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh tinh tấn, bốn là chánh niệm, năm là chánh định.

* ***Ngũ chi đạo** trong khi có ra sao?*
  - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là nhân xuất luân hồi đưa đến Níp-bàn đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi chư pháp thiện.

- Phíc-khú thành bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do tu hành tích trữ thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt trong khi nào thì ngũ chi đạo là chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định vẫn có trong khi ấy.

Như thế gọi là ngũ chi đạo. Còn những pháp ngoài ra gọi tương ưng với ngũ chi đạo.

Cách vấn đáp riêng biệt

593.

* **Ngũ chi đạo**: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh tinh tấn, bốn là chánh niệm, năm là chánh định.

- ***Chánh kiến** trong khi có ra sao?*
  - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là nhân xuất luân hồi đưa đến Níp-bàn đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Bực Phíc-khú thanh tịnh lìa chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do tu hành chứa để thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt trong khi nào thì tuệ hay cách rõ thấu… vô si, trạch pháp, chánh kiến, trạch pháp giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Như thế gọi là chánh kiến. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh kiến.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh tư duy**.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh tinh tấn**.
- … những pháp ngoài ra tương ưng với **chánh niệm**…
- ***Chánh định** trong khi có ra sao?*
  - Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là nhân xuất luân hồi đưa đến Níp-bàn đặng trừ phiền não hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Phíc-khú bực thanh tịnh ly chư dục… đắc sơ thiền thành dị thục quả do tu hành tiến hóa thiền thiện siêu thế mà hành nan đắc trì bằng chủng tiêu diệt trong khi nào thì sự đình trụ của tâm, sự kiên cố của tâm, sự chặt chẽ của tâm, cách tâm không lơ lãng, không tán loạn, không lao chao, thuộc về chỉ, định quyền, định lực, chánh định, định giác chi, chi của đạo, liên quan trong đạo. Khi nào như thế gọi là chánh định. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với chánh định.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. ĐẠO PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

594.

Bát chi đạo: Một là chánh kiến, hai là chánh tư duy, ba là chánh ngữ, bốn là chánh nghiệp, năm là chánh mạng, sáu là chánh tinh tấn, bảy là chánh niệm, tám là chánh định.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những bát chi đạo mà điều nào thành thiện, điều nào thành bất thiện, điều nào thành vô ký… điều nào thành hữu y, điều nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

595.

* Bát chi đạo thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Chánh tư duy thành tương ưng lạc thọ. Thất chi đạo thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Bát chi đạo thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có.
* Bát chi đạo thành phi do thủ phi cảnh thủ.
* Bát chi đạo thành phi phiền toái phi cảnh phiền não.
* Chánh tư duy thành vô tầm hữu tứ. Thất chi đạo thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Chánh tư duy thành đồng sanh hỷ, thành đồng sanh lạc, không thành đồng sanh xả. Thất chi đạo thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Bát chi đạo thành phi sơ đạo và phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Bát chi đạo thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có.
* Bát chi đạo thành vô lượng *(appamāṇā).*
* Bát chi đạo thành cảnh vô lượng *(appamāṇārammaṇā).*
* Bát chi đạo thành tinh lương *(paṇītā).*
* Bát chi đạo thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Bát chi đạo không thành đạo là cảnh.
* Bát chi đạo thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có. Không thể nói tuy nhiên thành đạo là nhân, tuy nhiên thành đạo là trưởng cũng có.
* Bát chi đạo thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Bát chi đạo thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Không thể nói thành biết cảnh quá khứ, phải thành biết cảnh vị lai hay phải thành biết cảnh hiện tại.
* Bát chi đạo thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Bát chi đạo thành biết cảnh ngoại.
* Bát chi đạo thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

596.

* Chánh kiến thành nhân. Thất chi đạo thành phi nhân.
* Bát chi đạo thành hữu nhân, thành tương ưng nhân.
* Chánh kiến thành nhân hữu nhân. Thất chi đạo không thể nói thành nhân hữu nhân, mà thành phi nhân hữu nhân.
* Chánh kiến thành nhân tương ưng nhân. Thất chi đạo không thể nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành tương ưng nhân.
* Thất chi đạo thành phi nhân hữu nhân. Chánh kiến không nên nói phải thành phi nhân hay thành phi nhân vô nhân.

ii, iii, iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi, xii. Đáp phần nhị đề đỉnh…

597.

* Bát chi đạo thành hữu duyên. Bát chi đạo thành hữu vi. Bát chi đạo thành bất kiến. Bát chi đạo thành vô đối chiếu. Bát chi đạo thành phi sắc… Bát chi đạo thành siêu thế.
* Bát chi đạo thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.
* Bát chi đạo thành phi lậu.
* Bát chi đạo thành phi cảnh lậu.
* Bát chi đạo thành bất tương ưng lậu
* Bát chi đạo không nên nói thành lậu cảnh lậu hay thành phi lậu cảnh lậu.
* Bát chi đạo không thể nói thành lậu tương ưng lậu hay thành phi lậu tương ưng lậu.
* Bát chi đạo thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
* Bát chi đạo thành phi triền…
* Bát chi đạo thành phi phược…
* Bát chi đạo thành phi bộc…
* Bát chi đạo thành phi phối…
* Bát chi đạo thành phi cái…
* Bát chi đạo thành phi khinh thị…
* Bát chi đạo thành tri cảnh…
* Bát chi đạo thành phi tâm…
* Bát chi đạo thành sở hữu tâm.
* Bát chi đạo thành tương ưng tâm.
* Bát chi đạo thành hòa với tâm.
* Bát chi đạo thành có tâm làm sở sanh.
* Bát chi đạo thành đồng sanh tồn với tâm.
* Bát chi đạo thành tùng tâm thông lưu.
* Bát chi đạo thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh.
* Bát chi đạo thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh.
* Bát chi đạo thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm.
* Bát chi đạo thành bên ngoài *(Bāhira).*
* Bát chi đạo thành phi y sinh
* Bát chi đạo thành phi do thủ…
* Bát chi đạo thành phi thủ…
* Bát chi đạo thành phi phiền não…

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

598.

* Bát chi đạo thành phi sơ đạo tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành phi hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ.
* Bát chi đạo thành phi hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ.
* Chánh tư duy thành vô tầm. Thất chi đạo thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.
* Chánh tư duy thành hữu tứ. Thất chi đạo thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Chánh tư duy thành hữu hỷ. Thất chi đạo thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.

* Chánh tư duy thành đồng sanh hỷ. Thất chi đạo thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Chánh tư duy thành đồng sanh lạc. Thất chi đạo thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Chánh tư duy thành phi đồng sanh xả. Thất chi đạo thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Bát chi đạo thành phi Dục giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Bát chi đạo thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* Bát chi đạo thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Bát chi đạo thành vô thượng.
* Bát chi đạo thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Đầy đủ Đạo phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XII - THIỀN PHÂN TÍCH

A. ĐẦU ĐỀ

599.

* Phíc-khú trong Tông giáo nầy thành bực thu thúc giới bổn, đàng hoàng phẩm hạnh và du hành nhận thấy nạn lỗi ít oi, đã nguyện thực hành những điều học, thu thúc lục quyền, tri túc thực hợp sự tinh tấn luôn cả đầu hôm đến cuối đêm, tinh tấn liên tiếp hiệp tuệ bảo vệ ta trau dồi pháp đẳng giác. Phíc-khú đó, người biết rõ ràng với cách đi tới thối lui, biết rõ rành cách ngó tới, ngó qua ngó lại, rõ rành với co ngay, rõ rành cách giữ tăng già lê, y bát, người biết rõ rành cách liếm nhai ăn uống, người biết rõ rành cách đại tiện và tiểu tiện, người biết rõ rành cách đi, đứng, ngồi, nằm, thức, ngủ, nói, nín. Phíc-khú nương ở chỗ vắng lặng như rừng, bóng cây, núi, triền hay nghĩa địa, rừng rậm chỗ trống, ruộng hoang nơi không có tiếng tăm lộn xộn, không có tiếng ồ ạt, chỗ người ta không ưa đi dạo, nơi không có người lộn xộn, nơi đáng ẩn.

* Phíc-khú vào rừng hoặc ở dưới bóng cây, hoặc vào nhà trống ngồi kiết già thẳng lưng chăm chú đến đề mục. Phíc-khú đó đã đặng trừ tham ác nơi đời, sống bằng tâm xa lìa tham ác, rửa tâm trong sạch xa lìa tham ác, đã trừ đặng sân và ác độc thành người vô sân có sự tế độ tất cả chúng sanh, rửa lòng trong sạch xa lìa sân và độc ác, đã trừ hôn trầm thùy miên, thành bực vẫn lìa hôn trầm thùy miên, đặng tưởng quang minh, có chánh niệm lương tri, rửa lòng trong sạch xa lìa hôn trầm thùy miên, đã trừ trạo hối thành người không tán loạn vẫn có tâm vắng lặng bên trong. Rửa lòng trong sạch xa lìa trạo hối, đã trừ đặng hoài nghi là bực lướt khỏi hoài nghi không còn nghi nan, rửa lòng trong sạch xa lìa sự nghi nan với tất cả pháp thiện.

* Phíc-khú như thế đó trừ ngũ cái làm cho tâm phiền muộn, đã cho tuệ rõ đặng, thanh tịnh ly dục, vắng lặng lìa những pháp bất thiện rồi đắc sơ thiền hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định. Vắng lặng tầm, tứ đắc nhị thiền mà hành động bên trong thành pháp trong trẻo do tầm, tứ vắng lặng thành pháp đơn độc phát sanh nơi vô tầm vô tứ chỉ còn hỷ và lạc sanh từ định. Bỏ rơi đặng hỷ nữa mới thành người có tâm xả, vẫn có chánh niệm lương tri và hưởng yên vui bằng danh thân, chứng tam thiền mà thiền chư Thánh khen ngợi những người đắc là có tâm xả, đặng chánh niệm, vẫn yên vui như thế chứng tứ thiền vô khổ vô lạc do trừ lạc khổ bởi ưu và hỷ vắng bặt dứt trước rồi vẫn có chánh niệm đầy đủ do xả bởi lướt qua tất cả tư tưởng hữu hình do sự diệt tưởng phẫn nhuế do không tác ý tưởng dị mới đắc thiền Không vô biên xứ bằng cách đề mục hư không vô biên, vẫn như thế do lướt qua khỏi tất cả cách Không vô biên xứ mới chứng cách Không vô biên xứ bằng đề mục Thức vô biên, vẫn như thế lướt qua những cách Thức vô biên mới chứng thiền Vô sở hữu bằng đề mục không có chi, vẫn như thế lướt khỏi những cách không Vô sở hữu xứ mới chứng thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Dứt Đầu đề

B. THIỀN PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO KINH

Giải đầu đề

600.

Câu nói trong Tông giáo này có giải như vầy: Trong tri kiến nầy, trong nhẫn nại nầy, trong thạnh vượng nầy, trong đảng phái nầy, trong pháp luật nầy, trong di môn (văn phạm) nầy, trong phạm hạnh nầy, trong Tông giáo của Đức giáo chủ nầy. Do nhân đó mới gọi là trong Tông giáo nầy.

601.

Câu nói Phíc-khú có giải như vầy: Gọi là Phíc-khú bởi phổ thông, gọi là Phíc-khú do minh ước, gọi là Phíc-khú do sinh, gọi là Phíc-khú do thành người sinh, gọi là Phíc-khú do thành người trị môn khất thực, gọi là Phíc-khú do mặc đồ hoại sắc, gọi là Phíc-khú do đang bài trừ chư pháp bất thiện và tội ác, gọi là Phíc-khú do đã bài trừ chư pháp bất thiện và tội ác, gọi là Phíc-khú do trừ phiền não bằng cách riêng phần, gọi là Phíc-khú do trừ phiền não bằng cách không riêng phần, bực hữu học gọi là Phíc-khú, bực phi hữu học phi vô học gọi là Phíc-khú, bực trụ trong pháp cao siêu gọi là Phíc-khú, bực hợp với pháp mỹ lệ gọi là Phíc-khú, người đầy đủ trong sạch gọi là Phíc-khú, người hiệp với pháp lõi gọi là Phíc-khú, người xuất gia theo chế định tứ bạch Yết Ma không hư đáng với địa vị do hòa hợp với tăng gọi là Phíc-khú.

602.

* Câu nói giới bổn tức là giới để nương thành bực sơ, thành y chỉ, thành cơ quan thu thúc, thành cơ quan cẩn thận, thành cơ quan đại diện, thành cơ quan chủ trương hầu vào đến với chư pháp thiện.
* Câu nói thu thúc tức là cách không thái quá của thân, cách không thái quá của lời nói, cách không thái quá của thân và lời nói.
* Câu nói thành người đã thu thúc có giải rằng là bực đã nhập đáo, đi đến hoàn thành rồi, đã vào đến hoàn toàn, đã vào đến rành rẽ, đã hiệp với thu thúc giới bổn ấy. Do nhân đó mới gọi người đã thu thúc theo giới bổn.

603.

Câu nói trụ có giải rằng: Trụ liền nhau, trụ phẩm hạnh hành vi, trụ gìn giữ, trụ cho hành động, trụ dạo đi, trụ đình chỉ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

604.

* Câu nói đã hoàn toàn với phẩm hạnh và du hành có giải rằng phẩm hạnh vẫn có, phi phẩm hạnh vẫn có.
  - *Trong hai cách nầy mà **phi phẩm hạnh** đó ra sao?* Như là sự thái quá bằng thân, thái quá bằng lời nói, thái quá cả thân và tâm. Như thế gọi là phi phẩm hạnh. Hay là tất cả người phá giới đều kêu là phi phẩm hạnh. Cũng có Phíc-khú trong Tông giáo nầy nuôi mạng bằng cách cho tre, hoặc bằng cách cho lá cây, hoặc bằng cách cho bông cây, hoặc bằng cách cho trái cây, hoặc bằng cách cho phấn để thoa, hoặc bằng cách cho cây chà răng, hoặc bằng cách nói bợ đỡ làm cho họ mến, hoặc bằng cách nói khi thật khi chơi đồng như canh đậu, hoặc cách thành người giữ con, hoặc bằng cách tay sai tại gia, hoặc bằng cách tà mạng hay trong một cách nào mà Phật ngài chê trách. Như thế gọi là phi phẩm hạnh.
  - ***Phẩm hạnh** đó ra sao?* Như là sự không thái quá bằng thân, không thái quá bằng lời nói hay không thái quá cả thân và lời nói. Như thế gọi là phẩm hạnh. Thu thúc tất cả giới cũng gọi là phẩm hạnh. Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị vẫn không

nuôi mạng bằng cách cho lá cây, không nuôi mạng bằng cách cho bông cây, không nuôi mạng bằng cách cho trái cây, không nuôi mạng bằng cách cho phấn thoa, không nuôi mạng bằng cách cho cây chà răng, không nuôi mạng bằng cách nói bợ đỡ cho họ thích, không nuôi mạng bằng cách nói khi thật khi chơi tợ hồ như canh đậu, không nuôi mạng bằng cách thành người nuôi con nít, không nuôi mạng bằng cách làm tay sai cho tại gia, không nuôi mạng sống bằng cách tà mạng mà Đức Phật ngài đã phán dù trong một cách nào. Như thế gọi là phẩm hạnh.

* Câu nói du hành *(gocara)* có giải rằng: Du hành cũng có, phi du hành cũng có.
  - *Trong hai cách đó mà **phi du hành** ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị thành người dạo đi trong sở của gái lầu xanh, hoặc dạo đi nơi góa phụ, hoặc dạo đi nơi chỗ gái góa, hoặc dạo đi nơi chỗ của bán nam bán nữ, hoặc dạo đi nơi Phíc-khú Ni, hoặc dạo đi nơi tiệm rượu, hoặc thành người hỗn hợp với vua hay đại thần của vua, hoặc phú trưởng giả, hoặc giáo chủ của ngoại giáo, hoặc đệ tử của ngoại giáo, bằng cách hỗn hợp với cư sĩ mà không thích hợp với dòng giống nào mà không có đức tin, không kính trọng, chỗ không đáng đến hay ưa chửi hoặc rủa, thích với sự tàn hại, không ưa những sự vật liên quan lợi ích, chẳng thích với sự núi non, không ưa liên quan với sự vật lợi ích như là Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà Phíc-khú tìm kiếm đến thân tộc hoài hoài. Nhận thấy bằng cách đó mới gọi là phi du hành.
  - ***Du hành** đó ra sao?*
    - Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị không dạo đi nơi dâm phụ, không dạo đi nơi quả phụ, không dạo đi nơi gái góa, không dạo đi nơi chỗ phi nam nữ, không dạo đi nơi Phíc-khú Ni, không dạo đi nơi tiệm rượu, không hỗn hợp với vua hay đại thần của vua, hoặc chủ tôn giáo ngoại hay đệ tử ngoại giáo, cũng không trà trộn với cư sĩ bằng cách không thích hợp hay là thân tộc nào.
    - Nếu những thân tộc nào có đức tin, có kỉnh trọng thành chỗ đáng tới lui, thường đến với bực mặc đồ hoại sắc, hoặc nếu có bực tu hành nên hằng tới lui, thành người ưa sự tiến hóa, ưa đồ vật liên quan lợi ích, ưa với núi non, ưa với sự liên quan lợi ích như là Phíc-khú, Phíc-khú Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà Phíc-khú ấy không thường tới lui với bà con thân quyến. Nếu nhận thấy cách đó mới gọi là du hành.

    Phíc-khú thành bực đã đáo cận… hiệp với phẩm hạnh và du hành như đã nói. Do nhân đó mới gọi là đầy đủ phẩm hạnh và du hành bằng cách như thế.

605.

*Câu nói thấy những nạn lỗi lối chừng chút đỉnh mà **lỗi chừng chút đỉnh** đó ra sao?* Những lỗi chừng chút đỉnh đó là thấp thỏi, nhẹ nhành cho lỗi nhẹ nhàng nên thu thúc, nên cẩn thận, nên làm bằng tâm phát ra liên quan với tác ý. Những như thế gọi là cách thấy lỗi lối chừng chút ít. Phíc-khú thành bực thấy lỗi, thấy nạn, thấy sự xấu xa và thấy cách chiết trừ ra cho khỏi trong những lỗi mà có chút ít đó. Do nhân ấy mới gọi là thấy những nạn lỗi lối chừng chút ít.

606.

*Câu nói đã nguyện thọ đang hành trong điều học mà **điều học** đó ra sao?*
- Điều học có bốn: Một là điều học của Phíc-khú gọi là Phíc-khú điều học, hai là điều học của Phíc-khú Ni gọi là Phíc-khú Ni điều học, ba là điều học của thiện nam gọi

là thiện nam điều học, bốn là điều học của tín nữ gọi là tín nữ điều học. Những thế gọi là điều học.

- Phíc-khú nguyện thọ những điều học đối với những điều học nguyện thọ, nguyện thọ hết tất cả điều học không chừa, bằng lối sẽ phải thực hành tất cả rồi vẫn thực hành trong điều học như thế. Do nhân đó mới gọi là nguyện thọ rồi vẫn thực hành theo tất cả điều học.

607.

Câu nói thu thúc trong lục quyền có giải rằng sự thành người thu thúc trong lục quyền vẫn có, sự thành người không thu thúc trong lục quyền vẫn có.

- *Trong hai cách nầy mà* ***sự thành người không thu thúc lục quyền*** *đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy cũng có vị đã thấy sắc bằng nhãn, vẫn thành người chấp theo tướng chánh, chấp theo tướng phụ thì chư pháp bất thiện tội lỗi như là tham ác và ưu phải tươm theo người ấy là người đang không thu thúc nhãn quyền. Do cách không thu thúc nhãn quyền thành nhân mới không thu thúc nhãn quyền đó, không gìn giữ nhãn quyền đó, không đến cách thu thúc trong nhãn quyền đó. Đã nghe tiếng bằng tai… đã hửi hơi bằng mũi… đã nếm vị bằng lưỡi… đã đụng chạm bằng thân… đã biết cảnh pháp bằng tâm, thành người chấp tướng chánh, chấp tướng phụ thời pháp bất thiện tội lỗi như là tham ác và ưu mới tươm theo người ấy, người đang không thu thúc quyền. Do cách không thu thúc quyền nào thành nhân thời không thực hành để thu thúc quyền ấy, vẫn không gìn giữ quyền ấy, vẫn không có cách thu thúc trong quyền đó. Sự không bảo trì, thái độ không bảo trì, cách không gìn giữ, cách không thu thúc với lục quyền. Những thế gọi là thành người không thu thúc trong lục quyền.

- ***Người thu thúc trong lục quyền*** *đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị đã thấy sắc bằng nhãn, vẫn thành người không chấp tướng chánh, không chấp tướng phụ thời các pháp bất thiện tội lỗi như là tham ác và ưu mới không tươm theo người đó là bực vẫn thu thúc nhãn quyền. Do cách thu thúc nhãn quyền làm nhân mới thực hành hầu thu thúc nhãn quyền đó, vẫn gìn giữ nhãn quyền đó, rất thu thúc trong nhãn quyền đó. Đã nghe tiếng bằng nhĩ… đã hửi hơi bằng mũi… đã nếm vị bằng lưỡi… đã đụng chạm bằng thân… đã biết cảnh pháp bằng tâm, vẫn thành người không chấp tướng chánh, cũng không chấp tướng phụ, thời pháp bất thiện hay tội lỗi như là tham ác và ưu mới không tươm theo người ấy là người đang thu thúc quyền đó. Cách thu thúc quyền như thế mới thành nhân.Vẫn thực hành hầu thu thúc ý quyền ấy, rất gìn giữ ý quyền đó, vẫn khắn khít gìn giữ trong ý quyền đó thì sự bảo trì, thái độ bảo trì, cách gìn giữ, cách thu thúc với lục quyền. Những như thế gọi là thành người thu thúc trong lục quyền.

Phíc-khú đã thành bực thân cận… đã hiệp với sự thành người thu thúc trong lục quyền ấy. Do nhân đó mới gọi là thu thúc trong lục quyền.

608.

Câu nói tri độ thực mà tri độ thực cũng có, bất tri độ thực cũng có.

- ***Bất tri độ thực*** *đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị không khéo quán tưởng vật thực độ để chơi, ăn bằng cách ham mê, để cho có nhan sắc tốt đẹp, để đặng mập mạp thành người không tri túc, không tri độ thực, cách không quán tưởng trong vật thực. Như thế gọi là sự thành người bất tri độ thực.

- ***Thành người tri độ thực*** *ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có vị quán tưởng khéo như vầy ta đây ăn chẳng phải để chơi, ăn chẳng phải để ham mê, ăn

chẳng phải để cho có sắc đẹp, ăn chẳng phải để cho mập mạp, ta độ vật thực chỉ để cho thân còn sống, cho mạng quyền hiện hành, để cho hết đói trợ giúp phạm hạnh bằng phương tiện nầy ta sẽ hạn chế đặng cái thọ cũ và sẽ không cho cái thọ mới phát sanh, thành tựu của mạng quyền, sự không có lỗi và cách ở nơi núi non sẽ có cho ta, quán tưởng như thế rồi mới độ có sự tri túc, sự tri độ, cách quán tưởng trong vật thực đó. Như thế gọi là sự thành người tri độ thực.

Phíc-khú đã thành bực thân cận… đã hợp với sự thành bực tri độ trong vật thực ấy. Do nhân đó mới gọi là tri độ thực.

609.

Phíc-khú ***thành bực hiệp sự tinh tấn luôn từ canh đầu cho đến canh chót*** *ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy rửa lòng trong sạch, ly pháp cản tâm không cho đắc chứng sự tốt, rửa bằng cách đi kinh hành, bằng cách ngồi cả ngày, rửa lòng cho sạch hết, lìa pháp ngăn cản tâm không cho đắc chứng sự tốt bằng cách đi kinh hành, cách ngồi luôn từ canh đầu đêm thành tựu sư tử ngọa bằng cách nằm nghiêng, tay mặt, chồng hai chân lên nhau, có chánh niệm lương tri, tâm quán tưởng luôn đến canh chót của đêm rồi dậy rửa lòng trong sạch lìa pháp trở ngại của tâm mà không cho đắc chứng sự tốt, rửa với cách đi kinh hành, cách ngồi luôn đến canh chót của đêm, thực hành bằng cách như thế Phíc-khú ấy mới gọi là bực hiệp với sự tinh tấn luôn sơ canh cho đến mạt canh.

610.

∗ Câu nói sự tinh tấn mà thành liên tiếp tức là cách mở mối siêng năng tâm trong tâm… chánh tinh tấn.

∗ Câu nói tuệ mà gìn giữ bảo trì ta tức là trí tuệ hay thái độ biết rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến.

611.

Câu nói tu tiến pháp đẳng giác mà ***đẳng giác*** *đó ra sao?* Như là thất giác chi tức là niệm giác chi, trạch pháp giác chi, cần giác chi, hỷ giác chi, an giác chi, định giác chi, xả giác chi. Những pháp như thế gọi là pháp đẳng giác mà Phíc-khú vẫn sử dụng tu hành nhiều với những pháp đẳng giác ấy. Do nhân đó mới gọi là pháp đẳng giác.

612.

∗ *Thế nào là Phíc-khú* ***thành bực vẫn biết rõ như thường trong sự bước đi phía trước và lui trở lại phía sau****? Thành bực* ***vẫn biết rõ như thường trong cách ngó phía trước và ngó phía trái phía mặt, thành bực vẫn biết rõ như thường trong cách co thân vô, ngay thân ra, vẫn thành người biết rõ như thường trong cách đắp y tăng già lê, trì bình và mặc y, vẫn thành người biết rõ như thường trong khi ăn uống nhai và nếm vị, vẫn thành người biết rõ như thường trong khi đại tiện và tiểu tiện, vẫn thành người biết rõ như thường trong khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói và nín****?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có chánh niệm, lương tri, bước đi phía trước có chánh niệm lương tri, lui lại phía sau có chánh niệm lương tri, dòm ngó phía trước có chánh niệm lương tri, day ngó phía bên trái bên phải có chánh niệm lương tri, co thân vào có chánh niệm lương tri, ngay thân ra có chánh niệm lương tri, trong cách đắp y tăng già lê mang bát và những y vai trái có chánh niệm lương tri, trong cách ăn uống nhai và nếm vị có chánh niệm lương tri, trong cách đại tiện và tiểu tiện có chánh niệm lương tri, trong cách đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói và nín cũng có chánh niệm lương tri.

- *Câu nói niệm mà* ***niệm*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách nhớ ghi, thường nhớ, nhớ theo, nhớ lại, thái độ nhớ đặng, sự nhớ chắc, cách không quên, không lơ lãng cũng gọi là niệm, niệm quyền, niệm lực, chánh niệm. Như thế gọi là niệm *(sati).*
- *Nói lương tri mà* ***lương tri*** *đó ra sao?*
  - Như là tuệ hay thái độ biết rõ, sự lựa chọn, cách lựa chọn, sự trạch pháp, sự chăm chú, sự quán sát, sự rất quán sát, sự rất quán sát đơn phương, trạng thái hiểu biết, trạng thái khôn lanh, trạng thái biết chừa bỏ, sự biết rõ rệt, sự quán xét, sự trắc nghiệm. Tuệ như đại địa, tuệ là cơ quan bài trừ phiền não, tuệ như kẻ dẫn đường, sự nhận thấy rõ, sự biết rõ, tuệ như gươm bén, tuệ tức là tuệ quyền, tuệ lực, tuệ như vũ khí, tuệ như hoàng cung, tuệ là sáng suốt, tuệ là ánh sáng, tuệ như ngọn đèn, tuệ như ngọc, cũng gọi vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là lương tri.

  - Phíc-khú thành bực đáo cận… đã hiệp với chánh niệm lương tri ấy bằng cách như thế. Do cách thực hành lối ấy, Phíc-khú mới đặng gọi là có chánh niệm lương tri. Bước tới bước lui phía trước có chánh niệm lương tri; trở lại phía sau có chánh niệm lương tri; dòm ngó phía trước có chánh niệm lương tri, xoay ngó phía trái phải có chánh niệm lương tri; co thân vào có chánh niệm lương tri; ngay thân ra có chánh niệm lương tri; trong cách đắp y tăng già lê, mang bát và mặc y vai trái có chánh niệm lương tri; trong cách ăn uống nhai và nếm vị đều có chánh niệm lương tri; trong cách đại tiện và tiểu tiện có chánh niệm lương tri; trong cách đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, nín cũng đều có chánh niệm lương tri.

613.

Nói thanh tịnh có giải như vầy: Những nơi chỗ nào sẽ ở, nơi gần những chỗ ở đó không lộn xộn với những tại gia, xuất gia. Do nhân ấy, chỗ đó mới gọi là thanh tịnh. Dù cho chỗ nào sẽ ở nơi xa nhưng chỗ đó không lộn xộn với những tại gia hay xuất gia. Do nhân ấy chỗ đó cũng gọi là thanh tịnh.

614.

Câu nói tọa cụ có giải như vầy: Tọa ngọa cụ tức là đơn, tọa ngọa cụ cũng là ghế, tọa ngọa cụ cũng là chỗ nằm, tọa ngọa cụ cũng là gối, tọa ngọa cụ cũng là chỗ ở, tọa ngọa cụ cũng là mái hiên, tọa ngọa cụ cũng là cung điện, tọa ngọa cụ cũng là lâu đài, tọa ngọa cụ cũng là nhà lồng, tọa ngọa cụ cũng là chỗ ngủ nghỉ, hoặc chỗ kín khuất, tọa ngọa cụ cũng là hang, tọa ngọa cụ cũng là bóng cây, tọa ngọa cụ cũng là đám tre. Hoặc Phíc-khú thường ở trong chỗ nào thì chỗ ấy gọi là tọa ngoạ cụ.

615.

Câu nói nương tức là nương ở đàng hoàng, vào ở, tọa ngọa cụ mà thanh tịnh ấy. Do nhân đó mới gọi là nương.

616.

Gọi rừng tức là ngoài phạm vi tất cả xóm nhà.

617.

Nói bóng cây… có giải rằng: Là cái tàng (lọng) là bóng cây là sơn nham (núi), kẹt núi, huyệt là hang trong núi, táng địa (là nghĩa trang), không địa (là chỗ trống), cỏ bỏ (là ruộng hoang).

618.

Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ, chỗ ở xa. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ là rừng rậm. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ, chỗ ở đáng kinh sợ. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ, chỗ ở đáng sợ run rẩy. Câu nói rừng sâu là tên của tọa

ngọa cụ, chỗ chót vót. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ chỗ không gần với nhân loại. Câu nói rừng sâu là tên của tọa ngọa cụ, chỗ tìm sự tu tiến khó đặng.

619.

Câu nói chỗ không có tiếng quấy nhiễu là mặc dầu chỗ ở gần nhưng không có ồn ào do bực xuất gia hay người thế tục. Vì nhân đó mới gọi là không có tiếng quấy nhiễu. Hay những chỗ ở dù xa mà cũng không có ồn ào do bực xuất gia hay tại gia; vì nhân đó mới gọi là chỗ ấy không có tiếng quấy nhiễu.

620.

Câu nói chỗ không có tiếng rần rộ có nghĩa là chỗ nào mà không có tiếng quấy nhiễu, đó gọi là chỗ không có tiếng rần rộ. Chỗ nào không có tiếng rần rộ, chỗ đó gọi là chỗ ít người vãng lai. Chỗ ít người vãng lai đó gọi là chỗ không có người lộn xộn. Chỗ không có người lộn xộn đó gọi là chỗ đáng ẩn.

621.

Gọi là hoặc vào rừng, hoặc ở bóng cây, hoặc ở nhà trống như là người đi rừng, người đi ở bóng cây, hoặc người đi vào ở trong nhà không.

622.

Nói ngồi kiết già tức là thành người ngồi kiết già.

623.

Nói thân ngay thẳng tức là để thân cho ngay, dựng thân ngay thẳng.

624.

*Nói để chánh niệm chong ngay đề mục mà **chánh niệm** đó ra sao?* Như là sự chăm chú, hằng chăm chú… chăm chú đúng đắn. Như thế gọi là niệm, mà niệm đây đặt để ngay chót mũi, trên môi đã nhuần nhã. Do nhân đó mới gọi là để niệm chong ngay đề mục.

625.

∗ *Nói trừ tham ác nơi đời mà **tham ác** đó ra sao?* Như là sự mong mỏi, rất mong mỏi… cách mong mỏi nặng nề của tâm. Thế gọi là tham ác.

∗ ***Đời** đó ra sao?* Đời là ngũ thủ uẩn. Như thế gọi là đời.

Nếu mà tham ác ấy vắng lặng êm ái, rất êm ái, tắt đi, tắt đặng êm thắm, bị làm cho điêu tàn tiêu mất, làm cho khô héo, rất khô héo, đã lìa khỏi đời. Do nhân đó mới gọi là trừ đặng tham ác nơi đời.

626.

*Nói tâm xa lìa tham ác mà **tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… thuộc ý thức giới. Như thế gọi là tâm; mà tâm ấy đặng xa lìa tham ác. Do nhân đó gọi là tâm xa lìa tham ác.

627.

*Nói **trụ** đó ra sao?* Nói trụ là đang liên quan nhau, đang hành động, đang gìn giữ, đang cho hành vi, đang hiện hành, đang du hành, đang tạm trụ. Do nhân đó gọi là trụ *(viharati).*

628.

∗ *Nói rửa tâm cho sạch tham ác mà **tham ác** đó ra sao?* Như là sự dục vọng, rất dục vọng… dục vọng nặng nề của tâm. Đó gọi là tham ác.

∗ ***Tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy rửa cho hết, hết trọi đặc biệt, cho rảnh khỏi xa lìa ác ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa tâm trong sạch xa lìa tham ác.

629.

Trừ sân độc ác hại, mà sân độc là một và ác hại là một.

- ***Sân độc** đó ra sao?* Như là sự quá sân giận, oán thù, sự bực lòng, quá bực lòng, rất bực lòng, cách giận dữ, quá giận dữ, rất giận dữ của tâm. Hay là tâm quá giận, ý quá sân, phẩn nộ, thái độ phẩn nộ, cách phẩn nộ, giận lung, sự độc ác, thái độ độc ác, quá độc ác, tính độc ác, mưu độc ác, thái độ dữ dằn xấu xa, hoặc sự không hiền hậu và cách không ưa của tâm. Như thế gọi là sân ác.

- ***Ác hại** trong khi có ra sao?* Sân ác nào độc hại, sân ác đó gọi là độc hại.

Sân ác và độc hại êm ái vắng lặng, rất vắng lặng, dục tắt, mà dục tắt bặt dứt, bị làm cho điêu tàn, làm cho hẳn điêu tàn, bị làm cho khô héo, hẳn khô héo, rốt cuộc làm cho ly biệt mất. Do nhân đó mới gọi là trừ sân ác và độc hại bằng cách như thế.

630.

*Nói tâm không sân ác mà **tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm mà tâm ấy không sân ác. Do nhân ấy mới gọi là tâm không sân ác.

631.

*Nói **trụ** đó ra sao?* Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… tạm trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

632.

Nói rửa lòng trong sạch lìa sân ác độc hại mà sân ác là một và độc hại là một.

- ***Sân ác** trong khi có ra sao?* Như là sự quá sân giận, oán thù, sự bực lòng, quá tức, rất bực lòng, cách giận dỗi, rất giận dỗi của tâm; hay là tâm quá giận, ý quá sân, phẩn nộ, thái độ phẩn nộ, cách phẩn nộ, giận lun, sự độc ác, thái độ độc ác, quá độc ác, tính ác độc, mưu độc ác, thái độ dữ dằn xấu xa hoặc không hiền hậu và cách không ưa của tâm. Như thế gọi là sân ác.

- ***Độc hại** đó ra sao?* Sân ác nào độc hại thì sân ác đó gọi là độc hại.

- ***Tâm** đó ra sao?* Như là chủ trương trong phần biết cảnh, cũng gọi ý, cũng gọi tâm địa… thuộc ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà Phíc-khú phải rửa tâm cho hết, hết đặc biệt, đặng trong sạch xa lìa đặc biệt, rảnh khỏi tham ác và độc hại ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa lòng trong sạch lìa sân ác và độc hại bằng cách như thế.

633.

Nói đã trừ hôn trầm thùy miên mà hôn trầm là một và thùy miên là một.

- *Trong hai thứ đó mà **hôn trầm** ra sao?* Như là sự không tương xứng, sự không thích hợp công chuyện, sự sụt sè, sự lui sụt của tâm, sự thối quá, thái độ thối quá, trạng thái thối quá, sự cuốn lại, trạng thái cuốn lại của tâm. Như thế gọi là hôn trầm.

- ***Thụy miên** trong khi có ra sao?* Như là sự không vừa với cảnh, sự không thích hợp với công chuyện, sự bần thần, sự ngầy ngật, sự dã dượi, sự buồn ngủ, cách muốn ngủ, thái độ muốn ngủ, sự ngủ gục hiện nơi thân. Như thế gọi là thụy miên.

Nếu mà hôn trầm và thụy miên đặng yên tịnh, vắng lặng, rất vắng lặng, diệt tắt, diệt tắt bằng cách yên ổn hay là bị làm cho điêu tàn, làm cho rất điêu tàn, làm cho khô khan, làm cho rất khô khan, đã bị làm cho xa lìa. Do nhân đó mới gọi là đã đặng trừ hôn trầm, thụy miên bằng cách như thế.

634.

∗ Nói thành người xa lìa hôn trầm, thụy miên nghĩa là bực rảnh khỏi hôn trầm, thụy miên bởi vì Phíc-khú đã buông bỏ, đã giải phóng, đã trừ, đã ói ra, đã bỏ giao hoàn, vì

đã bỏ và giao hoàn hôn trầm, thụy miên ấy. Do nhân đó mới gọi là thành bực xa lìa hôn trầm, thụy miên bằng cách như thế.

* Còn nói trụ có nghĩa là vẫn liên hệ nhau… tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

635.

*Câu nói có tưởng quang minh mà **tưởng** đó ra sao?* Như là cách nhớ, thái độ nhớ, sự nhớ. Như thế gọi là tưởng mà tưởng quang minh nầy là khai hóa trong sạch. Do nhân đó mới gọi là có tưởng quang minh.

636.

* *Câu nói có chánh niệm lương tri mà **chánh niệm** đó ra sao?* Như là sự nhớ đặng, sự hằng nhớ… nhớ chơn chánh. Như thế gọi là chánh niệm.

* ***Lương tri** đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ hiểu rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là lương tri. Là Phíc-khú thành bực đã vào đến… đã hợp với chánh niệm và lương tri ấy. Do nhân đó mới gọi là có chánh niệm lương tri bằng cách như thế.

637.

Nói rửa tâm cho sạch lìa hôn trầm, thụy miên mà hôn trầm là một và thụy miên là một.

- *Trong hai thứ nầy mà **hôn trầm** đó ra sao?* Như là sự không tương xứng với tâm… trạng thái rút thun lại của tâm. Như thế gọi là hôn trầm.

- ***Thụy miên** đó ra sao?* Như là sự không tương xứng… tư cách sở hữu tâm sai khiến buồn ngủ. Như thế gọi là thụy miên.

- ***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương trong sự biết cảnh, cũng gọi ý, cũng gọi tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà Phíc-khú rửa tâm ấy cho sạch hết, cho hết trọi trong sạch đặng xa lìa đặc biệt vì rảnh khỏi xa lìa hôn trầm, thụy miên ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa tâm cho sạch lìa hôn trầm, thụy miên.

638.

Nói đã trừ đặng trạo hối mà phân hai thành phóng dật và hối hận.

- *Trong hai thứ nầy, mà **phóng dật** đó ra sao?* Như là sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, cách tâm lăng xăng, sự lao chao của tâm. Như thế gọi là phóng dật.

- ***Hối hận** đó ra sao?* Như là sự chấp rằng quan trọng trong cách không quan trọng, sự chấp rằng không quan trọng trong cách quan trọng, sự chấp rằng có lỗi trong cách không có lỗi, sự chấp rằng không có lỗi với cách có lỗi; sự bực tức, thái độ bực tức, trạng thái bực tức, tâm nóng nảy, tâm rộn ràng. Nếu có trạng thái như thế gọi là hối hận.

Nếu phóng dật và hối hận ấy yên tịnh, vắng lặng càng vắng lặng diệt mất, diệt bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, làm cho thật điêu tàn, bị làm cho khô héo rất khô héo và rốt cuộc đã làm cho xa lìa. Do nhân đó mới gọi là đã đặng trừ trạo hối bằng cách như thế.

639.

Câu nói thành người không phóng dật là bực Phíc-khú không tán loạn, do buông bỏ thả ra, xả bỏ, quyên trừ, buông giao lại và đã ói mửa trạo hối rồi. Do nhân đó mới gọi là người không phóng dật.

640.

* Gọi trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… vẫn tạm trú. Do nhân đó mới gọi là trụ.

* Câu nói bên trong tức là bên trong phần ta.

* Câu nói có tâm vắng lặng mà tâm *đó ra sao?* Như là chủ trương trong sự biết cảnh, cũng gọi ý, cũng gọi tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy thanh tịnh, vắng lặng, rất thanh tịnh vắng lặng bên trong. Do nhân đó mới gọi là có tâm vắng lặng bên trong.

641.

Câu nói rửa lòng cho sạch lìa trạo hối mà phân ra phóng dật và hối hận.

- *Trong hai thứ đó mà **phóng dật** ra sao?* Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, tâm lao chao, sự rộn ràng của tâm. Như thế gọi là phóng dật.
- ***Hối hận** trong khi có ra sao?* Như là sự chấp rằng đáng trong chỗ không đáng… ý hối tiếc do có trạng thái như thế mới gọi là hối hận.

642.

***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là chủ trương trong sự biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà Phíc-khú rửa tâm ấy cho hết trọi, hết đặc biệt cho trong sạch, cho khỏi, cho khỏi đặc biệt, cho vượt khỏi, xa lìa phóng dật, hối hận ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa lòng cho lìa trạo hối.

643.

*Nói đã đặng trừ hoài nghi mà **hoài nghi** ra sao?* Như là sự nghi hoặc, thái độ hồ nghi, sự nghi nan, sự suy xét thấy khác biệt không thể quyết đoán cảnh đặng, sự thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự hoài nghi không tính trọn một phía, nghĩ ngợi lơ thơ, tính toán dần dừ, sự không thể quyết định cho đặng, tâm dụ dự, cách lừng chừng của tâm. Như thế gọi là hoài nghi; mà hoài nghi ấy yên tịnh vắng lặng, rất vắng lặng, tắt đi, tắt bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo, rốt cuộc đã xa lìa. Do nhân đó mới gọi là trừ đặng hoài nghi.

644.

Câu nói thành người đã vượt khỏi hoài nghi giải rằng là đã thành bực lướt qua, lướt qua khỏi rồi, đã vượt ra khỏi hoài nghi ấy, đáo bỉ ngạn, đã đến bờ theo thứ lớp. Do nhân đó mới gọi là thành người vượt khỏi đặng với hoài nghi.

645.

Nói trụ nghĩa là vẫn liên quan nhau… vẫn tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

646.

Nói không có sự hoài nghi trong những pháp thiện nghĩa là không có nghi hoặc, không nghi nan, không có sự nghi nan, hết sự nghi hoặc, xa lìa sự hoài nghi trong những pháp thiện bằng hoài nghi ấy. Do nhân đó mới gọi là không có sự hoài nghi trong những pháp thiện.

647.

*Nói rửa lòng cho sạch xa lìa hoài nghi mà **hoài nghi** đó ra sao?* Như là cách hoài nghi, thái độ nghi hoặc, sự nghi hoặc… ý do dự, thái độ dùng dằng của tâm. Như thế gọi là hoài nghi.

***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là chủ trương trong sự biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà Phíc-khú rửa tâm ấy cho sạch hết, cho hết đặc biệt, cho trong sạch, cho khỏi, cho khỏi đặc biệt, cho vượt khỏi lìa hoài nghi ấy. Do nhân đó mới gọi là rửa lòng cho sạch lìa hoài nghi.

648.

Nói trừ ngũ cái đã đặng như thế nghĩa là những ngũ cái ấy êm tịnh vắng lặng, càng vắng lặng diệt đi, tắt bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, bị làm cho

khô héo, thật khô héo, rốt cuộc phải đặng xa lìa. Do nhân đó mới gọi là trừ ngũ cái ấy đã đặng.

649.

Nói thành cơ quan phiền muộn của tâm tức là ngũ cái ấy là cơ quan phiền muộn của tâm.

650.

Nói làm cho tuệ bạt nhược nghĩa là tuệ mà chưa sanh không đặng sanh và tuệ đã sanh vẫn diệt do ngũ cái ấy. Bởi nhân đó mới gọi là làm cho tuệ bạt nhược.

651.

Nói tĩnh ly chư dục đã vắng lặng lìa chư pháp bất thiện mà ***dục*** *đó ra sao?* Như là sự vừa thích, cũng gọi tham, cũng gọi ái dục, cũng gọi muốn, cũng gọi dục dục, cũng gọi ham, cũng gọi tư duy, cũng gọi ưa nhiễm, thương yêu, cũng gọi dục lạc, tư duy dục lạc, cũng gọi mong mỏi. Những pháp ấy gọi là dục.

Chư pháp bất thiện *đó ra sao?* Như là sự dục dục, sân ác, hôn trầm, thụy miên, Trạo cử, hoài nghi. Những pháp ấy gọi là chư pháp bất thiện, mà Phíc-khú đã vắng lặng xa lìa dục vọng và những pháp bất thiện ấy. Do nhân đó mới gọi là đã tĩnh ly chư dục, vắng lặng lìa chư bất thiện bằng cách như thế.

652.

Nói hiệp với tầm, tứ nhưng tầm là một và tứ là một.

- *Trong hai thứ nầy mà* ***tầm*** *đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi, cách suy tính, cách đem tâm dựa cảnh, cách đem tâm khắn khít vào cảnh, cách đem tâm đến cảnh, cũng gọi chánh tư duy. Như thế gọi là tầm.
- ***Tứ*** *trong khi có ra sao?* Như là sự chăm sóc, cách xem xét, cách coi chừng, hằng gìn giữ, rất gìn giữ, cách đem tâm gắn vào cảnh, hằng chăm nom cảnh cho tâm. Như thế gọi là tứ.

Mà Phíc-khú đã thành bực vào đến hiệp với tầm, tứ ấy rồi. Do nhân đó mới gọi là hiệp với tầm, tứ bằng cách như thế.

653.

Nói sanh từ định có nghĩa là những pháp đó như: tầm, tứ, hỷ, lạc nhất tâm đã sanh, đã đồng sanh, sanh ra rồi, trọn phần sanh ra rồi, đã hiện hành trong định ấy. Do nhân đó mới gọi là sanh từ định.

654.

Nói có hỷ, lạc mà hỷ là một và lạc là một.

- *Trong hai thứ đó mà* ***hỷ*** *ra sao?* Như là sự no lòng, sự mừng, sự rất mừng, sự phơi phới, sự hớn hở, sự vui bồng bột, tâm thỏa thích, mừng bằng cách chấn động, hớn hở vui tươi của tâm. Như thế gọi là hỷ.
- ***Lạc*** *trong khi có ra sao?* Như là sự vui lòng, tâm yên ổn, sự hưởng cảnh vui thành lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh vui thành lạc sanh từ ý xúc. Như thế gọi là lạc.

Mà lạc nầy đồng nhau sanh chung, hòa trộn với hỷ ấy. Do nhân đó mới gọi là có hỷ, lạc.

655.

Câu nói ban sơ tức là lần thứ nhất đếm theo thứ lớp của thiền ấy gọi là sơ thiền. Bởi vì bực tu đắc chứng lần đầu.

656.

Nói thiền tức là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm.

657.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, cách làm cho tỏ rõ, cách đắc, cách nhập, cách nhập sơ thiền lại của bực xuất gia.

658.

Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… vẫn tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

659.

Nói do tầm, tứ vắng lặng mà tầm là một và tứ là một.

- *Trong hai thứ nầy mà **tầm** đó ra sao?* Như là sự suy nghĩ, rất suy nghĩ… cũng gọi chánh tư duy. Như thế gọi là tầm.
- ***Tứ** trong khi có ra sao?* Như là sự chăm nom, cách xem xét, thường xem xét, rất xem xét, sự mà tâm gắn với cảnh, hằng gìn giữ cảnh cho tâm. Như thế gọi là tứ *(vicāra).*

Tầm và tứ ấy vắng lặng, rất vắng lặng, tắt mất, tắt cho đặng im đìm, sự làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, sự làm cho khô héo, thật khô héo rốt cuộc xa lìa. Do nhân đó mới gọi là do tầm, tứ vắng lặng bằng cách như thế.

660.

∗ Nói trong phần trong như là hiện hành thành của bên trong phần ta.

∗ Còn nói trong sạch tức là đức tin, thái độ tín, sự quyết tín, sự rất kỉnh trọng.

661.

Nói thành pháp độc đoán phát sanh cho tâm tức là trụ của tâm… chánh định.

662.

Nói vô tầm vô tứ mà tầm là một và tứ là một.

- *Trong hai thứ đó mà **tầm** đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, rất nghĩ ngợi… cũng gọi chánh tư duy. Như thế gọi là tầm.
- ***Tứ** trong khi có ra sao?* Như là cách chăm nom, sự xem xét, thường xem xét, rất xem xét, cách tâm dính cảnh, sự hằng gìn giữ cảnh cho tâm. Như thế gọi tứ *(vicāra).*

Tầm và tứ ấy vắng lặng, rất vắng lặng, diệt đi, diệt đặng im đìm, bị làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo rốt cuộc đã xa lìa. Do nhân đó mới gọi là vô tầm vô tứ bằng cách như thế.

663.

Nói sanh từ định là những pháp đó như là sự trong sạch do nhờ hỷ, lạc và nhất tâm đã sanh, đã sanh đủ, phát sanh ra rồi, đã phát sanh riêng phần, đã hiện bày trong định ấy. Do nhân đó mới gọi là sanh từ định.

664.

Nói hỷ, lạc mà hỷ riêng phần và lạc cũng riêng phần.

- *Trong hai cách đó mà **hỷ** ra sao?* Như là sự no lòng, sự mừng… tâm hớn hở. Như thế gọi là hỷ.
- ***Lạc** trong khi có ra sao?* Như là sự yên vui của tâm… thái độ hưởng cảnh yên vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là lạc.

Mà lạc ấy đồng sanh chung hòa trộn với hỷ. Do nhân đó mới gọi là có hỷ, lạc.

665.

Nói thứ hai tức là lần thứ hai, đếm theo thứ lớp của thiền ấy, kêu khép lại là nhị thiền vì là bực tu đắc lần thứ hai.

666.

Gọi thiền tức là sự trong ngần của hỷ, lạc và nhất tâm.

667.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, cách làm cho tỏ rõ, cách đắc, cách nhập, cách nhập nhị thiền lại của bực xuất gia.

668.

Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… vẫn tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

669.

*Nói do tiêu tán hỷ đặng nữa mà **hỷ** đó ra sao?*

- Như là sự no lòng, sự mừng… sự rất mừng, sự phơi phới, sự hớn hở, sự vui bồng bộc, tâm thỏa thích, mừng bằng cách chấn động, tâm hớn hở vui tươi. Như thế gọi là hỷ.
- Hỷ ấy rất yên tịnh, vắng lặng, rất vắng lặng, diệt đi, tắt im đìm, bị làm cho điêu tàn, thật điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo rốt cuộc đã xa lìa. Do nhân đó mới gọi là làm cho tiêu tan luôn hỷ.

670.

*Nói thành bực có tâm xả mà **xả** đó ra sao?* Như là sự buông bỏ, thản nhiên, thái độ thản nhiên nơi riêng phần hay sự trung bình của tâm. Như thế gọi là xả, mà Phíc-khú thành bực đã vào đến… hiệp với xả ấy rồi. Do nhân đó mới gọi là thành bực có tâm xả.

671.

*Nói **trụ** đó ra sao?* Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau, … vẫn tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

672.

∗ *Nói có chánh niệm lương tri trong hai cách nầy mà **niệm** ra sao?* Như là sự nhớ đặng, cách hằng nhớ… nhớ đúng đắn. Như thế gọi là chánh niệm.

∗ ***Lương tri** trong khi có ra sao?* Như là tuệ hay thái độ hiểu rõ… vô si, trạch pháp, chánh kiến. Như thế gọi là lương tri, mà Phíc-khú đó đã thành bực đến… hiệp với chánh niệm lương tri rồi. Do đó mới gọi là có chánh niệm lương tri bằng cách như thế.

673.

∗ *Nói hưởng lạc bằng danh thân mà **lạc** đó ra sao?* Như là sự yên ổn tâm, sự yên tâm, cách vui lòng, sự hưởng an vui từ ý xúc hay thái độ hưởng cảnh an vui từ ý xúc. Như thế gọi là lạc.

∗ ***Thân** trong khi có ra sao?* Như là tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Như thế gọi là thân, mà Phíc-khú vẫn hưởng lạc bằng thân ấy. Do nhân đó mới gọi là hưởng lạc bằng danh thân.

674.

*Nói thành thiền mà bực Thánh nhân khen ngợi người đắc, mà **Thánh nhân** đó ra sao?* Như là Đức Phật và Thinh văn, đệ tử của Phật gọi là bực Thánh, mà chư Thánh đó khen ngợi trình bày chế định, đặt để, mở mang, phân chia làm cho rõ rệt, bố cáo cho người đắc thiền ấy. Do nhân đó gọi là thành thiền mà chư Thánh khen ngợi người đắc thiền.

675.

∗ *Nói thành người có tâm xả, có chánh niệm, vẫn đặng an vui mà **xả** đó ra sao?* Như là sự tự nhiên, thái độ tự nhiên, sự chăm chú, đơn độc, sự trung bình của tâm. Như thế gọi là xả.

* ***Niệm** trong khi có ra sao?* Như là nhớ đặng, sự hằng nhớ… cách nhớ chơn chánh. Như thế gọi là niệm.

* ***Lạc** trong khi có ra sao?* Như là sự yên vui của tâm, tâm an vui, sự hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là lạc, mà Phíc-khú hiệp với xả, niệm và lạc ấy vẫn liên quan phẩm cách hành động, vẫn bảo trì, vẫn hành vi, đang hành vi, đang dạo đi, đang tạm trụ. Do nhân đó mới gọi là thành bực có tâm xả, có chánh niệm, vẫn an vui bằng cách như thế.

676.

Nói thứ ba là thứ lớp của cách đếm thiền ấy, thuộc về thứ ba gọi là tam thiền, do bực tu tiến đắc lần thứ ba.

677.

Nói **thiền** tức là xả, niệm, lương tri, lạc và nhất tâm *(ekaggatā).*

678.

Nói **đắc chứng** tức là cách đặng, cách đặng lại nữa, cách đến, sự đến, cách đúng đắn, cách làm cho rõ, cách chứng tam thiền.

679.

* Nói **trụ** có nghĩa là vẫn liên quan nhau… tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

680.

Nói do trừ lạc khổ đặng mà lạc riêng và khổ riêng.

- *Trong hai thứ đó mà **lạc** ra sao?* Như là sự thích thân, sự sướng thân, sự hưởng cảnh thích sanh từ thân xúc hay thái độ hưởng cảnh thích sướng sanh từ thân xúc. Như thế gọi là lạc.

- ***Khổ** trong khi có ra sao?* Sự không thích thân, sự khổ thân, sự hưởng cảnh không thích thành khổ sanh từ thân xúc. Như thế gọi là khổ.

Lạc và khổ ấy vẫn yên tịnh vắng lặng, rất vắng lặng, diệt bằng cách êm đềm, bị làm cho điêu tàn, hẳn điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo, rốt cuộc rồi làm cho xa lìa khỏi. Do nhân mới gọi là lạc khổ bằng cách như thế.

681.

Nói do hỷ, ưu diệt, diệt bặt đã rồi mà ưu hỷ riêng nhau.

- *Trong hai thứ đó mà **hỷ** ra sao?* Như là sự yên ổn của tâm, sự an vui của tâm, sự hưởng cảnh vui sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc. Như thế gọi là hỷ.

- ***Ưu** trong khi có ra sao?* Như là sự không an tâm, sự khổ trong tâm, sự hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc. Hay thái độ hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc. Như thế gọi là ưu.

Mà hỷ và ưu ấy êm tịnh, vắng lặng, rất vắng lặng diệt mất, diệt bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, vẫn điêu tàn, bị làm khô héo thật khô héo, rốt cuộc đã làm cho lìa khỏi trước rồi. Nhân đó mới gọi là do hỷ ưu diệt trọn đã rồi bằng cách như thế.

682.

Nói vô khổ vô lạc nghĩa là không có sự tâm yên và cũng không có sự tâm không yên vui, chỉ có hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc hay chỉ có thái độ hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc. Do nhân đó mới gọi là vô khổ vô lạc.

683.

* *Nói có chánh niệm đầy đủ do xả mà **xả** đó ra sao?* Như là sự tự nhiên, thái độ tự nhiên, sự chăm chú đơn độc, sự trung bình của tâm. Như thế gọi là xả.

* ***Niệm** trong khi có ra sao?* Như là sự nhớ đặng, sự hằng nhớ… sự nhớ ghi chơn chánh. Như thế gọi là niệm, mà niệm ấy mở mang sạch sẽ, trong trẻo do xả ấy. Do nhân đó mới gọi là có niệm trong sạch do xả.

684.
Nói thứ tư tức là đếm theo thiền ấy, thứ tư gọi là tứ thiền, do bực tu tiến đắc lần thứ tư.

685.
Nói thiền tức là xả, niệm, nhất tâm.

686.
Nói đắc chứng tức là sự trúng, cách đến, cách làm cho tỏ rõ, cách đắc, cách nhập lại và sự đắc chứng tứ thiền.

687.
Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… đang tạm ở. Do nhân đó mới gọi là trụ.

688.
*Nói do lướt qua tưởng sắc bằng mọi cách mà **tưởng sắc** đó ra sao?* Như là sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng của bực tu tiến nhập thiền Sắc giới, hoặc của bực sanh về cõi Sắc giới hay là bực La-hán trụ lạc pháp kiến. Như thế gọi là tưởng sắc.

Mà Phíc-khú đã vượt khỏi, đã qua, đã qua khỏi với những tưởng sắc ấy. Vì nhân đó mới gọi là do vượt qua tưởng sắc bằng mọi cách.

689.
*Nói do sự diệt của cùn khốn tưởng (paṭighasaññā) mà **cùn khốn tưởng** đó ra sao?* Như là tưởng sắc, tưởng thinh, tưởng khí, tưởng vị, tưởng xúc. Những thế gọi là cùn khốn tưởng, mà những cùn khốn tưởng ấy yên tịnh, vắng lặng, rất vắng lặng diệt mất, diệt mất bằng cách im đìm, bị làm cho điêu tàn, vẫn điêu tàn, bị làm cho khô héo, thật khô héo rốt cuộc rồi bị làm cho xa lìa. Vì nhân đó mới gọi là sự diệt của cùn khốn tưởng *(paṭighasaññā)*.

690.
*Nói do không tác ý với cách tưởng dị mà **tưởng dị** đó ra sao?* Như là sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng của bực không nhập thiền, đều đồng với ý giới, hoặc đều đồng với ý thức giới. Những thế gọi là tưởng dị.

Mà Phíc-khú vẫn không tác ý cách tưởng dị thế đó. Vì nhân đó mới gọi là do không tác ý với tưởng dị.

691.
*Nói hư không không cùng tột mà **hư không** đó ra sao?* Như là trống rỗng thường gọi là hư không, sự trống thường gọi là trống rỗng, lỗ trống thường gọi là trống không mà sắc tứ đại sung không đụng chạm. Như thế gọi là hư không, mà Phíc-khú chăm chú tâm thuần thục, rải lòng không cùng tột trong hư không ấy. Nhân đó mới gọi là hư không không cùng tột.

692.
Câu nói Không vô biên xứ tức là tâm và sở hữu của bực nhập thiền Không vô biên xứ; hoặc của bực sanh trong cõi Không vô biên xứ, hoặc của bực La-hán trụ lạc kiến pháp.

693.
Nói đắc chứng tức là đặng, đến, trúng, nhập lại làm cho rõ rệt, chứng đến bực Không vô biên xứ.

694.
Nói trụ có nghĩa là vẫn liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

695.

Nói do vượt qua Không vô biên xứ bằng mọi cách có nghĩa là bực Phíc-khú đã vượt qua, lướt khỏi, qua khỏi với Thức vô biên xứ ấy. Bằng nhân đó mới gọi là vượt qua Không vô biên xứ bằng mọi cách.

696.

Nói thức vô cùng tột có nghĩa là Phíc-khú đã quán hư không hoàn thành rồi đến tưởng thức không cùng không tột. Do nhân đó mới gọi là thức vô cùng tột.

697.

Nói Thức vô biên xứ tức là tâm và sở hữu của bực nhập thiền Thức vô biên xứ hay là của người sanh lên cõi Thức vô biên xứ. Hoặc của bực tứ quả đang hưởng kiến pháp lạc trú.

698.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, làm cho rõ, cách nhập lại là đắc thiền Thức vô biên xứ.

699.

Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… hay tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

700.

Nói do lướt khỏi Thức vô biên xứ bằng mọi cách có nghĩa là Phíc-khú đã vượt khỏi, lướt qua, đã qua với Thức vô biên ấy. Bằng nhân đó mới gọi là lướt khỏi Thức vô biên xứ bằng mọi cách.

701.

Nói thức không có chút nào nghĩa là Phíc-khú nhận thấy rằng thức đó không có, tiêu mất, không còn chút nào. Do nhân đó mới gọi là thức không có chút nào.

702.

Nói Vô sở hữu xứ tức là tâm và sở hữu của người nhập thiền Vô sở hữu xứ hay bực sanh về cõi Vô sở hữu xứ, hoặc La-hán đang trụ lạc kiến pháp.

703.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, làm cho rõ, cách nhập lại là đắc chứng với Không vô biên xứ.

704.

Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… hay tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

705.

Nói do lướt khỏi Vô sở hữu xứ bằng mọi cách nghĩa là Phíc-khú đã vượt qua khỏi rồi, qua rồi với Vô sở hữu xứ ấy. Bằng nhân đó lướt khỏi Vô sở hữu xứ bằng mọi cách.

706.

Nói phi tưởng phi phi tưởng là Phíc-khú quán thiền Vô sở hữu xứ ấy cho là vắng lặng mà tu tiến nhập thiền còn có hành. Do nhân đó mới gọi là phi tưởng phi phi tưởng.

707.

Nói Phi tưởng phi phi tưởng xứ tức là tâm và sở hữu của người nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Hay là của bực sanh về cõi Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc của La-hán đang trụ lạc kiến pháp.

708.

Nói đắc chứng tức là cách đến, sự đến, cách trúng, làm cho rõ, cách nhập lại là đắc với thiền phi tưởng phi phi tưởng.

709.

Câu nói trụ có nghĩa là liên quan nhau, phẩm hạnh đang còn, đang gìn giữ, đang hành vi, đang hành động, đang dạo đi, đang tạm trụ. Do nhân ấy mới gọi là trụ.

Dứt Phân theo Kinh

C. THIỀN PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

Thiền thiện theo bốn bực

710.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

711.

*Trong bốn bực thiền đó mà **sơ thiền** ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền bằng đề mục đất hiệp với tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định trong khi nào thì năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền.

712.

***Nhị thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến hành theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có ba chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là nhị thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

713.

***Tam thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, do tan luôn hỷ… đắc tam thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn còn hai chi thiền là lạc và nhất tâm. Như thế gọi là tam thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

714.

***Tứ thiền** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới và trừ luôn lạc… đắc tứ thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có hai chi thiền là xả và nhất tâm. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

Thiền thiện theo năm bực

715.

Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng thiền.

716.

Như là Phíc-khú trong khi tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, yên tĩnh vô tầm hữu tứ có hỷ, lạc, đắc nhị thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có bốn chi thiền là tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là nhị thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

717.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc tam thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có ba chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm. Như thế gọi là tam thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

718.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới hết ưu luôn hỷ… đắc tứ thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có hai chi thiền là lạc và nhất tâm. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

719.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới đặng trừ luôn lạc… đắc ngũ thiền trụ đề mục đất trong khi đó vẫn có hai chi thiền là xả và nhất tâm. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

720.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, đã trừ luôn lạc… lướt khỏi luôn cả Vô sở hữu xứ, vẫn đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng phi tưởng phi phi tưởng trong khi đó có hai chi thiền là xả và nhất tâm. Như thế gọi là tứ thiền (Vô sắc giới). Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

Thiền thiện siêu thế theo bốn bực

721.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

722.

Trong bốn bậc thiền đó mà ***sơ thiền*** *ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… vẫn đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

723.

Nhị thiền *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly tầm, tứ… đắc nhị thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó ba chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là nhị thiền. Còn những pháp ngoài ra là tương ưng thiền.

724.

Tam thiền *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ… do tiêu tan luôn hỷ đắc tam thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó hai chi thiền là lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tam thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

725.

Tứ thiền *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, trừ luôn lạc… đắc tứ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

Thiền thiện siêu thế theo năm bực

726.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì ngũ chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là nhị thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền.

728.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly tầm, tứ… đắc tam thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó ba chi thiền là hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tam thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

729.

Như là Phíc-khú trong khi tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ, tan luôn hỷ đắc tứ thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì hai chi thiền là lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

730.

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ trừ luôn lạc… đắc ngũ thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền.

Thiền dị thục quả theo bốn bực và năm bực

731.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

732.

* ***Sơ thiền*** *trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền trụ đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Bực Phíc-khú tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền trụ đề mục đất mà thành dị thục quả do tu hành chứa để thiện Sắc giới khi đó năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

* ***Nhị thiền*** *đó ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền trụ đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Bực Phíc-khú tĩnh ly tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền trụ đề mục đất mà thành dị thục quả do đã tu hành chứa để thiện Sắc giới trong khi nào thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

- Bực Phíc-khú trong khi tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới đã trừ luôn lạc… do lướt khỏi luôn đến Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện, mà bực Phíc-khú đã trừ lạc… lướt khỏi luôn Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà thành dị thục quả do đã tu hành chứa để thiện Vô sắc giới trong khi đó thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền (theo Pālī rút ngắn).

Thiền dị thục quả siêu thế theo bốn và năm bực

733.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

734.

* ***Sơ thiền*** *trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt mà thành dị thục quả do nhờ tu tiến thực hành chứa để thiền thiện siêu thế trong khi đó thì năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng thiền.

* ***Nhị thiền*** *trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly tầm, tứ… đắc nhị thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Mà bực tĩnh ly chư dục đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền mà hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt thành dị thục quả do nhờ tu hành tiến hóa chứa để thiền thiện siêu thế trong khi đó thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền. (theo Pālī rút ngắn).

Thiền tố (kiriyā) theo bốn và năm bực

735.

Bốn bực thiền là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.

736.

* ***Sơ thiền*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền trụ đề mục đất mà thành tố *(kiriyā)* phi thiện phi dị thục quả, kiến pháp lạc trụ thì trong khi đó năm chi thiền là tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là sơ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

* ***Nhị thiền*** *đó ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc ngũ thiền trụ đề mục đất mà thành tố phi thiện, phi dị thục quả, kiến pháp lạc trụ thì trong khi đó hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là ngũ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng thiền.

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Vô sắc giới đã trừ luôn lạc lướt khỏi luôn cả Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó thì hai chi thiền là xả và nhất tâm vẫn có. Như thế gọi là tứ thiền. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với thiền (theo Pālī rút ngắn).

Dứt Phân theo Diệu Pháp

D. THIỀN PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

737.

Bốn bực thiền là :

1. Phíc-khú trong Tông giáo nầy tĩnh ly chư dục, đã vắng lặng lìa các pháp bất thiện đắc sơ thiền vẫn có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định.
2. Đắc nhị thiền vắng lặng tầm, tứ trong sạch tự nội độc đoán trong tâm.
3. Vô tầm vô tứ chỉ còn hỷ, lạc sanh từ định do tan luôn hỷ mới thành người có tâm xả, có chánh niệm lương tri và hưởng vui với danh thân, chứng tam thiền là thiền mà các bực Thánh nhân khen ngợi người đắc thiền ấy là bực có tâm xả, có chánh niệm lương tri như thế.
4. Đắc tứ thiền vô khổ vô lạc do trừ đặng lạc khổ bởi đã diệt yên ưu hỷ, có chánh niệm vẫn do nhờ xả.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những bốn bực thiền mà thiền nào thành thiện, thiền nào thành bất thiện, thiền nào thành vô ký… thiền nào thành hữu y, thiền nào thành vô y.

Đáp theo đầu đề tam

738.

* 4 thiền thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* 3 thiền trừ ra lạc thọ sanh trong thiền ấy thời thành tương ưng lạc thọ.
* 4 thiền trừ ra phi khổ phi lạc thọ sanh trong thiền ấy thời thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* 4 thiền thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* 4 thiền thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* 4 thiền thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.
* Sơ thiền trừ ra tầm, tứ sanh trong thiền ấy thời thành hữu tầm hữu tứ. Tam thiền thành vô tầm vô tứ.
* 2 thiền trừ ra hỷ sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh hỷ.
* 3 thiền trừ ra lạc sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh lạc.
* 4 thiền trừ ra xả sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh xả.
* 4 thiền thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* 4 thiền thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* 4 thiền thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* 4 thiền thành hữu học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* 4 thiền thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* 3 thiền không nên nói thành biết cảnh hy thiểu, vẫn thành biết cảnh đáo đại, vẫn thành biết cảnh vô lượng. Không nên nói thành biết cảnh vô lượng cũng có.

* 4 thiền thành biết cảnh hỷ thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có. Không nên nói chỉ thành biết cảnh hy thiểu, chỉ thành biết cảnh đáo đại hay chỉ thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* 4 thiền thành trung bình cũng có, thành tinh lương cũng có.
* 4 thiền thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* 3 thiền không thành biết cảnh đáo đại, mà thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có; không nên nói vẫn thành đạo là nhân cũng có, vẫn thành đạo là trưởng cũng có.
* 4 thiền thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có. Không nên nói thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân hay thành đạo là trưởng cũng có.
* 4 thiền thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* 4 thiền thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* 3 thiền không nên nói thành biết cảnh quá khứ, vẫn thành biết cảnh vị lai, vẫn thành biết cảnh hiện tại.
* 4 thiền thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có. Không nên nói chỉ thành biết cảnh quá khứ, chỉ thành biết cảnh vị lai, chỉ thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* 4 thiền thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* 3 thiền thành biết cảnh ngoại.
* 4 thiền thành biết cảnh nội phần cũng có, thành biết cảnh ngoại phần cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại phần cũng có. Không nên nói chỉ thành biết cảnh nội phần, chỉ thành biết cảnh ngoại phần, chỉ thành biết cảnh nội và ngoại phần cũng có.
* 4 thiền thành bất kiến vô đối chiếu.

Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

739.

Bốn thiền thành nhân. 4 thiền thành hữu nhân. 4 thiền thành tương ưng nhân. 4 thiền không thể nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân. 4 thiền không thể nói thành nhân hữu nhân hay thành phi nhân hữu nhân. 4 thiền không thể nói thành nhân tương ưng nhân hay chỉ thành phi nhân tương ưng nhân. 4 thiền thành phi nhân hữu nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(culantaraduka)*

4 thiền thành hữu duyên. 4 thiền thành hữu vi. 4 thiền thành bất kiến. 4 thiền thành vô đối chiếu. 4 thiền thành phi sắc. 4 thiền thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có. 4 thiền thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

4 thiền thành phi lậu. 4 thiền thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có. 4 thiền thành bất tương ưng lậu. 4 thiền không thể nói thành lậu cảnh lậu. 4 thiền thành phi cảnh lậu cũng có, cũng không thể nói thành phi lậu cảnh lậu cũng có. 4 thiền không thể nói dĩ nhiên thành lậu tương ưng lậu hay dĩ nhiên thành phi lậu tương ưng

lậu. 4 thiền thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu cũng có.

iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi, xii. Đáp phần chùm triền… (*sanyojanagocchaka)*

4 thiền thành phi triền… 4 thiền thành phi phược… 4 thiền thành phi bộc… 4 thiền thành phi phối… 4 thiền thành phi cái… 4 thiền thành phi khinh thị… 4 thiền thành tri cảnh. 4 thiền thành phi tâm. 4 thiền thành sở hữu tâm. 4 thiền thành tương ưng tâm. 4 thiền thành hòa với tâm. 4 thiền thành có tâm làm sở sanh. 4 thiền thành đồng sanh tồn với tâm. 4 thiền thành tùng tâm thông lưu. 4 thiền thành hòa với tâm có tâm làm sở sanh. 4 thiền thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. 4 thiền thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. 4 thiền thành bên ngoài. 4 thiền thành y sinh. 4 thiền thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có. 4 thiền thành phi thủ. 4 thiền thành phi phiền não.

xiii. Đáp nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

740.

* 4 thiền thành phi sơ đạo tuyệt trừ. 4 thiền thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. 4 thiền thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. 4 thiền thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Sơ thiền trừ tầm sanh trong thiền ấy thời thành hữu tầm. Ba thiền (kia) thành vô tầm.
* Sơ thiền trừ tứ sanh trong thiền ấy thời thành hữu tứ. Ba thiền (kia) thành vô tứ.
* 2 thiền trừ hỷ sanh trong thiền ấy thời thành hữu hỷ. Hai thiền (kia) thành vô hỷ.
* 2 thiền trừ hỷ sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh hỷ. Hai thiền (kia) thành phi đồng sanh hỷ.
* 3 thiền trừ lạc sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh lạc. Tứ thiền thành phi đồng sanh lạc.
* 4 thiền trừ xả sanh trong thiền ấy thời thành đồng sanh xả. ba thiền thành phi đồng sanh xả.
* 4 thiền thành phi Dục giới, thành Sắc giới cũng có, thành phi Sắc giới cũng có.
* 3 thiền thành phi Vô sắc giới. Tứ thiền thành Vô sắc giới cũng có, thành phi Vô sắc giới cũng có.
* 4 thiền thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* 4 thiền thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* 4 thiền thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* 4 thiền thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
* 4 thiền thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp
Hoàn bị Thiền phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XIII - VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH

A. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO KINH

741.

Tứ vô lượng:

1. Phíc-khú trong Tông giáo nầy rải tâm từ hướng thứ nhất, hướng thứ hai cũng như thế, hướng thứ ba cũng như thế, hướng thứ tư cũng như thế, hướng trên hướng dưới, hướng mặt hướng trái cũng đồng như thế. Rải tâm từ rộng lớn bao la vô lượng cho đặng không gây oan trái, chẳng sân ác độc hại cho đến tất cả chúng sanh trong đời do thành người vẫn có tâm bình đẳng đối với mỗi chúng sanh.
2. Rải tâm bi đến hướng thứ nhất, hướng thứ hai, hướng thứ ba, hướng thứ tư đều như thế, cho đến hướng trên hướng dưới, phía mặt, phía trái cũng đều đồng như nhau. Rải tâm bi rộng rãi bao la vô lượng mong cho tất cả chúng sanh trong đời đặng không sân ác độc hại, đừng gây oan trái nhau, do tâm bình đẳng đối với mỗi hạng chúng sanh.
3. Rải tâm hỷ ngay hướng thứ nhất, hướng thứ hai, hướng thứ ba, hướng thứ tư cũng như thế, cho đến hướng trên hướng dưới luôn bên mặt bên trái cũng đều đồng như nhau. Rải lòng hỷ lớn lao rộng rãi vô lượng mong cho tất cả chúng sanh đều không sân ác độc hại, đừng gây oan trái cho nhau, do thành người có tâm bình đẳng đối với mỗi hạng chúng sanh.
4. Rải lòng xả ngay hướng thứ nhất, hướng thứ hai, hướng thứ ba, hướng thứ tư cũng như thế, phía trên phía dưới cho đến bên phải bên trái cũng đều đồng nhau. Rải lòng xả lớn lao bao quát vô lượng mong cho tất cả chúng sanh không sân ác độc hại, không nên gây oan trái do bực có tâm bình đẳng đối với mỗi hạng chúng sanh.

1) Từ vô lượng xiển minh

742.

Thế nào là Phíc-khú ***rải lòng từ đến hướng thứ nhất****?* Như là Phíc-khú rải lòng từ đến tất cả chúng sanh như là người thấy kẻ khác thành chỗ thương yêu tâm thích, nên thương yêu như thế.

743.

* *Nói từ mà* ***từ*** *đó ra sao?* Như là cách thương, thái độ thương, sự thương yêu cả chúng sanh, tâm thương yêu giải thoát. Như thế gọi là từ.
* ***Tâm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức tức là ý, ý xứ, ý quyền, thức, thức uẩn, thuộc về ý thức giới. Như thế gọi là tâm. Tâm, ý đồng nhau chung hòa hợp, tương ưng với từ. Do nhân đó mới gọi là tâm từ.
* Nói hướng thứ nhất tức là hướng Đông, hoặc hướng Tây, hoặc hướng Nam, hoặc hướng Bắc hay phía trên, phía dưới, bên mặt, bên trái. Hay là những hướng khác.

* Nói rải tức là phóng tâm đi đến.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

2) Bi vô lượng xiển minh

744.

*Thế nào là Phíc-khú **rải lòng bi đến hướng thứ nhất**?* Như là Phíc-khú rải lòng bi đến tất cả chúng sanh như thấy người nào khổ sở đáng tội nghiệp như thế.

745.

* ***Bi** trong khi có ra sao?* Như là cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp cho tất cả chúng sanh lòng bi giải thoát. Như thế gọi là bi.
* ***Tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh, hiệp chung hòa trộn, tương ưng với bi ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm bi.
* Nói hướng thứ nhất tức là hướng Đông, hoặc hướng Tây hay hướng Nam, hướng Bắc, hướng trên, hướng dưới hay là bên phải hoặc các hướng khác.
* Nói rải tức là phúng tâm ra tưởng đi.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.
* Nói hướng thứ hai cũng cách ấy, có nghĩa là một hướng nào đó, hướng thứ hai cũng như thế, hướng thứ ba cũng như thế đó, hướng thứ tư cũng thế đó, hướng trên cũng thế đó, hướng dưới cũng thế đó, phía mặt cũng thế đó, các hướng khác cũng thế đó.
* Nói tất cả chúng sanh trong đời do bực có tâm bình đẳng đối trong chúng sanh mỗi hạng có nghĩa là nói tất cả chúng sanh do bực có tâm bình đẳng đối với mỗi hạng chúng sanh đó thành lối nhất định, ám chỉ khắp tất cả chúng sanh không có phần nào ngoài kiếm phần ngoài không đặng.
* *Nói tâm bi mà **bi** đó ra sao?* Như là cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp, sự tội nghiệp trong tất cả chúng sanh, tâm bi giải thoát. Như thế gọi là tâm bi.
* ***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm đó đồng có sanh chung, hòa trộn, tương ưng với bi ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm bi.
* Nói lớn lao có nghĩa là tâm nào rộng lớn thì tâm ấy rộng rãi, tâm nào rộng rãi tâm ấy vô lượng, tâm nào vô lượng tâm ấy không có oan trái, tâm nào không có oan trái tâm ấy không có sân ác.
* Nói rải tức là tâm phúng ra, chăm chú đến.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

3) Tùy hỷ vô lượng xiển minh

746.

*Thế nào là Phíc-khú **rải lòng tùy hỷ đến hướng thứ nhất**?* Như là Phíc-khú rải lòng tùy hỷ đến tất cả chúng sanh, như có người thấy một kẻ khác thành bực cảm ưa mến mới mừng giùm thế đó.

747.

* ***Tùy hỷ** trong khi có ra sao?* Như là sự mừng giùm, thái độ mừng giùm, sự mừng giùm trong tất cả chúng sanh tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ.

* ***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh hiệp chung hòa trộn tương ưng với tùy hỷ ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm tùy hỷ.

* Nói hướng thứ nhất tức là hướng Đông, hoặc hướng Nam, hoặc hướng Tây, hoặc hướng Bắc hay hướng trên, hướng dưới. Hay là bên phải hoặc các hướng khác.

* Câu nói rải tức là tâm phúng ra chăm chú đến.

* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

* Nói hướng thứ hai cũng cách đó có nghĩa là hướng thứ nhất thế nào thì hướng thứ hai cũng thế đó, hướng thứ ba cũng thế đó, hướng thứ tư cũng thế đó, hướng trên cũng thế đó, hướng dưới cũng thế đó, hướng bên mặt cũng thế đó, các hướng khác cũng thế đó.

* Nói tất cả chúng sanh trong đời do bực có tâm bình đẳng trong chúng sanh mỗi nhóm có nghĩa là nói rằng tất cả chúng sanh trong đời do thành người có tâm bình đẳng trong mỗi bọn chúng sanh ấy thành lời nói nhất định, ám chỉ tất cả chúng sanh không có sót ngoài ra.

* *Nói tâm tùy hỷ mà **tùy hỷ** đó ra sao?* Như là sự mừng giùm, thái độ mừng giùm, sự mừng giùm cho tất cả chúng sanh tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ.
* ***Tâm** đó ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh, hiệp chung, hòa trộn, tương ưng với tùy hỷ ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm tùy hỷ.

* Nói quảng đại có giải là tâm nào quảng đại thì tâm ấy rộng rãi, tâm nào rộng rãi tâm ấy vô lượng, tâm nào vô lượng tâm đó không có oan trái, tâm nào không oan trái thì tâm đó không sân ác.

* Nói rải tức là tâm phúng ra, chăm chú đến.

* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.

4) Xả vô lượng xiển minh

748.

*Thế nào là Phíc-khú **rải lòng xả đến hướng thứ nhất**?* Như là Phíc-khú rải lòng xả đến tất cả chúng sanh như có người thấy một kẻ nào phi hợp ý, phi phi hợp ý rồi mới thành người có tâm xả đó.

749.

* ***Xả** trong khi có ra sao?* Như là cách như thường, thái độ như thường đối với tất cả chúng sanh, đó là tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả.

* ***Tâm** trong khi có ra sao?* Như là sự chủ trương biết cảnh, cũng gọi ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh, hiệp chung, hòa trộn tương ưng với xả ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm xả.

* Nói hướng thứ nhất tức là hướng Đông, hoặc hướng Nam, hoặc hướng Tây, hoặc hướng Bắc hay hướng trên, hướng dưới, hướng mặt hay là những hướng khác.

* Nói rải tức là tâm phúng ra, chăm chú đến.
* Nói trụ có nghĩa là liên quan nhau… tạm đình. Do nhân đó mới gọi là trụ.
* Nói hướng thứ hai cũng thế đó, nghĩa là hướng thứ nhất như thế nào thì hướng thứ hai cũng thế đó. Hướng thứ ba như thế nào thì hướng thứ tư cũng thế đó, hướng trên cũng thế đó, hướng phía dưới cũng thế đó, hướng phía phải cũng thế đó, các hướng khác cũng thế đó.
* Nói tất cả chúng sanh trong đời do người có tâm bình đẳng đối với mỗi thứ chúng sanh có nghĩa như vầy: Tất cả chúng sanh do người có tâm bình đẳng đối với mỗi thứ chúng sanh đó thành ra lời nhất định, ám chỉ khắp hết tất cả chúng sanh không chừa dư ra chi cả.
* *Nói tâm xả mà **tâm xả** đó ra sao?* Như là cách tự nhiên, thái độ tự nhiên đối với tất cả chúng sanh, tự nhiên là tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả.
* ***Tâm** đó ra sao?* Như là tâm, ý, tâm địa… sanh từ ý thức giới. Như thế gọi là tâm, mà tâm ấy đồng sanh, hiệp chung, hòa trộn, tương ưng với xả ấy. Do nhân đó mới gọi là tâm xả.
* Nói rộng rải có nghĩa là tâm nào quảng đại thì tâm đó rộng rãi, tâm nào rộng rãi thì tâm đó không bờ mé, tâm nào không bờ mé thì tâm đó không oan trái, tâm nào không oan trái thì tâm đó không sân ác.
* Nói rải tức là phúng tâm ra, chăm chú đến.
* Nói trụ nghĩa là liên quan nhau… tạm đình trụ. Do nhân đó mới gọi là trụ.

Dứt Phần theo Kinh.

B. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH - PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

750.

Tứ vô lượng tâm: Một là từ, hai là bi, ba là hỷ, bốn là xả.

1) Thiền thiện từ theo bốn bực

751.

* ***Từ** đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền đồng sanh với từ thời trong khi đó cách thương, sự thương, thái độ thương, tâm từ giải thoát vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với từ.
* ***Từ** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát trong khi như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng từ.
* ***Từ** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới do tiêu tan luôn hỷ, đắc tam thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với từ.

2) Thiền thiện từ theo năm bực

* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền đồng sanh với từ trong khi đó thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng từ của tâm giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng từ.

* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đắc nhị thiền đồng sanh với từ, vô tầm hữu tứ, có hỷ, lạc sanh từ định trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng từ.

* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly tầm, tứ… đắc tam thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng từ.

* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới do tan luôn hỷ… đắc tứ thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với từ.

3) Thiền thiện bi theo bốn bực

* ***Bi** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly tầm, tứ ... đắc nhị thiền đồng sanh với bi trong khi đó thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi.

* ***Bi** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly tầm, tứ ... đắc nhị thiền đồng sanh với bi trong khi đó thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi.

* ***Bi** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tan rã luôn hỷ ... đắc tam thiền đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra tương ưng bi.

4) Thiền thiện bi theo năm bực

* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát vẫn có. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi.

* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đắc nhị thiền vô tầm còn tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát vẫn có. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với bi.

* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly tầm, tứ, đắc tam thiền đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát vẫn có. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với bi.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tiêu tán luôn hỷ… đắc tứ thiền đồng sanh với bi trong khi nào thì sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát vẫn có. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi.

5) Thiền thiện tuỳ hỷ theo bốn bực

753.

* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng tùy hỷ.
* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ ... đắc nhị thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát vẫn có. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với tùy hỷ.
* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới do tiêu tán luôn hỷ ... đắc tam thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì cách vui theo, sự vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát vẫn có. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với tùy hỷ.

6) Thiền thiện tùy hỷ theo năm bực

* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục ... đắc sơ thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát vẫn có. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với tùy hỷ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, đắc nhị thiền vô tầm còn tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì vẫn có sự vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với tùy hỷ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ… đắc tam thiền mà đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì vẫn có sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tùy hỷ.
* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tiêu tán luôn hỷ… đắc tứ thiền mà đồng sanh với tùy hỷ trong khi nào thì vẫn có sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng tùy hỷ.

7) Thiền thiện xả

754.

***Xả** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới trừ luôn lạc ... đắc tứ thiền mà đồng sanh với xả trong khi nào thì vẫn có sự như thường, cách như thường, thái độ như thường, do tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với xả.

755.

Tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ, xả.

8) Thiền dị thục quả từ theo bốn bực

756.

∗ ***Từ** trong khi có ra sao?*

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà đồng sanh với từ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Đây gọi là chư pháp thiện.

Mà bực thanh tịnh lìa chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với từ thành dị thục quả do tu hành tích trữ nghiệp thiện Sắc giới trong khi nào thì vẫn có sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với từ.

∗ ***Từ** trong khi có ra sao?*

Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ, đắc nhị thiền đồng sanh với từ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.

Mà bực vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… đắc tam thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền đồng sanh với tứ thiền mà đồng sanh với từ thành dị thục quả do tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới, như thế trong khi đó vẫn có sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Đây gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với từ (theo Pālī rút ngắn).

9) Thiền dị thục quả bi theo bốn và năm bực

757.

∗ ***Bi** trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà đồng sanh với bi trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Mà bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với bi thành dị thục quả do đã tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới thì trong khi đó sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Như thế gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra tương ưng bi.

∗ ***Bi** trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ, đắc nhị thiền mà đồng sanh với bi trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Còn bực vắng lặng tầm, tứ đắc nhị thiền… tam thiền… tứ thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền mà đồng sanh với bi thành dị thục quả do đã tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới, như thế trong khi đó vẫn có sự tội nghiệp, cách tội nghiệp, thái độ tội nghiệp bằng tâm bi giải thoát. Đây gọi là bi. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng bi (theo Pālī rút ngắn).

10) Thiền dị thục quả tùy hỷ theo bốn và năm bực

758.

* ***Tùy hỷ*** *trong khi có ra sao?*
  - Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà đồng sanh với tùy hỷ trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Còn bực tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với tùy hỷ thành dị thục quả do tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới, như thế trong khi đó thì sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát vẫn có. Đây gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tùy hỷ.
* ***Tùy hỷ*** *đó ra sao?*
  - Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền đồng sanh với tùy hỷ trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Còn bực vắng lặng tầm, tứ… đắc nhị thiền… tam thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền đồng sanh với tùy hỷ thành dị thục quả do tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới thì trong khi đó vẫn có sự vui theo, cách vui theo, thái độ vui theo bằng tâm tùy hỷ giải thoát. Như thế gọi là tùy hỷ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tùy hỷ (theo Pālī rút ngắn).

11) Thiền dị thục quả xả

759.

Xả *trong khi có ra sao?*

- Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới trừ luôn lạc, đắc tứ thiền đồng sanh với xả trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
- Còn bực trừ luôn lạc đắc tứ thiền đồng sanh với xả thành dị thục quả do tu hành chứa để nghiệp thiện Sắc giới thì như trong khi đó vẫn có sự như thường, cách như thường, thái độ như thường từ nơi tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với xả.

760.

Tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ, xả.

12) Thiền tố (kiriyā) từ theo bốn và năm bực

761.

* ***Từ*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền đồng sanh với từ phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả,

thành tố *(kiriyā) lạc* trụ kiến pháp, thì trong khi đó vẫn có sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Như thế gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra thuộc tương ưng với từ.

* ***Từ** trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới, vắng lặng tầm, tứ đắc nhị thiền… tam thiền… đắc sơ thiền… đắc tứ thiền đồng sanh với từ thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi dị thục quả, lạc trụ kiến pháp thì trong khi đó vẫn có sự thương, cách thương, thái độ thương bằng tâm từ giải thoát. Đó gọi là từ. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với từ.

* ***Bi** đó ra sao?* ... Tùy hỷ *đó ra sao?* ... Xả *đó ra sao?* Như là Phíc-khú trong khi nào tu tiến theo thiền Sắc giới trừ luôn lạc… đắc tứ thiền đồng sanh với xả mà thành tố *(kiriyā)* phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, lạc trụ kiến pháp thì trong khi đó vẫn có sự như thường, cách như thường, thái độ như thường bằng tâm xả giải thoát. Như thế gọi là xả. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với xả (theo Pālī rút ngắn).

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. VÔ LƯỢNG PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

762.

Tứ vô lượng tâm:

- Một là Phíc-khú trong Tông giáo nầy rải lòng từ đến hướng thứ nhất, đến hướng thứ hai, đến hướng thứ ba, đến hướng thứ tư cũng đồng cách đó, hướng trên, hướng dưới, hướng bên mặt cũng đồng nhau. Rải lòng từ lớn lao rộng rãi không bờ mé, không có oan trái, không có sân ác đến tất cả chúng sanh trong đời, do thành người có tâm bình đẳng trong mỗi thứ chúng sanh.

- Hai là rải lòng bi đến hướng thứ nhất, hướng thứ hai cũng cách đó, hướng thứ ba cũng cách đó, hướng thứ tư cũng cách đó, hướng trên hướng dưới, hướng bên phải cũng đồng như nhau. Rải lòng bi lớn lao rộng rãi không bờ mé, không oan trái, không sân ác đến tất cả chúng sanh trong đời, do thành người có tâm bình đẳng trong tất cả mỗi thứ chúng sanh.

- Ba là tâm rải lòng tùy hỷ đến hướng thứ nhất, hướng thứ hai cũng cách đó, hướng thứ ba cũng cách đó, hướng thứ tư cũng cách đó, hướng trên, hướng dưới, hướng mặt cũng đồng như nhau. Rải lòng tùy hỷ lớn lao rộng rãi vô lượng không oan trái, không sân ác đến tất cả chúng sanh trong đời bởi thành người có tâm bình đẳng trong mỗi hạng chúng sanh.

- Bốn là rải lòng xả đến hướng thứ nhất, hướng thứ hai cũng cách đó, hướng thứ ba cũng cách đó, hướng thứ tư cũng cách đó, hướng trên, hướng dưới, hướng bên mặt cũng đồng như nhau. Rải lòng xả lớn lao rộng rãi không bờ mé, không có oan trái, không có sân ác đến tất cả chúng sanh trong đời, do thành người có tâm bình đẳng trong mỗi hạng chúng sanh.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Những tứ vô lượng tâm mà vô lượng tâm nào thành thiện, vô lượng tâm nào thành bất thiện, vô lượng tâm nào thành vô ký… vô lượng tâm nào thành hữu y, vô lượng tâm nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

763.

* Tứ vô lượng tâm thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
* Tam vô lượng tâm thành tương ưng lạc thọ. Xả vô lượng tâm thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ.
* Tứ vô lượng tâm thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành phi phiền toái cảnh phiền não.
* Tứ vô lượng tâm thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có. Xả vô lượng tâm thành vô tầm vô tứ.
* Tam vô lượng tâm thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh xả. Không thể nói thành đồng sanh hỷ cũng có. Xả vô lượng tâm thành đồng sanh xả.
* Tứ vô lượng tâm thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ vô lượng tâm thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tứ vô lượng tâm thành nhân sanh tử cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành phi hữu học phi vô học.
* Tứ vô lượng tâm thành đáo đại, không thể nói tuy nhiên thành biết cảnh hỷ thiểu, tuy nhiên thành biết cảnh đáo đại, tuy nhiên thành biết cảnh vô lượng.
* Tứ vô lượng tâm thành trung bình.
* Tứ vô lượng tâm thành bất định, không nên nói tuy nhiên thành đạo là cảnh, tuy nhiên thành đạo là nhân, tuy nhiên thành đạo là trưởng.
* Tứ vô lượng tâm thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có. Không nên nói dĩ nhiên thành biết cảnh quá khứ, dĩ nhiên thành biết cảnh vị lai, dĩ nhiên thành biết cảnh hiện tại.
* Tứ vô lượng tâm thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tứ vô lượng tâm thành biết cảnh ngoại.
* Tứ vô lượng tâm thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

764.

* Từ vô lượng tâm thành nhân. Tam vô lượng tâm thành phi nhân.
* Tứ vô lượng tâm thành hữu nhân. Tứ vô lượng tâm thành tương ưng nhân.
* Từ vô lượng tâm thành nhân hữu nhân. Tam vô lượng tâm không thể nói thành nhân hữu nhân, chỉ thành phi nhân hữu nhân.
* Từ vô lượng tâm thành nhân tương ưng nhân. Tam vô lượng tâm không thể nói thành nhân tương ưng nhân, chỉ thành phi nhân tương ưng nhân.
* Tam vô lượng tâm thành phi nhân hữu nhân. Từ vô lượng tâm không thể nói tuy nhiên thành phi nhân hữu nhân, tuy nhiên thành phi nhân vô nhân.

ii. Đáp nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

765.

* Tứ vô lượng tâm thành hữu duyên. Tứ vô lượng tâm thành hữu vi. Tứ vô lượng tâm thành bất kiến. Tứ vô lượng tâm thành vô đối chiếu. Tứ vô lượng tâm thành phi sắc. Tứ vô lượng tâm thành hiệp thế. Tứ vô lượng tâm thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

* Tứ vô lượng tâm thành phi lậu. Tứ vô lượng tâm thành cảnh lậu. Tứ vô lượng tâm thành bất tương ưng lậu. Tứ vô lượng tâm không thể nói thành lậu cảnh lậu chỉ thành phi lậu cảnh lậu. Tứ vô lượng tâm không thể nói tuy nhiên thành lậu tương ưng lậu, tuy nhiên thành phi lậu tương ưng lậu. Tứ vô lượng tâm thành bất tương ưng lậu cảnh lậu.

iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi, xii. Đáp phần chùm triền…

* Tứ vô lượng tâm thành phi triền… tứ vô lượng tâm thành phi phược… tứ vô lượng tâm thành phi bộc… tứ vô lượng tâm thành phi phối… tứ vô lượng tâm thành phi cái… tứ vô lượng tâm thành phi khinh thị… tứ vô lượng tâm thành tri cảnh… tứ vô lượng tâm thành phi tâm… tứ vô lượng tâm thành sở hữu tâm… tứ vô lượng tâm thành tương ưng tâm… tứ vô lượng tâm thành hòa với tâm. Tứ vô lượng tâm thành có tâm làm sở sanh. Tứ vô lượng tâm thành đồng sanh tồn với tâm. Tứ vô lượng tâm thành tùng tâm thông lưu. Tứ vô lượng tâm thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh. Tứ vô lượng tâm thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh. Tứ vô lượng tâm thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm. Tứ vô lượng tâm thành bên ngoài. Tứ vô lượng tâm thành phi y sinh. Tứ vô lượng tâm thành do thủ cũng có, thành phi do thủ cũng có. Tứ vô lượng tâm thành phi thủ… tứ vô lượng tâm thành phi phiền não…

xiii. Đáp phần yêu bối *(piṭṭhiduka)*

766.

* Tứ vô lượng tâm thành phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ vô lượng tâm thành phi ba đạo cao tuyệt trừ. Tứ vô lượng tâm thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ. Tứ vô lượng tâm thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tam vô lượng tâm thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có. Tam vô lượng tâm thành vô tứ.
* Tam vô lượng tâm thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có. Xả vô lượng tâm thành vô hỷ.
* Tam vô lượng tâm thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có. Xả vô lượng tâm thành phi đồng sanh hỷ.
* Tam vô lượng tâm thành đồng sanh lạc. Xả vô lượng tâm thành phi đồng sanh lạc.
* Xả vô lượng tâm thành đồng sanh xả. Tam vô lượng tâm thành phi đồng sanh xả.
* Tứ vô lượng tâm thành phi Dục giới. Tứ vô lượng tâm thành Sắc giới. Tứ vô lượng tâm thành phi Vô sắc giới. Tứ vô lượng tâm thành liên quan luân hồi. Tứ vô lượng tâm thành phi nhân xuất luân hồi. Tứ vô lượng tâm thành bất định. Tứ vô lượng tâm vô lượng tâm thành hữu thượng. Tứ vô lượng tâm thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Hoàn bị Vô lượng tâm phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XIV - ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH

A. ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH – PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Năm điều học phân theo tám tâm thiện dục giới.

Cách thứ nhất

767.

Năm điều học:

- Điều học thứ nhất là tránh xa sự sát sanh.
- Điều học thứ hai là tránh xa sự trộm cắp.
- Điều học thứ ba là tránh xa sự tà dâm.
- Điều học thứ tứ là tránh xa sự vọng ngữ.
- Điều học thứ năm là tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

768.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí, sanh ra tránh xa sự sát sanh thời trong khi đó có cách ngăn, cách ngừa, sự chừa bỏ, sự dứt bỏ, không làm, thái độ không làm, không vi phạm, không quá mức, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự sát sanh thành người chừa bỏ sự sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với sự tránh xa sát sanh.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí tránh xa sự sát sanh thì trong khi đó sự tính, cách tính, thái độ tính vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tư *(cetanā)*.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới sanh ra đồng sanh với hỷ thọ, tương ưng trí, tránh xa sự sát sanh thì xúc… cần, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới sanh ra đồng sanh với hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn mà tránh xa sự sát sanh thời trong khi đó có cách ngăn, cách ngừa, sự chừa bỏ, sự dứt bỏ, cách không làm, thái độ không làm, không vi phạm, không quá mức, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự sát sanh thành người xa lìa sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sát sanh. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với sự tránh xa.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ, bất tương ưng trí hữu dẫn mà tránh xa sự sát sanh thời trong khi đó vẫn có sự cố quyết, cách cố quyết, thái độ cố quyết. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra hiệp với tư *(cetanā)*.

* ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn mà tránh xa sự sát sanh thì có xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh.

769.

* ***Điều học tránh xa sự trộm cướp… điều học tránh xa sự tà dâm… điều học tránh xa sự vọng ngữ… điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí, tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say thì trong khi đó có cách ngăn cách ngừa, sự chừa bỏ, dứt bỏ, không làm, thái độ không làm, không vi phạm, không quá mức, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự dể duôi uống rượu và dùng các chất say. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra hợp với sự tránh xa.

* ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí, tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say thì trong khi đó có sự tính tránh, quyết tránh, thái độ cố quyết tránh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với tư *(cetanā)*.

* ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say thì trong khi đó vẫn có xúc… chiếu cố, vô phóng dật. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

* ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… tránh xa sự dể duôi uống rượu và dùng các chất say trong khi nào thì cách chừa, cách bỏ, cách dứt nghĩ, cách xa lìa sự dể duôi uống rượu và các chất say, cách không làm, thái độ không làm, chẳng vi phạm, chẳng phá đến, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự dể duôi uống rượu và các chất say như thế của bực xa lìa dể duôi uống rượu và các chất say mới gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với sự tránh xa.

* ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn mà ngăn ngừa sự dể duôi uống rượu và các chất say trong khi đó có sự tính ngăn ngừa cố ngăn ngừa, thái độ có quyết ngăn ngừa. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa.

* ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn, ngăn lìa sự dể duôi uống rượu và các chất say trong khi đó thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

2) Chia ngũ giới theo tám tâm thiện dục giới

Phần thứ hai

770.

Năm điều học:

- 1 là điều học tránh xa sự sát sanh.
- 2 là điều học tránh xa sự trộm cắp.
- 3 là điều học tránh xa sự tà dâm.
- 4 là điều học tránh xa sự vọng ngữ.
- 5 là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

771.

∗ ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí. Hoặc thành hạ, trung, thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng. Thành thẩm trưởng hạ, trung, thượng, mà ngăn ngừa tránh xa sự sát sanh thì trong khi đó có cách ngăn, sự ngừa, chừa ra, dứt bỏ, xa lìa sự sát sanh, không làm, không phạm, hạn chế nguyên nhân sự sát sanh của người tránh xa sự sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa.

∗ ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí thành thượng, trung, hạ. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng. Thành thẩm trưởng hạ, trung, thượng để ngăn ngừa sự sát sanh trong khi nào thì sự cố quyết, tính tránh xa, quyết tránh xa, thái độ cố quyết tránh xa, vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tính tránh xa.

∗ ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí thành hạ, trung, thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng. Thành thẩm trưởng hạ, trung, thượng mà ngăn lìa sự sát sanh trong khi nào thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh.

∗ ***Điều học tránh xa sự sát sanh*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… thành hạ, trung, thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng để ngăn ngừa sự sát sanh trong khi nào thì cách ngăn, sự ngừa, chừa bỏ, tránh xa, không làm, bất tác, không phạm, ngăn chận nguyên do của sự sát sanh bằng cách xa lìa sự sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa… Tất cả pháp ngoài ra tương ưng với sự cố quyết tính ngừa… thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh.

772.

∗ ***Điều học tránh xa sự không cho mà lấy… điều học tránh xa sự tà dâm… điều học tránh xa sự vọng ngữ… điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí thành hạ trung thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng, thẩm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng. Thành thẩm trưởng hạ, trung, thượng, đều ngăn ngừa luôn sự ẩm tửu

trong khi nào thì sự ngăn, cách ngăn thái độ ngừa và chừa bỏ không làm, bất tác, chẳng vi phạm, chận những nguyên do của sự sát sanh… bằng cách người trì giới. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa… và tất cả pháp ngoài ra cũng tương ưng với sự cố quyết tránh xa trong khi đó thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

∗ ***Điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say** đó ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn mà thành hạ trung thượng. Thành dục trưởng, cần trưởng và tâm trưởng. Thành dục trưởng hạ, trung, thượng. Thành cần trưởng hạ, trung, thượng. Thành tâm trưởng hạ, trung, thượng, sanh ra ngăn ngừa sự dể duôi uống rượu và các chất say trong khi nào thì sự ngăn, cách ngừa, cách chừa bỏ, cách tránh xa, không làm, bất tác, chẳng vi phạm, chận nguyên nhân thuộc người trì giới. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra hiệp với sự tránh xa… nói chung, tất cả pháp ngoài ra tương ưng với tư *(cetanā)*, tính tránh… trong khi đó thì xúc… chiếu cố, vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

3) Pháp thành điều học

773.

∗ *Những pháp như thế nào **thành điều học**?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì xúc… vô phóng dật có trong khi ấy. Những pháp như thế thành điều học.

∗ *Những pháp như thế nào **thành điều học**?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay là những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Những pháp như thế thành điều học.

∗ *Những pháp như thế nào **thành điều học**?* Trong khi nào bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới… tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới… tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Những pháp như thế thành điều học.

Dứt Phần theo Diệu Pháp

B. ĐIỀU HỌC PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

774.

Năm điều học: 1 là điều học tránh xa sự sát sanh; 2 là điều học tránh xa sự không cho mà lấy; 3 là điều học tránh xa sự tà dâm; 4 là điều học tránh xa sự vọng ngữ. 5 là điều học tránh xa sự dể duôi uống rượu và các chất say.

ĐÁP THEO ĐẦU ĐỀ TAM ĐÁP THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong năm điều học ấy mà điều học nào thành thiện, điều học nào thành bất thiện, điều học nào thành vô ký… điều học nào thành hữu y, điều học nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

775.

* Năm điều học chỉ thành thiện.
* Năm điều học chỉ thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.
* Năm điều học thành dị thục nhân.
* Năm điều học thành phi do thủ cảnh thủ.
* Năm điều học thành phi phiền toái cảnh phiền não.
* Năm điều học thành hữu tầm hữu tứ.
* Năm điều học thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Năm điều học thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Năm điều học thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Năm điều học thành nhân sanh tử.
* Năm điều học thành phi hữu học phi vô học.
* Năm điều học thành ty hạ.
* Năm điều học thành biết cảnh ty hạ.
* Năm điều học thành trung bình.
* Năm điều học thành bất định.
* Năm điều học không nên nói thành đạo là cảnh, thành đạo là nhân hay thành đạo là trưởng.
* Năm điều học thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có. Không nên nói thành sẽ sanh.
* Năm điều học thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Năm điều học thành biết cảnh hiện tại.
* Năm điều học thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Năm điều học thành biết cảnh ngoại.
* Năm điều học thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i. Đáp phần chùm nhân *(hetugocchaka)*

776.

* Năm điều học thành phi nhân. Năm điều học thành hữu nhân. Năm điều học thành tương ưng nhân.
* Năm điều học không thể nói thành nhân hữu nhân, mà chỉ thành phi nhân hữu nhân.
* Năm điều học không nên nói thành nhân tương ưng nhân, mà chỉ thành phi nhân tương ưng nhân và thành phi nhân hữu nhân.

ii. Đáp phần nhị đề đỉnh *(cūlantaraduka)*

* Năm điều học thành hữu duyên. Năm điều học thành hữu vi. Năm điều học thành bất kiến. Năm điều học thành vô đối chiếu. Năm điều học thành phi sắc. Năm điều học

thành hiệp thế. Năm điều học thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

* Năm điều học thành phi lậu. Năm điều học thành cảnh lậu. Năm điều học thành bất tương ưng lậu. Năm điều học không thể nói thành lậu cảnh lậu, mà chỉ thành phi lậu cảnh lậu.
* Năm điều học không nên nói thành lậu tương ưng lậu hay tuy nhiên thành phi lậu tương ưng lậu, mà chỉ thành bất tương ưng lậu cảnh lậu.

iv, v, vi, vii, viii, ix & x. Đáp phần chùm triền… *(saññojanagocchakādi)*

* Năm điều học thành phi triền… Năm điều học thành phi phược… Năm điều học thành phi bộc… Năm điều học thành phi phối… Năm điều học thành phi cái… Năm điều học thành phi khinh thị…
* Năm điều học thành hữu tri cảnh.
* Năm điều học thành phi tâm.
* Năm điều học thành sở hữu tâm.
* Năm điều học thành tương ưng tâm.
* Năm điều học thành hòa với tâm.
* Năm điều học thành có tâm làm sở sanh.
* Năm điều học thành đồng sanh tồn với tâm.
* Năm điều học thành tùng tâm thông lưu.
* Năm điều học thành hòa với tâm và có tâm làm sở sanh.
* Năm điều học thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh.
* Năm điều học thành có tâm làm sở sanh, thông lưu và hòa với tâm.
* Năm điều học thành bên ngoài.
* Năm điều học thành phi y sinh.
* Năm điều học thành phi do thủ.

xi, xii và xiii. Đáp phần chùm thủ *(upādānagocchakādi)*

* Năm điều học thành phi thủ…
* Năm điều học thành phi phiền toái…
* Năm điều học thành phi sơ đạo tuyệt trừ..
* Năm điều học thành phi ba đạo cao tuyệt trừ…
* Năm điều học thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ…
* Năm điều học thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ…
* Năm điều học thành hữu tầm, thành hữu tứ.
* Năm điều học thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có.
* Năm điều học thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có.
* Năm điều học thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có.
* Năm điều học thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Năm điều học thành Dục giới.
* Năm điều học thành phi Sắc giới.
* Năm điều học thành phi Vô sắc giới.
* Năm điều học thành liên quan luân hồi.

* Năm điều học thành phi nhân xuất luân hồi.
* Năm điều học thành bất định.
* Năm điều học thành hữu thượng.
* Năm điều học thành vô y, chỉ có bấy nhiêu.

Dứt Phần vấn đáp

Hoàn bị Điều học phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hồi hướng phước đến tăng trưởng thiên Vương và tất cả chúng sanh, nhất là các vị Chư thiên *có oai lực hộ trì Tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.*

Mùa kiết hạ chư Tăng 2519 - 1975
Sài Gòn – Việt nam
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XV - ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH
(Paṭisambhidā vibhaṅga)

A. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHÂN THEO KINH

777.

Tứ đạt thông: 1 là nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā);* 2 là pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā);* 3 là ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā);* 4 là cấp trí đạt thông *(paṭibhāṇapaṭisambhidā).*

Sự thông suốt nghĩa lý gọi là nghĩa đạt thông. Sự thông suốt trong pháp gọi là pháp đạt thông. Sự thông suốt thường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông. Sự thông suốt tất cả cấp trí gọi là cấp trí đạt thông.

Phân năm phần

Phần thứ nhất thuộc về đế

778.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

- Rõ thấu trong khổ gọi là nghĩa đạt thông.
- Rõ thấu trong khổ tập gọi là pháp đạt thông.
- Rõ thấu trong khổ diệt gọi là nghĩa đạt thông.
- Rõ thấu trong tiến hành đến khổ diệt gọi là pháp đạt thông.
- Thông suốt tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Hiểu biết tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

Phần thứ hai thuộc về nhân

779.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

- Sự thông suốt trong nhân gọi là pháp đạt thông.
- Sự thông suốt trong quả của nhân gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự hiểu rành tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Sự hiểu rõ tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

Phần thứ ba thuộc về pháp

780.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

- Những pháp nào đã sanh, có sanh, sanh ra đều đủ, đã sanh ra, sanh ra riêng phần, đã hiện bày, sự hiểu rõ những pháp ấy gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự hiểu rõ những pháp mà đã sanh, đã có, đã đồng sanh, sanh ra rồi, sanh ra riêng phần, đã hiện bày theo những pháp nào mà rõ những pháp sanh theo đó, như thế gọi là pháp đạt thông.
- Sự hiểu rõ rành tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Có đầy đủ tất cả tuệ thông suốt gọi là cấp trí đạt thông.

Phần thứ tư thuộc về duyên khởi

781.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

- Sự rõ thấu trong lão tử gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự rõ thấu trong nhân sanh của lão tử gọi là pháp đạt thông.
- Cách rõ thấu sự diệt tắt của lão tử gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự biết rõ cách thực hành làm nhân đưa đến diệt tắt của lão tử gọi là pháp đạt thông.
- Sự thông suốt rành rẽ trong cách tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Sự rành trí, hiểu tất cả gọi là cấp trí đạt thông.

782.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

- Cách thông suốt trong sự sanh… cách thông suốt trong hữu *(Bhāva)*… sự thông suốt thông thủ… sự thông suốt trong ái… sự thông suốt trong thọ… sự thông suốt trong xúc… sự thông suốt trong lục nhập… sự thông suốt trong danh sắc… sự thông suốt trong thức… sự thông suốt trong tất cả hành gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự thông suốt trong nhân sanh của hành gọi là pháp đạt thông.
- Cách thông suốt trong sự diệt tắt của hành gọi là nghĩa đạt thông.
- Cách thông suốt trong sự tiến hành là nhân đến diệt tắt hành gọi là pháp đạt thông.
- Sự thông suốt trong cách tường thuật pháp ngữ gọi là ngữ đạt thông.
- Sự thông suốt tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

Phần thứ năm thuộc về pháp học

783.

Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

- ***Pháp đạt thông*** *trong khi có ra sao?* Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy vẫn thông thấu pháp như là Khế kinh *(Sutta),* Trùng tụng *(Kheyya),* Văn pháp *(Bayyākaraṇa),* Tác phúng tụng *(Gāthā),* Tự thuyết *(Udāna),* Bổn sự *(Itivuttaka),* Bổn sanh *(Jātaka),* Vị tằng hữu *(Abbhūtadhamma),* Phương quảng *(Vedalla).* Như thế gọi là pháp đạt thông.

- Mà Phíc-khú ấy vẫn thông suốt ý nghĩa những ngạn ngữ ấy, đã thành ý nghĩa của ngạn ngữ ấy. Như thế gọi là nghĩa đạt thông.
- Còn biết rành tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Sự thông suốt trong tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

Dứt Phần theo Kinh

B. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHẦN PHÂN THEO DIỆU PHÁP

1) Tứ đạt thông phân theo tám tâm thiện dục giới

784.

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ, tương ưng trí. Hoặc có cảnh sắc… hay là cảnh pháp. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Những pháp như thế gọi là thiện.

- Sự thông suốt trong những pháp như thế gọi là pháp đạt thông.

- Sự thông suốt trong quả của những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định của những pháp đó vẫn có với ngữ ngôn nào mà thông thấu trong cách tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Đắc chứng tỏ ngộ thấu đáo với những trí đó bằng trí nào là những trí đó đưa ra ý nghĩa sự ấy, như thế thì sự biết thông suốt trong những trí đó gọi là cấp trí đạt thông.

∗ Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tâm thiện Dục giới đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… hoặc có cảnh sắc… hay cảnh pháp. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Sự hiểu rõ thấu những pháp ấy gọi là pháp đạt thông.
- Sự thông suốt trong quả của những pháp ấy gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định của những pháp ấy vẫn có bằng ngữ ngôn nào mà sự hiểu rành trong cách tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Còn người thông suốt những trí đó bằng trí nào là những trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy. Như thế là sự thông suốt trong tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông.

2) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện sắc giới

∗ Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp thiện*** *là chi?* Trong khi nào bực tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền trụ đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Sự thông suốt trong pháp ấy gọi là pháp đạt thông.
- Sự thông suốt trong quả của những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định trong những pháp đó vẫn có bằng ngữ ngôn nào thì sự thông suốt trong cách tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Người thông suốt những trí ấy bằng trí nào mà trí ấy đưa ra nghĩa sự ấy như thế thời cách thông suốt những trí đó gọi là cấp trí đạt thông.

3) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện vô sắc giới

∗ Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới trừ luôn lạc… lướt cả Vô sở hữu xứ… đắc tứ thiền trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.

- Mà rõ thấu chư pháp thiện nầy gọi là pháp đạt thông.
- Biết rõ thấu trong quả của những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định của những pháp đó bằng ngôn ngữ nào đến thông suốt trong tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Bực rành rẽ những trí với trí nào mà những trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy như thế thông suốt tất cả trí, đó gọi là cấp trí đạt thông.

4) Tứ đạt thông phân theo tâm thiện siêu thế

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.
* ***Chư pháp thiện*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào bực tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp thiện.
  - Thông thấu rõ những pháp thiện ấy gọi là pháp đạt thông.
  - Thông thấu rõ những quả đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp đó bằng lời nói nào đều hiểu rõ tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt những trí đó, do trí nào mà biết rằng trí ấy đưa ra ý nghĩa như thế đặng thấu rõ những trí đó mới gọi là cấp trí đạt thông.

5) Tứ đạt thông phân theo 12 tâm bất thiện

785.

* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.
* ***Chư pháp bất thiện*** *là chi?* Trong khi nào tâm bất thiện đồng sanh hỷ thọ, tương ưng tà kiến. Hoặc có cảnh sắc… hay cảnh pháp; hay những chi mở mối sanh ra trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp bất thiện.
  - Thông suốt trong những pháp bất thiện đó gọi là pháp đạt thông.
  - Thông suốt những quả ấy gọi là nghĩa đạt thông.
  - Bực hiểu rõ những trí nào mà trí ấy đưa ra ý nghĩa đó, thông những trí đó mới gọi là cấp trí đạt thông.
* Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.
* ***Chư pháp bất thiện*** *đó ra sao?* Trong khi nào tâm bất thiện đồng sanh hỷ thọ tương ưng tà kiến hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng tà kiến… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng tà kiến hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng tà kiến… đồng sanh xả thọ tương ưng tà kiến hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng tà kiến… đồng sanh xả thọ bất tương ưng tà kiến hữu dẫn… đồng sanh ưu thọ tương ưng phẫn… đồng sanh ưu thọ tương ưng phẫn hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng hoài nghi… đồng sanh xả thọ tương ưng phóng dật… hoặc cảnh sắc… hoặc gặp cảnh pháp. Hay là những chi mở mối sanh trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp bất thiện.
  - Mà thông rõ thấu những pháp ấy gọi là pháp đạt thông.
  - Thông rõ những quả đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Chế định của những pháp đó vẫn có ngôn ngữ nào đều thông suốt tường thuật pháp ngữ đó mới gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt tất cả trí mà rõ rành những trí nào đưa ra ý nghĩa ấy, thông suốt những trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

6) Tam đạt thông phân theo tám tâm dị thục quả thiện vô nhân

786.

* Tam đạt thông như là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào nhãn thức thành dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để thì trong khi đó có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả (thọ), nhất tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền vẫn có. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi đó. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
- Mà thông suốt, hiểu rõ những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định của những pháp thành ngôn ngữ nào mà thấu rõ, tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Còn bực thấu suốt tất cả trí mà trí nào đưa ra ý nghĩa ấy đều biết tất cả trí đó gọi là cấp trí đạt thông.

∗ Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào nhĩ thức đồng sanh xả thọ có thinh làm cảnh… tỷ thức đồng sanh xả thọ có khí làm cảnh… thiệt thức đồng sanh xả thọ có vị làm cảnh… thân thức đồng sanh lạc thọ có xúc làm cảnh sanh ra thành dị thục quả do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để trong khi đó thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc thọ, nhất tâm, ý quyền, lạc quyền, mạng quyền vẫn có. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
- Mà thông rõ hiểu thấu những pháp đó nên gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định của những pháp ấy bằng ngôn ngữ nào đều thông suốt tường thuật pháp ngữ đó mới gọi là ngữ đạt thông.
- Còn bực rõ thấu tất cả trí, biết những trí nào mà đưa ra ý nghĩa ấy, hiểu rõ tất cả trí như thế mới gọi là cấp trí đạt thông.

∗ Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý giới thành dị thục quả đồng sanh xả thọ, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh. Hay là những cảnh chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để thì trong khi đó có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả thọ, nhất tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền vẫn có. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
- Mà thông rõ những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định của những pháp đó dù bằng ngôn ngữ nào đều hiểu rõ tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Còn bực thông hiểu những trí mà biết rằng những trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy, thông suốt rành những trí như thế đó mới gọi là cấp trí đạt thông.

∗ Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới mà thành dị thục quả, đồng sanh hỷ thọ, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra trong khi đó có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ, lạc, định, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều gọi là chư pháp vô ký.
- Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Chế định của những pháp ấy dù thành ra ngôn ngữ nào đều thông thạo tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.

- Còn bực thông hiểu tất cả trí, biết rằng những trí nào mà đưa ra ý nghĩa ấy thông suốt tất cả trí đó. Như thế gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ, hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những chi mở mối sanh ra do nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để trong khi đó vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhất tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Định đặt những pháp đó dù bằng ngữ ngôn nào đều hiểu rõ cách tường thuật pháp ngữ đó. Như thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn bực rành tất cả trí đó, biết rằng dùng bằng trí nào mà trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy, hiểu rõ rành những trí như thế mới gọi là cấp trí đạt thông.

7) Tam đạt thông phân theo tám tâm dị thục quả thiện dục giới

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới thuộc dị thục quả, đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… hoặc có sắc là cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay là những chi mở mối sanh ra nghiệp thiện Dục giới đã làm chứa để mới có ra trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà hiểu rõ thấu đáo những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Định đặt của những pháp đó dù bằng ngữ ngôn nào đều hiểu rõ rành tường thuật pháp ngữ đó mới gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn những bực thông hiểu tất cả trí mà biết rằng những trí ấy đưa ra ý nghĩa ấy, thông suốt tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

8) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả sắc giới

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *ra sao?* Trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục… đắc sơ thiền trụ đề mục đất trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp thiện. Bực tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền trụ đề mục đất thuộc dị thục quả do những nghiệp thiện Sắc giới đã làm chứa để trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Thế gọi là chư pháp vô ký.
  - Mà bực thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Định đặt của những pháp đó dù bằng ngữ ngôn nào đều rành rẽ tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
  - Còn bực hiểu rõ tất cả trí mà biết những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa đó, hiểu thấu tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

9) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả vô sắc giới

∗ Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Trong khi nào tu tiến theo đường lối hầu đến Vô sắc giới, đã trừ luôn lạc do lướt qua cả Vô sở hữu xứ, đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Thế gọi là chư pháp thiện. Do đã trừ luôn lạc, vượt qua luôn cả Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà thành dị thục quả do nghiệp thiện Vô sắc giới đã tu hành chứa để mới sanh ra trong khi đó thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp vô ký.

- Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Dù những ngữ ngôn nào định đặt do những pháp ấy đều hiểu rành, tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông.
- Bực thông suốt tất cả trí biết rằng trí nào mà đưa ra ý nghĩa ấy đều biết rõ rành những trí đó mới gọi là cấp trí đạt thông.

10) Tam đạt thông phân theo tâm dị thục quả siêu thế

∗ Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Trong khi nào tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền, vẫn hành nan đắc trì trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Thế gọi là chư pháp thiện. Bực tĩnh ly chư dục đắc sơ thiền mà thành dị thục quả do thiền thiện siêu thế đã tu hành chứa để mà hành nan đắc trì thuộc chủng tiêu diệt trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có. Như thế gọi là chư pháp vô ký.

- Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Sự định đặt những ngôn ngữ nào do pháp đó thông suốt rành rẽ, tường thuật pháp ngữ ấy gọi là ngữ đạt thông.
- Bực hiểu rõ tất cả trí, biết rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy, thấu suốt tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

11) Tam đạt thông phân theo bảy tâm dị thục quả bất thiện

∗ Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông, cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp vô ký** trong khi có ra sao?* Trong khi nào nhãn thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có sắc làm cảnh… nhĩ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có thinh làm cảnh… tỷ thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có khí làm cảnh… thiệt thức thuộc dị thục quả đồng sanh xả thọ có vị làm cảnh… thân thức thuộc dị thục quả đồng sanh khổ thọ có xúc làm cảnh sanh ra do nghiệp bất thiện đã làm chứa để trong khi nào thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, khổ, nhất tâm, ý quyền, khổ quyền, mạng quyền vẫn có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh đều gọi là chư pháp vô ký.

- Mà thông suốt những pháp ấy gọi là nghĩa đạt thông.
- Dù những ngôn ngữ nào mà định đặt do những pháp đó đều rõ rành tường thuật pháp ngữ ấy gọi là ngữ đạt thông.
- Bực thông suốt tất cả trí hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy, hiểu rõ tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới sanh ra thành tố *(kiriyā)* phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả đồng sanh xả thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh hay là những chi mở mối sanh ra thì trong khi đó vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tầm, tứ, xả, nhất tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền và mạng quyền đều có. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh trong khi đó đều gọi là pháp vô ký.
  - Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngôn ngữ nào mà định đặt do những pháp đó, đều rõ rành tường thuật pháp ngữ ấy, thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông suốt tất cả trí, hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy, hiểu rõ tất cả trí như thế gọi là cấp trí đạt thông.

12) Tam đạt thông phân theo ba tâm tố vô nhân (ahetukakiriyā)

787.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý giới sanh ra thành tố *(kiriyā)* phi thiện, phi bất thiện và phi dị thục quả, đồng sanh xả thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có xúc làm cảnh hay những chi mở mối sanh ra thì trong khi đó vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả thọ, nhất tâm, ý quyền, xả quyền, mạng quyền; hay những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi đó. Những pháp như thế gọi là pháp vô ký.
  - Thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngữ ngôn nào mà định đặt do những pháp đó đều rành tường thuật pháp ngữ ấy. Như thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Bực thông tất cả trí, hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy đều hiểu rõ tất cả trí ấy. Như thế gọi là cấp trí đạt thông.

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

* ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Trong khi nào ý thức giới sanh ra thành tố, phi thiện, phi bất thiện, phi dị thục quả đồng sanh hỷ thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra… ý thức giới sanh tồn vẫn thành tố phi thiện, phi bất thiện, phi dị thục quả đồng sanh xả thọ. Hoặc có sắc làm cảnh… hoặc có pháp làm cảnh; hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì vẫn có xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả (thọ), nhất tâm, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền; hay những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi đó. Những pháp như thế gọi là pháp vô ký.
  - Mà thông thấu những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
  - Dù những ngôn ngữ nào mà định đặt do những pháp đó, đều rành tường thuật pháp ngữ đó. Thế gọi là ngữ đạt thông.
  - Thông tất cả trí, hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy đều hiểu rõ tất cả trí ấy. Như thế gọi là cấp trí đạt thông.

13) Tam đạt thông phân theo ba loại tâm tố

* Tam đạt thông là nghĩa đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

∗ ***Chư pháp vô ký*** *trong khi có ra sao?* Ý thức giới thành tố phi thiện, phi bất thiện và phi dị thục quả đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí… đồng sanh hỷ thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ tương ưng trí… đồng sanh xả thọ tương ưng trí hữu dẫn… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí… đồng sanh xả thọ bất tương ưng trí hữu dẫn… tu tiến theo thiền Sắc giới… tu tiến theo thiền Vô sắc giới… mà thành tố phi thiện, phi bất thiện và phi dị thục quả, kiến pháp lạc trụ, do trừ luôn lạc, lướt qua khỏi cả Vô sở hữu xứ đắc tứ thiền đồng sanh với tưởng phi tưởng phi phi tưởng… trong khi nào thì xúc… vô phóng dật vẫn có trong khi ấy. Như thế gọi là chư pháp vô ký.

- Mà thông suốt những pháp đó gọi là nghĩa đạt thông.
- Dù những ngôn ngữ nào mà định đặt do những pháp đó đều rõ rành tường thuật pháp ngữ đó. Thế gọi là ngữ đạt thông.
- Bực thông suốt tất cả trí, hiểu rành những trí nào là trí đưa ra ý nghĩa ấy đều hiểu rõ tất cả trí ấy. Như thế gọi là cấp trí đạt thông.

788.

∗ Tứ đạt thông là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

∗ Tam đạt thông vẫn sanh trong tâm hiện hành tương ưng với trí phía thiện Dục giới bốn thứ, trong tâm hiện hành tương ưng với trí phía tố *(kiriyā)* bốn thứ. Nghĩa đạt thông vẫn sanh trong những tâm hiện hành đó nữa, vẫn sanh trong bốn đạo và bốn quả luôn.

Dứt Phân theo Diệu Pháp

C. ĐẠT THÔNG PHÂN TÍCH PHẦN VẤN ĐÁP

789.

∗ **Tứ đạt thông** là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

VẤN THEO ĐẦU ĐỀ TAM VẤN THEO ĐẦU ĐỀ NHỊ

Trong những tứ đạt thông mà điều nào thành thiện, điều nào thành bất thiện, điều nào thành vô ký… điều nào thành hữu y, điều nào thành vô y.

1) Đáp theo đầu đề tam

790.

∗ Tứ đạt thông thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có, thành tương ưng lạc thọ cũng có, thành tương ưng phi khổ phi lạc thọ cũng có.

∗ Tam đạt thông thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Nghĩa đạt thông thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

∗ Tam đạt thông thành phi do thủ cảnh thủ. Nghĩa đạt thông thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.

∗ Tam đạt thông thành phi phiền toái cảnh phiền não. Nghĩa đạt thông thành phi phiền toái cảnh phiền não cũng có, thành phi phiền toái phi cảnh phiền não cũng có.

∗ Tam đạt thông thành hữu tầm hữu tứ. Nghĩa đạt thông thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.

* Tứ đạt thông thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tứ đạt thông thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tam đạt thông thành nhân sanh tử cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có. Nghĩa đạt thông thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tam đạt thông thành phi hữu học phi vô học. Nghĩa đạt thông thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tam đạt thông thành hy thiểu. Nghĩa đạt thông thành hy thiểu cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Ngũ đạt thông thành biết cảnh hy thiểu. Tam đạt thông thành biết cảnh hỷ thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tam đạt thông thành trung bình. Nghĩa đạt thông thành trung bình cũng có, thành tinh lương cũng có.
* Tam đạt thông thành bất định. Nghĩa đạt thông thành chánh nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Ngũ đạt thông không nên nói thành có đạo là cảnh, dĩ nhiên thành có đạo là nhân, dĩ nhiên thành có đạo là trưởng. Nghĩa đạt thông không thành có đạo là cảnh, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành có đạo là nhân, dĩ nhiên thành có đạo là trưởng cũng có. Nhị đạt thông thành có đạo là cảnh, không thành có đạo là nhân cũng có hay thành có đạo là trưởng cũng có; không nên nói dĩ nhiên thành có đạo là cảnh, dĩ nhiên thành có đạo là trưởng cũng có.
* Tam đạt thông thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có; không thể nói thành sẽ sanh. Nghĩa đạt thông thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tứ đạt thông thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Ngũ đạt thông thành biết cảnh hiện tại. Nhị đạt thông thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có. Nghĩa đạt thông thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có; không nên nói tuy nhiên thành biết cảnh quá khứ, tuy nhiên thành biết cảnh vị lai, tuy nhiên thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* Tứ đạt thông thành nội phần cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Ngũ đạt thông thành biết cảnh ngoại. Tam đạt thông thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.
* Tứ đạt thông thành bất kiến vô đối chiếu.

2) Đáp theo đầu đề nhị

i & ii. Đáp phần chùm nhân và nhị đề đỉnh

791.

* Tứ đạt thông thành nhân, thành hữu nhân, thành tương ưng nhân, thành nhân hữu nhân, thành nhân tương ưng nhân; không nên nói dĩ nhiên thành phi nhân hữu nhân, dĩ nhiên thành phi nhân vô nhân.
* Tứ đạt thông thành hữu duyên, thành hữu vi, thành bất kiến, thành vô đối chiếu. Thành phi sắc.
* Tam đạt thông thành hiệp thế. Nghĩa đạt thông thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
* Tứ đạt thông thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng.

iii. Đáp phần chùm lậu *(āsavagocchaka)*

792.

* Tứ đạt thông thành phi lậu.
* Tam đạt thông thành cảnh lậu. Nghĩa đạt thông thành cảnh lậu cũng có, thành phi cảnh lậu cũng có.
* Tam đạt thông thành bất tương ưng lậu.
* Tam đạt thông không nên nói thành lậu cảnh lậu, chỉ thành phi lậu cảnh lậu. Nghĩa đạt thông không nên nói thành lậu cảnh lậu, mà chỉ thành phi lậu cảnh lậu cũng có, không thể nói thành phi lậu cảnh lậu cũng có.
* Tứ đạt thông không nên nói dĩ nhiên thành lậu tương ưng lậu, dĩ nhiên thành phi lậu tương ưng lậu.
* Tam đạt thông thành bất tương ưng lậu cảnh lậu. Nghĩa đạt thông thành bất tương ưng lậu cảnh lậu cũng có, thành bất tương ưng lậu phi cảnh lậu cũng có.

iv, v, vi, vii, viii, ix, x, xi & xii. Đáp phần chùm triền…

793.

* Tứ đạt thông thành phi triền… tứ đạt thông thành phi phược… tứ đạt thông thành phi bộc… tứ đạt thông thành phi phối… tứ đạt thông thành phi cái… tứ đạt thông thành phi khinh thị…
* Tứ đạt thông thành tri cảnh, thành phi tâm, thành sở hữu tâm, thành tương ưng tâm, thành hòa với tâm, thành có tâm làm sở sanh, thành đồng sanh tồn với tâm, thành tùng tâm thông lưu, thành hòa với tâm có tâm làm sở sanh; thành hòa, sanh tồn và nương tâm làm sở sanh; thành có tâm làm sở sanh thông lưu và hòa với tâm, thành bên ngoài, thành phi y sinh, thành phi do thủ.
* Tứ đạt thông thành phi thủ… tứ đạt thông thành phi phiền não…

xiii. Đáp phần nhị đề yêu bối *(piṭṭhiduka)*

794.

* Tứ đạt thông thành phi sơ đạo tuyệt trừ, thành phi ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi ba đạo cao tuyệt trừ.
* Tam đạt thông thành hữu tầm. Nghĩa đạt thông thành hữu tầm cũng có, thành vô tầm cũng có.

* Tam đạt thông thành hữu tứ. Nghĩa đạt thông thành hữu tứ cũng có, thành vô tứ cũng có.
* Tứ đạt thông thành hữu hỷ cũng có, thành vô hỷ cũng có, thành đồng sanh hỷ cũng có, thành phi đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành phi đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có, thành phi đồng sanh xả cũng có.
* Tam đạt thông thành Dục giới. Nghĩa đạt thông thành Dục giới cũng có, thành phi Dục giới cũng có.
* Tứ đạt thông thành phi Sắc giới, thành phi Vô sắc giới.
* Tam đạt thông thành liên quan luân hồi. Nghĩa đạt thông thành liên quan luân hồi cũng có, thành bất liên quan luân hồi cũng có.
* Tam đạt thông thành phi nhân xuất luân hồi. Nghĩa đạt thông thành nhân xuất luân hồi cũng có, thành phi nhân xuất luân hồi cũng có.
* Tam đạt thông thành bất định. Nghĩa đạt thông thành nhất định cũng có, thành bất định cũng có.
* Tam đạt thông thành hữu thượng. Nghĩa đạt thông thành hữu thượng cũng có, thành vô thượng cũng có.
* Tứ đạt thông thành vô y.

Dứt Phần vấn đáp chỉ có bấy nhiêu
Hoàn bị đạt thông phân tích

PHẦN XVI - TRÍ PHÂN TÍCH
(Ñāṇavibhaṅga)

A. TRÍ PHÂN TÍCH PHẦN ĐẦU ĐỀ *(Mātikā)*

Đầu đề phần một

795.

* Trí tông *(Ñāṇavatthu)* phân mỗi phần thành một như là ngũ thức thành phi nhân, thành vô nhân, thành bất tương ưng nhân, thành hữu duyên, thành hữu vi, thành phi sắc, thành hiệp thế, thành cảnh lậu, thành cảnh triền, thành cảnh phược, thành cảnh bộc, thành cảnh phối, thành cảnh cái, thành cảnh khinh thị, thành cảnh thủ, thành cảnh phiền não, thành vô ký, thành hữu tri cảnh, thành phi sở hữu tâm, thành dị thục quả, thành do thủ cảnh thủ, thành phi phiền toái mà cảnh phiền não, thành phi hữu tầm hữu tứ, thành phi vô tầm vô tứ, thành vô tầm vô tứ, thành phi đồng sanh hỷ, thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn, thành phi hữu học phi vô học, thành hy thiểu, thành Dục giới, thành phi Sắc giới, thành phi Vô sắc giới, thành liên quan luân hồi, thành phi bất liên quan luân hồi, thành bất định, thành phi nhân xuất luân hồi, thành sanh tồn, thành cũng có tâm biết đặng, thành cũng có tâm không biết đặng, thành vô thường, thành biến lão *(jarābhibhūtā)*.

* Ngũ thức có vật thành hiện tại, có cảnh thành hiện tại, có vật sanh trước, có cảnh sanh trước, có vật thành bên trong, có cảnh thành bên ngoài, có vật chưa diệt, có cảnh chưa diệt, có vật khác nhau, có cảnh khác nhau, vẫn không thay nhau hưởng cảnh, sanh ra đâu không tiếp thâu, sanh ra đâu không tác ý, sẽ sanh ra đâu không hỗn tạp, sẽ sanh ra đâu không tác ý, sẽ sanh ra đâu không hỗn tạp, sẽ sanh ra đâu không có trước sau, vẫn không sanh thứ lớp liên tiếp với nhau.

* Ngũ thức không có sự nghĩ ngợi, người vẫn không biết rõ pháp chi chi bằng ngũ thức.

* Ngũ thức chỉ là sự rơi đến cảnh nào một cảnh; người vẫn không biết rõ pháp chi chi mà từ nơi thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không thành một oai nghi nào mà do ngũ thức; người vẫn không thành một oai nghi cách nào mà từ thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không hiệp với thân nghiệp không hiệp với ý nghiệp mà từ thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không lập thành pháp thiện hay pháp bất thiện bằng ngũ thức, vẫn không lập thành pháp thiện và pháp bất thiện mà từ thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không nhập thiền và không xuất thiền bằng ngũ thức, vẫn không nhập thiền và không xuất thiền mà tiếp theo thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không tử và không tục sinh bằng ngũ thức, vẫn không tử và không tục sinh mà nối theo thứ lớp của ngũ thức, người vẫn không ngủ không thức và không chiêm bao bằng ngũ thức, vẫn không ngủ không thức và không chiêm bao mà nối theo thứ lớp của ngũ thức; vấn đề mà trình bày cơ quan của ngũ thức theo sự chắc thật như đã nói đó. Trí tông phân mỗi phần thành một vẫn có bằng cách như thế.

Đầu đề phần hai

796.

* Trí tông *(Ñāṇavatthu)* phân mỗi phần thành hai như là tuệ hiệp thế, tuệ siêu thế.
* Tuệ cũng có tâm biết đặng, tuệ cũng có tâm không biết đặng.
* Tuệ cảnh lậu, tuệ phi cảnh lậu.
* Tuệ bất tương ưng lậu cảnh lậu, tuệ bất tương ưng lậu phi cảnh lậu.
* Tuệ cảnh triền, tuệ phi cảnh triền.
* Tuệ bất tương ưng triền cảnh triền, tuệ bất tương ưng triền phi cảnh triền.
* Tuệ cảnh phược, tuệ phi cảnh phược.
* Tuệ bất tương ưng phược cảnh phược, tuệ bất tương ưng phược phi cảnh phược.
* Tuệ cảnh bộc, tuệ phi cảnh bộc.
* Tuệ bất tương ưng bộc cảnh bộc, tuệ bất tương ưng bộc phi cảnh bộc.
* Tuệ cảnh phối, tuệ phi cảnh phối.
* Tuệ bất tương ưng phối cảnh phối, tuệ bất tương ưng phối phi cảnh phối.
* Tuệ cảnh cái, tuệ phi cảnh cái.
* Tuệ bất tương ưng cái cảnh cái, tuệ bất tương ưng cái phi cảnh cái.
* Tuệ cảnh khinh thị, tuệ phi cảnh khinh thị.
* Tuệ bất tương ưng khinh thị cảnh khinh thị, tuệ bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.
* Tuệ do thủ, tuệ phi do thủ.
* Tuệ cảnh thủ, tuệ phi cảnh thủ.
* Tuệ bất tương ưng thủ cảnh thủ, tuệ bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.
* Tuệ cảnh phiền não, tuệ phi cảnh phiền não.
* Tuệ bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, tuệ bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.
* Tuệ hữu tầm, tuệ vô tầm.
* Tuệ hữu tứ, tuệ vô tứ.
* Tuệ hữu hỷ, tuệ vô hỷ.
* Tuệ đồng sanh hỷ, tuệ phi đồng sanh hỷ.
* Tuệ đồng sanh lạc, tuệ phi đồng sanh lạc.
* Tuệ đồng sanh xả, tuệ phi đồng sanh xả.
* Tuệ Dục giới, tuệ phi Dục giới.
* Tuệ Sắc giới, tuệ phi Sắc giới.
* Tuệ Vô sắc giới, tuệ phi Vô sắc giới.
* Tuệ liên quan luân hồi, tuệ bất liên quan luân hồi.
* Tuệ nhân xuất luân hồi, tuệ phi nhân xuất luân hồi.
* Tuệ nhất định, tuệ bất định.
* Tuệ hữu thượng, tuệ vô thượng.
* Lý sự tuệ *(atthajāpīkā paññā),* sự lý tuệ *(jāpītatthāpañña).*

Trí tông *(Ñāṇavathu)* phân mỗi phần thành hai thứ vẫn có bằng cách như thế.

Đầu đề phần ba

797.

* Trí tông *(Ñāṇavatthu)* mỗi phần có ba như là
* Tuệ văn, tuệ tư, tuệ tu.
* Tuệ thí thành, tuệ giới thành, tuệ tu thành.
* Tuệ khởi giới, tuệ khởi tâm, tuệ khởi trí.
* thông thạo tiến hóa, thông thạo thối hóa, thông thạo phương chước.
* Tuệ dị thục quả, tuệ dị thục nhân, tuệ phi dị thục quả phi dị thục nhân.
* Tuệ do thủ cảnh thủ, tuệ phi do thủ cảnh thủ, tuệ phi do thủ phi cảnh thủ.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ, tuệ vô tầm hữu tứ, tuệ vô tầm vô tứ.
* Tuệ đồng sanh với hỷ, tuệ đồng sanh với lạc, tuệ đồng sanh với xả.
* Tuệ nhân sanh tử, tuệ nhân đến Níp-bàn, tuệ phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.
* Tuệ hữu học, tuệ vô học, tuệ phi hữu học phi vô học.
* Tuệ hy thiểu, tuệ đáo đại, tuệ vô lượng.
* Tuệ biết cảnh hy thiểu, tuệ biết cảnh đáo đại, tuệ biết cảnh vô lượng.
* Tuệ có đạo là cảnh, tuệ có đạo là nhân, tuệ có đạo là trưởng.
* Tuệ sanh tồn, tuệ phi sanh tồn, tuệ sẽ sanh.
* Tuệ quá khứ, tuệ vị lai, tuệ hiện tại.
* Tuệ biết cảnh quá khứ, tuệ biết cảnh vị lai, tuệ biết cảnh hiện tại.
* Tuệ nội phần, tuệ ngoại phần, tuệ nội và ngoại phần.
* Tuệ biết cảnh nội, tuệ biết cảnh ngoại, tuệ biết cảnh nội và ngoại.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành biết cảnh hy thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành cảnh hiện tại cũng có.
* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.

* Tuệ hữu tầm hữu tứ thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ vô tầm hữu tứ thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành đồng sanh hỷ cũng có, thành đồng sanh lạc cũng có, thành đồng sanh xả cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành biết cảnh hy thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành cảnh hiện tại cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tuệ vô tầm vô tứ thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành hữu tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm hữu tứ cũng có, thành vô tầm vô tứ cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.

* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành biết cảnh hy thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành đạo là cảnh cũng có, thành đạo là nhân cũng có, thành đạo là trưởng cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành cảnh hiện tại cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tuệ đồng sanh hỷ tuệ đồng sanh lạc thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành dị thục quả cũng có, thành dị thục nhân cũng có, thành phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ cảnh thủ cũng có, thành phi do thủ phi cảnh thủ cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành nhân sanh tử cũng có, thành nhân đến Níp-bàn cũng có, thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành hữu học cũng có, thành vô học cũng có, thành phi hữu học phi vô học cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành hy thiểu cũng có, thành đáo đại cũng có, thành vô lượng cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành biết cảnh hy thiểu cũng có, thành biết cảnh đáo đại cũng có, thành biết cảnh vô lượng cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành có đạo là cảnh cũng có, thành có đạo là nhân cũng có, thành có đạo là trưởng cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành sanh tồn cũng có, thành phi sanh tồn cũng có, thành sẽ sanh cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành quá khứ cũng có, thành vị lai cũng có, thành hiện tại cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành biết cảnh quá khứ cũng có, thành biết cảnh vị lai cũng có, thành biết cảnh hiện tại cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành tự nội cũng có, thành ngoại phần cũng có, thành nội và ngoại phần cũng có.
* Tuệ đồng sanh xả thành biết cảnh nội cũng có, thành biết cảnh ngoại cũng có, thành biết cảnh nội và ngoại cũng có.

Trí tông *(Ñāṇavatthu)* phân mỗi thứ có ba vẫn có bằng cách như thế.

Đầu đề phần tứ

798.

* Trí tông *(ñāṇavatthu)* mỗi phần có bốn như là trí nghiệp sở *(kammassakataṃ ñāṇaṃ),* trí đế tùng *(saccānulomikaṃ ñāṇaṃ),* trí đạo hội *(maggasamaṅgissa ñāṇaṃ),* trí quả hội *(phalasamaṅgissa ñāṇaṃ).*
* Trí khổ, trí tập khổ, trí khổ diệt, trí tiến hành khổ diệt.
* Tuệ Dục giới, tuệ Sắc giới, tuệ Vô sắc giới, tuệ siêu thế.
* Trí pháp, trí manh *(anvaye ñāṇaṃ),* trí phóng khí *(paricce ñāṇaṃ),* trí giả định *(sammatiñāṇaṃ).*
* Tuệ nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn, tuệ đến Níp-bàn phi nhân sanh tử, tuệ nhân sanh tử và nhân đến Níp-bàn, tuệ phi nhân sanh tử và phi nhân đến Níp-bàn.
* Tuệ phiền yểm phi triệt ngộ, tuệ triệt ngộ phi phiền yểm, tuệ phiền yểm và triệt ngộ, tuệ phi phiền yểm phi triệt ngộ.
* Tuệ tuyệt trừ phần, tuệ trụ phần, tuệ đặc biệt phần, tuệ thấu phần.
* Tứ đạt thông, tứ tiến hành, tứ cảnh, tứ sanh tử, trí sanh tử tập, trí sanh tử diệt, trí tiến hành sanh tử diệt.
* Trí sanh… trí hữu *(bhavañāṇa),...* trí thủ… trí thọ… trí xúc… trí lục nhập… trí danh sắc… trí thức… trí hành… trí hành tập, trí hành diệt, trí tiến hành diệt.
* Trí tông mỗi phần có bốn thứ vẫn có bằng cách như thế.

Phần năm, phần sáu, phần bảy, phần tám và phần chín

799.

* Trí tông mỗi phần có năm như là chánh định có năm chi tức là ngũ trí chánh định. Trí tông mỗi phần năm thứ vẫn có bằng cách như thế.
* Trí tông mỗi phần có sáu thứ như là tuệ trong lục thông. Trí tông mỗi phần sáu thứ vẫn có bằng cách như thế.
* Trí tông mỗi phần bảy thứ như là trí tông trong pháp. Trí tông mỗi phần bảy thứ vẫn có bằng cách như thế.
* Trí tông mỗi phần có tám thứ như là trí trong bốn đạo và tuệ trong bốn quả. Trí tông mỗi phần tám thứ vẫn có bằng cách như thế.
* Trí tông mỗi phần có chín thứ như là tuệ trong tùng tiền vô lượng phần nhập thiền *(anupubbavihārasamāpatti)* có chín. Trí tông mỗi phần thành chín vẫn có bằng cách như thế.

Đầu đề phần thập

800.

* Trí tông mỗi phần có mười tức là thập lực Như Lai như là sức nào mà hiệp theo nơi cấp trí đặc biệt rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố khắp vũ trụ. Những mãnh lực đó gọi là thập lực Như Lai.

∗ ***Thập lực Như Lai** là chi?*

1. Như Lai đối trong đời nầy vẫn hiểu những pháp đáng thành cơ sở và những pháp phi cơ sở bằng sự phi cơ sở theo sự chơn thật, Đức Như Lai Ngài biết rõ những pháp đáng thành cơ sở bằng sự đáng thành cơ sở, bằng sự phi cơ sở theo sự chắc thật như thế nào thì những điều ấy cũng thành sức của Như Lai. Như Lai đã nương sức nào mới có nền tảng cấp trí đặc biệt, rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố khắp vũ trụ. Những điều như thế gọi là sức của Như Lai.
2. Còn có điều nữa, Như Lai vẫn hiểu dị thục quả của nghiệp tháo trì *(kamma-samādānānaṃ)* thế nào là quá khứ, hiện tại, vị lai theo sự chắc thật với xứ *(thāna)* với nhân *(hetu).* Như Lai hiểu rõ dị thục quả của nghiệp tháo trì mà thành quá khứ, hiện tại, vị lai theo sự chắc thật bằng xứ bằng nhân, dù thế nào những điều ấy cũng là sức của Như Lai. Như Lai đã nương sức nào nào mà có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố khắp vũ trụ, điều ấy cũng là sức của Như Lai.
3. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ đường lối đưa đến tất cả cõi theo sự chắc thật, những nào mà Như Lai hiểu rõ đường lối đưa đến tất cả cõi theo sự chắc thật, những điều ấy cũng là sức của Như Lai. Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
4. Còn điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ đời mà thành bất thiểu chấp, thành biệt biệt chấp theo sự chắc thật. Những nào mà Như Lai hiểu rõ đời mà thành bất thiểu chấp, biệt biệt chấp theo sự chắc thật. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai. Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
5. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ sự nương của tất cả chúng sanh có khác biệt nhau theo sự thật do những chi mà Như Lai đặng hiểu rõ sự nương của tất cả chúng sanh có khác biệt nhau theo sự thật rõ. Những điều ấy là do sức của Như Lai mà Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
6. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ quyền *(indrīya)* của tất cả chúng sanh khác, mọi người khác bằng cách chắc chắn là đầy đủ hay chưa đầy đủ. Do những chi mà Như Lai biết quyền của tất cả chúng sanh và của người khác già chín mùi đầy đủ hay chưa bằng lối chắc chắn. Những điều như thế cũng là do sức của Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
7. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ sự phiền não, sự thanh tịnh, sự xuất của thiền, giải thoát định và nhập thiền theo sự chắc thật. Những chi mà Như Lai đặng biết sự phiền não, sự thanh tịnh, sự xuất của thiền, sự giải thoát, sự định và sự nhập thiền theo sự chắc thật. Những điều như thế là do sức của Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.
8. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ sự nhớ tiền kiếp đặng chắc chắn, do những chi mà Như Lai hiểu rõ tiền kiếp chắc thật. Những điều như thế là sức của

Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.

9. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ sanh và tử của tất cả chúng sanh bằng sự thật do những chi mà Như Lai đặng hiểu rõ sự sanh và tử của tất cả chúng sanh đúng những Điều Ngự Sư, thế là sức của Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.

10. Còn có điều khác nữa, Như Lai vẫn hiểu rõ lậu tận theo sự chắc thật do những chi mà Như Lai hiểu rõ lậu tận bằng cách chắc thật. Những điều như thế là sức của Như Lai và Như Lai đã nương sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt đặng rống tiếng sư tử trong quần chúng, tuyên bố cả vũ trụ. Những điều ấy cũng là sức của Như Lai.

Như Lai hiệp với sức nào mới có cơ sở cấp trí đặc biệt, rống tiếng sư tử đặng tuyên bố cả vũ trụ. Những sức ấy gọi là thập lực Như Lai. Trí tông phân phần thành mười vẫn có bằng cách như thế.

Dứt Phần đầu đề

B. TRÍ PHÂN TÍCH PHẦN XIỂN MINH

Xiển minh phần một

801.

Ngũ thức đều thành phi nhân, đều thành vô nhân, đều thành bất tương ưng nhân, đều thành hữu duyên, đều thành hữu vi, đều thành phi sắc, đều thành hiệp thế, đều thành cảnh lậu, đều thành cảnh triền, đều thành cảnh phược, đều thành cảnh bộc, đều thành cảnh phối, đều thành cảnh cái, đều thành cảnh khinh thị, đều thành cảnh thủ, đều thành cảnh phiền não, đều thành cảnh vô ký, đều thành hữu tri cảnh, đều thành phi sở hữu tâm, đều thành dị thục quả, đều thành do thủ cảnh thủ, đều thành phi phiền toái cảnh phiền não, đều thành phi hữu tầm hữu tứ, đều thành phi vô tầm hữu tứ, đều thành vô tầm vô tứ, đều thành phi đồng sanh hỷ, đều thành phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, đều thành phi hữu nhân phi sơ đạo và ba đạo cao tuyệt trừ, đều thành phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn, đều thành phi hữu học phi vô học, đều thành hy thiểu, đều thành Dục giới, đều thành phi Sắc giới, đều thành phi Vô sắc giới, đều thành liên quan luân hồi, đều không thành bất liên quan luân hồi, đều thành bất định, đều thành phi nhân xuất luân hồi, đều thành sanh tồn, đều thành cũng có tâm biết đặng, đều thành vô thường, đều thành lão tử.

802.

* Nói rằng ngũ thức có vật thành hiện tại, có cảnh thành hiện tại đó là khi vật sanh ra, khi cảnh sanh ra thì ngũ thức cũng sanh ra.
* Nói ngũ thức có vật sanh trước, có cảnh sanh trước đó là khi vật sanh trước, khi cảnh sanh trước rồi ngũ thức mới sanh.
* Nói ngũ thức có vật thành bên trong, có cảnh thành bên ngoài đó là vật của ngũ thức thành bên trong, cảnh của ngũ thức thành bên ngoài.
* Nói ngũ thức có vật chưa diệt mất, có cảnh chưa diệt mất là ngũ thức sanh ra trong khi vật chưa diệt mất, khi cảnh chưa diệt mất.

* Nói ngũ thức có vật khác nhau, có cảnh khác nhau đó có giải như vầy: vật và cảnh của nhãn thức là khác, vật và cảnh của nhĩ thức là khác, vật và cảnh của tỷ thức là khác, vật và cảnh của thiệt thức là khác, vật và cảnh của thân thức là khác.

* Nói ngũ thức không thay nhau hưởng cảnh có giải như vầy: Nhĩ thức vẫn không hưởng cảnh của nhãn thức, mà nhãn thức cũng không hưởng cảnh của nhĩ thức. Tỷ thức không hưởng cảnh của nhãn thức mà nhãn thức cũng không hưởng cảnh của tỷ thức. Thiệt thức vẫn không hưởng cảnh của nhãn thức, mà nhãn thức cũng không hưởng cảnh của thiệt thức. Thân thức cũng không hưởng cảnh của nhãn thức, mà nhãn thức cũng không hưởng cảnh của thân thức. Nhãn thức vẫn không hưởng cảnh của nhĩ thức… nhãn thức vẫn không hưởng cảnh của tỷ thức… nhãn thức vẫn không hưởng cảnh của thiệt thức… nhãn thức vẫn không hưởng cảnh của thân thức, mà thân thức cũng không hưởng cảnh của nhãn thức. Nhĩ thức vẫn không hưởng cảnh của thân thức, mà thân thức vẫn không hưởng cảnh của nhĩ thức. Tỷ thức vẫn không hưởng cảnh của thân thức, mà thân thức cũng không hưởng cảnh của tỷ thức. Thiệt thức vẫn không hưởng cảnh của thân thức mà thân thức cũng không hưởng cảnh của thiệt thức.

* Nói ngũ thức không sanh ra bởi không chung thực đó tức là khi chung thực năm thức mới sanh ra.

* Nói ngũ thức sẽ sanh ra bằng cách không xen lẫn nhau không có đó là năm thức không sanh ra theo thứ lớp với nhau.

* Nói ngũ thức không sanh ra đồng nhau đó là năm thức không sanh trong một sát-na.

* Nói ngũ thức không sanh nối liền với nhau có giải như vầy:
  - Nhĩ thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp mà nhãn thức sanh; còn nhãn thức cũng không sanh theo thứ lớp của nhĩ thức sanh.
  - Tỷ thức không sanh nối theo thứ lớp của nhãn thức sanh, mà nhãn thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của tỷ thức sanh.
  - Thiệt thức không sanh theo thứ lớp của nhãn thức sanh, mà nhãn thức cũng không sanh theo thứ lớp của thiệt thức sanh.
  - Thân thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của nhãn thức sanh, mà nhãn thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh.
  - Nhãn thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của nhĩ thức sanh… nhãn thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của tỷ thức sanh… nhãn thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thiệt thức sanh… nhãn thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh, mà thân thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của nhãn thức sanh. Nhĩ thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh, mà thân thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của nhĩ thức sanh. Tỷ thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh, mà thân thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của tỷ thức sanh. Tỷ thức vẫn không sanh nối theo thứ lớp của thân thức sanh, mà thân thức cũng không sanh nối theo thứ lớp của thiệt thức sanh.

* Nói ngũ thức không có khiên niệm *(anābhogāti)* là trong năm thức chẳng có khán môn *(āvajjanā),* khiên niệm *(ābhogo),* hiệp thực *(samannāhāro)* hoặc tác ý *(manasikāro).*

* Nói người không biết rõ rệt nhưng pháp chi bằng ngũ thức đó là vẫn không hiểu rõ pháp chi chi do ngũ thức.

* Nói ngũ thức chỉ là sa vào một cảnh nào đó là chỉ thuần thục theo một cảnh nào đó thôi.
* Nói người vẫn không hiểu rõ pháp chi chi từ thứ lớp theo ngũ thức đó là người vẫn không hiểu rõ những pháp chi bằng ý giới nói theo ngũ thức.
* Nói người vẫn không thành tựu trong một cách oai nghi nào bằng ngũ thức đó là người vẫn không đặng thành tựu một oai nghi dù đi, đứng hay nằm, ngồi do ngũ thức (điều khiển đâu).
* Nói người vẫn không thành tựu một cách oai nghi nào mà tâm nối liền theo năm thức đó là người không đặng thành tựu trong một oai nghi nào dù đi đứng hay nằm ngồi mà do ý giới nối liền thứ lớp cùng năm thức.
* Nói không hiệp với thân nghiệp, không hiệp với khẩu nghiệp, ngũ thức đó là người không tập hợp thân nghiệp, khẩu nghiệp bằng ngũ thức.
* Nói người không hiệp với thân nghiệp, không hiệp với khẩu nghiệp mà (bằng tâm) nối liền thứ lớp của ngũ thức đó là người vẫn không hiệp với thân nghiệp, khẩu nghiệp nào mà do ý giới nối liền từ ngũ thức.
* Nói người không tháo trì nghiệp thiện và nghiệp bất thiện bằng ngũ thức đó tức là người không đặng tháo trì nghiệp thiện và nghiệp bất thiện bằng ngũ thức.
* Nói người vẫn không tháo trì nghiệp thiện và nghiệp bất thiện mà từ nối liền thứ lớp của năm thức đó tức là người không đặng nghiệp thiện và nghiệp bất thiện bằng lối ý giới nối liền theo thứ lớp của năm thức.
* Nói người không đặng nhập thiền, không đặng xuất thiền bằng năm thức đó tức là người không đặng nhập thiền, không đặng xuất thiền bằng năm thức.
* Nói người không đặng nhập thiền, không đặng xuất thiền mà do (tâm) nối liền thứ lớp của năm thức đó tức là người không đặng nhập thiền, không đặng xuất thiền bằng ý giới nối liền thứ lớp của ngũ thức.
* Nói người không tử không tục sinh bằng năm thức đó tức là người không đặng tử, không đặng tục sinh bằng năm thức.
* Nói người vẫn không tử không tục sinh mà nối liền thứ lớp của ngũ thức đó tức là người không đặng tử, không đặng tục sinh bằng ý giới nối liền thứ lớp của năm thức.
* Nói người vẫn không ngủ, không thức, không chiêm bao bằng năm thức đó tức là người không đặng ngủ, không đặng thức và không đặng chiêm bao bằng năm thức.
* Nói người không ngủ, không thức, không chiêm bao mà nối liền theo thứ lớp của ngũ thức đó tức là người không đặng ngủ, không đặng thức, không đặng chiêm bao bằng ý giới nối liền thứ lớp với năm thức.
* Sự biết của cơ quan ngũ thức như đã nói đó gọi là tuệ để trình bày của ngũ thức theo sự chắc thật.

Trí tông mỗi phần có một vẫn bằng cách như thế.

Xiển minh phần hai

803.

* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký trong ba cõi là tuệ hiệp thế. Tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ siêu thế.
* Tuệ tất cả cũng gọi là tuệ có thứ biết đặng và tuệ có thứ không biết đặng.
* Tuệ hiệp với pháp thiện và hiệp với pháp vô ký trong ba cõi gọi là tuệ cảnh lậu. Tuệ hiệp bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh lậu.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ tương ưng lậu mà cảnh lậu. Tuệ hiệp bốn đạo và bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng lậu mà cảnh lậu. Tuệ hiệp bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng lậu và phi cảnh lậu.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh triền. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh triền.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ tương ưng triền mà cảnh triền. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng triền phi cảnh triền.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh phược. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh phược.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ tương ưng phược mà cảnh phược. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng phược phi cảnh phược.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh bộc. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh bộc.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng bộc mà cảnh bộc. Còn tuệ trong bốn đạo và bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng bộc phi cảnh bộc.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh phối. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh phối.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng phối mà cảnh phối. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng phối phi cảnh phối.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh cái. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh cái.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng cái mà cảnh cái. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng cái phi cảnh cái.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh khinh thị. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh khinh thị.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng khinh thị mà cảnh khinh thị. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng khinh thị phi cảnh khinh thị.
* Tuệ trong dị thục quả nương ba cõi gọi là tuệ do thủ. Còn tuệ trong pháp thiện nương ba cõi, tuệ trong pháp vô ký tố nương ba cõi và trong bốn đạo bốn quả đều gọi là tuệ phi do thủ.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh thủ. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh thủ.

* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng thủ mà cảnh thủ. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng thủ phi cảnh thủ.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ cảnh phiền não. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi cảnh phiền não.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ bất tương ưng phiền não mà cảnh phiền não. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất tương ưng phiền não phi cảnh phiền não.
* Tuệ tương ưng tầm gọi là tuệ hữu tầm. Còn tuệ bất tương ưng tầm gọi là tuệ vô tầm.
* Tuệ tương ưng tứ gọi là tuệ hữu tứ. Còn tuệ bất tương ưng tứ gọi là tuệ vô tứ.
* Tuệ tương ưng hỷ gọi là tuệ hữu hỷ. Còn tuệ bất tương ưng hỷ gọi là tuệ vô hỷ.
* Tuệ tương ưng hỷ gọi là tuệ đồng sanh hỷ. Còn tuệ bất tương ưng hỷ gọi là tuệ phi đồng sanh hỷ.
* Tuệ tương ưng lạc gọi là tuệ đồng sanh lạc. Còn tuệ bất tương ưng lạc gọi là tuệ phi đồng sanh lạc.
* Tuệ tương ưng xả gọi là tuệ đồng sanh xả. Còn tuệ bất tương ưng xả gọi là tuệ phi đồng sanh xả.
* Tuệ trong thiện và vô ký trong Dục giới gọi là tuệ Dục giới. Còn tuệ Sắc giới, tuệ Vô sắc giới và tuệ siêu thế gọi là tuệ phi Dục giới.
* Tuệ trong thiện và vô ký Sắc giới gọi là tuệ Sắc giới. Còn tuệ Dục giới, tuệ Vô sắc giới và tuệ siêu thế gọi là tuệ phi Sắc giới.
* Tuệ trong thiện và vô ký Vô sắc giới gọi là tuệ Vô sắc giới. Còn tuệ trong Dục giới, tuệ trong Sắc giới và tuệ siêu thế gọi là tuệ phi Vô sắc giới.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ liên quan luân hồi. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ bất liên quan luân hồi.
* Tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ nhân xuất luân hồi. Còn tuệ trong thiện nương ba cõi, trong dị thục quả nương bốn cõi, trong vô ký tố nương ba cõi gọi là tuệ phi nhân xuất luân hồi.
* Tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ nhất định. Còn tuệ trong thiện nương ba cõi, trong dị thục quả nương bốn cõi, trong vô ký tố nương ba cõi gọi là tuệ bất định.
* Tuệ trong pháp thiện và pháp vô ký nương ba cõi gọi là tuệ hữu thượng. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ vô thượng.
* Tuệ tiến đắc trong khi *đó ra sao?* Như là tuệ thiện trong bốn cõi trợ tuệ vô ký tố *(kiriyābyāk)* trợ thiền, trợ thông của bực La-hán phát sanh, đó gọi là tuệ tiến đắc *(atthajāpīkapaññā).* Còn tuệ trong dị thục quả nương bốn cõi trợ tuệ vô ký tố, thiền, thông của bực La-hán phát sanh ra, đó là tuệ đắc tiến *(jāpītatthapaññā).*

Trí tông *(ñaṇavatthu)* phân mỗi phần thành hai vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần ba

804.

* ***Trí tư*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ sắp đặt tất cả công việc, hoặc tuệ sắp đặt tất cả tài nghề khéo léo, hoặc tuệ sắp đặt tất cả tài nghề mà không do nghe học hỏi với người khác mà vẫn đặng trí chuyên môn, hoặc đặng trí đế thuận, hoặc cho rằng sắc không bền, hoặc cho rằng thọ không bền, hoặc cho rằng tưởng không bền, hoặc cho rằng hành không bền, hoặc cho rằng thức không bền; vẫn đặng trí thuận tùng, trí nhẫn nại, trí kiến thức, trí sáng suốt, trí hiểu biết, trí chăm chú, trí biết rõ những pháp nhẫn nại. Nếu có trạng thái cách đó thì gọi là trí tư *(cintāmayapaññā).*

* ***Trí văn*** *trong khi có ra sao?* Như là tuệ sắp đặt tất cả công việc, hoặc tuệ sắp đặt tất cả nghề giỏi, hoặc tuệ sắp đặt tất cả tài hay, những bực đã từng nghe nơi người khác mà đặng trí thuần thục, hoặc đặng trí đế thuận, hoặc cho là sắc không bền, hoặc cho là thọ không bền, hoặc cho là tưởng không bền, hoặc cho rằng là hành không bền, hoặc cho là thức không bền, vẫn đặng trí thuận tùng, trí nhẫn nại, trí tri kiến, trí sương thạnh (sáng suốt), trí hiểu biết, trí chăm chú, nhẫn nại chăm chú pháp. Những chi mà có tướng trạng cách đó gọi là trí văn *(sutamayapaññā).*

* Còn trí của bực nhập tất cả thiền gọi là **trí tu** *(bhāvanāmapaññā).*

805.

* ***Tuệ thí*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ rõ thấu… vô si, sự trạch pháp, chánh kiến mở mối bố thí phát sanh cho người bố thí, đó gọi là tuệ thí *(dānamayapaññā).*

* ***Tuệ giới*** *đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ rõ thấu… vô si, sự trạch pháp và những chánh kiến mở mối phát sanh cho người trì giới. Như thế gọi là tuệ giới *(sīlamayapaññā).*

* Còn tuệ của bực nhập tất cả thiền gọi là **tuệ tu** *(bhāvanāmapaññā).*

806.

* ***Tuệ cận giới*** *đó ra sao?* Như là trí tuệ, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay là chánh kiến phát sanh cho người thu thúc giới bổn. Thế gọi là tuệ cận giới *(idhisīle paññā).*

* ***Tuệ cận tâm*** *đó ra sao?* Như là trí tuệ, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay là chánh kiến phát sanh cho bực tu tiến nhập thiền Sắc giới và thiền Vô sắc giới. Thế gọi là tuệ cận tâm *(idhicitta paññā).*

* ***Tuệ cận tuệ*** *đó ra sao?* Tức là tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ cận tuệ *(idhipaññā paññā).*

807.

* ***Tiến hoá thông minh*** *đó ra sao?* Những bực có tuệ vẫn hiểu rõ như vầy: Khi ta đang quán những pháp ấy pháp bất thiện mà chưa sanh cũng sẽ không sanh và pháp thiện đã sanh cũng sẽ trừ đặng. Hay là khi ta quán những pháp thiện mà chưa sanh cũng sẽ sanh và pháp thiện đã sanh cũng hiện hành đặng sự tột bực, đặng sự quảng đại, đặng sự tiến hóa, sự đầy đủ bằng trí tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong điều đó. Như thế gọi là tiến hoá thông minh *(āyakosallaṃ).*

* ***Thối hóa thông minh*** *đó ra sao?*
  - Bực có tuệ vẫn hiểu rõ như vầy: Khi ta đang quán những pháp ấy pháp thiện chưa sanh cũng sẽ không sanh và pháp thiện đã sanh cũng sẽ diệt. Hay là khi ta quán pháp ấy, pháp bất thiện chưa sanh cũng sẽ sanh và pháp bất thiện đã sanh cũng sẽ càng đặng sự hiện hành, đặng sự rộng rãi, nào là tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si,

sự trạch pháp, chánh kiến với trong điều ấy. Thế gọi là thối hoá thông minh *(apāyakosallaṃ).*

- Những tuệ chi mà thành phương tiện sửa đổi trong việc lẹ làng hoặc nạn đã sanh đó gọi là thối hoá thông minh.

808.

Tuệ trong dị thục quả nương bốn cõi gọi là tuệ dị thục quả. Tuệ trong pháp thiện thuộc bốn cõi gọi là tuệ dị thục nhân. Còn tuệ trong vô ký tố nương ba cõi gọi là tuệ phi dị thục quả phi dị thục nhân.

809.

Tuệ trong dị thục quả thuộc ba cõi gọi là tuệ do thủ cảnh thủ. Tuệ hiệp pháp thiện trong ba cõi và vô ký tố thuộc ba cõi gọi là tuệ phi do thủ mà cảnh thủ. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ phi do thủ phi cảnh thủ.

810.

Tuệ mà tương ưng với tầm, tứ gọi là tuệ hữu tầm hữu tứ. Tuệ bất tương ưng tầm mà tương ưng với tứ gọi là tuệ vô tầm hữu tứ. Còn tuệ bất tương ưng cả tầm lẫn tứ gọi là tuệ vô tầm vô tứ.

811.

Tuệ tương ưng hỷ gọi là tuệ đồng sanh hỷ. Tuệ tương ưng lạc gọi là tuệ đồng sanh lạc. Tuệ tương ưng xả gọi là tuệ đồng sanh xả.

812.

Tuệ trong pháp thiện ba cõi gọi là tuệ nhân sanh tử. Tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ nhân đến Níp-bàn. Tuệ trong dị thục quả thuộc bốn cõi và tuệ trong pháp vô ký tố nương ba cõi gọi là tuệ phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.

813.

Tuệ trong bốn đạo ba quả gọi là tuệ hữu học. Tuệ trong quả La-hán thành phần bực cao gọi là tuệ vô học. Còn tuệ trong pháp thiện thuộc ba cõi, trong dị thục quả nương ba cõi trong pháp vô ký tố thuộc ba cõi gọi là tuệ phi hữu học phi vô học.

814.

Tuệ trong thiện Dục giới và vô ký Dục giới gọi là tuệ hy thiểu. Tuệ trong thiện Sắc giới, vô ký Sắc giới, thiện Vô sắc giới và vô ký Vô sắc giới gọi là tuệ đáo đại. Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ vô lượng.

815.

* ***Tuệ biết cảnh hy thiểu** đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay chánh kiến mở mối pháp hy thiểu sanh ra đó gọi là tuệ biết cảnh hy thiểu.

* ***Tuệ biết cảnh đáo đại** đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay chánh kiến mở mối pháp đáo đại sanh ra. Đó gọi là tuệ biết cảnh đáo đại.

* ***Tuệ biết cảnh vô lượng** trong khi có ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự trạch pháp, hoặc chánh kiến mở mối pháp vô lượng sanh ra. Đó gọi là tuệ biết cảnh vô lượng.

816.

* ***Tuệ biết đạo đặng** đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp, hoặc chánh kiến mở mối cho Thánh đạo hiện bày. Đó gọi là biết đặng. Còn tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ nhân của đạo.

* ***Tuệ có đạo là trưởng** đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp, hoặc chánh kiến làm cho Thánh đạo thành trưởng sanh ra. Đó gọi là tuệ có đạo là trưởng.

817.

∗ Tuệ trong dị thục quả nương bốn cõi cũng thành sanh tồn, cũng thành sẽ sanh; không nên nói thành phi sanh tồn.

∗ Tuệ trong pháp thiện nương bốn cõi, trong vô ký tố nương ba cõi cũng thành sanh tồn, cũng thành phi sanh tồn; không nên nói thành sẽ sanh.

818.

Tuệ tất cả đó cũng thành tuệ quá khứ, cũng thành tuệ vị lai, cũng thành tuệ hiện tại.

819.

∗ ***Tuệ biết cảnh quá khứ*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp hay chánh kiến mở mối phát sanh thuộc quá khứ hiện bày. Đó gọi tuệ biết cảnh quá khứ.

∗ ***Tuệ biết cảnh vị lai*** *đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan pháp vị lai hiện bày. Đó gọi pháp vị lai.

∗ ***Tuệ biết cảnh hiện tại*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan pháp hiện tại hiện bày. Đó gọi là tuệ biết cảnh hiện tại.

820.

Tất cả tuệ thế đó cũng thành tuệ tự nội, cũng thành tuệ ngoại phần, cũng thành tuệ nội và ngoại phần.

821.

∗ ***Tuệ biết cảnh tự nội*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan pháp tự nội hiện bày. Đó gọi là tuệ biết cảnh tự nội.

∗ ***Tuệ biết cảnh ngoại phần*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối pháp bên ngoài hiện bày. Đó gọi là tuệ biết cảnh ngoại phần.

∗ ***Tuệ biết cảnh nội và ngoại phần*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan tất cả pháp bên trong và bên ngoài hiện bày. Đó gọi là tuệ biết cảnh nội và ngoại phần.

Trí tông mỗi phần có ba vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần bốn

822.

∗ ***Trí tín nghiệp*** *đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến có trạng thái hiểu rõ như vầy: Sau khi bố thí có quả phước; cúng dường tam bảo có quả phước; đời nầy vẫn có; đời sau cũng có; mẹ có ơn; cha có ơn; chúng sanh chết có tục sinh; Sa-môn Phạm chí có bực tu hành đàng hoàng, hành đúng đắn hiểu cao thấy thật rõ nơi đời nầy và đời sau do tự mình và tuyên bố cho người khác biết khắp nhau vẫn có trong đời nầy. Như thế gọi là trí tín nghiệp *(kammassakatāṃ ñāṇaṃ).*

Trừ ra trí đế thuận và tuệ thiện mà thành cảnh lậu, còn tất cả gọi là trí tín nghiệp.

∗ ***Trí đế thuận*** *đó ra sao?* Như là trí thuận tùng, trí nhẫn (nại), trí kiến thức, trí quang minh (sáng suốt), trí hiểu biết, trí chăm chú, trí pháp nhẫn nại chăm chú, đều có trạng

thái biết như thế nầy: Hoặc cho rằng sắc không bền, hoặc cho rằng thọ không bền, hoặc cho rằng tưởng không bền, hoặc cho rằng chư hành vô thường, hoặc cho rằng thức vô thường. Thế gọi là trí đế thuận *(saccānulomikañāṇa).*

Còn tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ hội hiệp đạo *(maggasamaṅgiñāṇa paññṇa).*

Tuệ trong bốn quả gọi là tuệ hội hiệp quả *(phalasamaṅgiñāṇa).*

823.

* Tuệ hội hiệp đạo tức là sự biết trong những khổ ấy, sự biết trong những khổ tập ấy, sự biết trong những khổ diệt ấy, sự biết trong những tiến hành diệt khổ ấy.

* ***Tuệ khổ** đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến khai đoan khổ tập hiện bày đó gọi là khổ tập trí… khai đoan khổ diệt hiện bày. Đó gọi là khổ diệt trí… khai đoan đường lối tiến hành khổ diệt hiện bày. Đó gọi là trí tiến hành khổ diệt.

824.

* Tuệ trong pháp thiện Dục giới và pháp vô ký Dục giới gọi là tuệ Dục giới.
* Tuệ trong pháp thiện Sắc giới và pháp vô ký Sắc giới gọi là tuệ Sắc giới.
* Tuệ trong pháp thiện Vô sắc giới và pháp vô ký Vô sắc giới gọi là tuệ Vô sắc giới.
* Còn tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là tuệ siêu thế.

825.

* ***Pháp trí** đó ra sao?* Như là tuệ trong bốn đạo bốn quả gọi là trí pháp *(dhammañāṇa).*

Đức thế Tôn Ngài dìu dắt tức là trí phản khán trong những pháp quá khứ, vị lai ấy mà Ngài đã hiểu, đã thấy, đã chứng, đã biết rõ rệt, đã quyết tin như vầy: Trong thuở quá khứ, Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị nào đã đặng biết khổ, đã đặng biết tập, đã đặng biết diệt, đã đặng biết đạo thì Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị đó cũng tự biết khổ, Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị đó cũng tự biết khổ tập, Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị đó cũng tự biết khổ diệt, Sa-môn hoặc Bà-la-môn những vị đó cũng tự biết đạo diệt khổ; trong thời vị lai những Sa-môn hoặc Bà-la-môn mà vị nào rõ biết khổ, rõ biết khổ tập, rõ biết khổ diệt, rõ biết đạo diệt khổ thì những Sa-môn hoặc Bà-la-môn đó cũng tự biết khổ, những Sa-môn, Bà-la-môn đó cũng tự biết khổ tập, những Sa-môn Bà-la-môn đó cũng tự biết rõ đạo diệt khổ bằng tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong cách dìu dắt tức là trí phản khán *(paccavekkhaṇañāṇa).* Như thế gọi là trí dẫn dắt *(anvañāṇa).*

* ***Trí qui định** trong khi có ra sao?* Phíc-khú trong Tông giáo nầy chăm chú biết tâm của người khác, chúng sanh khác bằng tâm (của mình) như là tâm có ái cũng biết rõ là tâm có ái, tâm ly ái cũng biết rõ là tâm ly ái. Tâm có sân cũng biết rõ là tâm có sân, tâm lìa sân cũng biết rõ là tâm lìa sân. Tâm có si cũng biết rõ là tâm có si, tâm lìa si cũng biết rõ là tâm lìa si. Tâm dã dượi cũng biết rõ là tâm có dã dượi, tâm tán loạn cũng biết rõ là tâm tán loạn. Tâm thành đáo đại cũng biết rõ là tâm thành đáo đại, tâm không thành đáo đại cũng biết rõ là tâm không thành đáo đại. Tâm thành hữu thượng cũng biết rõ là tâm thành hữu thượng, tâm thành vô thượng cũng biết rõ là tâm thành vô thượng. Tâm định trụ cũng biết rõ là tâm đình trụ, tâm không đình trụ cũng biết rõ là tâm không đình trụ. Tâm giải thoát cũng biết rõ là tâm giải thoát, tâm không giải thoát cũng biết rõ là tâm không giải thoát. Sự sáng suốt, thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong tâm của những người khác, của tất cả chúng sanh khác. Như thế gọi là trí qui định *(pariccañāṇa).*

Trừ ra pháp trí *(dhammañāṇa),* dẫn dắt trí *(anvañāṇa)* và qui định trí *(pariccāñāṇa),* còn những trí ngoài ra gọi là trí đồng kiến *(sammatiñāṇa).*

826.

Tuệ nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn *ra sao?*

- Tuệ trong pháp thiện Dục giới gọi là tuệ nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.
- Tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ nhân đến Níp-bàn phi nhân sanh tử.
- Tuệ trong pháp thiện Sắc giới và pháp thiện Vô sắc giới gọi là tuệ nhân sanh tử nhân đến Níp-bàn.
- Còn tuệ mà ngoài ra đó gọi là tuệ phi nhân sanh tử phi nhân đến Níp-bàn.

827.

Tuệ phiền yểm phi phản khán *đó ra sao?*

- Như là bực xa lìa tất cả sự vọng dục bằng tuệ nào nhưng không đặng thông thấu suốt tất cả pháp đế *(saccadhamma).* Đây gọi là tuệ phiền yểm phi phản khán *(nibbidā no paṭivedhapaññā).*
- Còn bực xa lìa tất cả sự vọng dục mà đặng thấu đáo thông suốt bằng tuệ nhưng không đặng thấu suốt tất cả pháp đế. Đây gọi là tuệ phản khán phi phiền yểm *(paṭivedha no nibbidā paññā).*
- Tuệ trong bốn đạo gọi là tuệ phiền yểm phản khán *(nibbidāpaṭivedhapaññā).*
- Còn tuệ mà ngoài ra đó gọi là tuệ phi phiền yểm phi phản khán *(nevanibbidā no paṭivedhapaññā).*

828.

Tuệ suy đồi *ra sao?*

- Như là tác ý tưởng đồng sanh với dục thấm nhuần cho người tu tiến bực đắc sơ thiền, tuệ của người tu đó gọi là tuyệt trừ *(hānabhāginī).* Chánh niệm thích hợp với pháp ấy vững vàng tuệ gọi là tạm trụ *(ṭhītibhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền không có tầm thấm vào theo tuệ gọi là đặc biệt *(visesabhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hợp với ly dục đượm nhuần trí gọi là phiền yểm phần *(nibbedhabhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với tầm thấm nhuần theo bực tu tiến đắc nhị thiền, tuệ của bực đó gọi là phế duyên *(hānabhāginī)*. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó vững vàng. Tuệ ấy gọi là trụ phần *(ṭhītibhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với xả thấm nhuần tuệ gọi là đặc biệt viên *(visesabhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibedhabhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với hỷ đượm nhuần cho bực tu tiến đặng tam thiền, tuệ của bực tu tiến đó gọi là phế phần *(hānabhāginī)*. Chánh niệm mà thích hợp với pháp ấy đình trụ tuệ gọi là trụ phần *(ṭhitibhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với phi khổ phi lạc thọ đượm nhuần tuệ gọi là đặc biệt phần *(visesabhāginī).* Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phế phần *(nibbedhabhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với lạc đượm nhuần cho bực tu tiến đắc tứ thiền, tuệ của bực tu tiến đó gọi là phế phần. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó đình trụ tuệ gọi là trụ phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Không vô biên xứ đượm nhuần tuệ gọi đặc biệt phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với tuệ phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibbedhābhāginī).*

- Tác ý tưởng mà đồng sanh với sắc đượm nhuần cho bực tu tiến thiền Không vô biên xứ, tuệ của bực tu tiến đó gọi là phế phần. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó, đình trụ tuệ gọi là trụ phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Thức vô biên xứ đượm nhuần tuệ gọi là đặc biệt phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibbedhābhāginī).*
- Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Không vô biên xứ đượm nhuần cho bực tu đắc thiền Thức vô biên xứ, tuệ của bực tu đó gọi là phế phần. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó đình trụ tuệ gọi là trụ phần. Tác ý tưởng đồng sanh với thiền Không vô biên xứ đượm nhuần tuệ gọi là đặc biệt phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibbedhābhāginī).*
- Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Thức vô biên xứ đượm nhuần cho bực tu đắc thiền Vô sở hữu xứ, tuệ của bực tu đó gọi là phế phần. Chánh niệm mà thích hợp với pháp đó đình trụ tuệ gọi là trụ phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ đượm nhuần tuệ gọi là đặc biệt phần. Tác ý tưởng mà đồng sanh với trí phiền yểm hiệp với ly dục đượm nhuần tuệ gọi là phiền yểm phần *(nibbedhābhāginī).*

829.

***Tứ đạt thông** đó ra sao?* Tứ đạt thông *(paṭisambhidā)* là nghĩa đạt thông, pháp đạt thông, ngữ đạt thông và cấp trí đạt thông.

- Sự hiểu thông suốt trong ý nghĩa gọi là nghĩa đạt thông *(atthapaṭisambhidā).*
- Sự hiểu thông suốt trong pháp gọi là pháp đạt thông *(dhammapaṭisambhidā).*
- Sự hiểu thông suốt sự tường thuật pháp ngữ đó gọi là ngữ đạt thông *(niruttipaṭisambhidā).*
- Sự biểu biết thông suốt trong tất cả trí gọi là cấp trí đạt thông *(paṭibhāṇapaṭisambhidā).*

Như thế gọi là tứ đạt thông *(paṭisambhidā).*

830.

∗ ***Tứ tiến hành** đó ra sao?* Tứ tiến hành *(paṭipadā)* là: hành nan đắc trì *(dukkhāpaṭipadādandhābhiññā),* hành nan đắc cấp *(dukkhāpaṭipadākhippābhiññā),* hành dị đắc trì *(sukhāpaṭipadādandhābhiññā),* hành dị đắc cấp *(sukhāpaṭipadākhippābhiññā).*

∗ ***Hành nan đắc trì** đó ra sao?* Như là tuệ, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu mà đắc định sanh bằng cách khó khăn, biết rõ cơ sở ấy chậm chạp. Thế gọi là hành nan đắc trì *(dukkhāpaṭipadādandhābhiññā).*

∗ ***Hành nan đắc cấp** đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu mà định làm cho trợ sanh bằng cách khó khăn, nhưng hiểu cơ sở đó mau. Thế gọi là hành nan đắc cấp *(dukkhāpaṭipadākhippābhiññā).*

∗ ***Hành dị đắc trì** đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu mà định trợ sanh bằng cách không khó khăn, nhưng đắc chứng chậm. Thế gọi là hành dị đắc trì *(sukhāpaṭipadādandhābhiññā).*

* ***Hành dị đắc cấp** đó ra sao?* Như là tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, còn định trợ sanh bằng cách không khó khăn đắc chứng đó cũng mau. Thế gọi là hành dị đắc cấp *(sukhāpaṭipadākhippābhiññā).*

Như thế gọi là tuệ tiến hành *(paṭipadāpaññā).*

831.

* ***Tứ cảnh tuệ** đó ra sao?* Tứ cảnh tuệ *(arammaṇapaññā)* là tuệ hy thiểu cảnh hy thiểu (*parittāparittārammaṇapaññā),* tuệ hy thiểu cảnh vô lượng (*parittā appamaṇārammaṇapaññā),* tuệ vô lượng cảnh hy thiểu (*appamāṇāparittārammaṇapaññā),* tuệ vô lượng cảnh vô lượng (*appamāṇā appamaṇārammaṇapaññā).*

* ***Tuệ hy thiểu cảnh hy thiểu** là chi?* Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, bực đắc định chưa đặng trau dồi thuần thục, rải cảnh đi ít oi. Thế gọi là tuệ hy thiểu cảnh hy thiểu *(parittaparittārammaṇapaññā).*

* ***Tuệ hy thiểu cảnh vô lượng** đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, bực có định chưa trau dồi nhuần nhã, rải cảnh đi ước lượng không đặng. Thế gọi là tuệ hy thiểu cảnh vô lượng *(parittā appamaṇārammaṇapaññā).*

* ***Tuệ vô lượng cảnh hy thiểu** đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, bực đặng định trau dồi nhuần nhã, rải cảnh đi ít oi. Thế gọi là tuệ vô lượng cảnh hy thiểu *(appamāṇaparittārammaṇapaññā).*

* ***Tuệ vô lượng cảnh vô lượng** đó ra sao?* Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến phát sanh cho người tu, bực đặng định trau dồi nhuần nhã, rải cảnh đi ước lượng không đặng. Thế gọi là tuệ vô lượng cảnh vô lượng *(appamāṇā appamaṇārammaṇapaññā).*

Như thế gọi là tứ cảnh tuệ *(ārammaṇapaññā).*

832.

* **Trí đạo hội** *(maggasamaṅgiñāṇa)* tức là trí trong lão tử, trí tập lão tử, trí diệt lão tử, trí tiến hành diệt lão tử.

* ***Trí lão tử** trong khi có ra sao?*
  - Như là sự sáng suốt, thái độ biết rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối lão tử hiện bày. Thế gọi là trí lão tử *(jarāmaraṅñāṇa).*
  - Sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối tập lão tử hiện bày. Thế gọi là trí lão tử tập *(jarāmaraṇasamudayañāṇa)*... mở mối cho lão tử diệt hiện bày. Thế gọi là trí lão tử diệt *(jarāmaraṇa-nirodhañāṇa)*... mở mối cho tiến hành nhân đến lão tử diệt hiện bày. Đó gọi là trí nhân tiến hành đến diệt khổ *(dukkanirodhagāminīpaṭipadāñāṇa).*
  - Trí đạo hội *(maggasamaṅgiñāṇa)* tức là trí trong sanh đây… trí trong hữu đây… trí trong thủ đây… trí trong ái đây… trí trong thọ đây… trí trong xúc đây… trí trong lục nhập đây… trí trong danh sắc đây… trí trong thức đây… trí trong hành đây… trí trong hành ấy tập ấy… trí trong hành ấy diệt ấy, trí trong hành ấy đạo nhân diệt ấy.

* *Trong những trí ấy mà **hành trí** đó ra sao?*
  - Như là sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối tất cả hành hiện bày. Thế gọi là trí hành *(saṅkhārañāṇa).*
  - Sự sáng suốt, thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến mở mối hành tập hiện bày, thế gọi là trí hành tập *(saṅkhārasamudayañāṇa)…* mở mối hành diệt hiện bày, thế gọi là trí hành diệt *(saṅkhāranirodhañāṇa)…* mở mối đường lối tiến hành diệt hiện bày, thế gọi là trí nhân tiến hành đến hành diệt *(saṅkhāranirodha-gāminīpatipadāñāṇa).*

Trí tông *(ñaṇavatthu)* phân mỗi thứ thành bốn vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần năm

833.

*Trong trí tông mỗi phần có năm đó mà **chánh định có năm chi** như thế nào?*

- Tuệ mà bành trướng hỷ, tuệ mà bành trướng lạc, tuệ mà bành trướng tâm, tuệ mà bành trướng ánh sáng và ấn chứng khi phản khán.
- Tuệ trong hai thiền gọi là tuệ bành trướng hỷ *(pītiphacaṇatā).*
- Tuệ trong ba thiền gọi là tuệ bành trướng lạc (*sukkapharaṇatā).*
- Tuệ chăm chú biết tâm của người khác gọi là tuệ bành trướng tâm *(cetopharaṇatā).*
- Thiên nhãn gọi là tuệ bành trướng ánh sáng *(ālokapharaṇatā).*
- Trí phản khán của bực tu xuất những thiền gọi là ấn chứng khi phản khán *(paccavekkhaṇānimitta).*

Như thế gọi là chánh định có năm chi *(pañcaṅgiko sammāsamādhi).*

834.

***Chánh định có năm trí** đó ra sao?* Như là trí phát sanh riêng tự phần nhận rằng định nầy cũng có lạc trong hiện tại, cũng có quả vui sau này. Trí phát sanh tự ta nhận rằng định nầy xa lìa phiền não không vật chất. Trí phát sanh tự ta nhận rằng tuệ nầy là bực có tuệ xiển (cạn cợt) điều khiển không đặng. Trí sanh ra tự ta nhận rằng định nầy vắng lặng tinh vi đặng sự yên tịnh vắng lặng, đặng chứng rồi bằng sự thành pháp độc đoán cao thăng không chứng bằng cách đè cái *(nīvaraṇa)* ngăn phiền não bằng tâm mà thành hữu dẫn *(Sasaṅkhārika).* Trí sanh cho tự mình nhận rằng ta đây cũng có chánh niệm nhập định ấy, có chánh niệm xúc định ấy. Như thế gọi là chánh định có năm trí.

Trí tông mỗi phần năm vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần sáu

835.

***Tuệ trong lục thông** đó ra sao?* Tuệ trong lục thông là tuệ thần túc thông *(iddhividhañāṇa),* tuệ thiên nhĩ thông *(sotadhātuvisuddhiyāñāṇa),* tuệ tha tâm thông *(paricittañāṇa),* tuệ túc mạng thông *(pubbenivāsānussatiñāṇa),* tuệ sanh tử thông *(catūppātañāṇa)* và tuệ lậu tận thông *(āsavakkayañāṇa).* Những đó gọi là tuệ trong lục thông.

Trí tông mỗi phần có sáu vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần bảy

836.

***Trí tông mỗi phần có bảy** đó ra sao?*

- Trí hiểu rằng lão tử có ra do sanh làm duyên. Trí hiểu rằng khi sanh không có thời lão tử cũng không. Trí hiểu rằng dù trong thuở quá khứ, lão tử có ra cũng do sanh làm duyên. Trí hiểu rằng dù trong thuở quá khứ khi sanh không có thời lão tử cũng không. Trí hiểu rằng dù trong thời vị lai lão tử có ra cũng do sanh làm duyên. Trí hiểu rằng dù trong thời vị lai khi sanh không có thời lão tử cũng không. Trí hiểu rằng pháp trụ của người đó có tuyệt dứt dĩ nhiên, có hiện hành dĩ nhiên, có suy đồi dĩ nhiên, có sự hoại dĩ nhiên, có rã dĩ nhiên, có diệt dĩ nhiên.

- Trí hiểu rằng sanh có ra do hữu làm duyên… trí hiểu rằng hữu có ra do thủ làm duyên… trí hiểu rằng thủ có ra do ái làm duyên… trí hiểu rằng ái có ra do thọ làm duyên… trí hiểu rằng thọ có ra do xúc làm duyên… trí hiểu rằng xúc có ra do lục nhập làm duyên… trí hiểu rằng lục nhập có ra do danh sắc làm duyên… trí hiểu rằng danh sắc có ra do thức làm duyên… trí hiểu rằng thức có ra do hành làm duyên… trí hiểu rằng hành có ra do vô minh làm duyên… trí hiểu rằng khi vô minh không có thì hành cũng không. Trí hiểu rằng dù thuở quá khứ mà hành sanh ra cũng do vô minh làm duyên… trí hiểu rằng dù thuở quá khứ khi vô minh không có thì hành cũng không… trí hiểu rằng dù trong thời vị lai hành có ra cũng do vô minh làm duyên… trí hiểu rằng dù trong thời vị lai nếu vô minh không có thì hành cũng không… trí hiểu rằng trí phần trụ của người đó có sự tuyệt dứt dĩ nhiên, có sự hoại dĩ nhiên, có sự phai dĩ nhiên, có sự diệt dĩ nhiên. Những thế gọi là trí tông phân phần mỗi thứ bảy.

  Trí tông phần mỗi thứ bảy vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần tám

837.

***Trí tông phân mỗi phần thành tám mà tuệ trong bốn đạo bốn quả** trong khi có ra sao?* Như là tuệ trong đạo Dự lưu, tuệ trong quả Dự lưu, tuệ trong đạo Nhất lai, tuệ trong quả Nhất lai, tuệ trong đạo Bất lai, tuệ trong quả Bất lai, tuệ trong đạo Ứng cúng, tuệ trong quả Ứng cúng. Những thế gọi là tuệ trong bốn đạo bốn quả.

Trí tông chia phần thành tám vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần chín

838.

***Trong trí tông mỗi phần có chín đó mà tuệ trong tùng tiền trụ nhập có chín** ra sao?* Như là tuệ nhập sơ thiền, tuệ nhập nhị thiền, tuệ nhập tam thiền, tuệ nhập tứ thiền, tuệ nhập thiền Không vô biên xứ, tuệ nhập thiền Thức vô biên xứ, tuệ nhập thiền Vô sở hữu xứ, tuệ nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trí phản khán của người tu tiến và bực xuất thiền diệt thọ tưởng. Những thế gọi là cửu tuệ tùng tiền trụ nhập *(anupubbavihārasamāpatti).*

Trí tông mỗi phần thành chín vẫn có bằng cách như thế.

Xiển minh phần mười

839.

***Trong trí tông phân phần thành mười mà trí biết pháp đáng thành xứ với sự thành xứ và pháp mà phi xứ với sự phi xứ theo cách chân thật của Đức Như Lai** đó ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy Ngài vẫn biết điều mà người Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ phải chấp trước những pháp hành chi theo sự vật trường tồn đó, nếu mà sẽ có đặng như thế phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rõ rằng điều mà chính phàm phu phải chấp trước những pháp hành nào theo sự trường tồn đó đúng cơ sở phải là xứ *(thāna)*.

- Như Lai trong đời nầy Ngài vẫn biết điều mà bực Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ phải chấp trước những pháp hành chi bằng sự lạc đó, nếu mà sẽ có đặng thì phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chính phàm phu phải chấp những pháp hành nào mà theo sự lạc đó đúng cơ sơ phải là xứ.

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết điều mà bực Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ phải chấp trước những pháp hành chi theo sự ngã chấp đó, nếu mà sẽ có đặng thì phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chính phàm phu phải chấp những pháp hành nào theo sự ngã chấp đó đúng cơ sở phải là xứ.

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết điều mà bực Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ nên giết cha, nếu mà sẽ có đặng thì phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chính phàm phu sẽ phải giết cha đúng cơ sở phải là xứ.

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết điều mà người Nhập lưu đến bực đầy đủ tri kiến sẽ phải giết mẹ… sẽ phải giết A La-hán sẽ phải có tâm độc ác đến nổi chích Phật thân huyết… sẽ phải phá hòa hợp Tăng… sẽ phải tín ngưỡng Phật Giáo… sẽ phải sanh trong đời thứ tám đó, nếu mà sẽ có đặng thì phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chính phàm phu sẽ phải giết mẹ… sẽ phải sanh trong đời thứ tám đó đúng cơ sở phải là xứ.

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà bực Ứng cúng Chánh biến tri vì sanh đồng nhau trong một vũ trụ đó phi nhân phi duyên phi xứ mới có thể đặng và Ngài cũng biết điều mà bực Ứng cúng Chánh biến tri chỉ có một vị trong đời đó thôi thành cơ sở là phải đặng thành cơ sở chỗ có đặng.

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà Đức Chuyển luân Thánh vương hai vị sẽ phải sanh ra đồng nhau trong một đời phi nhân phi duyên phi cơ sở mới có thể đặng và Ngài cũng hiểu rằng điều mà Đức Chuyển luân Thánh vương sanh ra chỉ có một vị trong đời đó thôi thành cơ sở chỗ đáng đặng, thành cơ sở chỗ có đặng.

- Như Lai trong đời nầy Ngài vẫn biết rằng điều mà phụ nữ sẽ thành Ứng cúng Chánh biến tri đó nếu đặng thời phi nhân phi duyên phi cơ sở và Ngài cũng hiểu rằng điều mà chỉ có nam nhân thành Ứng cúng Chánh biến tri đó thành cơ sở phải thành có cơ sở đặng.

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà phụ nữ sẽ thành Chuyển luân Thánh vương đó mà sẽ có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ sở và Ngài vẫn biết rằng điều mà chỉ có nam tử mới thành Chuyển luân Thánh vương mới đáng chỗ thành cơ sở có đặng chỗ thành cơ sở.

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà phụ nữ sẽ sanh lên thành đế thích, thành Ma vương, làm Đại Phạm thiên đó nếu sẽ có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ sở và Như Lai Ngài cũng biết rằng điều mà chỉ có nam tử sanh lên thành đế thích, thành Ma vương, thành Đại Phạm thiên đó thành xứ sở đáng đặng và thành xứ sở có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng chỗ mà thân ác sẽ phát sanh quả đáng mong mỏi, đáng ưa mến, đáng vừa lòng đó dù sẽ có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ sở và Ngài cũng biết rằng điều mà thân ác chính phải sanh quả không đáng mong mỏi, không đáng ưa mến, không đáng vừa lòng thành cơ sở có lẽ đặng, thành cơ sở có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà khẩu ác và ý ác phát sanh ra quả đáng mong mỏi, đáng ưa mến, đáng vừa lòng đó dù có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà thân ác, ý ác phát sanh ra quả không đáng mong mỏi, không đáng ưa thích, không đáng vừa lòng đó thôi, thành xứ có lẽ đặng, thành xứ chỗ có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà thân nghiệp thiện sẽ sanh ra quả không đáng mong mỏi, không đáng ưa mến, không đáng vừa lòng đó nếu đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà thân ác chỉ phát sanh ra quả đáng mong mỏi, đáng ưa thích, đáng vừa lòng thành xứ mới có lẽ đặng, thành xứ chỗ có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà khẩu thiện và ý thiện phát sanh quả không đáng mong mỏi, không đáng ưa thích, không đáng vừa lòng đó nếu đặng là phi nhân phi duyên và phi xứ và Ngài cũng biết rằng điều mà khẩu thiện và ý thiện chỉ phát sanh ra quả đáng mong mỏi, đáng ưa thích, đáng vừa lòng đó có lẽ đáng thành xứ, có lẽ phải thành xứ.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hợp với thân ác, sau khi chết sẽ đến thiên đường lạc thú do thân ác làm nhân trợ giúp đó, nếu đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hợp với thân ác sau khi chết chỉ phải vào Địa ngục, khổ thú… chính do thân ác thành nhân thành duyên thành xứ sở mới có lý, thành xứ sở mới có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hiệp với khẩu ác và ý ác sau khi chết sẽ đến thiên đường lạc thú mà do thân ác, khẩu ác làm nhân, làm duyên đó nếu có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hiệp với khẩu ác, ý ác sau khi chết phải vào Địa ngục, khổ thú… chính do thân ác, ý ác thành nhân, thành duyên là xứ có lý, thành xứ mới có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hiệp với thân nghiệp thiện rồi sau khi chết phải vào Địa ngục, khổ thú do thân nghiệp thiện làm nhân làm duyên đó, nếu đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài vẫn biết rằng điều mà những người hòa hiệp với thân nghiệp thiện sau khi chết phải đến thiên đường, lạc thú chỉ do thân nghiệp thiện làm nhân, làm duyên là phải thành sở mới có đặng.
- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng điều mà những người làm nghiệp với khẩu thiện và ý thiện sau khi chết sẽ vào Địa ngục, khổ thú mà do thân thiện và

khẩu thiện thành nhân thành duyên nếu có đặng là phi nhân phi duyên phi xứ và Ngài cũng vẫn biết rằng điều mà những người hiệp với khẩu thiện và ý thiện sau khi chết phải đến thiên đường lạc thú chỉ do khẩu thiện và ý thiện làm nhân, làm duyên là có lý đặng thành sở mới có đặng.

- Như Lai Ngài vẫn biết rằng những pháp nào thành nhân, thành duyên cho những pháp nào sanh ra thì những pháp ấy thành xứ. Những pháp nào không thành nhân không thành duyên cho những pháp nào sanh ra thì những pháp ấy phi xứ. Tuệ hay là thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong pháp thành xứ và pháp phi xứ đó. Như thế gọi là trí biết pháp thành xứ bằng sự thành xứ và pháp phi xứ bằng sự phi xứ theo sự chân thật của Đức Như Lai.

840.

Trí mà biết dị thục quả của nghiệp tháo trì thành quá khứ, hiện tại, vị lai theo sự chân thật với xứ với nhân của Như Lai *đó ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng nghiệp tháo trì thành tội mà có thứ do tài sản lý tưởng ngăn ngừa mới không cho quả cũng có; nghiệp tháo trì thành tội mà có thứ do tài sản uẩn ngăn ngừa mới không cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do tài sản có thời ngăn ngừa mới không cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do tài sản lợi ích ngăn ngừa mới không cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do điêu tàn lý tưởng mới đặng cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do uẩn điêu tàn mới cho quả cũng có; nghiệp tháo trì bằng tội mà có thứ do điêu tàn sự có thời mới cho quả cũng có; nghiệp tháo trì thành tội mà có thứ điêu tàn sự lợi ích cho quả cũng có.

- Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do điêu tàn lý tưởng ngăn chặn mới không cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do uẩn ngăn chặn mới không cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do suy đồi sự có thời ngăn chặn mới không cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do suy đồi sự lợi ích ngăn chặn mới không cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do tài sản lý tưởng mới cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do tài sản uẩn mới cho quả cũng có. Nghiệp tháo trì bằng phước mà có thứ do tài sản có thời mới cho quả cũng có. Tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong những nghiệp tháo trì đó. Như thế gọi là trí biết dị thục quả của nghiệp tháo trì mà thành quá khứ, vị lai, hiện tại theo sự chân thật đối với sở, nhân của Đức Như Lai.

841.

Trí biết lối tiến hành đưa đến tất cả cõi bằng cách chắc thật của Đức Như Lai *ra sao?* Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng đường lối như thế tiến hành đi đến Địa ngục. Ngài vẫn biết rằng đường lối như thế, tiến hành như thế cho đi sanh loại Bàng sanh. Ngài vẫn biết rằng đường lối như thế, tiến hành như thế cho đi vào Ngạ quỉ. Ngài biết đường lối như thế, tiến hành như thế cho đi đến Nhân loại… Ngài vẫn biết rằng đường lối như thế, tiến hành như thế cho Níp-bàn. Tuệ hay sự biết rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong tiến hành đưa đến tất cả cõi đó. Như thế gọi là trí biết đàng đi đến tất cả cõi theo sự chân thật của Đức Như Lai.

842.

Trí biết đời là giới chẳng ít, giới khác nhau theo sự chân thật của Như Lai *ra sao?* Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết sự khác nhau của uẩn, Ngài vẫn biết sự khác nhau của xứ, Ngài vẫn biết sự khác nhau của giới. Nên gọi Ngài biết đời là giới phi

thiểu và giới khác nhau. Tuệ hay là thái độ biết rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến biết giới trong đời phi thiểu, giới khác nhau đó như thế gọi là trí biết đời mà thành phi thiểu giới, thành giới khác nhau theo sự chân thật của đấng Như Lai.

843.

Trí biết tánh nết của tất cả chúng sanh khác nhau theo sự chắc thật của Như Lai *đó ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết rằng tất cả chúng sanh phẩm cách thô cũng có; tất cả chúng sanh tánh nết tế cũng có; tất cả chúng sanh mà có phẩm cách thô *(hīnādhimattikā)* vẫn tìm kiếm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh có phẩm cách thô. Tất cả chúng sanh có phẩm cách tế vẫn tìm kiếm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh có tánh nết tế *(paṇītādhimuttikā).*

- Dù trong thời quá khứ tất cả chúng sanh có tánh nết thô cũng đã tìm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh đã có tánh nết thô. Tất cả chúng sanh có tánh nết tế cũng đã tìm kiếm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh đã có tánh nết tế.

- Dù trong thời vị lai tất cả chúng sanh có tánh nết thô cũng sẽ tìm kiếm hội họp gần gũi với những chúng sanh có tánh nết thô. Còn tất cả chúng sanh mà có tánh nết tế cũng sẽ tìm kiếm hội hiệp gần gũi với những chúng sanh có tánh nết tế.

- Tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến đối với tất cả chúng sanh có tánh cách khác nhau đó. Như thế gọi là trí biết tất cả chúng sanh có tánh nết khác nhau theo sự chắc thật của Như Lai.

844.

* ***Trí biết quyền già hay chưa già của những chúng sanh khác, của những người khác theo sự chắc thật của Như Lai*** *ra sao?* Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn biết y cứ tùy miên tánh tình và phẩm cách của tất cả chúng sanh, vẫn biết những chúng sanh có trần lao (phiền não) ít oi hay là trần lao dồi dào. Có quyền già, có quyền non, có thái độ tốt, có thái độ xấu, dễ dạy hay khó dạy, đáng đắc chứng và không đáng đắc chứng.

* *Nhưng mà* ***y cứ (āsaya) của tất cả chúng sanh*** *đó ra sao?*

- Như là sự nhận thấy rằng đời trường tồn hoặc nhận thấy đời không trường tồn, sự nhận thấy đời có chỗ tột hoặc nhận thấy đời không có chỗ tột. Sự nhận thấy thần hồn cũng là đó, thân thể cũng là đó. Hoặc nhận thấy rằng thần hồn cũng là cách khác, thân thể cũng là khác. Nhận thấy rằng chúng sanh sau khi chết còn sanh nữa, hoặc thấy rằng tất cả chúng sanh sau khi chết không còn sanh nữa. Sự nhận thấy rằng chúng sanh sau khi chết còn sanh nữa cũng có, không còn sanh nữa cũng có; hoặc nhận thấy rằng chúng sanh sau khi chết còn sanh nữa cũng chẳng phải, không còn sanh nữa cũng chẳng phải.

- Tất cả chúng sanh, người y cứ *(āsaya)* hữu kiến hoặc ly hữu kiến như đã nói đó cũng có, hoặc tất cả chúng sanh không lọt vào cả hai y cứ ấy đặng sắp theo nhẫn nại trong tất cả pháp hành mà thành duyên cùng nhau và nương nhau phát sanh ra cũng có. Như thế gọi là y cứ của tất cả chúng sanh cũng là trí biết theo sự chân thật của Như Lai.

* *Nhưng mà* ***tùy miên (anusaya) của tất cả chúng sanh*** *ra sao?*

Thất tùy miên như là nhục dục tùy miên *(kāmarāganusaya),* phẫn nhuế tùy miên *(patighānusaya),* ngã mạn tùy miên *(mānānusaya),* tà kiến tùy miên *(diṭṭhānusaya),*

hoài nghi tùy miên *(vicikicchanusaya),* hữu dục tùy miên *(bhavarāgānusaya),* vô minh tùy miên *(avijjānusaya).*

Nhục dục tùy miên của tất cả chúng sanh vẫn ngủ ngầm trong sắc ái sắc mãn ý trong đời. Phẫn nhuế tùy miên của tất cả chúng sanh vẫn ngủ ngầm trong phi sắc ái phi sắc mãn ý trong đời. Vô minh đã lọt vào trong cả hai pháp ấy bằng cách như thế đó. ngã mạn, tà kiến và hoài nghi nên nhận thấy đình trụ đồng nhau chung với vô minh đó. Như thế gọi là tùy miên của tất cả chúng sanh.

∗ *Mà **tánh tình (carita) của tất cả chúng sanh** ra sao?*
Như là phúc hành *(puññābhisaṅkhāra),* phi phúc hành *(apuññābhisaṅkhāra)* và bất động hành *(aneṅjābhisaṅkhāra),* trong cõi Dục giới, hoặc cõi Sắc giới và cõi Vô sắc giới. Thế gọi là tánh tình của tất cả chúng sanh.

∗ ***Phẩm cách của tất cả chúng sanh** ra sao?*

- Như là tất cả chúng sanh phẩm cách thô cũng có, tất cả chúng sanh phẩm cách tế cũng có, mà tất cả chúng sanh có phẩm cách thô thì tìm kiếm hội hiệp gần gũi tất cả chúng sanh có phẩm cách thô. Còn tất cả chúng sanh có phẩm cách tế thì tìm kiếm hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh có phẩm cách tế.
- Dù cho thuở quá khứ chúng sanh có phẩm cách thô đã đặng tìm kiếm hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh có phẩm cách thô. Còn những chúng sanh có phẩm cách tế cũng đã tìm kiếm hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh có phẩm cách tế.
- Dù cho thời vị lai mà chúng sanh có phẩm cách thô sẽ tìm tòi hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh có phẩm cách thô. Còn tất cả chúng sanh mà có phẩm cách tế thì sẽ tìm kiếm hội hiệp gần gũi với tất cả chúng sanh mà có phẩm cách tế.

Như thế gọi là phẩm cách của tất cả chúng sanh.

∗ *Tất cả chúng sanh mà **người có trần lao (phiền não) rất nhiều** đó ra sao?*
Như là thập phiền não tông tức là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm và vô úy. Thập phiền não tông nầy mà những chúng sanh nào đã sử dụng nhiều, đã làm cho phát sanh, đã làm cho nhiều, đã càng thêm sanh thì những chúng sanh như thế đó gọi là người có trần lao (Phiền não) nhiều.

∗ *Tất cả chúng sanh **người mà có trần lao (phiền não) ít** đó ra sao?*
Như là thập phiền não tông, những mà chúng sanh nào đã ít đặng sử dụng nhiều, đã không đặng làm cho sanh, đã không đặng làm cho nhiều, đã không đặng tăng thêm lên thì những chúng sanh như thế đó gọi là người có trần lao (Phiền não) ít.

∗ *Tất cả chúng sanh mà **những người có quyền non** đó ra sao?*
Như là pháp ngũ quyền tức là tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, trí quyền, mà những trong năm quyền ấy chúng sanh nào đã không đặng sử dụng nhiều, đã không đặng huấn luyện, không đặng làm cho nhiều, đã không đặng tăng thêm lên. Những chúng sanh như thế đó gọi là người có quyền non.

∗ *Tất cả chúng sanh **những người có quyền già** đó ra sao?*
Những ngũ quyền mà tất cả chúng sanh đã luyện tập, đã làm cho nhiều, đã càng tăng thêm lên thì những chúng sanh như thế đó gọi là người có quyền *(indrīya)* già mạnh mẽ.

∗ *Tất cả chúng sanh **những người có thái độ xấu** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào mà y cứ xấu, tùy miên xấu, tánh tình phẩm cách xấu, phiền não trần lao nhiều, quyền non. Những chúng sanh như thế đó gọi là thái độ xấu.

* *Tất cả chúng sanh **những người có thái độ tốt** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào mà có y cứ tốt, tùy miên tốt, tánh tình tốt, phẩm cách tốt, phiền não trần lao ít, đặng quyền già. Những chúng sanh như thế đó gọi là người có thái độ tốt.

* *Tất cả chúng sanh mà **những người dạy bảo dìu dắt đặng hiểu biết** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào có thái độ xấu, thì những chúng sanh như thế đó gọi là dẫn dắt cho hiểu biết đó đặng. Còn những chúng sanh nào mà có thái độ tốt thì chính những chúng sanh ấy gọi là dẫn dắt đặng hiểu biết.

* *Chúng sanh mà **những người không đáng đắc chứng** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào hiệp với cơ quan trở ngại như là phiền não hiệp với cơ quan trở ngại như là dị thục quả không có đức tin, không có pháp dục thiểu, không đáng sẽ quyết đến pháp chánh nhất định trong tất cả pháp thiện đặng những chúng sanh như thế đó. Thế gọi là người không thể đắc chứng.

* *Chúng sanh mà **người đắc chứng** đó ra sao?*

Những chúng sanh nào không hiệp với cơ quan trở ngại như là nghiệp không hiệp với cơ quan trở ngại, như là phiền não không hiệp với cơ quan trở ngại, như là dị thục quả không có đức tin, không có pháp dục, có tuệ sáng suốt, đáng sẽ quyết đến chánh nhất định trong tất cả pháp thiện đặng những chúng sanh. Như thế đó gọi là người đáng đắc chứng.

Tuệ hay là cách hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong những quyền già hay non của chúng sanh đó. Thế gọi là trí biết quyền già hay non của chúng sanh khác và của người khác theo sự chân thật của Đức Như Lai.

845.

***Trí biết sự trong sạch phiền não, sự xuất ra của thiền, giải thoát định và nhập thiền theo sự chân thật của Như Lai** đó ra sao?*

- Bực tu thiền có tứ chủng gọi là thiền gia như là có người tu thiền vẫn nhận định sai với thiền mà ta đã đắc cho rằng chưa đắc cũng có. Hoặc có người tu thiền vẫn nhận thức sai với thiền mà ta chưa đặng cho rằng đã đặng cũng có. Hoặc có người tu thiền nhận định trúng với thiền mà ta (đặng) đắc rồi cho rằng đã đắc cũng có. Hoặc có người tu thiền nhận định trúng với thiền mà ta chưa đắc cho rằng ta chưa đắc cũng có. Những thế ấy gọi là tứ chủng thiền gia.

- Cũng có tứ chủng thiền gia khác nữa như là hoặc có người tu thiền mà nhập thiền chậm xuất mau cũng có. Hoặc có người tu thiền nhập thiền mau xuất chậm cũng có. Hoặc có người tu thiền nhập thiền chậm xuất cũng chậm. Hoặc có người tu thiền nhập thiền mau xuất cũng mau. Những thế gọi là tứ chủng thiền gia.

- Còn có tứ chủng thiền gia khác khác nữa như là có người tu thiền, hoặc là cũng có người tu thiền rành chăm chú định trong định nhưng không rành chăm chú nhập thiền trong định. Cũng có người tu thiền rành chăm chú nhập thiền trong định nhưng không rành chăm chú định trong nhập thiền cũng có. Hoặc có người tu thiền rành chăm chú định trong định và rành chăm chú nhập thiền trong định cũng có. Hoặc có người tu thiền không rành chăm chú định trong định và không rành chăm chú nhập thiền trong định cũng có. Những thế gọi là tứ chủng thiền gia.

- Nói thiền đây tức là bốn bực thiền như là sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền.
- Nói giải thoát đây tức là bát giải thoát như là bực tu đắc thiền hữu sắc tiến hành theo sắc phần trong, vẫn thấy tất cả sắc như thế, đây sắp là giải thoát thứ nhất.
- Người tu thiền bực đắc thiền hữu sắc tiến hành theo sắc bên ngoài vẫn thấy tất cả sắc theo bên ngoài. Đây sắp là giải thoát thứ hai.
- Bực tu tiến chú ý rằng tốt thật, đây sắp thành giải thoát thứ ba.
- Do vượt khỏi sắc tưởng bằng mọi cách do sự diệt mất của phần tưởng do không tác ý bằng lối dị tưởng bực tu mới đắc chứng thiền Không vô biên xứ bằng cách tiến hành rằng hư không không bờ mé; như vậy luôn thế đó. Đây sắp thành giải thoát thứ tư.
- Do lướt khỏi Không vô biên xứ bằng mọi cách, người tu mới đắc chứng thiền Thức vô biên xứ do niệm rằng thức không có chỗ tột như vậy luôn. Thế sắp thành giải thoát thứ năm.
- Do vượt khỏi Thức vô biên xứ bằng mọi cách, người tu mới chứng thiền Vô sở hữu xứ bằng cách niệm rằng thức không có chút như vậy luôn. Như thế sắp thành giải thoát thứ sáu.
- Do lướt qua Vô sở hữu xứ bằng mọi cách, người tu mới đắc chứng thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Thế đó sắp là giải thoát thứ bảy.
- Do lướt khỏi Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng mọi cách, hành giả vẫn đắc diệt thọ tưởng. Như thế sắp là giải thoát thứ tám.
- Đây nói định tức là tam định như là định hữu tầm hữu tứ, định vô tầm hữu tứ, định vô tầm vô tứ.
- Đây nói nhập thiền tức là cửu tầng thiền trụ nhập, như là nhập sơ thiền, nhập nhị thiền, nhập tam thiền, nhập tứ thiền, nhập thiền Không vô biên xứ, nhập thiền Thức vô biên xứ, nhập thiền Vô sở hữu xứ, nhập thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ và nhập thiền diệt thọ tưởng.
- Nói phiền não tức là pháp phía suy đồi.
- Nói thanh tịnh tức là pháp phía đặc biệt.
- Nói xuất tức là dù sự trong sạch cũng gọi là xuất, dù sự ra khỏi thiền nào đó cũng gọi là xuất.

Tuệ hay thái độ hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến, nào là phiền não thanh tịnh xuất thiền giải thoát định và nhập thiền đó. Như thế gọi là khó biết phiền não thanh tịnh xuất thiền giải thoát định và nhập thiền theo sự chân thật của Như Lai.

846.

***Trí biết đặng tiền kiếp theo sự chân thật của Như Lai** đó ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy, Ngài vẫn nhớ đặng rất nhiều tiền kiếp như là một kiếp hoặc hai kiếp hoặc ba kiếp hoặc bốn kiếp hoặc năm kiếp, hoặc… mười kiếp, hoặc… 20 kiếp, hoặc 30 kiếp, hoặc 40 kiếp, hoặc 50 kiếp, hoặc 100 kiếp, hoặc ức kiếp, hoặc nhiều kiếp hoại, hoặc nhiều kiếp trụ, hoặc nhiều kiếp thành. Biết rằng ta đây trong kiếp đó có tên cách ấy, có họ cách ấy, có sắc đẹp cách ấy, có vật thực cách ấy, có hưởng khổ và lạc cách ấy, có quyết định tuổi cách ấy, ta chết bỏ đời đó rồi đi sanh trong đời kia; ta ở trong đời ấy có tên thế, có họ như thế, có màu da như thế, có vật

thực như thế đặng hưởng lạc và khổ như thế, nhất định sống như thế, ta chết khỏi chỗ đó rồi lại sanh trong đời ấy. Như Lai nhớ tiền kiếp đặng rất nhiều đời gồm cả thái độ và xứ sở bằng cách như thế.

- Tuệ hay là sự hiểu rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong phần nhớ tiền kiếp đặng đó. Như thế gọi là trí biết nhớ đặng tiền kiếp theo sự chân thật của Như Lai.

847.

Trí Như Lai biết sự sanh tử của tất cả chúng sanh *ra sao?*

- Như Lai trong đời nầy có thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt thịt của người thường, vẫn thấy tất cả chúng sanh chết và sanh sang, hèn, tốt, xấu, khổ, lạc; biết những chúng sanh sống theo nghiệp là tất cả chúng sanh có người tiến hóa những thế đó phối hiệp với thân ác, phối hiệp với khẩu ác, phối hiệp với ý ác, chê bai chư Thánh nhân, thành tà kiến, chấp lấy nghiệp tà kiến đến sau khi chết rồi phải vào cõi khổ, khổ thú sa đọa Địa ngục. Hoặc chúng sanh tiến hóa những thế nầy do thân phối hợp thiện, khẩu phối hợp thiện, ý phối hợp thiện không chê bai Thánh nhân nên trở thành (người có) chánh kiến, thì những chúng sanh ấy sau khi chết rồi đặng sanh lên thiên đường lạc thú. Như Lai có thiên nhãn trong sạch hơn con mắt của người phàm mới thấy những chúng sanh đang sanh tử sang hèn, tốt xấu, khổ vui, biết những chúng sanh là người theo nghiệp bằng cách như thế.
- Tuệ hay cách biết rõ… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong những sự biết sanh tử của tất cả chúng sanh đó như thế. Đây gọi là trí biết sự sanh tử của tất cả chúng sanh của Như Lai.

848.

Trí biết lậu tận theo sự chân thật của Như Lai *thế nào?*

- Như Lai trong đời nầy, Ngài tự biết cùng tột, tự làm cho rõ rệt dẫn đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, lậu không còn bởi do tất cả lậu dứt tuyệt trụ trong kiến pháp *(diṭṭhidhamma).*
- Tuệ hay sự rõ thấu… sự vô si, sự trạch pháp và chánh kiến trong sự dứt tuyệt của tất cả lậu đó. Như thế gọi là trí biết sự lậu tận bằng sự chân thật của Như Lai như thế vậy.

Hoàn bị trí phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hồi hướng phước đến tăng trưởng thiên vương và tất cả chúng sanh, nhất là các vị chư Thiên có oai lựchộ trì tạng Diệu Pháp đặng thạnh hành.

Mùa an cư kiết hạ 2519, Sai Gòn – Việt nam, 12-08-1975 (13-07-2519)
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XVII - TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH
(Khuddadavatthuvibhaṅga)

A. TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH PHẦN ĐẦU ĐỀ

Đầu đề phần một điều *(ekakamātikā)*

849.

Sự mê đắm trong kiếp sống, sự mê đắm trong dòng giống, sự mê đắm trong cách vô định, sự say mê trong lúc thanh niên, sự say mê trong tuổi thọ, sự say mê trong lợi lộc, sự say mê trong lễ lộc, sự say mê trong đặng cung kỉnh, sự say mê theo cách trưởng thượng, sự mê say theo tùy tùng, sự mê say trong tài sản nhân phẩm, sự mê say trong nhan sắc của thân thể và ân đức tốt, sự mê say trong phần học vấn, sự mê say trong phần cấp trí, sự mê say trong bực cao niên thông hiểu, sự mê say trong cách chấp hằng đi bát, sự mê say trong lối không ai coi rẻ, sự mê say trong cách oai nghi, sự mê say trong thần thông, sự mê say trong quyền tước, sự mê say trong giới, sự mê say trong thiền, sự mê say trong nghề hay, sự mê say do có tài nghệ cao, sự mê say do có tài nghệ tinh nhàn, sự mê say do có tài nghệ tốt đẹp, sự mê say do có thân thế đầy đủ, sự say mê hay sự dể duôi, sự cứng đầu, sự tranh tốt, sự hy vọng quá chừng, sự quá ham muốn, sự mong mỏi đê hèn, tánh lưỡng thiệt, cách nói phúng tiếu, cách nói trở nạo, cách ưa chưng diện, cách hành động không thích hợp, cách không hoan hỷ, sự thái quá bất cập của tâm, cách gạt gẫm, cách nói hùa, cách trình bày ấn chứng, cách nói chê bai, cách đổi chác lợi lộc, sự ỷ mình cho là hơn họ, sự ỷ mình cho là bằng họ, sự ỷ mình cho là thua họ, người hơn họ ỷ mình hơn họ, người hơn họ ỷ mình bằng họ, người hơn họ ỷ mình thua họ, người bằng họ ỷ mình hơn họ, người bằng họ ỷ mình bằng họ, người bằng họ ỷ mình thua họ, người thua họ ỷ mình hơn họ, người thua họ ỷ mình bằng họ, người thua họ ỷ mình thua họ. Sự chấp ngã, sự coi rẻ người khác, sự phách lối, sự tự coi rẻ mình, sự nhận rằng đặng chứng pháp đặc biệt, sự nhận rằng ta có cái ngã, sự chấp sai, sự nhớ bà con, sự nhớ dân chúng, sự nhớ tưởng không quyết định, sự nhớ tưởng không liên hệ với sự chiếu cố người khác, sự nhớ liên hệ với lợi lộc và danh vọng, sự nhớ liên hệ với sự không có ai coi rẻ.

Đầu đề phần hai điều

850.

Cũng là sân, cũng là cột sân, cũng là vong ân, cũng là sánh mình bằng họ, cũng có đố kỵ, cũng là lẫn sắt, cũng là người đa nguỵ kế, cũng là người khoe khoang, cũng là vô minh, cũng là hữu ái, cũng là hữu kiến, cũng là ly hữu kiến, cũng là thường kiến, cũng là đoạn kiến, cũng là chấp hữu, cũng là hữu cùng kiến, cũng là vô cùng kiến, cũng là tùy tiền kiến, cũng là tùng hậu kiến, cũng là vô tàm, cũng là vô úy, cũng là thành người nan giáo, cũng là thành người có bạn ác, cũng là bất chơn chánh, cũng là không nhu mì, cũng là không nhẫn nại, cũng là không nghiêm tịnh, cũng là không cam ngôn, cũng là thiếu tiếp đãi, cũng thành người không thu thúc lục môn quyền, cũng thành

người bất tri độ thực, cũng thành người vô chánh niệm, cũng thành người vô lương tri, cũng là tri kiến điêu tàn, cũng là nội triền, cũng là ngoại triền.

Đầu đề phần ba điều

851.

Tam bất thiện căn, tam bất thiện tầm, tam bất thiện tưởng, tam bất thiện giới, tam ác, tam lậu, tam triền, tam ái, tam ái (nữa), tam ái (khác nữa), tam trảo, tam tỷ, tam nạn, tam thờ nghi, tam lý thuyết, tam quái niệm, tam tràng, tam xả khí, tam ký khu, tam hỏa, ba thứ nước chát, thân kiến, ngã kiến, tà kiến, bất hỷ, ép uổng, hành phi pháp, người nan giáo, người có bạn ác, tưởng dị kỳ, phóng dật, giải đãi, khinh thị, bất tri túc, vô lương tri, đại tham, vô tàm, vô úy, khinh thị, vô quảng đại, thành người nan giáo, thành người có ác hữu bất tín, thành người không biết nghe lời nói do mảnh lực bỏn xẻn, giải đãi, phóng dật, bất thu thúc, phá giới, không muốn thấy bực Thánh, không chịu nghe pháp, thành người có tâm tánh tranh hơn, thành người vô chánh niệm, thành người vô lương tri, tâm hữu phóng dật, tác ý không khéo, sử dụng xấu xa, tâm lui sụt.

Đầu đề phần bốn điều

852.

Tứ lậu, tứ phược, tứ bộc, tứ phối, tứ thủ, tứ ái thủ, tứ thiên vị, tứ biến chuyển, tứ bất tri độ thực (nữa), tứ bất tri độ thực, tứ ác, tứ ác (nữa), tứ nạn, tứ nạn (nữa), tứ nạn (nữa), tứ kiến.

Đầu đề phần năm điều

853.

Ngũ triền thô, ngũ triền tế, ngũ tẩn sắt, ngũ tiên quan, ngũ tiễn, ngũ bất tín, ngũ bất ly vọng dục, ngũ cái, ngũ nghiệp vô gián, ngũ cừu, ngũ điêu tàn, ngũ quá bất nhẫn, ngũ nạn, ngũ Níp-bàn hiện tại kiến.

Đầu đề phần sáu điều

854.

Lục căn tranh chấp, lục pháp lục dục, lục diệt tông, lục ái thân, lục bất kỉnh, lục pháp thối hóa, lục pháp thối hóa (nữa), lục hỷ cận tứ, lục ưu cận tứ, lục xả cận tứ, lục liên quan hỷ, lục liên quan ưu, lục liên quan xả, lục tà kiến.

Đầu đề phần bảy điều

855.

Thất tùy miên, thất phối, thất triền, thất phi pháp, thất ác, thất ngã mạn, thất tà kiến.

Đầu đề phần tám điều

856.

Bát phiền não tông, bát giải đãi tông, bát thế pháp, bát sát tâm, bát phi ngữ ngôn, bát tà, bát phủ quả, bát vô tưởng kiến, bát phi tưởng phi phi tưởng kiến.

Đầu đề phần chín điều

857.

Cửu sát hại tông *(ākhātavatthu),* cửu ô uế *(purisamāla),* cửu tăng thượng mạn *(vidhāmāla),* cửu ái căn pháp *(taṅhāmūlakā dhammā),* cửu biến chuyển *(iñjita),* cửu quan trọng *(naññita),* cửu chuyển động *(phanditā),* cửu ám ảnh *(papañcita),* cửu hữu vi *(saṅkhata).*

Đầu đề phần mười điều

858.

Thập phiền não tông, thập hiệp cừu (sát hại), thập ác, thập triền, thập tà, thập tà kiến tông, thập hữu cùng kiến tông.

859.

* Ái chia theo 18 xứ bên trong, ái chia theo 18 xứ bên ngoài cộng lại thành 36 ái.
* Ái kể theo quá khứ có 36, ái kể theo vị lai có 36, ái kể theo hiện tại có 36, cộng lại thành 108 ái.

62 tà kiến Đức Phật ngài đã thuyết trong Phạm Võng Kinh *(Brahmajālasutta).*

Dứt Phần đầu đề

B. TIỂU TÔNG PHÂN TÍCH PHẦN XIỂN MINH

Xiển minh phần một điều

860.

*Trong những đầu đề một phần đó mà **sự say mê trong sanh** đó ra sao?* Như là sự say mê, cách say mê, thái độ say mê, sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, sự nâng mình, đỡ mình, cất mình lên như cờ, sự cống cao, cách mà tâm phải thành như cờ do sanh ra. Như thế gọi là say mê trong sanh.

861.

* ***Sự say mê trong thân tộc** đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm như cờ bởi do bà con. Như thế gọi là say mê trong bà con.
* ***Sự say mê trong sự không bệnh hoạn** đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm phải thành như cờ bởi do sự không bệnh hoạn. Như thế gọi là sự say mê trong sự không bệnh hoạn.
* ***Sự say mê trong cách thanh niên** đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm phải thành như cờ bởi do sự thưở thanh niên. Như thế gọi là sự say mê trong thưở thanh niên.
* ***Sự say mê trong tuổi thọ** đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm phải thành như cờ do hưởng thọ. Thế đó gọi là sự say mê trong hưởng thọ.
* ***Sự say mê trong lợi lộc** đó ra sao?* Sự say mê… sự mà tâm phải như cờ, bởi do lợi lộc đó. Như thế gọi là sự say mê trong lợi lộc.
* ***Sự say mê trong lễ lộc** đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải như cờ bởi do lễ lộc. Thế gọi là sự say mê trong lễ lộc.
* ***Sự say mê trong lối cung kính** đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do lối cung kính. Như thế gọi là sự say mê trong cách cung kính.
* ***Sự say mê trong cách trưởng thượng** đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do sự trưởng thượng. Như thế gọi là sự say mê trong lối trưởng thượng.

* ***Sự say mê trong tùy tùng*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do tùy tùng. Như thế gọi là sự say mê trong tùy tùng.
* ***Sự say mê trong tài sản phẩm vật*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do tài sản phẩm vật. Như thế gọi là sự say mê trong tài sản phẩm vật.
* ***Sự say mê trong nhan sắc của thân thể và công đức tốt*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do nhan sắc của thân thể và ân đức tốt. Như thế gọi là sự say mê trong nhan sắc của thân thể và ân đức tốt.
* ***Sự say mê trong phần học vấn*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải như cờ bởi do phần học vấn. Như thế gọi là sự say mê trong phần học vấn.
* ***Sự say mê trong cấp trí*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà làm cho tâm cần phải như cờ bởi do cấp trí. Như thế gọi là sự say mê trong cấp trí.
* ***Sự say mê trong địa vị cao niên thông hiểu*** *đó ra sao?* Sự say mê trong cách mà tâm cần phải như cờ bởi do sự thành bực cao niên thông hiểu. Như thế gọi là sự say mê trong địa vị cao niên thông hiểu.
* ***Sự say mê theo lối đi bát*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải như cờ bởi do người chấp thường đi bát. Như thế gọi là sự say mê trong phần chấp theo thường đi bát *(piṇḍapāta).*
* ***Sự say mê trong lúc không ai coi rẻ*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do sự không ai coi rẻ. Như thế gọi là sự say mê trong khi không ai coi rẻ.
* ***Sự say mê trong oai nghi*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do oai nghi thấy hành động. Như thế gọi là sự say mê trong cách oai nghi.
* ***Sự say mê trong thần thông*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do thần thông. Như thế gọi là sự say mê trong thần thông.
* ***Sự say mê trong chức phận*** *đó ra sao?*
  Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do chức phận. Như thế gọi là sự say mê trong chức phận.
* ***Sự say mê trong giới*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do giới. Như thế gọi là say mê trong giới.
* ***Sự say mê trong thiền*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm cần phải thành như cờ bởi do thiền. Như thế gọi là sự say mê trong thiền.
* ***Sự say mê trong nghề hay*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do nghề hay. Như thế gọi là sự say mê trong nghề hay.
* ***Sự say mê trong tài nghề cao*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do sự tài nghề cao. Như thế gọi là sự say mê trong tài nghề cao.
* ***Sự say mê trong tài nghề tinh nhàn*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do tài nghề tinh nhàn. Như thế gọi là sự say mê trong tài nghề tinh nhàn.
* ***Sự say mê trong tài nghề đẹp*** *đó ra sao?* Sự say mê… cách mà tâm phải thành như cờ bởi do sự có tài nghề đẹp. Như thế gọi là sự say mê trong tài nghề đẹp.
* ***Sự say mê trong thân thể đầy đủ*** *đó ra sao?* Sự say mê… thái độ say mê, tư cách say mê, sự ngã chấp, thái độ ngã chấp, tư cách ngã chấp, cách nâng mình, cách cống cao, cất mình lên như cờ, cách lên hương, sự mà tâm phải thành như cờ bởi do thân thể đầy đủ. Như thế gọi là sự say mê trong thân thể đầy đủ.

862.

***Sự say mê** là chi?* Sự say mê mẩn, thái độ say sưa, tư cách say sưa, sự ngã chấp, thái độ ngã chấp, tư cách ngã chấp, cách nâng mình, cách cống cao, cách cất mình lên như cờ, cách lên hương, sự mà tâm phải thành như cờ. Thế gọi là say mê *(nado).*

863.

***Sự dể duôi** đó ra sao?* Như là tâm buông lung, sự tán trợ cho cách tâm buông lung trong phần thân ác, khẩu ác, ý ác, hoặc hữu dục lạc, hoặc sự không cung kỉnh, sự làm cho không liên lạc, sự làm cho không chặt chẽ, phẩm hạnh hục hạc, bỏ sự vừa thích, bỏ phận sự, không sử dụng cho nhiều, không làm cho tiến hóa, không làm cho đặng nhiều, sự tâm không vững, không thường hòa hợp, dể duôi với sự tiến hóa tất cả pháp thiện, đó là sự dể duôi, thái độ dể duôi, tư cách dể duôi. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự dể duôi *(pamādo).*

864.

***Sự cứng đầu** đó ra sao?* Như là sự cứng đầu, thái độ cứng đầu, cách cứng đầu, cách sần sượng, sự thô bỉ, sự thiêu chốc, sự không mềm mỏng. Như thế gọi là sự cứng đầu *(thambho).*

865.

***Sự tranh hơn** đó ra sao?* Như là dành sự tốt, dành sự trên trước, thái độ tranh tốt, thái độ tranh trên trước, tư cách tranh trên trước. Như thế gọi là tranh tốt *(sārambho).*

866.

***Sự ham muốn thái quá** đó ra sao?* Như là Phíc-khú không tri túc ham muốn cho đặng nhiều y, nhiều bát, nhiều chỗ ở, nhiều lợi lộc, nhiều tùy tùng. Hoặc đối với ngũ dục lạc rất mong mỏi ham muốn nhiều, đa dục vọng… sự rất dục vọng của tâm. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự ham muốn thái quá *(aticchatā).*

867.

***Sự đa ham muốn** đó ra sao?* Như là Phíc-khú không tri túc ham muốn đặng nhiều y, nhiều bát, nhiều chỗ ở, nhiều lễ lộc và nhiều tùy tùng. Hoặc đối với ngũ dục lạc có sự mong mỏi, cách hy vọng, đa tham, sự vọng dục, sự rất vọng dục… sự vọng dục nặng nề của tâm. Nếu có trạng thái như thế gọi là đa tham *(mahicchatā).*

868.

***Sự mong mỏi đê hèn** đó ra sao?* Như là trong đời nầy có người thành kẻ bất tín mới hy vọng muốn cho người ta biết mình là người có đức tin. Có người phá giới mà muốn cho người ta nhận mình là người có giới. Cũng có người học vấn ít mà hy vọng muốn cho người ta biết mình là bực đa học vấn. Cũng có người vui vầy ưa thích với trong nhóm mà muốn cho người ta biết mình là người thích vắng lặng. Hoặc có người lười biếng mà hy vọng cho kẻ khác biết mình là người siêng năng tinh tấn. Hoặc có người chánh niệm yếu hay quên mà hy vọng muốn cho người khác biết ta là người có chánh niệm vững vàng. Hoặc có kẻ tâm không vững vàng mà hy vọng muốn làm cho người khác biết ta là bực có tâm vững vàng. Cũng có người trí cạn cợt mà hy vọng muốn cho kẻ khác biết ta là người có tuệ cao siêu. Hoặc có người chưa hết lậu mà hy vọng muốn cho người khác biết rằng ta là bực đã hết lậu. Sự hy vọng, cách mong mỏi, lối hy vọng đê hèn, sự vọng dục, sự rất vọng dục… sự quá mong mỏi của tâm. Khi có trạng thái như thế mới gọi là sự mong mỏi đê hèn *(pāpicchatā).*

869.

***Cách nói lưỡng thiệt** đó ra sao?* Như là sự nói đòn xóc, tư cách nói thóc mách, nói khía cạnh mánh lới, thái độ nói mánh lới khía cạnh, thái độ nói góc, tư cách nói góc khía. Dù thế nào đây gọi là nói lưỡng thiệt *(siṅga).*

870.

***Cách nói dèm siểm** đó ra sao?* Như là cách nói dèm siểm, thái độ nói dèm siểm, tư cách nói dèm siểm, sự tham lam, thái độ tham lam, tư cách tham lam, sự hạ mình hầu sẽ đặng đồ cần dùng tinh vi. Như thế gọi là cách nói dèm siểm *(tintiṇa).*

871.

***Cách ưa thích chưng diện** đó ra sao?* Như là Phíc-khú sửa sang y cho tốt, bát tốt, chỗ ở tốt đẹp, trau dồi cách thân hôi thúi nầy, hoặc trang trí đồ phụ thuộc bên ngoài, hoặc làm cách hớn hở vui tươi, sự ham muốn vui mừng, thái độ ham muốn vui mừng, sự chưng diện, thái độ chưng diện. Như thế gọi là cách ưa chưng diện *(cāpalya).*

872.

***Cách hành động không thích hợp** ra sao?* Như là sự không hành động theo, cách hành động trở ngại, sự không rộng rãi, tư cách không rộng rãi, sự không cung kỉnh, sự không nghe theo những người đáng cung kỉnh như là cha, mẹ, anh, chị, giáo sư, bổn sư, cho đến Đức Phật hoặc Thinh văn đệ tử của Đức Phật. Như thế gọi là cách hành động không thích hợp *(asabhāgavutti).*

873.

***Sự không hoan hỷ** đó ra sao?* Như là sự không hỷ xả, cách không hỷ xả, thái độ rất không hỷ xả, sự không trọn hỷ xả, sự bực bội, tâm bối rối, chỗ ở không yên tịnh, hoặc trong pháp thiện tức là chỉ và quán trong một thứ nào. Như thế gọi là sự không hoan hỷ *(arati).*

874.

***Cách chuân thụy (ngủ gục)** đó ra sao?* Như là sự buồn ngủ, cách buồn ngủ, thái độ buồn ngủ, tư cách tâm buồn ngủ, sự lười biếng, cách lười biếng, thái độ lười biếng. Như thế gọi là chuân thụy (ngủ gục)*(tandi).*

875.

***Sự bực mình** đó ra sao?* Như là cách bực bội thân, sự bực bội thân, sự chuyển mình đi tới, sự chuyển mình đi lui, sự sửa mình cho ngay thẳng, thân không thong thả. Như thế gọi là bực mình *(vijambhikā).*

876.

***Sự say vật thực** đó ra sao?* Như là sự bần thần, do vật thực, sự óc ách do vật thực, sự nóng nảy quơ hớp do vật thực, nặng nề thân thể cũng do vật thực. Người độ vật thực rồi như thế gọi là say vật thực *(bhattasammado).*

877.

***Sự sụt sè của tâm** đó ra sao?* Như là sự không thích hợp của tâm, cách không thích việc làm của tâm, sự sụt sè, sự dùng dằng, cách lui sụt, thái độ lui sụt, tư cách lui sụt, cách bần thần, thái độ bần thần, tư cách bần thần của tâm. Như thế gọi là sự sụt sè của tâm *(cetaso līnattaṃ).*

878.

***Cách xảo trá của tâm** đó ra sao?* Như là xảo trá với tứ vật dụng, xảo trá với lời nói trớ trêu, hoặc cách trì oai nghi, thái độ trì oai nghi, sự trì oai nghi lối tốt, hoặc sự gục mặt, tư cách gục mặt, cách xảo quyệt, thái độ xảo quyệt, trạng thái xảo quyệt của Phíc-khú mong đặng lợi lộc và danh tiếng, người mà có sự mong mỏi đê hèn bị sự ham muốn che lấp. Như thế gọi là sự xảo trá *(kuhanā).*

879.

***Sự nói nịnh** đó ra sao?* Như là cách bợ người khác, cách tự trình, sự nói ngụy tạo, cách nói bưng bợ, cách nói bợ đở, cách nói chìu uốn, cách nói khen tặng, sự nói khen tặng, cách nói khen ngợi, luôn cách nói đắc nhân tâm, cách nói bợ đở đặng cho họ thương, cách nói hẳn như canh đậu, cách làm người lãnh nuôi con nít của Phíc-khú

mong mỏi lợi lộc, danh vọng, người có sự hy vọng bẩn thỉu bị sự ham muốn bao trùm. Như thế gọi là cách nói nịnh *(lapanā).*

880.

Cách khoe ấn chứng *đó ra sao?* Như là cách làm ấn chứng hiện bày hay sự rành trong cách làm ra ấn chứng, cách nói liên quan với vật dụng, cách nói thành chỗ ở, cách nói gần gần, cách nói khía cạnh của Phíc-khú đối với người khác để hy vọng lễ lộc và danh vọng, người có hy vọng bẩn thỉu, bị sự ham muốn che lấp. Đó gọi là cách khoe ấn chứng *(nemittikatā).*

881.

Cách nói chê bai *đó ra sao?* Như là mắng, nhiếc, chê bai, chỉ trích lỗi, cách nhắc lỗi, cách nói chê bai, cách nói thô lỗ, cách nói hư hại danh dự nặng nề, đem sự dạo đi chê bai, cách khen trước mặt chê sau lưng của Phíc-khú với người khác mong đặng lợi lộc danh vọng mới có sự mong mỏi đê hèn, bị sự ham muốn che đậy. Như thế gọi là cách nói chê bai *(nippesikatā).*

882.

Cách đổi chác lợi lộc *đó ra sao?* Như là Phíc-khú mong mỏi lợi lộc và danh vọng là người có sự hy vọng bẩn thỉu bị sự ham muốn che đậy nên đem đồ từ chỗ nầy đến chỗ kia, đem đồ từ chỗ kia đến chỗ nầy, cách mong mỏi, cách tìm tòi cách tìm kiếm, thái độ tìm kiếm, thái độ tìm tòi bằng vật chất đối với vật chất. Nếu có trạng thái như thế gọi là cách đổi chác lợi lộc *(jīgimsaṅatā).*

883.

Sự so sánh ỷ mình hơn họ *đó ra sao?* Cũng có người trong đời nầy vẫn chấp mình do một nhân nào như là do sanh ra theo cách sanh, theo cách dòng giống; hay ỷ đặng làm con người có sân sát, có danh vọng gia tộc, với sự có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ với cách làm lớn, ỷ có nghề nghiệp, ỷ có nghề giỏi, ỷ có tài cán, ỷ có học vấn hay ỷ với sự cấp trí, sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nưng cao, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có thái độ như thế gọi là sự so sánh ỷ mình *(seyyohamasmīti māno).*

884.

Sự so sánh ỷ mình bằng họ *đó ra sao?* Như là cũng có người trong đời nầy vẫn chấp mình bằng một nhân nào như là do ỷ sanh, ỷ dòng giống, ỷ làm con nhà danh gia vọng tộc, ỷ bằng sự thành người có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ với lớn chức, ỷ với chủ, sự ỷ với nghề giỏi, ỷ với tài hay, ỷ với sự học vấn, ỷ với cấp trí, sự tự thị tự cách, tư cách thái độ tự thị, cách nâng mình, cách tự cao cất mình lên như cờ, sự nâng mình lên cao, cách mà tâm phải như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự so sánh ỷ mình cho là bằng họ *(sadisohamasmīti māno).*

885.

Sự cho rằng ta thua họ *ra sao?* Trong đời nầy cũng có người tự coi rẻ mình do một nhân nào như là coi rẻ do sự sanh ra do dòng giống, do sự làm con của người có rân rát do có sắc đẹp, do tài sản, do chức lớn, do chủ sự, do nghề giỏi, do tài hay, do sự học vấn hoặc do cấp trí. Đó là sự do đó mà coi ta rẻ, tư cách coi ta rẻ, thái độ coi rẻ ta, sự ghét mình, sự rất ghét mình, tư cách rất ghét mình, ta coi rẻ ta, sự coi rẻ ta cho rằng hèn hạ xấu xa, cách coi mình kém thiếu. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự cho rằng ta thua họ *(hīnohamasmīti māno).*

886.

Hơn ỷ hơn *đó ra sao?* Như là cũng có người trong đời nầy đặng bực hơn kẻ khác mà chấp rằng ta hơn kẻ khác bằng trong một nhân nào như là do nhân sanh, do dòng giống, do đặng làm con bực danh gia vọng tộc, do có sắc đẹp, do có của cải, do chức

lớn, do làm lớn trong công việc, do nghề khéo, do tài hay, do học vấn, hoặc do cấp trí mới chấp rằng ta hơn những người khác. Như thế gọi là tự cao, cách tự cao, sự tự cao, thái độ tự cao, cách nưng mình, cách trọng mình, cách tự nâng cao mình như cờ mà có tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ hơn *(seyyohamasmīti māno).*

887.

***Hơn ỷ bằng** đó ra sao?* Như là cũng có người trong đời nầy thật là bực hơn họ mà cho là ta do một nhân nào như là do sanh, do dòng giống, do làm con nhà danh giá, do đặng sắc đẹp, do có của cải, do chức trưởng thượng, do làm lớn trong ngành, do tài năng, do sự học vấn, hoặc do cấp trí họ nương cách ỷ mình bằng với người khác. Những thế đó đã là tự chấp, sự tự chấp, thái độ tự chấp, tư cách tự chấp, cách nưng mình, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, sự tự nưng cao, cách mà tâm phải như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ bằng *(seyyassa sadisohamasmīti māno).*

888.

***Hơn ỷ thua** đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy thành người đặc biệt hơn họ mà chấp rằng mình bằng với những kẻ khác do với trong một nhân nào như là do với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá, ỷ là người có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ sự trượng thượng, ỷ làm lớn trong công việc, ỷ nghề hay, ỷ với tài năng, ỷ với học vấn hoặc ỷ với cấp trí, họ nương sự chấp mình cho rằng thua các người khác, đã coi rẻ mình; như thế là sự tự khinh, cách tự khinh, sự ghét chê mình, thái độ rất ghét chê mình, tư cách rất ghét chê mình, sự tự coi rẻ, tự nhận mình thấp thỏi, sự coi mình hèn hạ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ thua *(seyyassa hīnohamasmītimāno).*

889.

***Bằng ỷ hơn** đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy là kẻ bằng với họ mà chấp cho rằng mình hơn những kẻ khác do trong một nhân nào như là do lối sanh ra hay ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá… họ nương cách ngã mạn ỷ hơn các người khác. Như thế đó là sự ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nưng mình, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, sự đưa mình lên cao, sự mà có tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là bằng ỷ hơn *(sadisassa seyyohamasmītimāno).*

890.

***Bằng ỷ bằng** đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy thành bực bằng họ nhưng mà chấp rằng ta bằng với các người khác do trong một nhân nào như là ỷ với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá… hoặc đã nương cách ngã mạn chấp bằng người khác là sự ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, cách nưng mình lên cao, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là người bằng ỷ bằng *(sadisassa sadisohamasmīti māno).*

891.

***Bằng ỷ thua** đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy thành người bằng với họ mà ngã mạn cho rằng thua cả người khác do một nhân nào như là do sanh ra do dòng giống, do làm con nhà danh giá… họ đã nương cách ngã mạn ỷ thua, đã coi mình rẻ như thế đó là tự khinh, tư cách tự khinh, sự tự khinh, thái độ tự khinh, tự ghét ghớm, thái độ ghét ghớm, tư cách tự coi rẻ, sự coi mình quá thấp hèn, sự tự nhận mình. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người bằng ỷ thua *(sadisassa hīnohamasmītimāno).*

892.

***Thua ỷ hơn** đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy thành người thua người khác mà chấp rằng ta hơn những người khác phải do một nhân nào như là ỷ với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ với làm con nhà danh gia vọng tộc… họ đã nương sự chấp hơn người

khác rồi ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nâng mình, cách đưa mình lên, cách cử mình lên như cờ, sự đưa mình lên, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là thua ỷ hơn *(hīnassa seyyohamasmīti māno).*

893.

Thua ỷ bằng *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy thành người thua người khác mà cố chấp rằng ta bằng người khác do một nhân nào như là ỷ sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ với làm con nhà danh giá… họ đã nương cách ngã mạn ỷ bằng, đã tự coi rẻ mình, như thế là tự khinh, sự tự khinh, tư cách tự khinh của người khác rồi ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nâng mình lên như cờ, cách đưa mình lên, cách cử mình lên như cờ; Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người thua ỷ bằng *(hīnassa sadisohamasmīti māno).*

894.

Thua ỷ thua *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy chấp rằng ta thua những người khác do một trong những nguyên nhân nào như là ỷ với sanh, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà sơ sát… họ đã nương cách ỷ thua người khác như thế đó, tự coi rẻ, cách tự coi rẻ, thái độ tự coi rẻ, tư cách tự coi rẻ, sự tự chê ghét, thái độ tự chê ghét, tư cách rất tự chê ghét, sự tự khinh, coi mình thấp thỏi, sự coi mình hèn. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người thua ỷ thua *(hīnassa hīnohamasmīti māno).*

895.

Sự ngã mạn *trong khi có ra sao?* Sự ngã mạn như là ỷ mình, cách ỷ mình, thái độ ỷ mình, cách nâng mình, cách cống cao, sự mà tâm phải thành như cờ, cách cất mình lên như cờ, cách nâng cao mình lên, sự mà tâm phải thành như cờ. Thế gọi là ngã mạn *(māno).*

896.

Sự khi người *trong khi có ra sao?* Như là có người trong đời nầy coi rẻ các người khác bằng một cách nào như là ỷ với sự sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh gia vọng tộc… sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nâng mình, cách đỡ mình, cách cất mình lên như cờ, sự cống cao, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là sự khi người *(atimāno).*

897.

Sự quá phách *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy ban đầu chấp mình bằng kẻ khác, về sau chấp mình hơn kẻ khác, không chịu hạ mình thấp hơn kẻ khác do một nhân nào như là con nhà danh gia vọng tộc… sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nâng mình, cách đỡ mình lên, cách cất mình lên như cờ, cách nâng cao mình, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có thái độ như thế mới gọi là sự quá phách *(mānātimāno).*

898.

Sự tự khinh *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy tự coi rẻ mình bằng một nhân nào như là coi rẻ với sanh ra, tự khinh do dòng giống, tự khinh bởi làm con nhà hèn, hoặc tự khinh do sắc đẹp, tự khinh do tài sản, tự khinh do trưởng thượng, tự khinh do chủ sự, tự khinh do nghề giỏi, tự khinh do tài năng, tự khinh do học vấn, hoặc tự khinh do cấp trí, sự tự khinh, cách tự khinh, thái độ tự khinh, tự chê bai, tự coi rẻ mình là thấp hèn, coi rẻ mình. Nếu có thái độ như thế mới gọi là sự tự khinh *(omāno).*

899.

Tăng thượng mạn *đó ra sao?* Như là sự công nhận ta đã đắc chứng mà trong pháp ta chưa đắc chứng, công nhận rằng ta đã làm mà trong sự ta chưa làm, nhận định rằng đã đắc chứng trong pháp mà ta chưa đắc chứng, nhận định rằng đã làm đặng tỏ ngộ trong

pháp ta chưa đặng tỏ ngộ, cũng gọi ngã mạn, sự ngã mạn, cách ngã mạn, tự nâng mình lên cao, tự cống cao, cách nâng mình lên như cờ, cách tự đưa mình lên, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là tăng thượng mạn *(adhimāno).*

900.

Sự công nhận rằng ta có cái ngã *ra sao?* Như là sự công nhận trong sắc cho là ta có sự vừa lòng trong sắc, cho là ta có sự hiểu rõ trong sắc, cho là ta công nhận trong thọ, cho là ta công nhận trong tưởng… cho là ta công nhận trong hành… cho là ta công nhận trong thức. Sự vừa lòng trong thức cho là ta… sự trong thức cho là ta… cách ngã mạn, sự ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nâng mình, cách cống cao, cách nâng mình lên như cờ, cách đỡ mình lên cao, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là sự công nhận cho rằng ta có cái ngã *(asmimāno).*

901.

Sự tà mạng *trong khi có ra sao?* Như là có người trong đời nầy chấp ta bằng một nhân nào như là chấp với phận sự công việc, ô uế với nghề nghiệp, ô uế với tài năng, ô uế với học vấn, ô uế với cấp trí, ô uế với trì giới, ô uế với tu hành, ô uế với trì giới và tu hành, ô uế hoặc với tri kiến, ô uế với sự ngã mạn, cách ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách tự cao, cách hãnh diện, cách nâng mình lên như cờ, cách tự nâng mình, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là tà mạng *(micchāmāno).*

902.

Sự nhớ thân tộc *đó ra sao?* Như là sự nghĩ đến, sự rất nhớ tưởng… sự tà tưởng mà nương theo dục lạc, nhớ đến bà con. Như thế gọi là sự nhớ đến thân tộc *(ñātivitakko).*

903.

Nhớ đến dân chúng *đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi… sự tà tưởng do theo dục lạc mong mỏi đến dân chúng. Như thế gọi là sự nhớ đến dân chúng *(janapadavitakko).*

904.

Sự suy nghĩ không quyết định *đó ra sao?* Như là cách suy xét, sự quá nghĩ ngợi… tư tưởng sai nương theo dục lạc ăn khớp với khổ hạnh, hoặc ăn với tà kiến. Như thế gọi là suy xét không nhứt định *(amaravitakko).*

905.

Cách nhớ nghĩ với sự chiếu cố người khác *ra sao?* Như là Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy hằng lân cận cư sĩ, có sự đồng khổ đồng lạc gặp khi vui thì vui với nhau, gặp khi khổ thì khổ với nhau, khi có việc sẽ phát sanh thì thôi cố gắng tự làm giúp cho nhau, sự suy nghĩ, sự rất nghĩ ngợi… cách suy xét nương theo dục lạc trong khi chung chạ với những cư sĩ đó. Như thế gọi là cách nhớ nghĩ với chiếu cố người khác *(parānudayatāpaṭisaṃyutto).*

906.

Sự suy xét liên quan với lễ lộc và danh vọng *ra sao?* Như là sự suy nghĩ, sự rất nghĩ ngợi… nghĩ tưởng sai nương với dục lạc, hy vọng lợi lộc và danh dự. Như thế gọi sự suy xét liên quan với lễ lộc và danh vọng *(lābhasakkārasilokapaṭisaṃyuttovitakko).*

907.

Sự suy xét liên quan với cách không muốn cho ai coi rẻ *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy nghĩ tưởng rằng những người khác đừng có ai coi rẻ ta bằng một nhân nào như là bằng cách sanh ra, bằng dòng giống, bằng con nhà gia tộc, bằng sự nhan sắc, bằng lối của cải, bằng cách trưởng thượng với những công việc, với nghề nghiệp, với tài năng, với học vấn, với cấp trí, sự nghĩ lo, sự rất nghĩ ngợi… sự nghĩ tưởng sai

nương theo dục lạc, trong sự không muốn cho người khác coi rẻ. Như thế gọi là sự suy xét liên quan với cách không muốn cho ai coi rẻ *(anavaññaṭti-paṭisaṃyuttovitakko).*

Xiển minh phần hai điều

908.

* *Trong những đề thứ hai mà* ***sân*** *đó ra sao?* Như là sự giận hờn, cách giận hờn, thái độ giận hờn, sự sân độc, cách sân độc, thái độ sân độc, sự tính ác, cách tính ác, thái độ tính ác, sự buồn rầu, rất buồn rầu, sự hung dữ, miệng ác, cách không vừa hợp của tâm. Như thế gọi là sân *(kodho).*

* **Kiết hận** *trong khi có ra sao?* Như là trước kia căm giận để lại thời kỳ sau là kiết hận như là sự kết oán, nào là sự kết oán thù, cột oan trái, sân chất chứa dành để lưu tồn tích tựu buộc ràng chấp cứng, dành để sự sân. Nếu có thái độ như thế mới gọi là kiết hận *(upanāho).*

909.

* ***Sự vong ân*** *đó ra sao?* Như là sự quên ơn, cách quên ơn, thái độ quên ơn, sự khi dễ, cách khi dễ ơn nghĩa của người khác. Nếu có thái độ như thế mới gọi là sự vong ân *(makko).*

* ***Sự sánh mình bằng với người khác*** *ra sao?* Như là chấp so sánh cho là bằng, sự so sánh bằng, tư cách so sánh bằng, thái độ so sánh bằng với cách đem sự phần hơn của mình mà dẫn chứng là nhân của sự tranh chấp, kình hơn không lui sụt. Như thế gọi là sự so sánh bằng *(palāso).*

910.

* ***Tật đố*** *trong khi có ra sao?* Như là sự ganh ghét, cách ganh ghét, thái độ ganh ghét, đố kỵ nhau, cách đố kỵ, sự đố kỵ trong lợi lộc hay lễ lộc, hoặc sự cung kỉnh hoặc cách kỉnh trọng hay lối lễ bái và cúng dường của người khác. Như thế gọi là tật đố *(issā).*

* ***Lận sắt*** *trong khi có ra sao?* Như là sự bỏn xẻn, cách bỏn xẻn, có năm như là bỏn xẻn chỗ ở *(āvāsamacchariya),* bỏn xẻn dòng giống *(kulamacchariya),* bỏn xẻn lợi lộc *(lābhamacchariya),* bỏn xẻn sắc đẹp *(vaṇṇamacchariya),* bỏn xẻn pháp *(dhammamacchariya).* Sự bỏn xẻn, cách bỏn xẻn, thái độ bỏn xẻn, sự tiếc, sự xan lẫn, sự che đậy của tâm. Nếu có thái độ như thế mới gọi là lận sắt *(macchariya).*

911.

* ***Người đa ngụy kế*** *đó ra sao?* Như là có kẻ trong đời nầy hành động ác bằng thân khẩu ý rồi quyết mong mỏi ô uế, bởi có nhân cần dùng che đậy ác như là hy vọng rằng đừng ai biết kịp mưu ta, nói cho rằng đừng ai biết kịp mưu ta, nghĩ muốn rằng đừng ai biết kịp mưu ta, cố gắng bằng thân đừng làm cho người biết kịp mưu ta; sự ngụy kế, thành người ngụy kế, làm cho mê mờ sự xảo trá, sự che đậy, sự lách tránh, sự che ngăn, sự che khuất, cách che đậy không bày ra, không làm cho rõ rệt sự che kín mít, cách làm xấu xa. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người đa ngụy kế *(māyā).*

* ***Khoe khoang*** *trong khi có ra sao?* Như là có người trong đời nầy là kẻ khoe khoang, người rất khoe khoang, cách khoe khoang, sự khoe khoang, thái độ khoe khoang, sự kiên ngạnh, cách kiên ngạnh, cách nói xéo thành khe, sự nói lách thành khe của người nói đó. Như thế gọi là sự khoe khoang *(sātheyya).*

912.

∗ ***Vô minh*** *đó ra sao?* Như là sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt, si là vô minh. Như thế gọi là vô minh.

∗ ***Hữu ái*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong đời sống, ưa thích trong đời sống, hớn hở trong đời sống, sự mong mỏi trong đời sống, sự dính dấp trong đời sống, sự bực bội trong đời sống, sự ẩn núp trong hữu *(bhāva)*, sự vùi lấp trong hậu hữu. Như thế gọi là hữu ái.

913.

∗ ***Hữu kiến*** *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng ta và đời sẽ có như thế là hữu kiến hay nhận thấy bằng cách thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hữu kiến *(bhāvadiṭṭhi).*

∗ ***Ly hữu kiến*** *đó ra sao?* Như là nhận thấy rằng ta sẽ không có và đời sẽ không có, cũng là tà kiến, cũng là thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là ly hữu kiến *(vibhavadiṭṭhi).*

914.

∗ ***Thường kiến*** *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy ta trường tồn và đời cũng trường tồn, cũng là tà kiến, cũng là thường kiến, cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là thường kiến *(sassatadiṭṭhi).*

∗ ***Đoạn kiến*** *trong khi có ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng ta sẽ tiêu mất và đời cũng sẽ tiêu mất. Như thế cũng gọi là tà kiến, thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là đoạn kiến *(ucchedadiṭṭhi).*

915.

∗ ***Hữu cùn kiến*** *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng ta có chỗ tột và đời cũng có chỗ tột cũng là tà kiến, thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hữu cùn kiến *(antavādiṭṭhi).*

∗ ***Vô cùn kiến*** *đó ra sao?* Như là nhận thấy rằng ta không có chỗ cùn tột và đời cũng không có chỗ cùn tột. Như thế cũng là tà kiến, thiên kiến… cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có thái độ như thế mới gọi là vô cùn kiến *(anantavādiṭṭhi).*

916.

∗ ***Tùng tiền kiến*** *đó ra sao?* Như là móng chi trước kia phát sanh, nhận thức chấp trước tri kiến lý tưởng… cách chấp theo dị đoan. Như thế gọi là tùng tiền kiến *(pubbantānudiṭṭhi).*

∗ ***Tùng hậu kiến*** *đó ra sao?* Như là móng đến chi sau này đặng phát sanh, chấp trước với sự lý tưởng nhận thức ấy, chấp theo dị đoan. Như thế gọi là tùng hậu kiến *(aparantānudiṭṭhi).*

917.

∗ ***Vô tàm*** *đó ra sao?* Như là sự không hổ thẹn với cách làm ác bằng cách đáng hổ thẹn, sự không thẹn thùa đi chung với những pháp thiện. Như thế gọi là vô tàm *(ahirika).*

∗ ***Vô úy*** *trong khi có ra sao?* Như là sự không ghê sợ với cách làm ác đáng ghê sợ hay sự không ghê sợ đi chung với tất cả pháp bất thiện tội lỗi. Như thế gọi là vô úy.

918.

∗ ***Thành người nan giáo*** *đó ra sao?* Như là cách người khó dạy, thái độ người khó dạy, thành người khó dạy, chấp cứng can cường, ưa thích chống báng sự không cởi rộng lòng, cách không rộng lòng, không cung kỉnh, không nghe theo với khi đặng nhắc bằng cách đúng pháp lý. Như thế gọi là nan giáo *(dovacassatā).*

* ***Thành người có ác hữu*** *đó ra sao?* Như là những người chống đối, với kẻ không đức tin, không giới hạnh, ít học vấn, có sự bỏn xẻn, trí cạn cợt, mà lại cần dùng, thường sử dụng hay gặp gỡ, hằng gặp gỡ lại càng sùng tín ưa thích trọng kỉnh những người như thế đó để làm bực dẫn dắt hay giúp đỡ. Như thế gọi là ác hữu *(pāpamittatā).*

919.

* ***Không chân chính*** *đó ra sao?* Như là có sự không ngay thật, cách không chân thật, sự vạy vọ, sự cong quẹo. Như thế gọi là không chân chánh *(anājjavo).*

* ***Không nhu mì*** *đó ra sao?* Như là sự không mềm mại, sự sần sượng, cách sần sượng, sự thô thiển, cứng cỏi, nghing ngang, sự chấp ngang không mềm mại. Như thế gọi là không nhu mì *(amaddavo).*

920.

* ***Không nhẫn nại*** *đó ra sao?* Như là không có sự nhịn nhục, tư cách không nhịn nhục, thái độ không nhịn nhục, sự dữ dằn, cách phách lối là tâm không tươi tốt. Như thế gọi là không nhẫn nại *(akkhanti).*

* ***Không nghiêm tịnh*** *đó ra sao?* Như là thân thô tháo, ngữ thô tháo hay thân và khẩu đều thô tháo. Như thế gọi là không nghiêm tịnh *(asoracca).*
  Tất cả người phá giới đều gọi là người không nghiêm tịnh.

921.

* ***Người không cam ngôn*** *đó ra sao?* Như là người nói lời chi cũng gúc mắc, thô lỗ, bực tức đến người khác, đụng chạm đến người khác, chọc cho giận hờn, không đặng yên tịnh. Những người nói như thế đó là người nói không ngọt dịu, nói không suông sẻ, những người có thái độ ngôn ngữ thô như đã nói đó mới gọi là người không cam ngôn *(asākhalya).*

* ***Thiếu sự tiếp đãi*** *đó ra sao?* Sự tiếp đãi có 2: Một là tiếp đãi vật chất, hai là tiếp đãi pháp, mà có người trong đời nầy không có làm sự tiếp đãi bằng vật chất hoặc bằng pháp. Như thế gọi là thiếu sự tiếp đãi *(appaṭisanthāro).*

922.

* ***Người không thu thúc lục (môn) quyền*** *đó ra sao?*
  - Như là có người trong đời nầy mắt đã thấy sắc phát sanh chấp tướng, chấp theo phụ thuộc cho nên tất cả tội ác nào là tham, sân che trùm người ấy, nên mới thành người không thu thúc nhãn quyền. Do không thu thúc nhãn quyền làm nhân mới không tiến hành cho đặng thu thúc nhãn quyền đó vì không gìn giữ nhãn quyền nên không thành tựu sự thu thúc nhãn quyền.
  - Nhĩ đã nghe tiếng… mũi đã hửi hơi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… tâm đã biết cảnh pháp mới thành người chấp tướng phiêu phưởng cho đến những tội ác như là tham, sân nó che trùm người ấy mới không đặng thu thúc lục (môn) quyền. Do nhân không thu thúc quyền nào mới không tiến hành cho đặng thu thúc quyền khác, không gìn giữ quyền ấy, chẳng thành tựu trong sự thu thúc các (môn) quyền. Vì cách không chiếu cố, sự không chiếu cố, không gìn giữ, không thu thúc những quyền đó nên mới gọi là người không thu thúc lục (môn) quyền *(indriyesu aguttadvātatā).*

* ***Người bất tri độ thực*** *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy không khéo suy xét nên cho rằng ăn đây để chơi, để say mê, để cho nhan sắc tốt đẹp, để cho mập mạp mà không biết tri túc, không biết vừa chừng, không khéo suy xét trong khi ăn nên mới gọi là người bất tri độ thực *(bhojane amattaññutā).*

923.

∗ ***Người không có chánh niệm** đó ra sao?* Như là người không hay nhớ, nhớ theo không đặng, nhớ lại không đặng, sự không nhớ, cách không nhớ, thái độ không nhớ, thiếu sự nhớ đặng nên hay quên. Như thế là người không có chánh niệm *(muṭṭhasacca).*

∗ ***Người thiếu sự lương tri** đó ra sao?* Như là thiếu sự hiểu, thiếu sự thấy… vô minh như cây chốt (gài), si chính là vô minh. Như thế gọi là người không có sự lương tri *(asampajañña).*

924.

∗ ***Người giới điêu tàn** ra sao?*

- Như là thân phá giới, khẩu phá giới hay cả thân và khẩu phá giới. Như thế gọi là giới điêu tàn *(sīlavipatti).*
- Sự điêu tàn của tất cả giới cũng gọi là giới điêu tàn.

∗ ***Tri kiến điêu tàn** đó ra sao?*

- Như là sự nhận thấy rằng bố thí cho người không có quả phúc. Cúng dường cũng không có quả phước… Sa-môn hoặc Bà-la-môn cũng không có ai tu hành chơn chánh đúng đắn đặng biết rõ đời nầy và đời khác tự đặng trí cao siêu rồi tuyên bố cho những người khác biết trong đời nầy đều không có sự nhận thấy. Như thế cũng là tà kiến… thiên kiến, cách chấp theo lối dị đoan. Nếu có thái độ như thế gọi là tri kiến điêu tàn *(diṭṭhivipatti).*
- Sự điêu tàn của kiến thức và tất cả tà kiến cũng gọi là tri kiến điêu tàn.

925.

***Nội triền** đó ra sao?* Như là ngũ triền thấp *(pañcorambhāgiyāmi saññohanāni)* sắp thành nội triền *(ajjhatta saññojana).* Ngũ triền cao *(pañcuddhabhāgiyāni saññojanāni)* sắp thành ngoại triền *(bahiddhā saññojana).*

Xiển minh phần ba điều

926.

*Trong những phần ba điều mà **tam bất thiện căn** ra sao?* Tức là tham, sân và si.

- *Tam bất thiện căn mà **tham** ra sao?* Như là sự dục vọng, cách rất dục vọng, cách trôi theo cảnh, sự vui thích, cách vui vẻ, sự dục vọng bằng mãnh lực vui vẻ, sự rất dục vọng của tâm, sự muốn, sự vùi lấp, sự mê mờ, sự thương, cách yêu mến, hằng bận bịu, vẫn chìm đắm, lẽ thường của người lôi cuốn, lẽ thường của người gạt gẫm, dĩ nhiên là người làm cho chúng sanh sanh ra, dĩ nhiên là người làm cho chúng sanh đầy đủ, dĩ nhiên ràng buộc, dĩ nhiên như chài lưới, vẫn đượm nhuần tâm, càng đượm nhuần, tợ nhợ dây, vẫn phúng ra, cũng là người gom lại, vẫn thành bạn tâm nguyên, dĩ nhiên người dẫn đường đến hữu *(bhāva),* há như rừng như rú, sự liên quan, sự dính líu, sự bận bịu, sự dục vọng, cách dục vọng, thái độ dục vọng, mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi lộc, mong mỏi của cải, mong mỏi con cái, ước mong trường thọ, thật người nói nhỏ, phụ nhỉ luôn, rất nói nhỏ, cách phụ nhỉ, sự nói nhỏ, thái độ phụ nhỉ, cách tham lam, thái độ tham lam, vẫn thành nhân mê mờ, sự thích trong những cảnh tốt, hy vọng trong cơ sở không đáng, sự tham quá chừng, cách nhiễm, sự nhiễm, sự hy vọng, quá hy vọng, tâm hoan lạc với những nhục dục, hữu dục, ly hữu dục, dục Sắc giới với những dục ái, hữu ái, ly hữu ái, ái trong Dục giới, ái trong Sắc giới, ái trong

Vô sắc giới, ái lối tiêu diệt (tức là ái sanh chung với đoạn kiến), sắc ái, thinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Hay là bộc, phối, phược, thủ, quái niệm, cái, máy che ngăn, đồ buộc trói, cận phiền não, tùy miên, xảo quyệt, ái như sợi mây, sự mong mỏi đủ thứ vật chất là gốc của khổ, nhân của khổ, nên sanh của khổ, chuồng của Ma vương, lưỡi câu của Ma vương, nền tảng Ma vương, ái như sông rạch, ái như chày lưới, ái như dây buộc trói, ái tợ biển, tham là căn bất thiện, cũng gọi tham ác. Như thế gọi là tham.

- ***Sân*** *trong khi có ra sao?*
  - Như là sự sát hại phát sanh do nghĩ rằng: Người ấy đã làm cho ta suy sụp; hay sự sát hại phát sanh do suy nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta suy đồi; hay sự cừu oán do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại hay sự thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm hư hại người thương mến của ta; sự thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm hư hại người của ta thương mến; hay sự thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm hư hại người mà ta thương mến; hay thù oán phát sanh do người ấy nghĩ rằng người ấy đã làm tiến hóa người mà ta ghét; hay thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang giúp cho kẻ thù ta tiến hóa; hay thù oán phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho kẻ thù của ta thêm tiến hóa; hay là sự thù oán phát sanh trong nền tảng dùng nhân thù hiềm của tâm.
  - Sự náo động, cách náo động, sự buồn bã, sự bực tức, cách tức giận, thái độ tức giận, đa tức giận, sự kín ác, mong tưởng ác, cách móng tưởng ác, sự sân độc của tâm, sự tính ác trong tâm, cách sân ra ngoài, thái độ sân, tư cách sân, sự tính ác độc, cách tính ác độc, thái độ tính ác độc, sự hung dữ, cách hung dữ, thái độ hung dữ, sự buồn, cách buồn, thái độ buồn, miệng ác xấu, tâm không hoan hỷ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là sân.

- ***Si*** *trong khi có ra sao?* Như là sự không biết khổ, không biết khổ diệt, không biết đường lối tiến hành khổ diệt, không biết phần quá khứ, không biết phần vị lai, không biết cả phần quá khức và vị lai, không biết trong pháp mà làm duyên cho nhau và nương với nhau sanh ra, bất kiến, bất tri, không biết cái đáng biết, không biết theo chân thật, không thấu suốt, không duy trì theo cách đúng đắn, không quyết theo cách chu đáo, không nghiên cứu, không thẩm xét, không làm cho minh hiển, sự trí cạn, cách suy không biết rõ sự mê mờ, cách mê man, sự lẫn, cũng gọi vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh tùy miên, vô minh xảo quyệt, chính là vô minh, si là căn bất thiện. Nếu có trạng thái như thế gọi là si.

  Những như thế gọi là tam bất thiện căn.

927.

Tam bất thiện tầm *đó ra sao?* Như là dục tầm, sân độc tầm và thương hại tầm.

- *Trong ba thứ tầm ấy mà* ***dục tầm*** *ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, cách rất nghĩ ngợi… sự tà tưởng hay tưởng liên hệ với dục. Như thế gọi là dục tầm *(kamavitakko).*
- ***Sân độc tầm*** *đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi, sự nghĩ ngợi sai và suy xét theo lối thù sân độc. Như thế gọi là sân độc tầm *(byāpādavitakko).*
- ***Thương hại tầm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự suy xét, cách quá suy xét… sự suy nghĩ lầm liên quan với cách ép uổng. Như thế gọi là thương hại tầm *(vihimsāvitakko).*

Những như thế gọi là tam ác tầm *(tayo akusalavitakkā).*

928.

Tam bất thiện tưởng *đó ra sao?*Như là dục tưởng, sân độc tưởng và thương hại tưởng.

- *Trong ba tưởng ấy mà* ***dục tưởng*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ, cách nhớ, thái độ nhớ liên quan với dục. Thế gọi là dục tưởng *(kāmasañña).*
- ***Sân độc tưởng*** *đó ra sao?* Như là cách nhớ, sự nhớ, thái độ nhớ liên quan với sân độc. Như thế gọi là sân độc tưởng *(byāpadasaññā).*
- ***Thương hại tưởng*** *đó ra sao?* Như là sự nhớ, cách nhớ, thái độ nhớ liên quan với lối ép uổng. Như thế gọi là thương hại tưởng *(vihimsāsaññā).*

Những thế gọi là tam bất thiện tưởng.

929.

Tam bất thiện giới *đó ra sao?* Như là dục giới, sân độc giới, thương hại giới.

- *Trong tam bất thiện giới (dhātu) đó mà* ***dục giới*** *ra sao?* Như là dục tầm sắp thành dục giới *(kāmadhātu),* sân độc tầm sắp thành sân độc giới *(byāpādadhātu)* và thương hại tầm sắp thành thương hại giới *(vihimsādhātu).*
- *Trong tam tầm ấy mà* ***dục tầm*** *đó ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi,… nghĩ ngợi sai ngoa liên quan với dục. Như thế gọi là dục tầm *(kāmavitakko).*
- ***Sân độc tầm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi,… nghĩ ngợi sai chạy liên hệ với sự sân độc. Như thế gọi là sân độc tầm *(byāpādavitakko).*
- ***Thương hại tầm*** *trong khi có ra sao?* Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi, cách nghĩ ngợi sai chạy liên hệ với sự ép uổng. Như thế gọi là thương hại tầm *(vihimsāvitakko).*

Những đó gọi là bất thiện giới *(akusaladhātu).*

930.

Tam ác *đó ra sao?* Như là thân ác, khẩu ác và ý ác.

- *Trong tam ác ấy mà* ***thân ác*** *đó ra sao?* Như là sự sát sanh, sự trộm cướp, sự tà dâm. Như thế gọi là thân ác *(kāyaduccarita).*
- ***Khẩu ác*** *trong khi có ra sao?* Như là vọng ngôn, ỷ ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu *(vacīduccarita).*
- ***Ý ác*** *trong khi có ra sao?* Như là tham ác, sân độc và tà kiến ác. Như thế gọi là ý ác *(nanoduccarita).*
- ***Thân ác*** *trong khi có ra sao?* Như là thân nghiệp phần bất thiện gọi là thân ác. Khẩu nghiệp phần bất thiện gọi là khẩu ác. Ý nghiệp phần bất thiện gọi là ý ác.
- *Trong tam ác ấy mà* ***thân nghiệp phía bất thiện*** *ra sao?* Thân tư tưởng phía bất thiện gọi là thân nghiệp phía bất thiện. Khẩu theo tư tưởng phía bất thiện gọi là khẩu nghiệp phía bất thiện. Ý theo tư tưởng phía bất thiện gọi là ý nghiệp phía bất thiện.

Những thế gọi là tam bất thiện.

931.

Tam lậu *trong khi có ra sao?* Như là dục lậu, hữu lậu và tà kiến lậu.

- *Trong ba lậu ấy mà* ***dục lậu*** *ra sao?* Như là sự vừa lòng trong dục… sự mê mẩn trong dục. Như thế gọi là dục lậu *(kāmāsava).*
- ***Hữu lậu*** *trong khi có ra sao?* Như là sự vừa lòng trong hữu *(bhāva),* sự mê mẩn trong hữu. Như thế gọi là hữu lậu *(bhavāsava).*

- ***Vô minh lậu*** *đó ra sao?* Như là sự không biết khổ… vô minh như cây chốt (gài), si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh lậu *(avijjāsava).*

Những thế gọi là tam lậu.

932.

Tam triền *đó ra sao?* Như là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ.

- *Trong ba triền ấy mà* ***thân kiến*** *đó ra sao?* Như là phàm phu trong đời nầy thiếu học vấn không gặp Thánh nhân, không rành trong pháp Thánh nhân, không đặng thụ huấn theo pháp của Thánh nhân. Không gặp trí thức, không rành trong pháp của trí thức, không đặng thụ huấn trong pháp của trí thức, nên vẫn thấy sắc là ta hay thấy ta có sắc. Hoặc thấy sắc trong ta, hoặc thấy ta trong sắc. Vẫn thấy thọ là ta… vẫn thấy tưởng là ta… vẫn thấy hành là ta… vẫn thấy thức là ta hay là thấy ta có thức, hoặc thấy thức trong ta, hoặc thấy ta trong thức. Nhận thấy theo thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là thân kiến *(sakkāyadiṭṭhi).*
- ***Hoài nghi*** *trong khi có ra sao?* Như là phàm phu do dự, nghi nan trong Phật giáo; do dự hoài nghi trong Pháp bảo; do dự hoài nghi trong Tăng bảo; do dự hoài nghi trong điều học; do dự hoài nghi trong phần quá khứ; do dự hoài nghi trong phần vị lai; do dự hoài nghi trong phần quá khứ vị lai; do dự hoài nghi trong pháp duyên khởi nương trợ nhau phát sanh. Cách do dự, sự do dự, thái độ do dự… cách sượng sần của tâm, sự tâm dùng dằng. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hoài nghi *(vicikicchā).*
- ***Giới cấm thủ*** *trong khi có ra sao?* Như là Sa-môn, Bà-la-môn thuộc ngoại giáo mà nhận thấy hiện tượng như thế nầy: Giới thanh tịnh, tập quán thanh tịnh, giới cấm thủ thanh tịnh. Đó là thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Như thế ấy mới gọi là giới cấm thủ *(sīlab-bataparāmāsa).*

Những thế gọi là tam triền.

933.

Tam ái *trong khi có ra sao?* Như là dục ái, hữu ái, ly hữu ái.

- *Trong tam ái ấy mà* ***hữu ái*** *đó ra sao?* Như là sự mong mỏi, sự rất mong mỏi… sự mong mỏi quá nặng của tâm đồng sanh với hữu kiến. Như thế gọi là hữu ái *(bhavataṅhā).*
- ***Ly hữu ái*** *đó ra sao?* Như là mong mỏi, sự rất mong mỏi… sự quá mong mỏi của tâm mà đồng sanh với đoạn kiến. Như thế gọi là ly hữu ái *(vibhavataṅhā).* Còn những ái ngoài ra gọi là dục ái *(kāmataṅhā).*
- *Trong ba ái ấy mà* ***dục ái*** *ra sao?* Như là sự mong mỏi, sự rất mong mỏi… sự mong mỏi nặng nề của tâm mà hiệp với Dục giới *(kāmadhātu).* Như thế gọi là dục ái. Nếu sự hy vọng, sự rất hy vọng của tâm… mà hiệp với Sắc giới *(rupādhātu)* và Vô sắc giới *(arūpadhātu)* thì gọi là hữu ái. Còn sự hy vọng, sự rất hy vọng… hay sự hy vọng nặng nề của tâm mà hiệp với đoạn kiến thì mới gọi là ly hữu ái.

Những thế đó gọi là tam ái.

934.

Tam ái *(nữa) đó ra sao?* Như là dục (giới) ái, sắc (giới) ái, vô sắc (giới) ái.

- *Trong tam ái ấy mà* ***dục ái*** *đó ra sao?* Như là sự vọng dục, sự rất vọng dục, cách quá mong mỏi của tâm hiệp với Dục giới *(kāmadhātu)* nên mới gọi là dục ái *(kāmataṅhā).*

- ***Sắc (giới) ái*** *đó ra sao?* Như là sự hy vọng, sự rất hy vọng… hay sự quá hy vọng của tâm mà hiệp với Sắc giới *(rūpadhātu).* Như thế gọi là sắc (giới) ái *(rūpataṅhā).*
- ***Vô sắc (giới) ái*** *đó ra sao?* Như là sự mong mỏi, sự rất mong mỏi… cách quá mong mỏi của tâm hiệp với Vô sắc giới *(arūpadhātu).* Như thế mới gọi là vô sắc (giới) ái *(arūpataṅhā).*

Những như thế đó mới gọi là tam ái.

935.

Tam ái (khác nữa) *đó ra sao?* Như là sắc ái *(rūpataṅhā),* vô sắc ái *(arūpataṅhā)* và diệt ái *(nirodhataṅhā).*

- *Trong tam ái ấy mà* ***sắc ái*** *đó ra sao?* Như là sự mong mỏi, rất mong mỏi… cách rất mong mỏi của tâm mà hiệp với Sắc giới *(rūpadhātu).* Như thế mới gọi là sắc ái *(rūpataṅhā).*
- ***Vô sắc ái*** *trong khi có ra sao?* Như là sự hy vọng, sự rất hy vọng… hy vọng của tâm mà hiệp với Vô sắc giới *(arūpadhātu).* Như thế gọi là vô sắc ái *(arūpataṅhā).*
- ***Diệt ái*** *trong khi có ra sao?* Như là sự hy vọng hay rất hy vọng… cách quá mong mỏi của tâm mà đồng sanh với đoạn kiến. Như thế gọi là diệt ái *(nirodhataṅhā).*

Những thế đó mới gọi là tam ái.

936.

Tam tầm mích *(tìm kiếm) đó ra sao?* Như là dục tầm mích *(kāmesanā),* hữu tầm mích *(bhavesanā)* và phạm hạnh tầm mích *(brahmacariyesanā).*

- *Trong tam tầm mích đó mà* ***dục tầm mích*** *ra sao?* Như là sự vừa lòng trong dục… cách mê mẩn trong dục. Như thế gọi là dục tầm mích *(kāmesanā).*
- ***Hữu tầm mích*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong hữu *(bhāva)…* sự mê mẩn trong hữu. Như thế gọi là hữu tầm mích *(bhavesanā).*
- ***Phạm hạnh tầm mích*** *đó ra sao?* Như là sự thấy rằng đời trường tồn, hoặc nhận thấy đời không trường tồn… chúng sanh sau khi chết sẽ sanh nữa cũng chẳng phải, sẽ không sanh nữa cũng chẳng phải, kiến thức như thế đó là thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là phạm hạnh tầm mích *(brahmacariyesanā).*
- *Những trong tam tầm mích ấy mà* ***dục tầm mích*** *ra sao?* Như là sự mong mỏi trong dục bằng thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà thuộc bất thiện trụ trong một cơ sở với cách mong mỏi dục. Như thế gọi là dục tầm mích (tìm kiếm) *(kāmesanā).*
- ***Hữu tầm mích*** *(tìm kiếm) đó ra sao?* Như là sự mong mỏi trong hữu *(bhāva)* bằng thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp thuộc bất thiện đồng trụ một sở với sự mong mỏi trong hữu *(bhāva)* đó. Như thế gọi là hữu tầm mích *(bhavesanā).*

Còn sự nhận thấy trong đời có chỗ cùn tột bằng thân nghiệp, khẩu nghiệp hay ý nghiệp thuộc bất thiện đồng trụ chung một sở với sự nhận thấy trong đời có chỗ cùn tột đó. Như thế gọi là phạm hạnh trảo *(brahmacariyesanā).*

Những như thế đó gọi là tam tầm mích (tìm kiếm) *(esana).*

937.

Tam tỷ *(so sánh) đó ra sao?* Như là sự so sánh ta hơn người khác, so sánh ta bằng người khác, so sánh ta thua người khác. Những thế gọi là tam tỷ *(vidhā).*

938.

Tam nạn *đó ra sao?* Như là sự sanh nạn *(jātibhaya),* lão nạn *(jarābhaya)* và tử nạn *(maraṇabhaya).*

- *Trong ba nạn ấy mà* ***sanh nạn*** *ra sao?* Như là cách sợ, sự khiếp, sự úy, sự sợ rởn óc và sự sợ sệt của tâm vì bởi sự sanh. Như thế gọi là sanh nạn *(jātibhaya).*
- ***Lão nạn*** *đó ra sao?* Như là sự sợ khiếp, sự úy, sự sợ rởn óc, sự sợ sệt của tâm bởi vì già. Như thế gọi là lão nạn *(jarābhaya).*
- ***Tử nạn*** *đó ra sao?* Như là sự sợ, sự khiếp, sự úy, sự sợ rởn óc, sự sợ sệt của tâm vì do sự chết. Như thế gọi là tử nạn *(maraṇabhaya).*

Những thế đó gọi là tam nạn *(bhaya).*

939.

Tam thời hoài nghi *đó ra sao?* Như người vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp thuở quá khứ; vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp vị lai; vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp khi hiện tại. Những thế đó gọi là tam thời hoài nghi *(tama).*

940.

Tam lý thuyết *đó ra sao?*

- Như là Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy cũng có vị là bực công nhận ý nghĩa như vầy: Chúng ta đây dù hưởng khổ, hoặc vui hay phi khổ phi vui dù trong một cách nào những tất cả hưởng khổ, vui hay phi khổ phi vui do trước đã làm nhân dành để. Hay là cũng có Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy thành bực có ý nhận thấy rằng: Chúng ta đây dù hưởng vui hoặc khổ hay phi khổ phi lạc dù trong một cách nào thì tất cả những sự hưởng khổ lạc hay phi khổ phi lạc đó cũng do nhân là người chủ trương tạo ra.
- Hay là Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy cũng có bực nhận thức theo ý nghĩa như vầy: Chúng ta đây dù hưởng khổ hoặc vui hay hưởng phi vui phi khổ dù trong cách nào thì tất cả những sự hưởng khổ, vui hay phi khổ phi vui đó do cách không có nhân chi trợ giúp phát sanh. Những thế gọi là tam lý thuyết *(titthāyatana).*

941.

Tam diệu tích *đó ra sao?* Ái là phiền não cơ quan bận bịu. Sân là phiền não cơ quan bận bịu. Si là phiền não cơ quan hoài niệm. Những thế gọi là tam diệu tích *(kiñcanā).*

942.

Tam tràng địa *đó ra sao?* Ái là phiền não tràng địa. Sân là phiền não tràng địa. Si là phiền não tràng địa. Những như thế gọi là tam tràng địa *(aṅgana).*

943.

Tam tú cấu *đó ra sao?* Như là ái tú cấu, sân tú cấu và si tú cấu. Những như thế gọi là tam tú cấu *(mala).*

944.

Tam bất bình *đó ra sao?* Sự bất bình tức là ái, sự bất bình tức là sân, sự bất bình tức là si. Những thế gọi là tam bất bình *(visama).*

945.

Tam bất bình *(nữa) đó ra sao?* Như là sự hành động thân không bình chỉnh, như là sự hành động khẩu không bình chỉnh, sự hành động ý không bình chỉnh. Những như thế gọi là tam bất bình *(visama).*

946.

Tam hỏa *đó ra sao?* Như là lửa ái, lửa sân và lửa si. Những như thế gọi là tam hỏa *(aggī).*

947.

Tam thủy sáp *đó ra sao?* Như là nước chát ái, nước chát sân và nước chát si. Những như thế gọi là tam thủy sáp *(kasāvā).*

948.

***Tam thủy sáp** (khác nữa) đó ra sao?* Như là thân như nước chát, ngữ như nước chát, ý như nước chát. Những thế gọi là tam thủy sáp *(kasāvā).*

949.

* ***Hỷ ý kiến** đó ra sao?* Như là trong đời nầy có Sa-môn hoặc Bà-la-môn có ý kiến nhận thấy như vầy: Tất cả tình dục không tội lỗi rồi thọ hưởng dục lạc. Như thế gọi là hỷ ý kiến *(assādadiṭṭhi).*

* ***Ngã kiến** đó ra sao?* Như là phàm phu trong đời nầy là người thiếu học không gặp đặng Thánh nhân, không rành trong pháp của Thánh nhân, không đặng thụ huấn trong pháp của Thánh nhân. Không gặp trí thức, không rành trong pháp của trí thức, không đặng thụ huấn trong pháp của trí thức, cho nên nhận thấy sắc là ta hoặc nhận thấy ta có sắc hay thấy sắc trong ta, hoặc nhận thấy ta trong sắc. Cũng tự nhận thấy thọ là ta… Nhận thấy tưởng là ta… nhận thấy hành là ta… hay nhận thấy thức là ta hay nhận thấy ta có thức, hoặc nhận thấy thức trong ta hay nhận thấy ta trong thức. Nhận thấy theo thiên kiến… chấp theo lối dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là ngã kiến *(attānudiṭṭhi).*

* ***Tà kiến** đó ra sao?* Như là sự nhận thấy bố thí cho người rồi không có quả phúc. Cúng dường cho người rồi cũng không có quả phúc… Sa-môn hay Bà-la-môn tự tỏ ngộ hiểu chắc thật dù đời nầy và đời sau rồi tuyên bố cho người khác biết đặng cũng không có. Sự nhận thấy theo thiên kiến… cách chấp theo lối dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là tà kiến.

  Thân kiến *(sakkāyadiṭṭhi),* hỷ ý kiến, thường kiến, ngã kiến và đoạn kiến đều là tà kiến.

950.

* ***Bất hoan hỷ** đó ra sao?* Như là sự không hoan hỷ, cách không hoan hỷ, sự rất không hoan hỷ, cách rất không hoan hỷ, sự tư mộ, sự tránh trác trong tịnh cư hoặc một pháp chí thiện nào. Như thế gọi là bất hoan hỷ *(arati).*

* ***Sự ép uổng** đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy hoặc áp bức chúng sanh bằng tay, đá, cây hoặc vũ khí. Như thế gọi là sự ép uổng *(vihesā).*

* ***Hạnh phi pháp** đó ra sao?* Như là thân hành động phi pháp tức là thân hành động không bình chỉnh. Khẩu nói lời phi pháp tức là ngôn ngữ không bình chỉnh. Ý nghĩ phi pháp là tâm không bình chỉnh. Như thế gọi là hạnh phi pháp.

951.

* ***Người nan giáo** đó ra sao?* Như là người khó dạy, thái độ người khó dạy, tư cách người khó dạy, chấp cứng, can cường, ưa thích tranh luận, sự không quảng đại, cách không quảng đại, sự không cung kỉnh, sự không nghe theo trong khi bị nhắc đúng theo chánh pháp. Như thế là người nan giáo *(dovacassatā).*

* ***Hữu ác hữu** đó ra sao?* Như là những người đối với kẻ nào mà không có đức tin, không có giới hạnh, thiếu sự học vấn, có sự bỏn xẻn, trí tuệ thô sơ mà sử dụng, thường sử dụng hay sử dụng, có gặp gỡ hay gặp gỡ sùng tín, ưa mến ủng hộ với những người đó và bận bịu nương cậy theo những người đó. Như thế gọi là hữu ác hữu *(pāpamittatā).*

* ***Tưởng dị** trong khi có ra sao?* Như là tưởng liên hệ với dục. Tưởng liên hệ với sân độc. Tưởng liên hệ với sự ép uổng. Như thế gọi là tưởng dị, cho đến tưởng tất cả bất thiện cũng gọi là tưởng dị *(nānattasaññā).*

952.

* ***Phóng dật** trong khi có ra sao?* Như là sự lao chao của tâm, sự không yên lặng của tâm, sự dao động của tâm và sự rối loạn của tâm. Như thế gọi là phóng dật *(uddhaccca).*

* ***Giải đãi** đó ra sao?* Như là buông thả tâm, sự rất quá buông thả tâm thân ác, khẩu ác và ý ác hay là ngũ dục; không cung kỉnh, không cố gắng để phẩm hạnh lui sụt, buông bỏ sự vừa thích, bỏ qua phận sự, không sử dụng nhiều, không làm cho tiến hóa thêm, không làm nhiều, không bền vững, chẳng thường hay phối hợp, có sự dể duôi lôi thôi đối với sự tu tiến tất cả pháp thiện. Như thế gọi là giải đãi *(kosajja).*

* ***Khinh thị** đó ra sao?* Như là buông thả tâm, sự rất quá buông thả tâm theo thân ác, khẩu ác và ý ác hay là ngũ dục. Không cung kỉnh, không cố gắng, phẩm hạnh lui sụt, không buông bỏ sự vừa thích, bỏ qua bổn phận, không sử dụng nhiều, không làm cho tiến hóa thêm, không làm nhiều, không bền vững, chẳng thường hay phối hợp, có sự lôi thôi, cách dể duôi, sự dể duôi, thái độ dể duôi đối với sự tu tiến tất cả pháp thiện. Nếu có trạng thái như thế gọi là khinh thị *(pamādo).*

953.

* ***Bất tri túc** đó ra sao?* Như là sự ham muốn, thái độ của những bực không tri túc với y bát, với ngọa cụ cùng y dược và các món phụ tùng theo đặng. Hay là đối với ngũ dục có sự mong mỏi, hy vọng dục vọng, rất dục vọng, không biết vừa chừng… sự rất mong mỏi của tâm. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là bất tri túc *(asantuṭṭhitā).*

* ***Vô lương tri** đó ra sao?* Như là sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt (gài). Si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô lương tri *(asampajaññatā).*

* ***Đại tham** đó ra sao?* Như là sự ham muốn thái quá của những bực không tri túc với y, bát, với ngọa cụ cùng y dược và các món phụ tùng tùy theo đặng. Hay là đối với ngũ dục có sự mong mỏi, hy vọng, dục vọng, rất dục vọng, không biết vừa chừng… sự rất mong mỏi của tâm. Nếu có tướng trạng như thế mới gọi là đại tham *(mahicchatā).*

954.

* ***Vô tàm** đó ra sao?* Như là sự hổ thẹn với những cách hành động ác đáng hổ thẹn và không hổ thẹn với tất cả pháp hiệp với tội ác. Như thế gọi là vô tàm.

* ***Vô úy** trong khi có ra sao?* Như là không ghê sợ với sự hành động ác đáng ghê sợ và không ghê sợ với những pháp hiệp tội ác. Như thế gọi là vô úy.

* ***Khinh thị** đó ra sao?* Như là buông thả tâm, sự rất quá buông thả tâm theo thân ác, khẩu ác và ý ác hay là ngũ dục. Không cung kỉnh, không cố gắng, phẩm hạnh lui sụt, không buông bỏ sự vừa thích, bỏ qua bổn phận, không sử dụng nhiều, không làm cho tiến hóa thêm, không làm nhiều, không bền vững, chẳng thường hay phối hiệp, có sự lôi thôi, cách dể duôi, sự dể duôi, thái độ dể duôi đối với sự tu tiến pháp thiện. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là khinh thị *(pamādo).*

955.

* ***Vô quảng đại** đó ra sao?* Như là sự không rộng rãi, cách không rộng rãi, chẳng cung kỉnh, chẳng nghe theo, sự không tin tưởng, cách không tin tưởng, thái độ không tín ngưỡng, không giới đức, không kỉnh quí. Như thế gọi là vô quảng đại *(anādariya).*

* ***Người nan giáo*** *đó ra sao?* Như là cách người khó dạy, thái độ người khó dạy, tư cách người khó dạy, chấp cứng can cường, ưa thích tranh luận sự không quảng đại, cách không quảng đại, sự không cung kỉnh, sự không nghe theo trong khi bị nhắc đúng theo chánh pháp. Như thế gọi người nan giáo *(dovacassatā).*

* ***Hữu ác hữu*** *đó ra sao?* Như là những người đối với kẻ nào mà không có đức tin, không có giới hạnh, thiếu sự học vấn, có sự bỏn xẻn, trí tuệ thô sơ mà sử dụng, thường sử dụng hay sử dụng, có gặp gỡ hay gặp gỡ sùng tín, ưa mến ủng hộ với những người đó và bận bịu nương cậy theo những người đó. Như thế gọi là hữu ác hữu *(pāpamittatā).*

956.

* ***Vô đức tin*** *đó ra sao?* Như là có người trong đời nầy không trí tuệ, không tín ngưỡng với Phật, Pháp, Tăng; cách bất tín, sự bất tín, thái độ bất tín, rất không kính trọng. Nếu có tướng trạng như thế gọi là vô đức tin *(assaddhiya).*

* ***Bất thi ân*** *đó ra sao?* Do năm điều lẫn sắc như là bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn dòng giống, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp, bỏn xẻn pháp là sự lẫn sắt, cách lẫn sắt, thái độ lẫn sắt, bón rít keo kiệt, giấu giếm và không hài lòng. Nếu có tướng trạng như thế gọi là bất thi ân *(avadaññtā).*

* ***Giải đãi*** *đó ra sao?* Như là buông thả tâm, sự rất buông thả tâm theo thân ác, khẩu ác và ý ác hay là ngũ dục. Hoặc đối với sự tu tiến tất cả pháp thiện không liên lạc, không cung kỉnh, không cố gắng, hành vi lui sụt, không bỏ sự vừa thích, bỏ qua phận sự, không sử dụng nhiều, không tiến thêm, không làm nhiều, không bền vững, chẳng thường hay phối hợp, có sự dể duôi lôi thôi. Như thế gọi là giải đãi *(kosajja).*

957.

* ***Phóng dật*** *trong khi có ra sao?* Như là sự lao chao của tâm, sự không yên lặng của tâm, sự diu động của tâm và sự rối loạn của tâm. Như thế gọi là phóng dật.

* ***Bất thu thúc*** *đó ra sao?*

- Như là có người trong đời nầy mắt đã thấy sắc thành người chấp tướng, thành người chấp theo phụ thuộc nên tất cả pháp tội ác như là tham ác và ưu sầu trùm che người ấy nên mới không thu thúc nhãn quyền. Do nhân không thu thúc nhãn quyền mới không thực hành hầu thu thúc nhãn quyền, không gìn giữ nhãn quyền, không thành tựu cách thu thúc nhãn quyền đó.
- Dù tai đã nghe tiếng… mũi đã hửi mùi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… tâm đã biết cảnh pháp thì thành người chấp tướng, thành người chấp theo phụ thuộc với tất cả pháp tội ác như là tham ác và ưu sầu nói vùi lấp người ấy. Không đặng thu thúc ý quyền do nhân không thu thúc ý quyền mới không thực hành để thu thúc ý quyền đó, không gìn giữ ý quyền đó mới không thành tựu trong sự thu thúc ý quyền. Như thế gọi là người bất thu thúc *(asaṃvaro).*

* ***Phá giới*** *trong khi có ra sao?* Như là thân phạm, khẩu phạm hay thân và khẩu đều phạm. Như thế gọi là phạm giới *(dussīlya).*

958.

* ***Sự không muốn thấy Thánh nhân*** *đó ra sao?* Đây gọi là Thánh nhân mà Thánh nhân *đó ra sao?* Như là Đức Phật, Thinh văn đệ tử của Đức Phật đều gọi là Thánh, mà không muốn thấy không muốn gần gũi và không muốn hội hiệp với những bực Thánh đã nói. Như thế gọi là sự không muốn thấy Thánh nhân *(ariya).*

* ***Không muốn nghe chánh pháp*** *đó ra sao?* Thế nào là chánh pháp? Như là tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ quyền, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo. Như thế gọi là chánh pháp; mà không muốn nghe, không muốn dự thính, không muốn học và không muốn nhớ những chánh pháp ấy. Như thế gọi là không muốn nghe chánh pháp.

* ***Người có tâm tranh đua*** *đó ra sao?* Nói tranh đua đó mà tranh đua ra sao? Như là sự tranh đua, thường tranh đua, tính tranh đua, tính tranh đua hoài, thái độ thường tính tranh đua, sự coi hèn, sự cõi rẻ, sự khinh khi, cách tìm lỗi. Như thế gọi là người có tâm tranh đua *(upārambhacittatā).*

959.

* ***Người không có chánh niệm*** *ra sao?* Như là sự nhớ không đặng, nhớ theo không đặng, nhớ lại không đặng, cách nhớ không đặng, thái độ nhớ không đặng, sự không đặng nhớ, sự lơ lãng, sự lẫn quên; như thế gọi là người không có chánh niệm *(muṭṭhasacca).*

* ***Người vô lương tri*** *đó ra sao?* Như là sự không biết, không thấy… vô minh như cây chốt (gài), si là căn bất thiện. Như thế gọi là người vô lương tri *(asampajañña).*

* ***Sự tán loạn của tâm*** *đó ra sao?* Như là sự lao chao của tâm, sự không yên tịnh của tâm, sự lay động của tâm và sự rối loạn của tâm. Như thế gọi là sự tán loạn của tâm *(cetaso vikkhepo).*

960.

* ***Tác ý bất tinh vi*** *đó ra sao?* Như là sự vật không trường tồn mà tác ý khéo cho là trường tồn. Sự vật khổ mà tác ý không khéo cho là vui. Sự vật vô ngã lại tác ý không khéo cho là hữu ngã. Sự vật bất mỹ lại tác ý không khéo cho là tốt đẹp. Hay là sự nhớ, sự thường nhớ, sự nghĩ ngợi, cách suy xét, sự tác ý của tâm sai với sự chân thật. Như thế gọi là tác ý bất tinh vi *(ayoniso manasikāra).*

* ***Cách sử dụng theo đường lối xấu*** *đó ra sao?* Như là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Như thế gọi là sử dụng theo đường lối xấu. Cách thường sử dụng, cách thuần sử dụng, cách gặp gỡ, gặp gỡ nhuần nhã, sự thích tâm, cách tâm thích hợp với đường lối xấu ấy. Những người nương theo đường lối xấu như thế đó gọi là cách sử dụng theo đường lối xấu *(kummaggasevanā).*

* ***Sự sụt sè của tâm*** *đó ra sao?* Như là sự không thích hợp của tâm, sự không vừa với công việc của tâm. Sự sụt sè, sự lui sụt, sự thối hóa, cách thối hóa, thái độ thối hóa, sự ẩn núp, cách ẩn núp, thái độ ẩn núp của tâm. Như thế gọi là sự sụt sè của tâm *(cetaso līnatta).*

Xiển minh phần bốn điều

961.

Trong phần bốn điều ấy, mà ***tứ lậu*** *đó ra sao?* Như là dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu và vô minh lậu.

- *Trong những tứ lậu ấy, mà* ***dục lậu*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong dục lạc, sự chui vùi trong dục lạc. Như thế gọi là dục lậu *(kāmāsava).*
- ***Hữu lậu*** *đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong hữu *(bhava)*… sự chui vùi trong hữu… Như thế gọi là hữu lậu *(bhavāsava).*

- ***Tà kiến lậu** trong khi có ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng đời trường tồn… nhận thấy chúng sanh sau khi chết sanh nữa cũng chẳng phải, không sanh nữa cũng chẳng phải, kiến thức như thế là thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế gọi là tà kiến lậu.

  Tất cả tà kiến đều gọi là tà kiến lậu *(diṭṭhāsava).*

- ***Vô minh lậu** trong khi có ra sao?* Như là sự không biết trong khổ… vô minh như cây chốt (gài), si là căn bất thiện. Như thế gọi là vô minh lậu.

Những kể trên gọi là tứ lậu.

962.

***Tứ phược** đó ra sao?* Như là tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược.

- *Trong bốn phược đó, mà **tham ác thân phược** ra sao?* Như là sự mong mỏi, rất mong mỏi… sự chăm chú sẽ lấy của cải người khác, tham là căn bất thiện. Những thế gọi là tham ác thân phược *(abhijjākāyagantha).*
- ***Sân độc thân phược** đó ra sao?* Như là sự cừu oán phát sanh do nghĩ rằng người nầy đã làm cho ta hư hại… sự hung dữ, sự ác độc, sự không hoan hỷ của tâm. Như thế gọi là sân độc thân phược *(byāpādakāyagantha).*
- ***Giới cấm thủ thân phược** đó ra sao?* Như là Sa-môn, Bà-la-môn ngoại giáo có kiến thức như vầy sự trong sạch nếu đặng là nhờ giới, nhờ hành tức là thiên kiến chỉ nhận thấy với hành như thế… cách chấp theo dị đoan. Nếu có những tướng trạng như thế mới gọi là giới cấm thủ thân phược *(sīlabataparāmāsa kāyagantha).*
- ***Ngã kiến thân phược** đó ra sao?* Như là sự nhận thấy đời trường tồn như thế là sự thật, còn ngoài ra là không thật. Sự nhận thấy đời không trường tồn như thế là thật, ngoài ra không thật… sự nhận thấy rằng chúng sanh sau khi chết sanh nữa cũng chẳng phải, không sanh nữa cũng chẳng phải chính đó là chắc cứng, còn cách khác không chắc thật. Sự nhận thấy theo thường kiến… cách chấp bằng lối dị đoan. Nếu có trạng thái như thế đó mới gọi là ngã kiến thân phược *(idaṃsaccābhinivesa kāyagantha).*

  Trừ ra giới cấm thủ thân phược, còn tà kiến tất cả cũng đều gọi là ngã kiến thân phược.

Những như thế gọi là tứ phược *(gantha).*

963.

***Tứ bộc… tứ phối… tứ thủ** đó ra sao?* Như là dục thủ, tà kiến thủ, giới cấm thủ và ngã chấp thủ.

- *Trong bốn thủ ấy, mà **dục thủ** đó ra sao?* Như là sự vừa lòng trong dục… sự vùi mài trong dục. Như thế gọi là dục thủ *(kāmupādāna).*
- ***Kiến thủ** đó ra sao?* Như là sự nhận thấy rằng bố thí rồi không có quả phước. Cách cúng dường tam bảo cũng không có quả phước… còn Sa-môn, Bà-la-môn mà bực chuyên tu hành đúng tự mình đắc chứng tỏ ngộ đời nầy và đời khác rồi tuyên bố cho người khác biết, cả thế giới đều không có. Sự nhận thấy theo thiên kiến… cách chấp bằng lối dị đoan. Nếu có những trạng thái như thế mới gọi là kiến thủ *(diṭṭhupādāna).*

  Trừ ra giới cấm thủ và ngã chấp thủ rồi, còn tất cả tà kiến đều gọi là tà kiến thủ.

- ***Giới cấm thủ** đó ra sao?* Như là Sa-môn, Bà-la-môn ngoại giáo có sự nhận thấy rằng cách trong sạch có thể đặng là do giới, do hành. Nhận thấy chỉ có giới hành đó

là thiên kiến… cách chấp theo lối dị đoan. Nếu có những tướng trạng như thế gọi là giới cấm thủ.

- ***Ngã chấp thủ*** *đó ra sao?* Như là phàm phu trong đời nầy có người thiếu học vấn, không đặng thấy Thánh nhân, không rành trong pháp của Thánh nhân, không đặng thụ huấn trong pháp của Thánh nhân. Không gặp trí thức, không rành trong pháp của trí thức, không đặng thụ huấn trong pháp của trí thức mới nhận thấy sắc là ta hay ta có sắc, hoặc thấy sắc trong ta hay là nhận thấy ta trong sắc. Vẫn nhận thấy thọ là ta… nhận thấy tưởng là ta… nhận thấy hành là ta… nhận thấy thức là ta… hay nhận thấy ta có thức, hoặc nhận thấy thức trong ta hay là nhận thấy ta trong thức. Sự nhận thấy thiên kiến… cách chấp theo dị đoan. Nếu có những tướng trạng như thế mới gọi là ngã chấp thủ *(attavādupādāna).*

Những cách như thế gọi là tứ thủ *(upādāna).*

964.

Tứ ái thủ *đó ra sao?* Như là ái khi sẽ phát sanh ra cho Phíc-khú hoặc sanh nguyên do y. Ái khi sẽ phát sanh cho Phíc-khú hoặc do bát. Ái khi sẽ phát sanh cho Phíc-khú hoặc do nhân nơi chỗ nương ở. Ái khi sẽ phát sanh cho Phíc-khú hoặc nhân do tứ vật dụng như đã nói mà tinh vi và rất tốt đẹp. Những thế gọi là tứ ái thủ *(taṅhuppādā).*

965.

Tứ thiên vị *đó ra sao?* Như là thiên vị vì thương, thiên vị vì ghét, thiên vị vì ngu lỗ, thiên vị vì sợ. Những tướng trạng thiên vị dù thiên vị vì ưa hay thiên vị trong phe đảng diêu chuyển như nước chảy. Nếu có những tướng trạng như thế đều thuộc về tứ thiên vị *(Agatigama).*

966.

Tứ hội ngộ *đó ra sao?* Như là sự hiểu lầm do tưởng, sự hiểu lầm do tâm, sự hiểu lầm do tà kiến, sự vật vô thường cho là trường tồn, hiểu lầm do tưởng, hiểu lầm do tâm, hiểu lầm do tà kiến, sự vật khổ cho là lạc. Sự hiểu lầm do tưởng, sự hiểu lầm do mãnh lực của tâm, sự hiểu lầm do mãnh lực tà kiến, sự vật vô ngã cho là hữu ngã. Hiểu lầm do tưởng, hiểu lầm do tâm, hiểu lầm do tà kiến, vật bất mỹ cho là tốt đẹp. Những như thế gọi là tứ hội ngộ *(vipariyesā).*

967.

Tứ phi đặc từ *đó ra sao?* Như là khi không thấy nói là thấy. Không nghe nói là nghe. Không biết nói là biết. Không hiểu nói là hiểu rõ. Những thế gọi là tứ phi đặc từ *(anariyavohārā).*

968.

Tứ phi đặc từ *(khác nữa) đó ra sao?* Khi thấy nói không thấy. Khi nghe nói không nghe. Khi biết nói không biết. Khi hiểu nói không hiểu. Như thế gọi là tứ phi đặc từ *(anariyavohārā).*

969.

Tứ ác *đó ra sao?* Như là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ. Những thế gọi là tứ ác *(duccarita).*

970.

Tứ ác *(khác nữa) đó ra sao?*

Như là vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Những thế gọi là tứ ác *(duccarita).*

971.

Tứ nạn *đó ra sao?* Như là sanh nạn, lão nạn, bệnh nạn và tử nạn. Những thế gọi là tứ nạn *(bhaya).*

972.

Tứ nạn *(khác nữa) đó ra sao?* Như là vương nạn, cướp nạn, thủy nạn và hỏa nạn. Những thế gọi là tứ nạn *(bhaya).*

973.

Tứ nạn *(khác nữa) đó ra sao?* Nạn phát sanh từ sóng nước, nạn phát sanh từ (con) sấu, nạn phát sanh từ tham nguyên (chỗ sâu), nạn phát sanh từ cá dữ. Những thế gọi là tứ nạn *(bhaya).*

974.

Tứ nạn *(khác nữa) đó ra sao?* Nạn phát sanh từ tự chê trách, nạn phát sanh từ người khác chê trách, nạn phát sanh từ roi vọt, nạn phát sanh từ khổ thú. Những thế gọi là tứ nạn *(bhaya).*

975.

Tứ kiến *đó ra sao?* Như là kiến thức phát sanh bằng lối nhứt định chắc chắn rằng khổ lạc đều tự ta. Kiến thức phát sanh nhận chắc rằng khổ lạc do người khác làm cho. Kiến thức phát sanh bằng lối nhận chắc rằng khổ lạc do cả ta và người khác làm ra. Kiến thức phát sanh nhận chắc rằng khổ lạc không phải ta, không phải người khác làm cho mà chỉ tự nhiên phát sanh. Những thế gọi là tứ kiến *(diṭṭhi).*

Xiển minh phần năm điều

976.

Trong những phần năm điều, mà ***ngũ triền thô*** *ra sao?* Ngũ triền phần hạ như là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục dục, sân độc. Những thế gọi là ngũ triền thô *(orambhāgiyasaṃyohana).*

977.

Ngũ triền tế *đó ra sao?* Ngũ triền phần thượng như là sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, phóng dật, vô minh. Những thế gọi là ngũ triền tế *(uddhambhāgiyasaṃyojana).*

978.

Ngũ lẫn sắc *đó ra sao?* Ngũ lẫn sắc như là bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn dòng giống, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp, bỏn xẻn Giáo pháp. Những thế gọi là ngũ lẫn sắc *(macchariya).*

979.

Ngũ quan hệ *đó ra sao?* Ngũ quan hệ như là ái quan hệ, sân quan hệ, si quan hệ, ngã mạn quan hệ, tà kiến quan hệ. Những thế gọi là ngũ quan hệ *(saṅga).*

980.

Ngũ tiễn *đó ra sao?* Ngũ tiễn như là ái tiễn, sân tiễn, si tiễn, ngã mạn tiễn, tà kiến tiễn. Những thế gọi là ngũ tiễn *(sallā).*

981.

Ngũ tâm thối hóa *đó ra sao?* Ngũ tâm thối hóa như là người vẫn sai kỵ, nghi ngờ, không quyết tin, không tín ngưỡng với Đức Phật; vẫn sai kỵ nghi ngờ không quyết tin, không tín ngưỡng với Giáo pháp. Vẫn sai kỵ nghi ngờ, không quyết tin, không tín ngưỡng với Tăng. Vẫn sai kỵ nghi ngờ, không quyết tín, không tín ngưỡng với điều học. Hay là đối với các bạn phạm hạnh hay hờn giận, không ưa thích, có tâm đã kích, cường ngạnh, cố chấp. Những thế gọi là ngũ tâm thối hóa *(cetokhilā).*

982.

Ngũ tâm nhiễm đắm *đó ra sao?* Ngũ tâm nhiễm đắm như là: 1) những người chưa xa lìa sự vọng dục, chưa xa lìa sự ưa thích, chưa xa lìa sự thương yêu, chưa xa lìa sự khao khát, chưa xa lìa sự nóng nảy, chưa xa lìa sự ham muốn trong dục; 2) hay những người

chưa xa lìa sự vọng dục, chưa xa lìa sự ưa thích, chưa xa lìa sự thương yêu, chưa xa lìa sự khao khát, chưa xa lìa sự nóng nảy, thì cũng chưa xa lìa tham trong thân; 3) những người chưa xa lìa sự vọng dục, chưa xa lìa sự vừa lòng, chưa xa lìa sự thương mến, chưa xa lìa sự khao khát, chưa xa lìa sự nóng nảy, cũng chưa xa lìa sự tham sắc; 4) độ vật thực đã no nê vừa ý rồi tìm sự an lạc bằng cách nằm, tìm sự vui bằng cách phiên chuyển qua lại và tìm sự an vui trong cách ngủ; 5) hay là hy vọng một vị Chư thiên nào rồi tu phạm hạnh với tâm tưởng rằng ta sẽ thành Chư thiên bực đại thế lực, hoặc một vị Chư thiên thiếu thế lực thành tựu do giới ấy, hoặc do tinh tấn ấy hay là do phạm hạnh ấy. Những thế gọi là ngũ tâm nhiễm *(cetaso vinibandhā).*

983.

Ngũ cái *đó ra sao?* Là dục dục cái *(kāmacchandanīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho sanh ra, tức là dục dục; là sân độc cái *(byāpādanīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho phát sanh, tức là sân độc; là hôn trầm thùy miên cái *(thīnamiddhinīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho phát sanh tức là hôn trầm thùy miên; là trạo hối cái *(uddhaccacukkuccanīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho phát sanh tức là trạo hối; là hoài nghi cái *(vicikicchānīvaraṇa)* là pháp hạn chế thiện không cho phát sanh tức là hoài nghi. Những thế gọi là ngũ cái *(pañca nīvaraṇa).*

984.

Ngũ vô gián nghiệp *đó ra sao?* Như là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, chích huyết thân Phật và phá hòa hiệp Tăng. Những thế gọi là ngũ vô gián nghiệp *(kamma ānantarika).*

985.

Ngũ kiến thức *đó ra sao?* Như là có bực Sa-môn hoặc Bà-la-môn có vị trình bày như vầy: Ta có tưởng, sau khi chết không thay đổi. Hay Sa-môn, Bà-la-môn có vị trình bày như vầy: Ta không có tưởng, sau khi chết không thay đổi. Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nào trình bày rằng ta có tưởng cũng không phải, không có tưởng cũng không phải sau khi chết không thay đổi. Hay có bực Sa-môn, Bà-la-môn có vị vẫn chế định sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự không có của chúng sanh vẫn rõ rệt. Hay có bực Sa-môn, Bà-la-môn có vị trình bày Níp-bàn hiện tại. Những thế gọi là ngũ kiến thức *(diṭṭhi).*

986.

Ngũ oan trái *đó ra sao?* Như là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, ẩm tửu và dùng cách chất say, ăn men, ăn hèm. Những thế gọi là ngũ oan trái *(verā).*

987.

Ngũ phiến *đó ra sao?* Như là thân tộc phiến *(ñātibyasana),* phẩm thực phiến *(bhogabyasana),* tật bệnh phiến *(rogabyasana),* giới hạnh phiến *(sīlabyasana),* tà kiến phiến *(diṭṭhibyasana).* Những thế gọi là ngũ phiến *(byasana).*

988.

Ngũ quá bất nhẫn *đó ra sao?* Như là nhiều người không thích, có oan trái, có tội lỗi nhiều, chết mê loạn và sau khi chết sa vào đường ác như khổ thú, khổ hình và Địa ngục. Những thế gọi là ngũ quá bất nhẫn *(akkhantiyā ādīnavā).*

989.

Ngũ nạn *đó ra sao?* Như là nạn phát sanh do nuôi sống, nạn phát sanh do chê bai, nạn phát sanh do sợ trong khi hội hợp, nạn phát sanh do tử và nạn phát sanh do sa đoạ đường ác. Những thế gọi là ngũ nạn *(bhaya).*

990.

Ngũ thuyết Níp-bàn hiện tại kiến *đó ra sao?*

1. Như là Sa-môn hoặc Bà-la-môn trong đời nầy có tà thuyết như vầy: Nầy chư hiền giả khi nào ta đầy đủ tràn trề dồi dào với ngũ dục lạc thì do nhân ấy ta đây mới gọi là đắc Níp-bàn hiện tại kiến cao tột. Hoặc có những Sa-môn, Bà-la-môn một đảng nào mà đặt ra Níp-bàn hiện tại cao siêu của chúng sanh hiện bày bằng cách như thế.

2. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nữa trình bày với Sa-môn hoặc Bà-la-môn đó như vầy: Nầy chư hiền giả, Ngài trình bày cái ngã đâu? Cái ngã ấy chính vẫn có, ta sẽ trình bày như vầy: Cái ta đó không có cũng không lý.

   Nầy chư hiền giả, chỉ cái ta ấy, chính cái ta ấy sẽ gọi là chủng Níp-bàn hiện tại cao tột, do nhân bao nhiêu đó phi lý, điều nầy có cho là nhân.

   Nầy chư hiền giả, bởi vì tất cả dục không bền thành khổ, phát sanh sầu, khóc, ưu, ai, sự buồn rầu, sự than khóc, sự khổ, sự ưu sầu vì bởi những dục đó biến chuyển thành thứ khác.

   Nầy hiền giả, nếu khi nào cái ta ấy tĩnh ly dục, vắng lặng đã lìa pháp thiện, vẫn đắc sơ thiền…

   Nầy chư hiền giả, chính do nhân với duyên đó ta đây mới gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao siêu. Có bọn Sa-môn, Bà-la-môn định đặt Níp-bàn hiện tại cao siêu của chúng sanh vẫn có bằng cách như thế.

3. Có bực Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác trình bày với Sa-môn hoặc Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài tường thuật cái ta đâu chi? Chính cái ta ấy vẫn có chúng ta sẽ trình bày như vầy: Cái ta đó không có không lý.

   Nầy hiền giả, chỉ cái ta ấy sẽ gọi là đắc chứng Níp-bàn cao thượng với nhân bao nhiêu đó cũng vô lý, điều ấy có chi là thành nhân. Tầm, tứ nào mà có trong sơ thiền ấy, có trong sơ thiền đó, thì sơ thiền ấy vẫn hiện thành đồ thô bởi do tầm và tứ ấy.

   Nầy hiền giả, chính khi nào ta đắc nhị thiền thì dĩ nhiên trong sạch do vắng lặng tầm, tứ… với nhân bao nhiêu đó, cái ta ấy mới gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao thượng.

4. Có nhóm Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác tự định đặt Níp-bàn hiện tại cao thượng của chúng sanh vẫn có hiện bày bằng cách như thế đó. Cũng có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào khác mà nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy chư hiền giả, Ngài nói cái ta như thế nào? Chính là cái ta ấy vẫn có chúng ta sẽ trình bày cái ta đó không có cũng không lý.

   Nầy hiền giả, chỉ là cái ta ấy sẽ gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao siêu bằng nhân bấy nhiêu đó cũng vô lý, điều đó có chi là nhân vì hỷ mà tâm bồng bột ở trong nhị thiền ấy hiện thành đồ thô, chính do hỷ là sự bồng bột tâm đó.

   Nầy hiền giả, nếu khi nào đặng bày trừ hỷ nữa thì cái ngã ấy đắc chứng tam thiền… bằng nhân bao nhiêu đó thì cái ta ấy mới gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao siêu.

5. Có một đám Sa-môn hoặc Bà-la-môn định đặt Níp-bàn hiện tại cao siêu của chúng sanh vẫn có hiện bày bằng cách như thế. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn khác nữa trình bày với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái chi là ta, chính cái ta ấy vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày như vầy: Cái ta đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ta ấy gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao siêu bằng nhân bao nhiêu đó cũng vô lý, điều nầy có chi là nhân có hưởng lạc trong tâm ở trong tam thiền ấy, thế nên tam thiền ấy vẫn hiện bày lối thô, bởi hưởng lạc trong tâm đó. Nếu khi nào mà cái ấy đắc chứng tứ thiền đặng trừ lạc… chỉ do nhân ấy thì cái ta đó mới

gọi là đắc chứng Níp-bàn hiện tại cao thượng. Bọn Sa-môn, Bà-la-môn nào mà định đặt Níp-bàn hiện tại cao thượng của chúng sanh vẫn có hiện bày bằng cách như thế.

Những đó gọi là ngũ thuyết Níp-bàn hiện tại *(diṭṭhadhammanibbānavāda).*

Xiển minh phần sáu điều

991.

*Trong phần lục điều, mà **lục căn khanh biện** ra sao?* Như là sự sân, sự vong ân, sự đố kỵ, sự khoe khoang, sự móng ô uế và sự tự chấp theo kiến thức của mình. Những thế gọi là lục căn khanh biện *(vivādamūla).*

992.

***Lục pháp liên quan dục ái** đó ra sao?* Như là sự vọng dục, rất vọng dục… sự quá vọng dục của tâm, ngoan cố theo dục lạc trong những sắc vừa lòng… thinh vừa lòng… khí vừa lòng… vị vừa lòng… xúc vừa lòng… và cảnh pháp vừa lòng… liên quan với ái hay rất ưa thích… Những sự ái dục lạc của tâm như thế gọi là lục pháp liên quan dục ái *(chandarāgāgehasitā dhammā).*

993.

***Lục ác độc tông** đó ra sao?* Như là sự cừu thù, sự sôi nổi của tâm… sự hung ác, sự độc hại, sự không hoan hỷ của tâm đối với sắc không thích tâm… tiếng không thích tâm… khí không thích tâm… vị không thích tâm… xúc không thích tâm… và cảnh pháp không thích tâm, cho đến cừu thù oán hận của tâm… Hay là tâm hung dữ độc ác, ý không hoan hỷ. Những thế gọi là ác độc tông *(vidhavatthu).*

994.

***Lục ái thân** đó ra sao?* Như là sắc ái, thinh ái, khí ái, vị ái, xúc ái và pháp ái. Những thế gọi là lục ái thân *(taṅhākāya).*

995.

***Lục phòng xá** đó ra sao?* Như là những người không cung kỉnh, không tin theo giáo chủ đang hiện hành… trong Pháp bảo đang hiện hành… trong Tăng bảo đang hiện hành… trong điều học đang hiện hành… trong sự dể duôi đang hiện hành mà người không cung kỉnh và không nghe theo với sự khuyên bảo đang hiện hành. Những như thế gọi là lục phòng xá *(agāravā).*

996.

***Lục pháp thối hóa** đó ra sao?* Như là sự ưa tạo lập, ưa nói chuyện, ưa ngủ nghỉ, ưa trà trộn với đám đông, ưa cách ở chung và ưa trong pháp hành nhân trễ nải. Những thế gọi là lục pháp thối hóa *(parihāniyā dhammā).*

997.

* ***Lục pháp thối hóa** (nữa) đó ra sao?*

Như là sự ưa tạo lập, ưa nói chuyện, ưa ngủ nghỉ, ưa chung chạ đám đông thành người nan giáo và thành người có bạn ác xấu. Những thế gọi là lục pháp thối hóa *(parihāniyā dhammā).*

998.

***Lục hỷ nhớ tưởng** đó ra sao?* Như là mắt đã thấy sắc nhớ đến sắc nương căn cứ hỷ. Tai đã nghe tiếng… mũi đã hửi hơi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… ý đã biết cảnh pháp đều nhớ tưởng bằng cơ sở hỷ. Những thế gọi là lục hỷ nhớ tưởng *(somanassupavicārā).*

999.

Lục ưu nhớ tưởng *đó ra sao?* Như là mắt đã thấy sắc móng tưởng đến sắc bằng cơ sở ưu. Tai đã nghe tiếng… mũi đã hửi hơi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… tâm đã biết cảnh pháp mà nhớ đến cảnh pháp bằng cơ sở ưu. Những thế gọi là lục ưu nhớ tưởng *(domanassupavicārā).*

1000.

Lục xả cận tứ *đó ra sao?* Như là mắt đã thấy sắc móng nhớ đến sắc bằng cơ sở xả. tai đã nghe tiếng… mũi đã hửi hơi… lưỡi đã nếm vị… thân đã đụng chạm… và tâm đã biết cảnh pháp rồi móng tưởng đến cảnh pháp bằng cơ sở xả. Những thế gọi là lục xả cận tứ *(upekkhūvicārā).*

1001.

Lục liên quan hỷ *đó ra sao?* Như là sự vui lòng, sự an tâm, sự hưởng cảnh an vui từ nơi tâm xúc, thái độ hưởng cảnh an vui từ nơi tâm xúc, cố nương với dục lạc đối với trong sắc vừa lòng… thinh thích ý… hơi thích tâm… vị vừa ý… xúc vừa lòng… có sự yên tâm vui lòng hưởng cảnh an vui phát sanh từ ý xúc hay thái độ hưởng cảnh an vui từ ý xúc, cố nương dục lạc trong cảnh pháp vừa lòng. Những thế gọi là lục liên quan hỷ *(gehasitasomanassa).*

1002.

Lục liên quan ưu *đó ra sao?* Như là sự không vui lòng, khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui và khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh chẳng vui khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, cố nương dục lạc đối trong sắc chẳng vừa lòng… tiếng chẳng vừa lòng… hơi chẳng vừa ý… vị chẳng vừa tâm… xúc không thích hợp, sự không vui lòng, cách khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc, cố nương dục lạc, đối trong cảnh pháp đều chẳng vừa lòng. Những thế gọi là lục liên quan ưu *(gehasitadomanassa).*

1003.

Lục liên quan xả *đó ra sao?* Như là sự làm trong tâm liên quan với phi khổ phi lạc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, cố hưởng dục lạc sắc thuộc cơ sở xả… thinh thuộc cơ sở xả… khí thuộc cơ sở xả… vị thuộc cơ sở xả… xúc thuộc cơ sở xả… sự phi lạc phi phi lạc của tâm, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc cũng sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh phi khổ phi lạc cũng sanh từ ý xúc, cố nương dục lạc trong cảnh pháp thuộc cơ sở xả. Những thế gọi là lục liên quan xả *(gehasitā upekkhā).*

1004.

Lục tà kiến *đó ra sao?*

- Như là sự nhận thấy phát sanh với người ấy bằng cách chắc chắn như vầy: Cái ngã của ta hoặc cũng có như thế hay sự nhận thức phát sanh của người ấy cố định như vầy: Cái ngã của ta hoặc cũng không có hay sự kiến thức phát sanh cho người ấy bằng cách cương quyết như vầy: Ta biết rõ hoặc cái ta với cái ta như thế. Sự tri kiến phát sanh đến người ấy chấp cứng như vầy: Ta biết rõ hoặc phi ngã với ngã như thế. Sự tri kiến phát sanh cho người ấy chắc chắn như vầy: Ta cũng biết rõ hoặc ngã với phi ngã như thế.

- Sự tri kiến phát sanh cho người ấy bằng cách chắn chắn như vầy: Cái ngã của ta đây là thành người nói, thành người hưởng, vẫn hưởng quả của sự tốt và sự xấu trong những đời ấy tột thời gian lâu xa; cái ngã đó không sanh đã không có ra trong thuở quá khứ và cái ngã đó không sanh sẽ không có ra trong thời vị lai vì cái ngã là đồ trường tồn vững chắc thiêng liêng mãi mãi không thay đổi cũng có lẽ như thế. Những đó là lục tà kiến *(diṭṭhi).*

Xiển minh phần bảy điều

1005.

*Trong những phần bảy điều, mà **thất tùy miên** ra sao?* Như là dục ái tùy miên *(kāmarāgānusaya),* phẫn nhuế tùy miên *(paṭighānusaya),* ngã mạn tùy miên *(mānānusaya),* tà kiến tùy miên *(diṭṭhānusaya),* hoài nghi tùy miên *(vicikicchānusaya),* hữu ái tùy miên *(bhavarāgānusaya),* vô minh tùy miên *(avijjānusaya).* Những thế gọi là thất tùy miên.

1006.

***Thất giá cái** đó ra sao?* Như là dục ái giá cái *(kāmarāgapariyuṭṭhāna),* phẫn nhuế giá cái *(paṭighapari-yuṭṭhāna),* ngã mạn giá cái *(mānapariyuṭṭhāna),* tà kiến giá cái *(diṭṭhipariyuṭṭhāna),* hoài nghi giá cái *(vicikicchāpariyuṭṭhāna),* hữu ái giá cái *(bhavarāgapariyuṭṭhāna),* vô minh giá cái *(avijjāpariyuṭṭhāna).* Những thế gọi là thất giá cái.

1007.

***Thất triền** đó ra sao?* Như là dục ái triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, hữu ái triền, vô minh triền. Những thế gọi là thất triền *(saṃhoyana).*

1008.

***Thất phi chánh pháp** đó ra sao?* Như là kẻ thành người bất tín *(assaddho),* vô tàm, vô úy, thiếu học vấn, giải đãi, thất chánh niệm, trí cạn cợt. Những thế gọi là thất phi chánh pháp *(asaddhammā).*

1009.

***Thất ác** đó ra sao?* Như là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ. Những thế gọi là thất ác *(duccarita).*

1010.

***Thất mạn** đó ra sao?* Như là ngã mạn *(māna)*, quá mạn *(atimāno),* mạn quá mạn *(mānātimāno),* ty ngã mạn *(omāno),* tăng thượng mạn *(adhimāno),* cống cao mạn *(asmimāno),* tà mạn *(micchāmāno).* Những thế gọi là thất mạn *(satta mānā).*

1011.

***Thất tà kiến** đó ra sao?*

1. Như là Sa-môn hoặc Bà-la-môn cũng có người trong đời nầy có ý kiến thế nầy, có sự kiến thức như vầy: Nầy hiền giả, bởi vì cái ta đó có sắc thành tựu do sắc tứ đại sung sanh trong khiết bạch[1] của mẹ, sau khi chết vẫn tiêu mất, vẫn điêu tàn, vẫn không có.

   Nầy hiền giả, chính do nhân đó, cái ta ấy mới đặng gọi là hoàn toàn tiêu diệt. Sa-môn, Bà-la-môn một nhóm khác định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự luống không của chúng sanh kẻ đang hiện có bằng cách như thế.

2. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác trình bày với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã dù sao nhưng mà chính cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ phải nói như vầy: "cái ngã đó không có cũng không lý".

   Nầy hiền giả, nhưng cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn chỉ bằng nhân ấy cũng không lý.

[1] khiết bạch – nghĩa là trong sạch trắng trẻo (theo Từ Điển Hán-Việt của Đào Duy Anh)

Nầy hiền giả, cái ngã khác là tiên có những hình sắc dạo đi trong cõi Dục giới có thực phẩm là vắt cơm thành miếng ăn hẳn đang có mà Ngài không biết không thấy cái ngã ấy, còn tôi đặng biết cái ngã đó.

Nầy hiền giả, chính do cái ngã ấy sau khi chết phải tiêu mất điêu tàn luống không. Nầy hiền giả, chỉ do nhân như thế cái ngã ấy mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, tiêu tàn, luống không của chúng sanh mà người đang hiện có bằng cách như thế.

3. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã dù sao chính cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ đặng nói rằng cái ngã đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, nhưng cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn bằng bao nhiêu nhân đó cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác là tiên có hình sắc đã thành tựu bằng tâm có tứ chi lớn nhỏ đủ mọi bộ phận có quyền *(Indrīya)* không thiếu sót chắc hẳn là có mà Ngài không biết không thấy cái ngã đó, tôi đây mới đặng biết, đặng thấy cái ngã đó.

   Nầy hiền giả, bởi vì chính cái ngã đó sau khi chết thân hoại mạng chung vẫn tiêu mất, tiêu tàn, luống không.

   Nầy hiền giả, do những nhân ấy, cái ngã đó mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Có đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt tiêu mất, luống không của chúng sanh mà người đang hiện có bằng cách như thế.

4. Có Sa-môn, Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã chi thì chính cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày như vầy: Cái ngã đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, nhưng cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn bằng nhân bao nhiêu đó cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác đến bực thiền Không vô biên xứ, niệm tưởng bằng cách như vầy: hư không không bờ mé, do lướt qua tưởng sắc bằng mọi cách bởi sự diệt mất nơi phẫn tưởng *(Paṭgha Saññāna)* do không tác ý tưởng dị chính là vẫn có mà ngài không biết không thấy cái ngã đó, nhưng tôi biết tôi thấy cái ngã đó.

   Nầy hiền giả, do chính cái ngã đó sau khi chết thân hoại mạng chung vẫn tiêu mất, vẫn điêu tàn, vẫn luống không.

   Nầy hiền giả, chỉ do nhân ấy mà cái ngã đó mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Có đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự luống không của chúng sanh người đang hiện có bằng cách như thế.

5. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã nào thì chính cái ngã ấy vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày rằng cái ngã đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, chính cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn, chỉ bằng nhân đó cũng là vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác mà có thể đến thiền Thức vô biên xứ bằng cách tu niệm rằng: "Cái thức không cùn tột" như vậy do lướt khỏi Không vô biên xứ bằng mọi cách chính vẫn có mà Ngài không biết không thấy cái ngã đó, tôi mới biết thấy cái ngã đó.

   Nầy hiền giả, chính do cái ngã đó sau khi chết do thân hư hoại thời tiêu diệt, vẫn tiêu tàn, vẫn luống không.

Nầy hiền giả, chỉ nhân bao nhiêu đây mà cái ngã ấy mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự luống không của chúng sanh mà người đang hiện có bằng cách như thế.

6. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã chi thì chính cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày rằng cái ngã đó không có cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, vốn cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn bằng bao nhiêu nhân đó cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác đặng vào đến thiền Vô sở hữu xứ do tu niệm như vầy: "Cái thức không có chi cả" như thế do lướt qua Thức vô biên xứ bằng mọi cách như thế mà Ngài vẫn không biết, không thấy cái ngã đó, tôi vẫn biết vẫn thấy cái ngã đó.

   Nầy hiền giả, chính do cái ngã đó mà sau khi chết thân hoại mạng chung vẫn tiêu diệt, vẫn tiêu tàn, vẫn luống không.

   Nầy hiền giả, bởi chính cái nhân đó mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn.

7. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn sự không có của chúng sanh mà người đang hiện hữu với cách như thế. Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn khác nói với Sa-môn, Bà-la-môn đó như vầy: Nầy hiền giả, Ngài nói cái ngã chi chính là cái ngã đó vẫn có, chúng ta sẽ đặng trình bày rằng cái ngã đó không có cũng là vô lý.

   Nầy hiền giả, chính cái ngã ấy sẽ đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn, do bao nhiêu nhân đó cũng vô lý.

   Nầy hiền giả, cái ngã khác có thể đến thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ do lướt qua Vô sở hữu xứ bằng mọi cách chắc hẳn có, mà Ngài vẫn không biết không thấy cái ngã ấy, ta đây mới thấy biết cái ngã ấy.

   Nầy hiền giả, chính do cái ngã đó mà sau khi chết thân hoại mạng chung thì tiêu diệt, vẫn tiêu hoại, vẫn không có.

   Nầy hiền giả, chỉ do những nhân đó mà cái ngã ấy mới đặng gọi là tiêu diệt hoàn toàn. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn định đặt sự tiêu diệt, sự tiêu tàn, sự không có của chúng sanh mà người đang hiện hữu bằng cách ấy. Những thế gọi là thất tà kiến *(satta diṭṭhiyo).*

Xiển minh phần tám điều

1012.

Trong những phần bát điều, mà ***bát phiền não tông*** *đó ra sao?* Như là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật. Những thế gọi là bát phiền não tông *(kilesavatthu).*

1013.

Bát giải đãi tông *đó ra sao?*

1. Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy có công việc phải làm, y phát ra sự nghĩ rằng ta sẽ cần làm công việc mà khi ta làm công việc ta sẽ khổ thân, thôi ta nên đi ngủ. Thế rồi y ngủ luôn không mong sự tinh tấn để đến công đức chưa đến, để chứng công đức chưa chứng, để làm cho tỏ ngộ phần công đức mà chưa đặng làm cho tỏ ngộ. Đây sắp thành giải đãi tông thứ nhất *(pathama kusītavatthu).*

2. Còn điều khác nữa như là Phíc-khú đã làm công việc rồi, y mới suy nghĩ bằng cách nầy, ta làm công việc đã xong mà khi ta đang làm công chuyện thì thân khổ sở, vậy

thôi thì ta sẽ nghĩ chớ rồi y ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn để đến công đức mà ta chưa đến, để đắc ân đức mà chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ cái công đức mà ta chưa đặng làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông thứ hai *(dutiya kusītavatthu).*

3. Còn có điều khác nữa, như là Phíc-khú cần đi đường thì y lại nghĩ rằng ta sẽ cần đi đường ư? Nhưng khi ta đi đường sẽ khổ thân, thôi đừng ta nên ngủ đi, thế rồi y ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn để đến ân đức chưa đến, để chứng ân đức mà chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ cái ân đức mà chưa mấy gì tỏ ngộ. Những như thế đó sắp thành giải đãi tông thứ ba *(tatiya kusītavatthu).*
4. Còn có điều khác nữa, như là Phíc-khú sau khi đi đường thì y nghĩ rằng ta hành trình rồi mà khi ta đang đi đường cực khổ thân, thôi đi ta nên ngủ kìa, nói rồi y ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn hầu đến công đức chỗ chưa đến, hầu đắc chứng công đức chỗ chưa đắc chứng, hầu làm cho tỏ ngộ với công đức mà chưa làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông thứ tư *(catuttha kusītavatthu).*
5. Còn có điều khác nữa, như là Phíc-khú đi dạo trong xóm làng thuộc về đi bát mà không đặng thực phẩm dù cho đồ xấu xa hay tinh vi vừa với sự cần dùng, y mới nghĩ rằng khi ta đi bát trong xóm làng mà không đặng thực phẩm thô sơ hoặc tinh vi cho vừa với sự cần dùng mà khổ thân ta với công việc không đáng, thôi ta nên ngủ cho rồi, y liền đi ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn hầu đến ân đức chưa đến, hầu đắc chứng ân đức chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ bằng ân đức mà chưa đặng làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông thứ năm *(pañcama kusītavatthu).*
6. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú đi vào xóm làng trì bình đặng thực phẩm thô sơ hoặc tinh vi đã thích hợp với sự cần dùng, nhưng y lại nghĩ rằng khi ta đi bát trong xóm làng mà đặng vật thực thô sơ hoặc tinh vi đã vừa với sự cần dùng thân phải nặng nề, công việc không thích hợp sẽ thành như đậu ngăm, thôi đi ta sẽ ngủ, rồi y ngủ luôn, không hy vọng sự tinh tấn để cho đến chỗ công đức chưa đến, để cho chứng công đức chỗ chưa chứng, đặng làm cho tỏ ngộ với công đức mà chưa mấy gì làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông điều thứ sáu *(chaṭṭa kusītavatthu).*
7. Còn có điều nầy nữa, như là Phíc-khú phát sanh chút đỉnh bịnh thì y nghĩ như vầy: Ta phát sanh chút đỉnh bịnh, suy nghĩ để sẽ ngủ mà thôi ta nên ngủ đi, rồi y ngủ luôn không hy vọng sự tinh tấn hầu đến công đức chỗ chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ công đức mà chưa mấy gì làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông điều thứ bảy *(sattama kusītavatthu).*
8. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú hết làm cử rồi chưa bao lâu thì y nghĩ rằng ta đã hết làm cử rồi chưa đặng bao lâu, thân của ta yếu ót không vừa với việc làm, thôi đi ta sẽ ngủ rồi y ngủ luôn không hy vọng sự tinh tấn hầu đến công đức mà chưa đến, để đặng đắc chứng công đức mà chưa đắc chứng, để làm cho tỏ ngộ ân đức chỗ chưa mấy gì làm cho tỏ ngộ. Như thế sắp thành giải đãi tông điều thứ tám *(aṭṭhamakusītavatthu).*

Những thế gọi là bát giải đãi tông *(aṭṭha kusītavatthu).*

1014.

Tâm hợp dụng bát thế pháp *đó ra sao?* Sự mừng trong lợi lộc, sự buồn khi hao lợi lộc; sự mừng trong quyền tước, sự buồn khi mất quyền tước; sự mừng với cách khen

ngợi, sự buồn với cách chê bai; sự mừng trong hưởng lạc, sự buồn khi thọ khổ. Những thế gọi là tâm hợp dụng bát thế pháp.

1015.

Bát phi Thánh từ *đó ra sao?* Như là khi không thấy nói thấy, khi không nghe nói nghe, khi không biết nói biết, khi không hiểu nói hiểu. Hay là khi thấy nói không thấy, khi nghe nói không nghe, khi biết nói không biết, khi hiểu nói không hiểu. Những thế gọi là bát phi Thánh từ *(anariyavohāvā).*

1016.

Bát tà *đó ra sao?* Như là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm và tà định. Những thế gọi là bát tà.

1017.

Bát phú quá *đó ra sao?*

1. Như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy mà bị Phíc-khú bên nguyên cáo phạm giới và vị Phíc-khú bị nguyên cáo phạm giới đó che mình bằng sự thất niệm như vầy: "Tôi nhớ không đặng chi như thế. Như thế sắp thành phú quá điều thứ nhất *(pathama purisadosa).*

2. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo về phạm giới mà vị nguyên cáo phạm giới đó biện bác với người nguyên cáo như vầy: Lợi ích chi chăng với cách trình thuộc về Ngài là người ngu si, người không khôn lanh, dù Ngài chưa quyết sái chỗ sẽ nói với ta. Như thế đó sắp thành phú quá điều thứ hai *(dutiya purisadosa).*

3. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo với phạm tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo với phạm tội đó bắt tội lại với Phíc-khú nguyên cáo đó như vầy: Chính Phíc-khú nầy bị phạm tội, điều nầy ông nên sám hối tội đó trước đi. Như thế đó sắp thành phú quá điều thứ ba *(tatiya purisadosa).*

4. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo với phạm tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo đó đem những nhân khác lại nói khỏa lấp, nói để kéo cho hiểu lầm ngoài công chuyện, làm cho giận hờn, làm cách không vừa lòng. Như thế sắp thành phú quá điều thứ tư *(catuttha purisadosa).*

5. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo với tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo với tội đó quơ tay bác bỏ trong giữa tăng chúng. Như thế sắp thành phú quá điều thứ năm *(pañcama purisadosa).*

6. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo phạm tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo phạm tội đã nín thinh ép chế làm cho tăng chúng khổ. Như thế sắp thành phú quá điều thứ sáu *(chaṭṭa purisadosa).*

7. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo tôi đó không quảng đại với tăng chúng, không rộng rãi với nguyên cáo lánh mặt bỏ đi tùy ý, luôn cả lúc đang phạm tội. Như thế sắp thành phú quá điều thứ bảy *(sattama purisadosa).*

8. Còn có điều khác nữa như là Phíc-khú trong Tông giáo nầy bị nguyên cáo phạm tội mà Phíc-khú bị nguyên cáo phạm tội đó lại nói như thế nầy: "Làm sao kìa mà ông lại quá tìm kiếm tôi, hiện nay tôi sẽ hoàn tục thành cư sĩ, ông cũng hoàn tục thành cư sĩ". Rồi nói như thế nầy: "các ngài trưởng thượng hiện nay đây các ngài nên vui mừng hớn hở". Cách đó sắp thành phú quá điều thứ tám *(aṭṭhama purisadosa).*

1018.

***Bát lý thuyết vô tưởng** đó ra sao?*

1. Như là có một đám Sa-môn hoặc Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có hình sắc, sau khi chết biến đổi, nên mới định đặt cái ngã đó như vầy là không có tưởng.
2. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp như vầy: Cái ngã không có hình sắc, sau khi chết không biến đổi, nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
3. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp như vầy: "Cái ngã có cả hình sắc và không hình sắc, sau khi chết không biến đổi, nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
4. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có hình sắc cũng chẳng phải, không hình sắc cũng chẳng phải, sau khi chết không biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
5. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có chỗ cùng tột, sau khi chết không biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
6. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã không cùng tột sau khi chết không biến đổi, nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
7. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có cả cùng tột và không cùng tột, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.
8. Có một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có chỗ cùng tột cũng chẳng phải, không cùng tột cũng chẳng phải, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là không có tưởng.

Những thế gọi là bát thuyết vô tưởng *(aṭṭha asaññivādā).*

1019.

***Bát thuyết phi tưởng phi phi tưởng** đó ra sao?*

1. Như là có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có hình sắc, sau khi chết không biến đổi, mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
2. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã không có hình sắc, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
3. Một đám Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã gồm cả có hình sắc và không hình sắc, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
4. Có một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có hình sắc cũng chẳng phải, không hình sắc cũng chẳng phải, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
5. Một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có chỗ cùng tột, sau khi chết không biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
6. Một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã không có chỗ cùng tột, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.
7. Một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã gồm cả cùng tột và không cùng tột, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.

8. Một nhóm Sa-môn, Bà-la-môn chấp rằng cái ngã có chỗ cùng tột cũng chẳng phải, không cùng tột cũng chẳng phải, sau khi chết chẳng biến đổi nên mới định đặt cái ngã đó là phi tưởng phi phi tưởng.

Những thế gọi là bát thuyết phi tưởng phi phi tưởng *(nevasaññināsaññivādā).*

Xiển minh phần chín điều

1020.

*Trong những phần chín điều, mà **cửu cừu địch tông** đó ra sao?*

1. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho ta hư hại.
2. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta hư hại.
3. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại.
4. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho kẻ thương mến của ta hư hại.
5. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho kẻ thương yêu của ta hư hại.
6. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho kẻ thương yêu của ta hư hại.
7. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho kẻ đối nghịch với ta đặng lợi ích.
8. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho kẻ nghịch với ta đặng lợi ích.
9. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho kẻ nghịch với ta thêm lợi ích.

Những thế gọi là cửu hiệp cừu tông *(ākhātavatthu).*

1021.

***Cửu ô uế** đó ra sao?* Như là sân, vong ân, đố kỵ, lẫn sắt, xảo quyệt, khoe khoan, vọng ngữ, hy vọng ô uế và tà kiến. Những thế gọi là cửu ô uế *(purisamala).*

1022.

***Cửu ngã mạn** đó ra sao?*

1. Là hơn ỷ hơn *(seyyassa seyyohamasmīti māno).*
2. Là hơn ỷ bằng *(seyyassa sadisohamasmīti māno).*
3. Là hơn ỷ thua *(seyyassa hīnohamasmīti māno).*
4. Là bằng ỷ hơn *(sadisassa seyyohamasmīti māno).*
5. Là bằng ỷ bằng *(sadisassa sadisohamasmīti māno).*
6. Là bằng ỷ thua *(sadisassa hīnohamasmīti māno).*
7. Là thua ỷ hơn *(hīnassa seyyohamasmīti māno).*
8. Là thua ỷ bằng *(hīnassa sadisohamasmīti māno).*
9. Là thua ỷ thua *(hīnassa hīnohamasmīti māno).*

Những thế gọi là cửu ngã mạn *(navavidhā mānā).*

1023.

***Cửu pháp căn ái** đó ra sao?*

1. Là do nương ái mới sanh cách tìm kiếm.
2. Là do nương cách tìm kiếm mới sanh cách đặng.
3. Là do nương cách đặng mới sanh cách phán đoán.

4. Là do nương cách phán đoán mới sanh cách dục ái.
5. Là do nương cách dục ái mới sanh cách chấp trước.
6. Là do nương cách chấp trước mới sanh cách bận bịu.
7. Là do nương cách bận bịu mới sanh sự bỏn xẻn.
8. Là do nương sự bỏn xẻn mới sanh cách gìn giữ.
9. Là do nương sự gìn giữ mới sanh ra pháp tội ác, nhiều cách như là cầm cây, cầm khí giới, cách rầy lộn, cách dành xé, cách tranh luận, cách nói mầy tao, cách nói thóc mách và cách nói láo.

Những thế gọi là cửu pháp căn ái *(taṅhāmūlakā dhammā).*

1024.

Cửu biến chuyển *đó ra sao?* Như là sự biến chuyển rằng có ta, sự biến chuyển cho rằng là ta, sự biến chuyển đây là ta; sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh có hình sắc, sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh không hình sắc, sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh có tưởng, sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh vô tưởng, sự biến chuyển cho rằng ta sẽ là chúng sanh phi tưởng phi phi tưởng. Những thế gọi là cửu biến chuyển *(iñjita).*

1025.

Cửu quan trọng, cửu chuyển động, cửu ám ảnh và cửu hữu vi *đó ra sao?* Như là sự chỉnh lý cho rằng ta có, sự chỉnh lý cho rằng là ta, sự chỉnh lý cho rằng đây là ta, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ có, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh có hình sắc, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh không hình sắc, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh hữu tưởng, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh vô tưởng, sự chỉnh lý cho rằng ta sẽ là chúng sanh phi tưởng phi phi tưởng. Những thế gọi là cửu hữu vi.

Xiển minh phần mười điều

1026.

Trong thập điều, mà ***thập phiền não tông*** *ra sao?* Như là tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô úy. Những thế gọi là thập phiền não tông *(kilesavatthu).*

1027.

Thập hiệp cừu tông *đó ra sao?*

1. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho ta hư hại.
2. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta hư hại.
3. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại.
4. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm hư hại cho kẻ yêu mến của ta.
5. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm hư hại cho kẻ yêu mến ta.
6. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm hư hại cho kẻ yêu mến ta.
7. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm lợi ích cho kẻ mà ta không ưa.
8. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm lợi ích cho kẻ mà ta không ưa.
9. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm lợi ích cho kẻ mà ta không ưa thích.
10. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng trong cơ bản *(thāna)* không thích hợp.

Những thế gọi là thập hiệp cừu tông *(ākhātavatthu).*

1028.

Thập ác *đó ra sao?* Như là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngôn, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, tham ác và tà kiến ác. Những thế gọi là thập ác *(dasa akusalakammapathā).*

1029.

Thập triền *đó ra sao?* Như là dục ái triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, giới cấm thủ triền, hữu ái triền, tật đố triền, lẫn sắc triền, vô minh triền. Những thế gọi là thập triền *(dasa samyojanāhi).*

1030.

Thập tà *đó ra sao?* Như là tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, tà trí, tà giải thoát. Những thế gọi là thập tà *(dasa micchattā).*

1031.

Thập tà kiến tông *đó ra sao?* Là nhận thấy rằng bố thí cho người rồi không có quả phước; là nhận thấy rằng cách cúng dường tam bảo không có quả phước; là nhận thấy rằng cúng dường Chư thiên không có quả phước; là nhận thấy rằng dị thục quả của nghiệp tốt xấu không có; là nhận thấy rằng đời nầy không có; là nhận thấy rằng đời sau không có; là nhận thấy rằng cha không có; là nhận thấy rằng mẹ không có; là nhận thấy rằng chúng sanh chết và tục sinh không có; là nhận thấy rằng Sa-môn, Bà-la-môn thực hành chơn chánh đứng đắn hiểu rõ chắc chắn trong đời nầy và đời sau do tự mình tỏ ngộ rồi tuyên bố cho người khác biết như thế, trong đời không có. Những thế gọi là thập tà kiến tông *(dasavatthukā micchādiṭṭhi).*

1032.

Thập tông thường vô thường kiến *đó ra sao?* Như là sự nhận thấy đời nầy trường tồn, hoặc nhận thấy đời không trường tồn, hoặc nhận thấy đời có chỗ tột, hoặc nhận thấy đời không có chỗ tột, hoặc nhận thấy linh hồn cũng là thân thể, hoặc nhận thấy linh hồn với thân thể khác nhau, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết vẫn sanh nữa, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết không sanh nữa, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi tục sinh nữa cũng có không tục sinh nữa cũng có, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết tục sinh nữa cũng chẳng phải không tục sinh nữa cũng chẳng phải. Những thế gọi là thập tông thường vô thường kiến *(dasavatthukā antaggāhikā diṭṭhi).*

Xiển minh phần mười tám điều

1033.

*Trong những đầu đề, mà **thập bát ái du hành nương ngũ uẩn bên trong** đó ra sao?* 1) Là cũng muốn rằng ta có như thế cũng có; 2) là cũng muốn rằng ta bằng cách ấy; 3) là cũng muốn rằng ta là cách đó như thế; 4) là cũng muốn rằng ta bằng cách khác như thế; 5) là cũng muốn rằng ta sẽ sống như thế cũng có; 6) là cũng muốn rằng ta sẽ bằng cách ấy như thế; 7) là cũng muốn rằng ta sẽ thành cách đó như thế; 8) là cũng muốn rằng ta sẽ thành với cách khác như thế; 9) là cũng muốn rằng ta nhất định như thế; 10) là cũng muốn rằng ta không nhất định như thế; 11) là cũng muốn rằng ta phải còn như thế; 12) là cũng muốn rằng ta phải còn với cách ấy như thế; 13) là cũng muốn rằng ta phải thành cách đó như thế; 14) là cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách khác như thế; 15) là cũng muốn rằng ta phải còn như thế; 16) là cũng muốn rằng ta phải còn với cách ấy như thế; 17) là cũng muốn rằng ta thành ra cách đó như thế; 18) là cũng muốn rằng ta phải thành theo cách khác như thế.

1034.

Cũng muốn rằng ta có như thế *ra sao?* Như là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã xa lìa nhau đặng thích rằng ta có, đặng ỷ rằng ta có, đặng nhận rằng ta có, đặng cho những ba pháp đó còn pháp thành cơ quan trì hưỡn. Những thế gọi là muốn rằng ta có như thế, hoặc ta bằng cách đó, hoặc ta thành bằng cách khác cũng vẫn có.

1035.

Cũng muốn rằng ta bằng cách ấy *ra sao?* Như là muốn rằng ta thành vua, quan hoặc thành Phạm chí hoặc thành thầy thuốc, hoặc thành cận thắng tiện dân, hoặc thành cư sĩ, hoặc thành nhà sư, hoặc thành chư thiên, hoặc thành nhân loại có hình sắc, hoặc không hình sắc, có tưởng, hoặc không tưởng, hoặc phi tưởng phi phi tưởng. Như thế gọi là muốn rằng ta bằng cách ấy.

1036.

Cũng muốn rằng ta thành cách đó *là sao?* Như là muốn sanh ra vì so sánh với người khác cho rằng họ thành vua chúa thì ta cũng thành vua chúa như họ. Nếu họ thành Phạm chí thì ta cũng thành Phạm chí như họ. Nếu họ thành thầy thuốc thì ta cũng thành thầy thuốc như họ. Nếu họ thành cận thắng tiện dân (thợ săn) thì ta cũng thành cận thắng tiện dân như họ. Nếu họ thành cư sĩ thì ta cũng thành cư sĩ như họ. Nếu họ thành nhà sư thì ta cũng thành nhà sư như họ. Nếu họ thành Chư thiên thì ta cũng thành Chư thiên như họ. Nếu họ thành nhân loại thì ta cũng thành nhân loại như họ. Nếu họ có hình sắc thì ta cũng có hình sắc như họ. Nếu họ không hình sắc thì ta cũng không hình sắc như họ. Nếu họ có tưởng thì ta cũng có tưởng như họ. Nếu họ không có tưởng thì ta cũng không có tưởng như họ. Nếu họ phi tưởng phi phi tưởng thì ta cũng phi tưởng phi phi tưởng như họ. Như thế gọi là cũng muốn rằng ta thành bằng cách ấy.

1037.

Cũng muốn rằng ta thành với cách ấy *ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác rằng họ thành vua chúa, ta không đặng thành vua chúa như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta không thành Phạm chí như họ. Hoặc họ thành y sĩ, ta không thành y sĩ như họ. Hoặc họ thành cận thắng tiện dân, ta không thành cận thắng tiện dân như họ. Hoặc họ thành cư sĩ, ta không đặng thành cư sĩ như họ. Hoặc họ thành nhà sư, ta không đặng thành nhà sư như họ. Hoặc họ thành Chư thiên, ta không đặng thành Chư thiên như họ. Hoặc họ thành nhân loại, ta không thành nhân loại như họ. Hoặc họ có hình sắc, ta không có hình sắc như họ. Hoặc họ không có hình sắc, ta chẳng phải không có hình sắc như họ. Hoặc họ có tưởng, ta không có tưởng như họ. Hoặc họ không có tưởng, ta chẳng phải không có tưởng như họ. Hoặc họ phi tưởng phi phi tưởng, ta chẳng phải phi tưởng phi phi tưởng như họ. Những cách ấy gọi là muốn rằng ta thành với cách khác.

1038.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành *đó ra sao?* Tức là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau. Đặng muốn rằng ta sẽ thành, đặng ỷ rằng ta sẽ thành, đặng nhận thấy rằng ta sẽ thành. Khi cả ba pháp đó vẫn có thì pháp thành cơ quan trì hưỡn. Những thế là ta sẽ thành bằng cách nầy, hoặc ta sẽ thành bằng cách đó, hoặc ta sẽ thành bằng cách kia cũng vẫn có.

1039.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành bằng cách nầy *đó ra sao?* Như là muốn rằng ta sẽ thành vua chúa, hoặc ta sẽ thành Phạm chí, sẽ thành y sĩ, hoặc sẽ thành cận thắng tiện dân (thợ săn), sẽ thành cư sĩ, hoặc sẽ thành nhà sư, sẽ thành chư thiên, hoặc sẽ thành nhân

loại, sẽ có hình sắc, hoặc sẽ không hình sắc, hoặc sẽ có tưởng, hoặc sẽ không có tưởng, hoặc sẽ có phi tưởng phi phi tưởng. Những cách ấy gọi là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách nầy.

1040.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành cách ấy *là sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng thành vua chúa như nhau. Hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng sẽ thành Phạm chí như nhau ... Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng có phi tưởng phi phi tưởng như họ. Cách ấy gọi là muốn rằng ta sẽ thành cách ấy.

1041.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành bằng cách khác *đó ra sao?* Như là muốn sanh ra bởi so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta sẽ không đặng thành vua chúa như họ. Nếu họ thành Phạm chí ta sẽ không đặng thành Phạm chí như họ. Nếu họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta sẽ không thành người có phi tưởng phi phi tưởng. Cách ấy gọi là muốn rằng ta sẽ thành với cách khác.

1042.

Cũng muốn rằng ta thành nhất định *đó ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau, có muốn rằng ta trường tồn, ta lâu dài, ta nhất định, ta không có sự thay đổi như thông thường. Cách ấy gọi là muốn rằng ta nhất định.

1043.

Cũng muốn rằng ta không nhất định *đó ra sao?* Tức là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã rời nhau, có muốn rằng ta sẽ tiêu diệt, ta sẽ tiêu tàn, ta sẽ không có. Cách ấy gọi là muốn rằng ta không nhất định.

1044.

Cũng muốn rằng ta phải thành *đó ra sao?* Tức là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức lìa nhau rồi đặng muốn rằng ta phải thành, đặng ỷ rằng ta phải thành, đặng nhận thấy rằng ta phải thành. Khi có cả ba pháp đó là pháp thành cơ quan đình đải. Những thế gọi là ta phải đặng bằng cách ấy, hoặc ta phải đặng bằng cách đó, hoặc ta phải đặng bằng cách khác cũng vẫn có.

1045.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách ấy *đó ra sao?* Như là muốn ta phải thành vua chúa, hoặc phải thành Phạm chí, phải thành y sĩ, hoặc phải thành cận thắng tiện dân, phải thành cư sĩ, hoặc phải thành bực xuất gia, phải thành chư thiên, hoặc phải thành nhân loại, phải có hình sắc, hoặc phải không hình sắc, phải có tưởng, hoặc không có tưởng, hoặc phải đến phi tưởng phi phi tưởng. Những thứ nầy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách ấy.

1046.

Cũng muốn rằng ta phải thành thứ *đó ra sao?* Như là muốn phát sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng phải thành vua chúa như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng thành Phạm chí như họ ... Hoặc họ đến phi tưởng phi phi tưởng ta cũng phải đến phi tưởng phi phi tưởng như họ. Cách ấy gọi là muốn rằng ta phải thành thứ đó.

1047.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách khác *đó ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta không nên thành vua chúa như họ. Hoặc họ thành Phạm chí ta không nên thành Phạm chí như họ ... Hoặc họ đến phi

tưởng phi phi tưởng ta không nên đến phi tưởng phi phi tưởng như họ. Cách ấy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng với cách khác.

1048.

Cũng muốn rằng ta hoặc phải thành *đó ra sao?* Tức là không phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau đặng muốn như vầy: Hoặc ta phải thành, đặng ỷ rằng ta phải thành, hoặc nhận thấy rằng ta phải thành. Khi ba pháp đó vẫn có là pháp thành cơ quan đình đải. Những thế là ta hoặc cũng nên thành bằng cách ấy, hoặc cũng nên thành bằng thứ đó, hoặc cũng nên thành bằng cách khác cũng vẫn có.

1049.

Cũng muốn rằng hoặc ta phải thành với cách ấy *ra sao?* Như là muốn rằng hoặc ta cũng phải thành vua chúa, hoặc ta cũng phải thành Phạm chí, hoặc ta phải thành y sĩ, hoặc phải thành cận thắng tiện dân, hoặc phải thành cư sĩ, hoặc phải thành bực xuất gia, hoặc phải thành chư thiên, hoặc phải thành nhân loại, hoặc phải thành có hình sắc, hoặc phải thành không có hình sắc, hoặc phải có tưởng, hoặc phải không có tưởng, hoặc phải đến phi tưởng phi phi tưởng. Như thế gọi là muốn rằng hoặc ta phải thành bằng cách ấy.

1050.

Cũng muốn rằng hoặc ta phải thành thứ đó *ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta hoặc cũng thành vua chúa như họ; hoặc họ thành Phạm chí, hoặc ta cũng phải thành Phạm chí như họ ... Hoặc họ đến phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng hoặc đến phi tưởng phi phi tưởng như họ. Thế gọi là muốn rằng hoặc ta phải thành thứ đó.

1051.

Cũng muốn rằng hoặc ta phải thành bằng cách khác *đó ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng không thể thành vua chúa như họ, hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng không thể thành Phạm chí như họ ... Hoặc họ đến phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng không thể đến phi tưởng phi phi tưởng như thế.

Những thế gọi là thập bát ái du hành nương ngũ uẩn bên trong *(aṭṭhārasa taṅhāvicaritāni ajjhattikassa upādāya).*

1052.

Thập bát du hành nương ngũ uẩn bên ngoài *đó ra sao?* 1) Là muốn rằng ta có với hình sắc… luôn thức ấy; 2) là muốn rằng ta thành bằng cách ấy với hình sắc ấy… luôn thức ấy; 3) là muốn rằng ta thành thứ đó bằng hình sắc… luôn thức ấy; 4) là muốn rằng ta thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy; 5) là muốn rằng ta sẽ thành với hình sắc… luôn thức ấy; 6) là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy; 7) là muốn rằng ta sẽ thành thứ đó bằng hình sắc … luôn thức ấy; 8) là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy; 9) là muốn rằng ta nhất định với hình sắc… luôn thức ấy; 10) là muốn rằng ta không nhất định với hình sắc… luôn thức ấy; 11) là muốn rằng ta nên thành với hình sắc… luôn thức ấy; 12) là muốn rằng ta nên thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy; 13) là muốn rằng ta nên thành thứ đó bằng hình sắc… luôn thức ấy; 14) là muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy; 15) là muốn rằng ta phải thành với hình sắc… luôn thức ấy; 16) là muốn rằng ta phải thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy; 17) là muốn rằng ta phải thành thứ đó bằng hình sắc… luôn thức ấy; 18) là muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy.

1053.

Cũng muốn rằng ta có với hình sắc… luôn thức ấy *ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau đặng muốn rằng ta có với sắc… luôn thức ấy. Đặng ỷ rằng ta có với hình sắc… luôn thức ấy. Đặng kiến thức rằng ta có với hình sắc… luôn thức ấy. Khi cả ba pháp đó có cách cơ quan đình trệ. Những thế như vầy là ta có bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc ta thành thứ đó với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc ta thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy cũng vẫn có.

1054.

Cũng muốn rằng ta thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy *đó ra sao?* Như là muốn rằng ta thành vua chúa với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành Phạm chí với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành y sĩ với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành cận thắng tiện dân với hình sắc ấy… luôn thức ấy. Thành cư sĩ với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành bực xuất gia với hình sắc… luôn thức ấy. Thành Chư thiên với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc thành nhân loại với hình sắc… luôn thức ấy. Có sắc với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc không có sắc với hình sắc… luôn thức ấy. Có tưởng với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc không có tưởng với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… luôn thức ấy. Hoặc không có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… luôn thức ấy.

Những cách nầy gọi là muốn rằng ta thành bằng cách ấy với hình sắc… luôn thức ấy.

1055.

Cũng muốn rằng ta thành với thứ đó với hình sắc… hoặc thức ấy *ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng thành vua chúa với hình sắc… hoặc thức ấy như nhau. Nếu họ thành Phạm chí, ta cũng thành Phạm chí với hình sắc… hoặc thức ấy như nhau. Họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… hoặc thức ấy như nhau. Cách nầy gọi là muốn rằng ta thành thứ đó với hình sắc… hoặc thức ấy.

1056.

Cũng muốn rằng ta thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy *là thế nào?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng thành vua chúa như họ với hình sắc… luôn thức ấy. Nếu họ thành Phạm chí, ta thành Phạm chí như họ với hình sắc… luôn thức ấy. Nếu họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta có phi tưởng phi phi tưởng như họ với hình sắc… luôn thức ấy cũng là vô lý. Thế nầy gọi là muốn rằng ta thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy.

1057.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành với hình sắc… luôn thức ấy *ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau đặng muốn rằng ta sẽ thành với sắc… luôn thức ấy. Đặng ỷ rằng ta sẽ thành với hình sắc… luôn thức ấy. Đặng nhận thấy rằng ta sẽ thành với hình sắc… luôn thức ấy. Khi có ba pháp đó thành cơ quan đình trệ. Những ấy như thế là ta sẽ thành bằng cách nầy với hình thức… cũng là thức ấy. Hoặc ta sẽ thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta sẽ thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy, thế vẫn có.

1058.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy *đó ra sao?* Như là muốn rằng ta sẽ thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta sẽ thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta sẽ thành y sĩ với hình sắc… cùng thức ấy. Hoặc sẽ thành cận thắng tiện dân với hình sắc… cũng là thức ấy. Sẽ thành cư sĩ với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ thành bực xuất gia với hình sắc…

cũng là thức ấy. Hoặc sẽ không có sắc với hình sắc… cùng thức ấy. Sẽ thành Chư thiên với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ thành nhân loại với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ có sắc với hình sắc… cũng là thức ấy. Sẽ có tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ không có tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc sẽ có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Những thế gọi là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy.

1059.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành thứ đó với hình sắc… luôn thức ấy *như thế nào?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta cũng sẽ thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức đó như nhau. Hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng sẽ thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy như nhau. Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng sẽ có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy như nhau. Thế nầy gọi là muốn rằng ta sẽ thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức ấy.

1060.

Cũng muốn rằng ta sẽ thành bằng cách khác với hình sắc… luôn thức ấy *như thế nào?* Như là muốn sanh ra bởi so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta sẽ không thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta sẽ không thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta sẽ không có phi tưởng phi phi tưởngvới hình sắc… cũng là thức ấy như họ là vô lý. Thế nầy gọi là muốn rằng ta sẽ thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy.

1061.

Cũng muốn rằng ta nhất định với hình sắc… luôn thức ấy *như thế nào?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau có sự muốn rằng ta trường tồn, ta vĩnh viễn, ta nhất định, ta không có sự thay đổi theo lẽ thường với hình sắc… cũng là thức ấy. Thế nầy gọi là muốn rằng ta nhất định với hình sắc… cũng là thức ấy.

1062.

Cũng muốn rằng ta không nhất định với hình sắc… luôn thức ấy *như thế nào?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau, có muốn rằng ta sẽ tiêu mất, ta sẽ điêu tàn, ta sẽ không có với hình sắc… cũng là thức ấy. Cách nầy gọi là muốn rằng ta không nhất định với hình sắc… luôn thức ấy.

1063.

Cũng muốn rằng ta phải thành với hình sắc… cũng là thức ấy *như thế ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau đặng muốn rằng ta phải thành với hình sắc… cũng là thức ấy. Đặng ỷ rằng ta phải thành với hình sắc… cũng là thức ấy. Đặng nhận thấy rằng ta phải thành với hình sắc… cũng là thức ấy. Khi có cả ba pháp đó là pháp cơ quan đình đải những pháp ấy như vầy: Ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta phải thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta cũng thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy vẫn có.

1064.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy *như thế ra sao?* Như là muốn rằng ta phải thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải Phạm chí bằng hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành y sĩ với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải thành cận thắng tiện dân với hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành cư sĩ với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải thành bực xuất gia với hình

sắc… cũng là thức ấy. Phải thành Chư thiên với hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành nhân loại với hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành người có sắc với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải thành người không có hình sắc… cũng là thức ấy. Phải thành người hữu tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc thành người vô tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải thành người có phi tưởng phi phi tưởng… cũng là thức ấy. Cách nầy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy.

1065.

Cũng muốn rằng ta phải thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức ấy *như thế ra sao?* Như là muốn sanh ra bởi so sánh với người khác rằng họ thành vua chúa, ta cũng phải thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta cũng thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy như nhau. Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Những cách nầy gọi là muốn rằng ta phải thành thứ đó với hình sắc… cũng là thức đó.

1066.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách khác nhau với hình sắc… cũng là thức ấy *ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta không nên thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ thành Phạm chí, ta không nên thành Phạm chí với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Hoặc họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta không nên có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy như họ. Thế nầy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy.

1067.

Cũng muốn rằng ta phải thành với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy *những thế ra sao?* Tức là phân một pháp nào như là sắc, thọ, tưởng, hành, thức đã lìa nhau, đặng muốn rằng ta phải thành với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Đặng ỷ rằng ta phải thành với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Đặng kiến thức như vầy ta phải thành với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Khi có cả ba pháp đó là cơ quan đình đải rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc ta phải thành thứ đó bằng hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy cũng vẫn có.

1068.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy *những thế ra sao?* Như là muốn rằng ta phải thành vua chúa với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc phải thành Phạm chí với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Ta phải thành y sĩ với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc phải thành cận thắng tiện dân với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Ta phải thành cư sĩ với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc phải thành bực xuất gia với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Ta phải thành Chư thiên với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc ta phải thành nhân loại với hình sắc… cũng là thức ấy. Ta phải có sắc với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc ta không có hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Ta phải có tưởng với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Hoặc phải không có tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Hoặc phải có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… cũng là thức ấy. Như thế gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách nầy với hình sắc… cũng là thức ấy.

1069.

Cũng muốn rằng ta phải thành thứ đó với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy *những thế ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua

chúa, ta cũng thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy như nhau. Nếu họ thành Phạm chí, ta cũng phải thành Phạm chí với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy như nhau. Nếu họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng phải có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy như nhau. Cách nầy gọi là muốn rằng ta thành thứ đó với hình thức… cũng là thức ấy.

1070.

Cũng muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… cũng là thức ấy *những thế ra sao?* Như là muốn sanh ra do so sánh với người khác như vầy: Họ thành vua chúa, ta không thành vua chúa với hình sắc… cũng là thức ấy. Nếu họ thành Phạm chí thì ta không nên thành Phạm chí như họ với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Nếu họ có phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng không nên có phi tưởng phi phi tưởng với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy. Thế nầy gọi là muốn rằng ta phải thành bằng cách khác với hình sắc… hoặc cũng là thức ấy.

Những thế gọi là thập bát ái du hành nương ngũ uẩn bên ngoài *(aṭṭhārasa taṅhāvicaritāni bāhirassa upālāya).*

1071.

Ái du hành nương ngũ uẩn bên trong có 18 và ái du hành nương ngũ uẩn bên ngoài cũng có 18, cộng lại thành 36 ái du hành. Nói theo thời quá khứ có 36, thời vị lai có 36, thời hiện tại cũng có 36, cộng lại thành ái du hành có 108.

1072.

Trong những đầu đề, mà 62 tà kiến Đức Phật ngài thuyết trong Kinh Phạm Võng *đó ra sao?* Như là tứ thường kiến *(sassatavādā),* tứ thường vô thường kiến *(ekaccasassatikā),* tứ vô gián kiến *(antānantikā),* tứ vô ký kiến *(amarāvikkhepikā),* nhị vô nhân sanh kiến *(adhaccasamuppannikā),* thập lục tưởng kiến *(saññivādā),* bát vô tưởng kiến *(asaññivādā),* bát phi tưởng phi phi tưởng kiến *(novasaññinā-saññivādā),* thất đoạn kiến *(ucchedavādā),* ngũ Níp-bàn hiện tại kiến *(diṭṭhidham-mahibbānavādā).*

62 tà kiến mà Đức Phật ngài thuyết trong Phạm Võng Kinh bằng cách như thế.

Dứt Tiểu tông phân tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

PHẦN XVIII - PHÁP TÂM PHÂN TÍCH

1) PHẦN CHƯ YẾU HIỆP

1073.

Uẩn có mấy? Nhập (xứ) có mấy? Giới có mấy? Đế có mấy? Quyền có mấy? Thực có mấy? Xúc có mấy? Thọ có mấy? Tưởng có mấy? Tư có mấy? Và tâm có mấy?

1074.

Uẩn có 5, nhập (xứ) có 12, giới có 18, đế có 4, quyền có 22, thực có 4, xúc có 7, thọ có 7, tưởng có 7, tư có 7 và tâm cũng có 7.

1075.

*Trong những pháp ấy mà **ngũ uẩn** đó ra sao?* Như là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Những thế gọi là ngũ uẩn.

1076.

***Thập nhị xứ** đó ra sao?* Như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là thập nhị xứ *(dvādasāyatanāni).*

1077.

***Thập bát giới** đó ra sao?* Như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, khí giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới. Những thế gọi là thập bát giới *(aṭṭhārasa dhātuyo).*

1078.

***Tứ đế** đó ra sao?* Như là khổ đế, tập đế, đạo đế và diệt đế. Những thế gọi là tứ đế *(sacca).*

1079.

***Nhị thập nhị quyền** đó ra sao?* Như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, lạc quyền, khổ quyền, hỷ quyền, ưu quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền *(paññindrīya),* tri dị tri quyền *(anaññataññassāmītindrīya),* tri dĩ tri quyền *(aññindrīya),* tri cụ tri quyền *(aññātāvindrīya).* Những thế gọi là nhị thập nhị quyền.

1080.

- ***Cửu nhân** đó ra sao?* Như là ba nhân thiện, ba nhân bất thiện và ba nhân vô ký.
- *Trong chín nhân ấy mà **ba nhân thiện** đó ra sao?* Như là nhân thiện vô tham, nhân thiện vô sân, nhân thiện vô si. Những thế gọi là ba nhân thiện.
- ***Ba nhân bất thiện** đó ra sao?* Như là nhân bất thiện tham, nhân bất thiện sân và nhân bất thiện si. Những thế gọi là ba nhân bất thiện.
- ***Ba nhân vô ký** đó ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si thành dị thục quả của pháp thiện, hoặc trong những pháp tố *(kiriyā).* Những thế gọi là ba nhân vô ký.

Tất cả những thế chung lại gọi là chín nhân *(hetu).*

1081.

***Tứ thực** đó ra sao?* Như là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Những thế gọi là tứ thực.

1082.

***Thất xúc** đó ra sao?* Như là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý giới xúc và ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất xúc.

1083.

***Thất thọ** đó ra sao?* Như là thọ sanh từ nhãn xúc, thọ sanh từ nhĩ xúc, thọ sanh từ tỷ xúc, thọ sanh từ thiệt xúc, thọ sanh từ thân xúc, thọ sanh từ ý giới xúc, thọ sanh từ ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất thọ.

1084.

***Thất tưởng** đó ra sao?* Như là tưởng sanh từ nhãn xúc, tưởng sanh từ nhĩ xúc, tưởng sanh từ tỷ xúc, tưởng sanh từ thiệt xúc, tưởng sanh từ thân xúc, tưởng sanh từ ý giới xúc, tưởng sanh từ ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất tưởng.

1085.

***Thất tư** đó ra sao?* Như là tư sanh từ nhãn xúc, tư sanh từ nhĩ xúc, tư sanh từ tỷ xúc, tư sanh từ thiệt xúc, tư sanh từ thân xúc, tư sanh từ ý giới xúc, tư sanh từ ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất tư *(cetanā)*.

1086.

***Thất tâm** đó ra sao?* Như là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý giới và ý thức giới. Những thế gọi là thất tâm.

2) PHẦN TÂM BẤT SANH

1087.

* *Trong Dục giới mà uẩn có bao nhiêu? ... Tâm có bao nhiêu? ...*
  Trong Dục giới: Uẩn có 5, xứ có 12, giới có 18, đế có 3, quyền có 22, nhân có 9, thực có 4, xúc có 7, thọ có 7, tưởng có 7, tư có 7 và tâm cũng có 7.

* *Trong những pháp ấy mà **ngũ uẩn trong Dục giới** ra sao?* Như là sắc uẩn… thức uẩn. Những thế gọi là ngũ uẩn trong Dục giới.

* ***Thập nhị xứ trong Dục giới** đó ra sao?* Như là nhãn xứ, sắc xứ… ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là thập nhị xứ trong Dục giới.

* ***Thập bát giới trong Dục giới** đó ra sao?* Như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới… ý giới, pháp giới. Những thế gọi là thập bát giới trong Dục giới.

* ***Tam đế trong Dục giới** đó ra sao?* Như là khổ đế, tập đế, đạo đế. Những thế gọi là tam đế trong Dục giới.

* ***Nhị thập nhị quyền trong Dục giới** đó ra sao?* Như là nhãn quyền… và tri cụ tri quyền. Những thế gọi là nhị thập nhị quyền trong Dục giới.

* ***Cửu nhân trong Dục giới** đó ra sao?* Như là ba nhân thiện, ba nhân bất thiện và ba nhân vô ký. Những thế gọi là chín nhân trong Dục giới.

* ***Tứ thực trong Dục giới** đó ra sao?* Như là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Những thế gọi là tứ thực trong Dục giới.

* ***Thất xúc trong Dục giới** đó ra sao?* Như là nhãn xúc… ý thức giới xúc. Những thế gọi là thất xúc trong Dục giới.

* ***Thất thọ, thất tưởng, thất tư và thất tâm trong Dục giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn thức… ý giới và ý thức giới. Những thế gọi là thất tâm trong Dục giới.

1088.

* *Trong Sắc giới có bao nhiêu uẩn? ... và có bao nhiêu tâm?* Trong Sắc giới có ngũ uẩn, lục xứ, cửu giới, tam đế, thập tứ quyền, bát nhân, tam thực, tứ xúc, tứ thọ, tứ tưởng, tứ tư *(cetanā)* và tứ tâm.

* ***Ngũ uẩn trong Sắc giới*** *ra sao?* Như là sắc uẩn… và thức uẩn. Những thế gọi là ngũ uẩn trong Sắc giới.

* ***Lục xứ (nhập) trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thinh xứ, ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là lục xứ trong Sắc giới.

* ***Cửu giới trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thinh giới, nhĩ thức giới, ý giới và ý thức giới. Những thế gọi là cửu giới trong Sắc giới.

* ***Tam đế trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là khổ đế, tập đế và đạo đế. Những thế gọi là tam đế trong Sắc giới.

* ***Thập tứ quyền trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn quyền, nhĩ quyền, ý quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, trí quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền và tri cụ tri quyền. Những thế gọi là thập tứ quyền trong Sắc giới.

* ***Bát nhân trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện, hai nhân bất thiện và ba nhân vô ký.

* *Bao nhiêu nhân trong Sắc giới ấy mà* **ba nhân thiện** *ra sao?* Như là nhân thiện vô tham, nhân thiện vô sân và nhân thiện vô si. Những thế gọi là ba nhân thiện.

* ***Hai nhân bất thiện*** *đó ra sao?* Như là nhân bất thiện tham và nhân bất thiện si. Những thế gọi là hai nhân bất thiện.

* ***Ba nhân vô ký*** *đó ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si. Những phần dị thục quả của thiện hay trong những pháp vô ký tố. Những thế gọi là ba nhân vô ký.
  Bao nhiêu đó gọi là bát nhân trong Sắc giới.

* ***Tam thực trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực. Những thế gọi là tam thực trong Sắc giới.

* ***Tứ xúc trong Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là nhãn xúc, nhĩ xúc, ý giới xúc, ý thức giới xúc. Những thế gọi là tứ xúc trong Sắc giới.

* ***Tứ thọ, tứ tưởng, tứ tư và tứ tâm trong Sắc giới*** *ra sao?* Như là nhãn thức, nhĩ thức, ý giới và ý thức giới. Những thế gọi là tứ tâm trong Sắc giới.

1089.

* *Trong Vô sắc giới mà uẩn có bao nhiêu… tâm có bao nhiêu?* Trong Vô sắc giới có tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, tam đế, thập nhất quyền, bát nhân, tam thực, nhất xúc, nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm *(Ekacittaṃ).*

* ***Tứ uẩn trong Vô sắc giới*** *ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những thế gọi là tứ uẩn trong Vô sắc giới.

- ***Nhị xứ trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là nhị xứ trong Vô sắc giới.
- ***Nhị giới trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ý thức giới và pháp giới. Những thế gọi là nhị giới trong Vô sắc giới.
- ***Tam đế trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là khổ đế, tập đế và đạo đế. Những thế gọi là tam đế trong Vô sắc giới.
- ***Thập nhất quyền trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ý quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, trí quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền. Những thế gọi là thập nhất quyền trong Vô sắc giới.
- ***Bát nhân trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện, hai nhân bất thiện và ba nhân vô ký. Những thế gọi là bát nhân trong Vô sắc giới.
- ***Tam thực trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là xúc thực, tư thực, thức thực. Những thế gọi là tam thực trong Vô sắc giới.
- ***Nhất xúc trong Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là ý thức giới xúc. Những thế gọi là nhất xúc trong Vô sắc giới.
- ***Nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm trong Vô sắc giới*** *ra sao?* Như là ý thức giới. Đó gọi là nhất tâm *(ekacittaṃ)* trong Vô sắc giới.

1090.

- *Trong siêu thế có bao nhiêu uẩn? ... có bao nhiêu tâm?* Trong siêu thế có tứ uẩn, nhị xứ, nhị giới, nhị đế, thập nhị quyền, lục nhân, tam thực, nhất xúc, nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm.
- *Những bao nhiêu ấy mà* ***tứ uẩn trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những thế gọi là tứ uẩn trong siêu thế.
- ***Nhị xứ trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ý xứ và pháp xứ. Những thế gọi là nhị xứ trong siêu thế.
- ***Nhị giới trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ý thức giới và pháp giới. Những thế gọi là nhị giới trong siêu thế.
- ***Nhị đế trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là đạo đế và diệt đế. Những thế gọi là nhị đế trong siêu thế.
- ***Thập nhị quyền trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ý quyền, mạng quyền, hỷ quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, tri dị tri quyền, tri dĩ tri quyền, tri cụ tri quyền. Những thế gọi là thập nhị quyền trong siêu thế.
- ***Lục nhân trong siêu thế*** *đó ra sao?* Như là ba nhân thiện và ba nhân vô ký.
- *Trong sáu nhân ấy mà* ***ba nhân thiện*** *ra sao?* Như là nhân thiện vô tham, nhân thiện vô sân và nhân thiện vô si. Những thế gọi là ba nhân thiện.
- ***Ba nhân vô ký*** *trong khi có ra sao?* Như là vô tham, vô sân và vô si phần dị thục quả của những pháp thiện. Những thế gọi là ba nhân vô ký.

  Bao nhiêu đó gọi là sáu nhân trong siêu thế.

* ***Tam thực trong siêu thế** đó ra sao?* Như là xúc thực, tư thực, thức thực. Những thế gọi là tam thực trong siêu thế.
* ***Xúc trong siêu thế** đó ra sao?* Như là ý thức giới xúc. Đó gọi là nhất xúc trong siêu thế.
* ***Nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm trong siêu thế** đó ra sao?* Như là ý thức giới. Thế gọi là nhất tâm trong siêu thế.

3) PHẦN LIÊN QUAN BẤT LIÊN QUAN

1091.

Bao nhiêu ngũ uẩn mà uẩn nào liên quan trong Dục giới, uẩn nào không liên quan trong Dục giới… bao nhiêu những thất tâm mà tâm nào liên quan trong Dục giới, còn tâm nào không liên quan trong Dục giới?

- Sắc uẩn liên quan trong Dục giới. Còn bốn uẩn (kia) liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Thập xứ liên quan trong Dục giới. Nhị xứ liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Thập lục giới liên quan trong Dục giới. Nhị giới liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Tập đế liên quan trong Dục giới. Nhị đế không liên quan trong Dục giới. Khổ đế liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Thập quyền liên quan trong Dục giới. Tam quyền không liên quan trong Dục giới. Cửu quyền liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Ba nhân bất thiện liên quan trong Dục giới. Sáu nhân (kia) liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Đoàn thực liên quan trong Dục giới. Ba thực (kia) liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Lục xúc liên quan trong Dục giới. Còn ý thức giới xúc liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư và lục tâm liên quan trong Dục giới. Còn ý thức giới liên quan trong Dục giới cũng có, không liên quan trong Dục giới cũng có.

1092.

Bao nhiêu ngũ uẩn mà uẩn nào liên quan trong Sắc giới, uẩn nào không liên quan trong Sắc giới… bao nhiêu thất tâm mà tâm nào liên quan trong Sắc giới, tâm nào không liên quan trong Sắc giới?

- Sắc uẩn không liên quan trong Sắc giới. Còn bốn uẩn (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Thập xứ không liên quan trong Sắc giới. Còn hai xứ (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Thập lục giới không liên quan trong Sắc giới. Còn hai giới (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.

- Tam đế không liên quan trong Sắc giới. Khổ đế liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Thập tam quyền không liên quan trong Sắc giới. Còn chín quyền (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Ba nhân bất thiện không liên quan trong Sắc giới. Còn sáu nhân (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- đoàn thực không liên quan trong Sắc giới. Ba thực (kia) liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Lục xúc không liên quan trong Sắc giới. Ý thức giới xúc liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư và lục tâm không liên quan trong Sắc giới. Ý thức giới liên quan trong Sắc giới cũng có, không liên quan trong Sắc giới cũng có.

1093.

Trong năm uẩn mà uẩn nào liên quan trong Vô sắc giới, uẩn nào không liên quan trong Vô sắc giới… trong bảy tâm mà tâm nào liên quan trong Vô sắc giới, tâm nào không liên quan trong Vô sắc giới?

- Sắc uẩn không liên quan trong Vô sắc giới. Còn tứ uẩn (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Thập xứ không liên quan trong Vô sắc giới. Còn hai xứ (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Thập lục giới không liên quan trong Vô sắc giới. Còn hai giới (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Tam đế không liên quan trong Vô sắc giới. Khổ đế liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Thập tứ quyền không liên quan trong Vô sắc giới. Bát quyền liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Tam nhân bất thiện không liên quan trong Vô sắc giới. Sáu nhân (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- đoàn thực không liên quan trong Vô sắc giới. Còn ba thực (kia) liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Lục xúc không liên quan trong Vô sắc giới. Ý thức giới xúc liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư, lục tâm không liên quan trong Vô sắc giới. Ý thức giới liên quan trong Vô sắc giới cũng có, không liên quan trong Vô sắc giới cũng có.

1094.

Trong ngũ uẩn mà uẩn nào thành hiệp thế, uẩn nào thành siêu thế… trong bảy tâm mà tâm nào thành hiệp thế, tâm nào thành siêu thế?

- Sắc uẩn thành hiệp thế. Còn bốn uẩn (kia) thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Thập xứ thành hiệp thế. Còn hai xứ (kia) thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.

- Thập lục giới thành hiệp thế. Còn hai giới (kia) thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Nhị đế thành hiệp thế. Nhị đế thành siêu thế.
- Thập quyền thành hiệp thế. Ba quyền thành siêu thế. Cửu quyền thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Ba nhân bất thiện thành hiệp thế. Sáu nhân (kia) thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Đoàn thực thành hiệp thế. Tam thực thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Lục xúc thành hiệp thế. Ý thức giới xúc thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư, lục tâm thành hiệp thế. Ý thức giới thành hiệp thế cũng có, thành siêu thế cũng có.

4) PHẦN DANH SIÊU PHI DANH SIÊU

1095.

Dục giới phát sanh bao nhiêu uẩn? ... hiện bày bao nhiêu tâm?

- Trong Dục giới mỗi loại chúng sanh phát sanh cả 5 uẩn.
- Cũng có loại phát sanh 11 xứ, cũng có loại phát sanh 10 xứ, cũng có loại phát sanh 10 xứ (khác), cũng có loại phát sanh 9 xứ, cũng có loại phát sanh 7 xứ.
- Cũng có loại phát sanh 11 giới, cũng có loại phát sanh 10 giới, cũng có loại phát sanh 10 giới (khác), cũng có loại phát sanh 9 giới.
- Nhất đế phát sanh cho đủ loại chúng sanh.
- Cũng có loại phát sanh 14 quyền, cũng có loại phát sanh 13 quyền, cũng có loại phát sanh 13 quyền (khác), cũng có loại phát sanh 12 quyền, cũng có loại phát sanh 10 quyền, cũng có loại phát sanh 9 quyền, cũng có loại phát sanh chín quyền (khác), cũng có loại phát sanh 8 quyền, cũng có loại phát sanh 8 quyền (khác), cũng có loại phát sanh 8 quyền, cũng có loại phát sanh 5 quyền, cũng có loại phát sanh 4 quyền.
- Cũng có loại phát sanh tam nhân, cũng có loại phát sanh nhị nhân, cũng có loại phát sanh vô nhân.
- Tứ thực phát sanh cho tất cả loại chúng sanh.
- Nhất xúc phát sanh cho tất cả loại chúng sanh.
- Nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư, nhất tâm phát sanh cho tất cả loại chúng sanh.

1096.

* Trong Dục giới, ngũ uẩn phát sanh cho các loại như là sắc uẩn… thức uẩn, trong khi ngũ uẩn phát sanh đều sanh cho mỗi loại hữu tình.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh 11 xứ phát hiện cho loại hữu tình nào?* Khi 11 xứ phát sanh như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn phát sanh hiện bày cho đến Chư thiên Dục giới, nhân loại thuở kiếp ban sơ, Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục và chúng sanh hóa sanh mới có xứ đầy đủ. Trong Dục giới đang khi phát sanh những 11 xứ vẫn sanh hiện bày với những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười xứ phát hiện cho loại chúng sanh nào?* Như là khi sơ sanh mười xứ như là nhãn xứ, sắc xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn phát sanh hiện bày cho Ngạ quỷ, địa A-tu-la, Bàng sanh, Địa

ngục mà hóa sanh đui từ khi sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười xứ như thế vẫn phát sanh hiện bày cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười xứ (khác nữa) vẫn hiện bày cho chúng sanh loại nào?* Khi sát-na sơ sanh mười xứ như là nhãn xứ, sắc xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn hiện bày cho Ngạ quỷ, địa A-tu-la, Bàng sanh và Địa ngục mà hóa sanh điếc từ khi sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những mười xứ ấy vẫn hiện bày cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh, chín xứ vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Khi sát-na sơ sanh chín xứ như là sắc xứ, tỷ xứ, khí xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn hiện bày cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh và Địa ngục mà thứ hóa sanh đui và điếc từ sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những chín xứ ấy vẫn hiện bày cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh bảy xứ vẫn hiện bày cho chúng sanh loại nào?* Khi sát-na sơ sanh bảy xứ như là sắc xứ, khí xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ và pháp xứ vẫn hiện bày cho loại thai sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh bảy xứ ấy vẫn phát hiện cho những loại ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh 11 giới phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Khi sát-na sơ sanh 11 giới như là nhãn giới, sắc giới, nhĩ giới, tỷ giới, khí giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới vẫn hiện bày cho Chư thiên Dục giới, nhân loại khởi thủy, Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục. Những hạng hóa sanh có đầy đủ giới trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những 11 giới ấy vẫn phát hiện cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười giới vẫn phát sanh cho loại nào?* 10 giới trong sát-na sơ sanh như là sắc giới, nhĩ giới, tỷ giới, khí giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, những thứ hóa sanh mà đui từ khi sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười giới ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười giới (khác nữa) phát sanh cho những chúng sanh loại nào?* 10 giới (nữa) phát sanh trong sát-na sơ sanh như là nhãn giới, sắc giới, tỷ giới, khí giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục những loại hóa sanh mà điếc từ sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười giới đó vẫn phát sanh cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh chín giới vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Trong sát-na sơ sanh chín giới như là Sắc giới, tỷ giới, khí giới, thiệt giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, những thứ hóa sanh đui và điếc từ sơ sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những chín giới ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh bảy giới vẫn phát sanh cho loại hữu tình nào?* 7 giới trong khi sát-na sơ sanh như là sắc giới, khí giới, vị giới, thân giới, xúc giới, ý thức giới và pháp giới phát sanh cho loại thai sanh. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những bảy giới nầy vẫn phát sanh cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh một đế nào phát sanh cho mỗi loại chúng sanh?* Tức là khổ đế. Trong Dục giới khi sát-na một đế ấy vẫn phát hiện cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh mười bốn quyền vẫn phát hiện cho chúng sanh loại nào?* Sát na sơ sanh mười bốn quyền như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam quyền (hoặc nữ quyền), mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền phát sanh cho Chư thiên Dục giới bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới khi sát-na sơ sanh những mười bốn quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh mười ba quyền phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Sát na sơ sanh mười ba quyền như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, phát hiện cho Chư thiên Dục giới bực hữu nhân bất tương ưng trí. Trong sát-na sơ sanh những mười ba quyền ấy vẫn hiện bày cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh mười ba quyền (khác nữa) phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Mười ba quyền khi sát-na sơ sanh như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, mạng quyền, thân quyền, ý quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, tuệ quyền vẫn phát hiện cho nhân loại thuở sơ kiếp bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những mười ba quyền ấy vẫn phát hiện cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh, mười hai quyền vẫn phát sanh cho loại hữu tình nào?* Mười hai quyền trong sát-na sơ sanh như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền và định quyền vẫn phát sanh cho nhân loại thuở sơ kiếp bực thành hữu nhân bất tương ưng trí. Trong sát-na sơ sanh những mười hai quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh, mười quyền vẫn phát sanh cho loại hữu tình nào?* Mười quyền trong sát-na sơ sanh như là thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền và tuệ quyền vẫn phát sanh cho loại thai sanh bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những mười quyền ấy vẫn phát sanh cho chúng sanh loại đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh, chín quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Chín quyền trong sát-na sơ sanh như là thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền và định quyền phát sanh cho loại thai sanh bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những chín quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh, chín quyền (khác nữa) vẫn phát sanh cho những chúng sanh loại nào?* Chín quyền khác nữa trong sát-na sơ sanh như là nhãn quyền, nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền vẫn phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, loại hóa sanh mới có xứ đầy đủ. Trong Dục giới sát sanh sơ sanh những chín quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh tám quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Tám quyền trong sát-na sơ sanh như là nhĩ quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền, vẫn phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, loại hóa sanh mà đui từ khi sơ sanh. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những tám quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh tám quyền (khác nữa) vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Tám quyền khác nữa trong sát-na sơ sanh như là nhãn quyền, tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền vẫn phát sanh cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục, các loại hóa sanh mà tai điếc từ lúc sơ sanh. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những tám quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh ấy.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh bảy quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Bảy quyền trong sát-na sơ sanh như là tỷ quyền, thiệt quyền, thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền, phát hiện cho Ngạ quỷ, A-tu-la, Bàng sanh, Địa ngục thuộc loại hóa sanh mà đui, điếc từ lúc sơ sanh. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những bảy quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh năm quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Năm quyền trong sát-na sơ sanh như là thân quyền, ý quyền, nam hoặc nữ quyền, mạng quyền, xả quyền, vẫn phát sanh cho loại hóa sanh. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những năm quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh bốn quyền vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Bốn quyền trong sát-na sơ sanh như là thân quyền, ý quyền, mạng quyền, xả quyền phát sanh cho loại hóa sanh hạng thành vô nhân phi nam nữ. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những bốn quyền ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh ba nhân phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Ba nhân trong sát-na sơ sanh như là vô tham thuộc dị thục quả, vô sân thuộc dị thục quả và vô si thuộc dị thục quả đặng phát sanh cho Chư thiên Dục giới, nhân loại thuở kiếp ban sơ, loại hóa sanh bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những ba nhân ấy vẫn phát sanh cho những chúng sanh đó.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh hai nhân vẫn phát sanh cho chúng sanh loại nào?* Hai nhân trong sát-na sơ sanh như là nhân vô tham thuộc dị thục quả, nhân vô sân thuộc dị thục quả vẫn phát sanh cho Chư thiên Dục giới, nhân loại thuở sơ kiếp loại hóa sanh bực thành hữu nhân tương ưng trí. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những hai nhân ấy vẫn phát hiện cho những chúng sanh đó.
  Dị thục quả vô nhân vẫn phát sanh cho những loại chúng sanh ngoài ra như đã nói.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh tứ thực mà thứ nào đặng phát sanh cho mỗi loại chúng sanh?* Như là đoàn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh những tứ thực ấy vẫn phát sanh cho mỗi loại chúng sanh.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh nhất xúc nào vẫn phát sanh cho chúng sanh mỗi loại?* Tức là ý thức giới xúc. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh nhất xúc ấy vẫn phát sanh cho chúng sanh mỗi loại.

* *Trong Dục giới, sát-na sơ sanh nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư, nhất tâm thứ nào vẫn phát sanh cho mỗi loại chúng sanh?* Tức là ý thức giới. Trong Dục giới, sát-na sơ sanh nhất tâm *(ekacitta)* ấy vẫn phát hiện cho chúng sanh mỗi loại.

1097.

Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh mấy uẩn đặng phát sanh… mấy tâm đặng phát sanh? Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh ngũ uẩn, ngũ xứ, ngũ giới, nhất đế, thập quyền, tam nhân, tam thực, nhất xúc, nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm vẫn phát sanh cho tất cả Phạm thiên chỉ trừ bực vô tưởng.

1098.

* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh ngũ uẩn phần nào vẫn phát sanh?* Như là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh những năm uẩn ấy vẫn phát sanh.
* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh ngũ xứ phần nào vẫn hiện bày?* Như là nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, ý xứ và pháp xứ. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh những ngũ xứ ấy vẫn phát sanh.
* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh, năm giới phần nào vẫn hiện bày?* Như là nhãn giới, sắc giới, nhĩ giới, ý thức giới và pháp giới. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh, những năm giới ấy vẫn hiện bày.
* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh nhất đế thứ nào vẫn phát hiện?* Tức là khổ đế. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh một đế nầy vẫn phát hiện.
* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh thập quyền phần nào phát sanh?* Như là nhãn quyền, nhĩ quyền, ý quyền, mạng quyền, hỷ hoặc xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền và tuệ quyền. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh, những mười quyền ấy vẫn hiện bày.
* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh tam nhân phần nào vẫn hiện bày?* Như là nhân vô tham thành dị thục quả, nhân vô sân thành dị thục quả và nhân vô si thành dị thục quả. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh những ba nhân ấy vẫn hiện bày.
* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh tam thực phần nào đặng phát sanh?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh những tam thực ấy vẫn hiện bày.
* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh nhất xúc thứ nào đặng phát hiện?* Tức là ý thức giới xúc. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh chỉ có một xúc ấy đặng phát hiện.
* *Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm thứ nào đặng phát sanh?* Tức là ý thức giới. Trong Sắc giới, sát-na sơ sanh chỉ có một tâm ấy vẫn phát hiện.

1099.

Trong sát-na sơ sanh bao nhiêu uẩn đặng phát sanh… bao nhiêu tâm đặng phát sanh với bực Chư thiên vô tưởng? Trong sát-na sơ sanh nhất uẩn tức là sắc uẩn vẫn phát sanh cho phần bực Chư thiên vô tưởng. Nhị xứ tức là sắc xứ và pháp xứ vẫn phát hiện. Nhị giới tức là sắc giới và pháp giới vẫn phát hiện. Nhất đế tức là khổ đế vẫn phát hiện. Nhất quyền tức là sắc mạng quyền vẫn phát hiện. Bực Chư thiên vô tưởng không có nhân, không có vật thực, không có xúc, không có thọ, không có tưởng, không có tư, cũng không có tâm phát sanh.

1100.

Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh bao nhiêu uẩn… và bao nhiêu tâm đặng phát sanh? Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh đặng bốn uẩn vẫn phát sanh. Nhị giới vẫn phát hiện, nhất đế vẫn phát hiện, bát quyền vẫn phát hiện, tam nhân vẫn phát hiện, tam thực vẫn

phát hiện, nhất xúc vẫn phát hiện, nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư, nhất tâm vẫn phát sanh.

1101.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh bốn uẩn mà phần nào đặng phát sanh?* Như là thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những bốn uẩn ấy vẫn phát sanh.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh nhị xứ phần nào đặng phát sanh?* Như là ý xứ và pháp xứ. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh hai xứ nầy vẫn phát hiện.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh Nhị giới phần nào đặng phát sanh?* Tức là ý thức giới và pháp giới. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những hai giới ấy vẫn phát hiện.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh nhất đế thứ nào đặng phát sanh?* Tức là khổ đế. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh một đế ấy vẫn phát sanh.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh tám quyền phần nào đặng phát sanh?* Như là ý quyền, mạng quyền, xả quyền, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền và tuệ quyền. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những tám quyền ấy vẫn hiện bày.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh ba nhân phần nào đặng phát sanh?* Như là nhân vô tham thành dị thục quả, nhân vô sân thành dị thục quả và nhân vô si cũng thành dị thục quả. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những ba nhân ấy vẫn hiện bày.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh ba thực phần nào đặng phát sanh?* Như là xúc thực, tư thực và thức thực. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh những ba thực ấy vẫn hiện bày.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh nhất xúc thứ nào đặng phát sanh?* Như là ý thức giới xúc. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh một xúc nầy vẫn hiện bày.

* *Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh nhất thọ, nhất tưởng, nhất tư và nhất tâm thứ nào đặng hiện bày?* Như là ý thức giới. Trong Vô sắc giới, sát-na sơ sanh một tâm ấy vẫn hiện bày.

5) PHẦN KIẾN (Dassanavāra)

1102.

Chư pháp thành Dục giới, chư pháp thành phi Dục giới, chư pháp thành Sắc giới, chư pháp thành phi Sắc giới, chư pháp thành Vô sắc giới, chư pháp thành phi Vô sắc giới. chư pháp thành liên quan luân hồi, chư pháp thành bất liên quan luân hồi.

1103.

* ***Chư pháp Dục giới** đó ra sao?* Như là uẩn, giới, xứ, sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà dạo đi trong cõi ấy, liên quan trong cõi ấy; phía dưới tột từ Địa ngục A Tỳ, phía trên đến bực Chư thiên Tha Hóa Tự Tại. Phần nầy gọi là pháp Dục giới *(kāmāvacarā dhammā).*

* ***Pháp phi Dục giới** đó ra sao?* Như là pháp thành Sắc giới, pháp thành Vô sắc giới và pháp thuộc siêu thế. Những đó gọi là pháp phi Dục giới.

* ***Pháp thành Sắc giới** đó ra sao?* Như là pháp tâm và sở hữu của người nhập thiền hoặc bực đã sanh, hoặc bực an vui trong hiện tại, dạo đi trong cõi ấy, liên quan trong cõi ấy. Như là thấp tột từ Phạm Chúng Thiên, cao tột đến Phạm thiên ở cõi Sắc Cứu Cánh *(akaniṭṭha).* Những thể gọi là pháp thành Sắc giới *(rūpāvacarā dhammā).*

* ***Pháp thành phi Sắc giới*** *đó ra sao?* Như là pháp thuộc Dục giới, pháp thuộc Vô sắc giới và pháp thuộc siêu thế. Những thế gọi là pháp phi Sắc giới.
* ***Pháp thành Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là pháp tâm và sở hữu của bực nhập thiền hoặc bực đã sanh hay đang hưởng an vui trong hiện tại, hoặc đang dạo đi trong cõi ấy. Tức là phía dưới thấp từ bực Phạm thiên Không vô biên xứ, cao tột cho đến Phạm thiên bực Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những thế gọi là pháp Vô sắc giới *(arūpāvacarā dhammā).*
* ***Pháp phi Vô sắc giới*** *đó ra sao?* Như là pháp thuộc về Dục giới, pháp thuộc về Sắc giới và pháp thuộc về siêu thế. Những thế gọi là pháp phi Vô sắc giới.
* ***Pháp thành liên quan luân hồi*** *đó ra sao?* Như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà thành cảnh lậu, lại thành Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. Những thế gọi là pháp liên quan luân hồi *(pariyāpannā dhammā).*
* ***Pháp bất liên quan luân hồi*** *đó ra sao?* Như là đạo, quả của đạo và vô vi giới. Những thế gọi là pháp bất liên quan luân hồi *(apariyāpannā dhammā).*

6) PHẦN NGHIỆP SANH SỐNG BAO NHIÊU

1104.

Gọi là Chư thiên tức là ba chủng chư thiên, như là giả định Chư thiên *(sammatidevā),* hóa sanh Chư thiên *(upattidevā)* và thanh tịnh Chư thiên *(visuddhidevā).*

- Vua, hoàng hậu và thái tử gọi là giả định Chư thiên *(sammatidevā).*
- Chư thiên và bực Tứ Thiên Vương sắp lên gọi là hóa sanh Chư thiên *(upattidevā).*
- Tất cả La-hán gọi là thanh tịnh Chư thiên *(visuddhidevā).*

1105.

Những người bố thí, thọ trì giới, hành thanh tịnh giới, sau sanh về đâu? Những người bố thí, thọ trì giới, hành thanh tịnh giới rồi cũng có kẻ đến bực đại quốc vương, cũng có người đến bực đại Phạm thiên, cũng có người đến đại thần, cũng có người sanh làm Chư thiên bực Tứ Thiên Vương, cũng có người sanh làm Chư thiên cõi Đạo Lợi, cũng có người sanh làm Chư thiên cõi Dạ Ma, cũng có người sanh làm Chư thiên cõi Đâu Xuất, cũng có người sanh lên làm Chư thiên cõi Hóa Lạc, cũng có người sanh lên làm Chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại.

1106.

* ***Số thọ của nhơn loại*** *chừng bao nhiêu?* Như là lối 100 năm, hoặc thấp, hoặc cao hơn cũng có.
* ***Tuổi thọ của Chư thiên bực Tứ Thiên Vương*** *bao nhiêu?* Như là 50 năm của nhân loại kể là 1 ngày 1 đêm ở cõi trời Tứ Thiên Vương *(catummahārāja),* 30 ngày đêm ấy bằng 1 tháng, 12 tháng đó thành một năm. 500 năm cõi Tứ Thiên Vương đó là hạn định tuổi thọ của các vị trời cõi Tứ Thiên Vương.
* *Nếu tính theo năm của nhân loại thì* ***tuổi thọ Chư thiên Tứ Thiên Vương*** *chừng bao nhiêu?* Đặng chín triệu năm (9.000.000).
* ***Tuổi của Chư thiên Đạo Lợi*** *cũng bao nhiêu?* Như là 100 năm của nhơn loại bằng một ngày một đêm ở cõi Đạo Lợi *(Tāvatiṃsa),* mà 30 ngày đêm ấy thành một tháng,

12 tháng bằng tháng đó thành một năm. 1.000 năm của cõi Đạo Lợi là hạn định số thọ của Chư thiên cõi Đạo Lợi.

∗ ***Tuổi thọ Chư thiên Đạo Lợi*** *kể theo năm Nhân loại chừng bao nhiêu?* Chừng ba kinh sáu triệu năm (36.000.000).

∗ ***Tuổi của Chư thiên cõi Dạ Ma*** *chừng bao nhiêu?* Như là 200 năm của nhơn loại bằng một ngày một đêm ở cõi Chư thiên Dạ Ma *(Yāmā),* 30 ngày đêm ấy thành một tháng, 12 tháng bằng tháng đó thành một năm. 200 năm của cõi trời đó là số thọ của Chư thiên Dạ Ma.

∗ ***Tuổi của Chư thiên Dạ Ma*** *tính theo số năm nhân loại độ chừng bao nhiêu?* Chừng một cai bốn kinh bốn triệu năm (144.000.000).

∗ ***Tuổi của Chư thiên cõi Đâu Xuất*** *chừng bao nhiêu?* Như là 400 năm của nhơn loại kể là một ngày một đêm của Chư thiên ở cõi Đâu Xuất *(Tusitā),* 30 ngày đêm ở cõi đó là một tháng, 12 tháng ở cõi đó là một năm. 400 năm của cõi đó là số tuổi của bực Chư thiên ở cõi Đâu Xuất.

∗ ***Tuổi của Chư thiên cõi Đâu Xuất*** *kể theo năm nhân loại chừng bao nhiêu?* Đặng chừng năm cai bảy kinh sáu triệu năm ở cõi nhân loại (576.000.000).

∗ ***Tuổi của Chư thiên ở cõi Hóa Lạc*** *đặng bao nhiêu?* Như là 800 năm của nhơn loại kể một ngày một đêm của Chư thiên cõi Hóa Lạc, 30 ngày đêm cõi đó là một tháng, 12 tháng cõi đó là một năm. 800 năm cõi trời đó là số thọ của Chư thiên ở cõi Hóa Lạc *(Nimmāṇaratī).*

∗ ***Tuổi của Chư thiên ở cõi Hóa Lạc*** *tính theo năm nhân loại chừng bao nhiêu?* Đặng chừng hai tỷ ba cai bốn triệu năm (2.304.000.000).

∗ ***Tuổi của Chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại*** *chừng bao nhiêu?* Như là 1600 năm của nhơn loại kể một ngày một đêm của Chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại, 30 ngày đêm đó là một tháng, 12 tháng cõi đó là một năm. Một muôn sáu ngàn (16.000) tính theo cõi đó là số thọ của Chư thiên bực Tha Hóa Tự Tại *(Paranimmitavasavatī).*

∗ ***Tuổi của Chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại*** *kể theo năm nhân loại chừng bao nhiêu?* Chừng chín tỷ hai cai một kinh sáu triệu năm (9.216.000.000).

Bực Chư thiên sáu từng thiên đường Dục giới hoàn toàn đầy đủ ngũ dục lạc.

∗ ***Tuổi của Chư thiên sáu từng thiên đường Dục giới*** *kể chung tất cả chừng bao nhiêu năm nhân loại?* Chừng một nhương hai tỷ hai câu tám kinh năm triệu (12.285.000.000) năm bằng năm của nhân loại.

1107.

∗ ***Bực tu tiến sơ thiền đặng thứ thông thường*** *sanh đến bực nào?* Bực tu tiến sơ thiền đắc chủng thông thường sanh lên bực Phạm Chúng Thiên *(Brahmapārisajjā).*

∗ *Tuổi của Chư thiên bực đó (Phạm Chúng Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng 1/3 hay 1/4 đại kiếp.

∗ ***Bực tu tiến sơ thiền đặng chủng trung bình*** *sanh lên bực nào?* Bực tu tiến sơ thiền đắc chủng trung bình sanh lên cõi Phạm Phụ Thiên *(Brahmapurohita).*

∗ *Tuổi của Chư thiên đó (Phạm Phụ Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng nữa đại kiếp.

* ***Bực tu tiến sơ thiền đặng chủng tinh** vi sanh lên cõi nào?* Bực tu tiến sơ thiền đắc chủng tinh vi sanh lên cõi Đại Phạm Thiên *(Mahābrahma).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Đại Phạm Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng một đại kiếp.
* ***Bực tu tiến nhị thiền đắc chủng thông thường sanh** lên cõi nào?* Bực tu tiến nhị thiền mà đắc bằng chủng thông thường thì sanh lên cõi trời Thiểu Quang Thiên *(Parittābhā).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Thiểu Quang Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng hai đại kiếp.
* ***Bực tu tiến nhị thiền đắc chủng trung bình sanh** lên cõi nào?* Bực tu tiến nhị thiền mà đắc chủng trung bình thì sanh lên cõi trời Vô Lượng Quang Thiên *(Appamāṇābhā).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Vô Lượng Quang Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng bốn đại kiếp.
* ***Bực tu tiến nhị thiền đắc chủng tinh vi sanh** lên cõi nào?* Bực tu tiến nhị thiền mà đặng chủng tinh vi thì sanh lên cõi trời Quang Âm Thiên hay Biến Quang Thiên *(Ābhassara).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Quang Âm Thiên hay Biến Quang Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng tám đại kiếp.
* ***Bực tu tiến tam thiền đặng thứ thông thường sanh** lên cõi nào?* Bực tu tiến tam thiền đắc chủng thông thường thì sanh lên cõi trời Thiểu Tịnh Thiên *(Parittasubhā).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Thiểu Tịnh Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng 16 đại kiếp.
* ***Bực tu tiến tam thiền đắc chủng trung bình sanh** lên cõi nào?* Bực tu tiến tam thiền đắc chủng trung bình thì sanh lên cõi trời Vô Lượng Tịnh Thiên *(Appamāṇasubhā).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Vô Lượng Tịnh Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng 32 đại kiếp.
* ***Bực tu tiến tam thiền đặng chủng tinh vi sanh** lên cõi nào?* Bực tu tiến tam thiền mà đắc chủng tinh vi thì sanh lên cõi Biến Tịnh Thiên *(Subhakiṅha).*
* *Tuổi của Chư thiên đó (Biến Tịnh Thiên) chừng bao nhiêu?* Chừng 64 đại kiếp.

Bực tu tiến tứ thiền cũng có người sanh lên cõi Vô Tưởng *(Asaññasatta).* Cũng có người sanh lên bực Chư thiên Quảng Quả *(Vehapphalā).* Cũng có người sanh lên bực Vô Phiền Thiên *(Avihā).* Cũng có người sanh lên bực Vô Nhiệt Thiên *(Ātappā).* Cũng có người sanh lên bực Thiện Kiến Thiên *(Sudassā).* Cũng có người sanh lên bực Thiện Hiện Thiên *(Sudassī).* Cũng có người sanh lên bực Sắc Cứu Cánh Thiên *(Akaniṭṭhā).* Cũng có người sanh lên đến cõi Không Vô Biên Xứ Thiên *(Ākāsānañcāyatana).* Cũng có người sanh lên đến cõi Thức Vô Biên Xứ Thiên *(Viññānañcāyatana).* Cũng có người sanh lên đến cõi Vô Sở Hữu Xứ Thiên *(Ākiñcaññāyatana).* Cũng có người sanh lên đến cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên *(Nevasaññānāsaññāyatana).*

Bởi vì cảnh khác nhau, do các ý khác nhau vì sự thích khác nhau, do hy vọng khác nhau, do giải thoát khác nhau, do mãnh lực khác nhau và do tuệ khác nhau.

- *Tuổi thọ của bực trời Vô Tưởng và bậc trời Quảng Quả chừng bao nhiêu?* Chừng 500 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Vô Phiền Thiên chừng bao nhiêu?* Chừng 1.000 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Vô Nhiệt Thiên chừng bao nhiêu?* Chừng 2.000 đại kiếp.

- *Tuổi thọ của bực trời Thiện Kiến Thiên chừng bao nhiêu?* Chừng 4.000 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Thiện Hiện Thiên chừng bao nhiêu?* Chừng 8.000 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Sắc Cứu Cánh chừng bao nhiêu?* Chừng 16.000 đại kiếp.
- *Tuổi thọ của bực trời Không Vô Biên Xứ chừng bao nhiêu?* Chừng 20.000 đại kiếp. (2 muôn)
- *Tuổi thọ của bực trời Thức Vô Biên Xứ chừng bao nhiêu?* Chừng 40.000 đại kiếp. (4 muôn)
- *Tuổi thọ của bực trời Vô Sở Hữu Xứ chừng bao nhiêu?* Chừng 60.000 đại kiếp. (sáu muôn)
- *Tuổi thọ của bực trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ chừng bao nhiêu?* Chừng 84.000 đại kiếp (tám muôn bốn ngàn).

Những chúng sanh mà có mãnh lực của phước báu trợ đưa đến Dục giới và Sắc giới, dù cho đến cõi Phạm thiên cao tột cũng vẫn còn phải trở lại cõi Khổ Thú nữa.

Những chúng sanh sống lâu đến đỗi như thế đó cũng còn tử do hết tuổi, không có cõi nào gọi là trường tồn. Vì thế nên bực Toàn Giác tìm công đức cao siêu rộng rãi mới thuyết để cách ấy, bởi như thế đó bực trí thức là người có tuệ khôn khéo chu đáo nghĩ đến sự thật của điều ấy mới tiến hóa theo đường lối tu tiến, đường lối cao thượng hầu khỏi tử sanh. Đang khi tu tiến theo đường lối thanh tịnh trong sạch dĩ nhiên phải làm cho chúng sanh đến Níp-bàn thành bực không còn lậu, bởi nhận rõ tất cả lậu dứt hết như thế đều sẽ hoàn toàn viên tịch.

7) PHẦN THẤU TRIỆT (Abhiññeyyadivāra)

1008.

Bao nhiêu ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp thấu triệt, uẩn nào thành pháp chu tường, uẩn nào thành pháp tuyệt trừ, uẩn nào thành pháp tu tiến, uẩn nào thành pháp tỏ ngộ, uẩn nào thành pháp phi trừ, uẩn nào thành pháp phi tu, uẩn nào thành pháp phi ngộ … Bao nhiêu thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp thấu triệt, tâm nào thành pháp chu toàn, tâm nào thành pháp tuyệt trừ, tâm nào thành pháp tu tiến, tâm nào thành pháp tỏ ngộ, tâm nào thành pháp phi trừ, tâm nào thành pháp phi ngộ, tâm nào thành pháp phi tu?

- Như là sắc uẩn thành pháp thấu triệt *(abhiññeyya),* thành pháp chu tường *(pariññeyya),* thành pháp phi trừ *(napahātabba),* thành pháp phi tu *(nabhāvetabba)* và thành pháp phi ngộ *(nasacchikātabba).* Còn bốn uẩn (kia) thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ *(sacchikātabba),* thành pháp phi trừ, pháp phi tu, pháp phi ngộ cũng có.
- Thập xứ thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, phi tỏ ngộ. Nhị xứ thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, pháp phi tu và pháp phi ngộ cũng có.
- Thập lục giới thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, pháp phi tu, pháp phi ngộ. Nhị giới thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ,

thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, pháp phi tu và pháp phi ngộ cũng có.

- Tập đế thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Đạo đế thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Diệt đế thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp tu tiến, thành pháp tỏ ngộ. Khổ đế thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ và pháp phi tuyệt trừ cũng có.
- Cửu quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi tuyệt trừ, thành pháp phi tu tiến, thành pháp phi tỏ ngộ. Ưu quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Tri dị tri quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Tri dĩ tri quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có. Tri cụ tri quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp tỏ ngộ. Tam quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp tu tiến, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ cũng có. Lục quyền thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu và pháp phi ngộ cũng có.
- Ba nhân bất thiện thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ.
- Ba nhân thiện thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tế, thành pháp phi trừ, thành pháp tu tiến, thành pháp phi ngộ cũng có, thành pháp phi tu cũng có.
- Ba nhân vô ký thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi tỏ ngộ cũng có.
- Đoàn thực thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Tam thực thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu và pháp phi ngộ cũng có.
- Lục xúc thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ. Ý thức giới xúc thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp tuyệt trừ cũng có, thành pháp tu tiến cũng có, thành pháp tỏ ngộ cũng có, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu và pháp phi tỏ ngộ cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư, lục tâm thành pháp thấu triệt, thành pháp chu tường, thành pháp phi trừ, thành pháp phi tu, thành pháp phi ngộ.

8) PHẦN CẢNH

1109.

Bao nhiêu ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp biết cảnh và uẩn nào thành pháp không biết cảnh? ... Những thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp biết cảnh, tâm nào thành pháp không biết cảnh?

- Sắc uẩn thành pháp không biết cảnh. Còn bốn uẩn (kia) thành pháp biết cảnh.

- Thập xứ thành pháp không biết cảnh. Ý xứ thành pháp biết cảnh. Pháp xứ thành pháp biết cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Thập giới thành pháp không biết cảnh. Thất giới thành pháp biết cảnh. Còn pháp giới thành pháp biết cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Nhị đế thành pháp biết cảnh. Diệt đế thành pháp không biết cảnh. Còn khổ đế thành pháp biết cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Thất quyền thành pháp không biết cảnh. Thập ngũ quyền thành pháp biết cảnh. Còn mạng quyền thành pháp biết cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Cửu nhân thành pháp không biết cảnh. Tam thực thành pháp biết cảnh.
- Thất xúc, thất thọ, thất tưởng, thất tư, thất tâm đều thành pháp biết cảnh.

1110.

Bao nhiêu ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp biết cảnh đồng cảnh, uẩn nào thành pháp không biết cảnh đồng cảnh, uẩn nào thành pháp không biết cảnh .... Bao nhiêu thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp biết cảnh chung cảnh, tâm nào thành pháp không biết cảnh chung cảnh, tâm nào thành pháp không biết cảnh?

- Sắc uẩn thành pháp không biết cảnh. Tứ (danh) uẩn thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có.
- Thập xứ thành pháp không biết cảnh. Ý xứ thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có. Pháp xứ thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Thập giới thành pháp không biết cảnh. Lục giới thành pháp không biết cảnh chung cảnh. Ý thức giới thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có. Pháp giới thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh cũng có.
- Diệt đế thành pháp không biết cảnh. Đạo đế thành pháp không biết cảnh chung cảnh. Tập đế thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có. Khổ đế thành pháp biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp không biết cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh cũng có.
- Thất quyền thành pháp bất tri cảnh. Ngũ quyền thành pháp bất tri cảnh chung cảnh. Cửu quyền thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có. Mạng quyền thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh cũng có.
- Cửu nhân thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có.
- đoàn thực thành pháp bất tri cảnh. Tam thực thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có.
- Lục xúc thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có; ý thức giới xúc thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có.

- Lục thọ, lục tưởng, lục tư và lục tâm đều thành pháp bất tri cảnh chung cảnh. Ý thức giới thành pháp tri cảnh chung cảnh cũng có, thành pháp bất tri cảnh chung cảnh cũng có.

9) PHẦN HIỆN TẠI (Diṭṭhādivāra)

1111.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp kiến, uẩn nào thành pháp văn, uẩn nào thành pháp tri, uẩn nào thành pháp hiển, uẩn nào thành pháp phi kiến, phi văn, phi tri, phi kiến ... Những thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp kiến, tâm nào thành pháp văn, tâm nào thành pháp tri, tâm nào thành pháp hiển, tâm nào thành pháp phi kiến, phi tri và phi hiển?

- Sắc uẩn thành pháp kiến, thành pháp văn cũng có, thành pháp tri cũng có, thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, thành pháp phi hiển. Tứ uẩn thành pháp phi kiến, phi văn, phi tri và phi hiển.
- Sắc xứ thành pháp kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, thành pháp hiển. Thinh xứ thành pháp phi kiến, thành pháp văn, thành pháp tri, thành pháp hiển. Khí xứ, vị xứ và xúc xứ thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp tri, thành pháp hiển. Thất xứ thành phi pháp kiến, thành phi pháp văn, thành phi pháp tri, thành phi pháp hiển.
- Sắc giới thành pháp kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, thành pháp hiển. Thinh giới thành pháp phi kiến, thành pháp văn, thành pháp phi tri, thành pháp hiển. Khí giới, vị giới và xúc giới thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, mà thành pháp hiển. Thập tam giới thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, mà thành pháp hiển.
- Tam đế thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri mà thành pháp hiển. Khổ đế thành pháp bất kiến, thành pháp tri cũng có và thành pháp phi văn, thành pháp phi tri cũng có, nhưng thành pháp hiển.
- Nhị thập nhị quyền thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, nhưng thành pháp hiển.
- Cửu nhân thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, mà thành pháp hiển.
- Tứ thực thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, nhưng thành pháp hiển.
- Thất xúc thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, nhưng thành pháp hiển.
- Thất thọ, thất tưởng, thất tư và thất tâm thành pháp phi kiến, thành pháp phi văn, thành pháp phi tri, nhưng thành pháp hiển.

10) PHẦN TAM ĐỀ THIỆN

1112.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành thiện, uẩn nào thành bất thiện, uẩn nào thành vô ký… những thất (7) tâm mà tâm nào thành thiện, tâm nào thành bất thiện, tâm nào thành vô ký?

- Sắc uẩn thành vô ký. Tứ uẩn thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Thập xứ thành vô ký. Nhị xứ thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Thập lục giới thành vô ký. Nhị giới thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Tập đế thành bất thiện. Đạo đế thành thiện. Diệt đế thành vô ký. Khổ đế thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Thập quyền thành vô ký. Ưu quyền thành bất thiện. Tri dị tri quyền thành thiện. Tứ quyền thành thiện cũng có, thành vô ký cũng có. Lục quyền thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Tam nhân bất thiện thành bất thiện. Tam nhân thiện thành thiện. Tam nhân vô ký thành vô ký.
- Đoàn thực thành vô ký. Tam thực thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Lục xúc thành vô ký. Ý thức giới xúc thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.
- Lục thọ, lục tưởng, lục tư, lục tâm thành vô ký. Ý thức giới thành thiện cũng có, thành bất thiện cũng có, thành vô ký cũng có.

11) PHẦN TAM ĐỀ THỌ

1113.

Những năm uẩn mà uẩn nào thành tương ưng với lạc thọ, uẩn nào tương ưng với khổ thọ, uẩn nào tương ưng với phi khổ phi lạc thọ… Những bảy tâm mà tâm nào tương ưng với lạc thọ, tâm nào tương ưng với khổ thọ, tâm nào tương ưng với phi khổ phi lạc thọ?

- Nhị uẩn không thể nó tương ưng với lạc thọ, hoặc tương ưng với khổ thọ, hoặc tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Tam uẩn tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thập xứ không nên nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Ý xứ tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Pháp xứ tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói tương ưng với lạc thọ, hoặc tương ưng với khổ thọ hay tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thập giới không nên nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Ngũ giới tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Thân thức giới tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có. Ý thức giới tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với

phi khổ phi lạc thọ cũng có. Pháp giới tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có; không nên nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.

- Nhị đế tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Diệt đế không thể nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Khổ đế tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có; không thể nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thập nhị quyền không thể nói tương ưng với lạc thọ hay là tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Lục quyền tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Tam quyền tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Mạng quyền tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có; cũng không nên nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Nhân bất thiện sân tương ưng với khổ thọ. Thất nhân tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có. Nhân bất thiện si tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Đoàn thực không đặng nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Tam thực tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Ngũ xúc tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Thân xúc tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có. Ý thức giới xúc tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.
- Thất thọ không đặng nói tương ưng với lạc thọ hay tương ưng với khổ thọ hay là tương ưng với phi khổ phi lạc thọ.
- Ngũ tưởng, ngũ tư, ngũ tâm tương ưng với phi khổ phi lạc thọ. Thân thức tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có. Ý thức giới tương ưng với lạc thọ cũng có, tương ưng với khổ thọ cũng có, tương ưng với phi khổ phi lạc thọ cũng có.

12) PHẦN TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ

1114.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp dị thục quả, uẩn nào thành pháp dị thục nhân, uẩn nào thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân... những thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp dị thục quả, tâm nào thành pháp dị thục nhân, tâm nào thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân?

- Sắc uẩn thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tứ (danh) uẩn thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

- Thập xứ thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Nhị xứ thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Thập giới thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Ngũ giới thành pháp dị thục quả. Ý giới thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Nhị giới thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Nhị đế thành pháp phi dị thục nhân. Diệt đế thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Khổ đế thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Thất quyền thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tam quyền thành pháp dị thục quả. Nhị quyền thành pháp dị thục nhân. Tri dĩ tri quyền thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Lục nhân thành pháp dị thục nhân. Tam nhân vô ký thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Đoàn thực thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân. Tam thực thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Ngũ xúc thành pháp dị thục quả. Ý giới xúc thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Ý thức giới xúc thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.
- Ngũ thọ, ngũ tưởng, ngũ tư, ngũ tâm thành pháp dị thục quả. Ý giới thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có. Ý thức giới thành pháp dị thục quả cũng có, thành pháp dị thục nhân cũng có, thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân cũng có.

13) PHẦN ĐẦU ĐỀ THỦ CẢNH THỦ

1115.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp thủ cảnh thủ, uẩn nào thành pháp phi thủ cảnh thủ, uẩn nào thành pháp phi thủ phi cảnh thủ… những thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp thủ cảnh thủ, tâm nào thành pháp phi thủ cảnh thủ, tâm nào thành pháp phi thủ phi cảnh thủ?

- Sắc uẩn thành pháp do thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi do thủ cảnh thủ cũng có. Tứ uẩn thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Ngũ xứ thành pháp thủ cảnh thủ. Thinh xứ thành pháp phi thủ cảnh thủ. Tứ xứ thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Nhị xứ thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Thập giới thành pháp thủ cảnh thủ. Thinh giới thành pháp phi thủ cảnh thủ. Ngũ giới thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Nhị giới

thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.

- Tập đế thành pháp thủ cảnh thủ. Nhị đế thành pháp phi thủ cảnh thủ. Khổ đế thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có.
- Cửu quyền thành pháp thủ cảnh thủ. Ưu quyền thành pháp phi thủ cảnh thủ. Tam quyền thành pháp phi thủ cảnh thủ. Cửu quyền thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Ba nhân bất thiện thành pháp phi thủ cảnh thủ. Ba nhân thiện thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có. Ba nhân vô ký thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Đoàn thực thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Tam thực thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Ngũ xúc thành pháp thủ cảnh thủ. Ý giới xúc thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Ý thức giới xúc thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.
- Ngũ thọ, ngũ tưởng, ngũ tư, ngũ tâm thành pháp thủ cảnh thủ. Ý giới thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có. Ý thức giới thành pháp thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ cảnh thủ cũng có, thành pháp phi thủ phi cảnh thủ cũng có.

14) PHẦN ĐẦU ĐỀ HỮU TẦM

1116.

Những ngũ (5) uẩn mà uẩn nào thành pháp hữu tầm hữu tứ, uẩn nào thành pháp vô tầm hữu tứ, uẩn nào thành pháp vô tầm vô tứ... Bao nhiêu thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp hữu tầm hữu tứ, tâm nào thành pháp vô tầm hữu tứ, tâm nào thành pháp vô tầm vô tứ?

- Sắc uẩn thành pháp vô tầm vô tứ. Tam uẩn thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Hành uẩn thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Thập xứ thành pháp vô tầm vô tứ. Ý xứ thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Pháp xứ thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có; không thể nói thành pháp hữu tầm hữu tứ hay thành vô tầm hữu tứ hay thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Thập ngũ giới thành pháp vô tầm vô tứ. Ý giới thành pháp hữu tầm hữu tứ. Ý thức giới thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Pháp giới thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có; không nên nói thành pháp hữu tầm hữu tứ hay là thành pháp vô tầm hữu tứ hay là thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.

- Tập đế thành pháp hữu tầm hữu tứ. Diệt đế thành pháp vô tầm vô tứ. Đạo đế thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Khổ đế thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có; không thể nói chỉ thành pháp hữu tầm hữu tứ hay thành pháp vô tầm hữu tứ hay là thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Ngũ quyền thành pháp vô tầm vô tứ. Ưu quyền thành pháp hữu tầm hữu tứ. Xả quyền thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có. Thập nhứt quyền thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Ba nhân bất thiện thành pháp hữu tầm hữu tứ. Sáu nhân (kia) thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Đoàn thực thành pháp vô tầm vô tứ. Tam thực thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Ngũ xúc thành pháp vô tầm vô tứ. Ý giới xúc thành pháp hữu tầm hữu tứ. Ý thức giới xúc thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.
- Ngũ thọ, ngũ tưởng, ngũ tư, ngũ tâm thành pháp vô tầm vô tứ. Ý giới thành pháp hữu tầm hữu tứ. Ý thức giới thành pháp hữu tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm hữu tứ cũng có, thành pháp vô tầm vô tứ cũng có.

15) PHẦN NHỊ ĐỀ SẮC

1117.

Bao nhiêu uẩn mà uẩn nào thành pháp sắc, uẩn nào thành pháp phi sắc… Bao nhiêu 7 tâm mà tâm nào thành pháp sắc, tâm nào thành pháp phi sắc?

- Sắc uẩn thành pháp sắc. Tứ uẩn thành pháp phi sắc.
- Thập xứ thành pháp sắc. Ý xứ thành pháp phi sắc. Pháp xứ thành pháp sắc cũng có, thành pháp phi sắc cũng có.
- Thập giới thành pháp sắc. Thất giới thành pháp phi sắc. Pháp giới thành pháp sắc cũng có, thành pháp phi sắc cũng có.
- Tam đế thành pháp phi sắc. Khổ đế thành pháp sắc cũng có, thành pháp phi sắc cũng có.
- Thất quyền thành pháp sắc. Thập tứ quyền thành pháp phi sắc. Mạng quyền thành pháp sắc cũng có, thành pháp phi sắc cũng có.
- Cửu nhân thành pháp phi sắc.
- Đoàn thực thành pháp sắc. Tam thực (kia) thành pháp phi sắc.
- Thất xúc thành pháp phi sắc. Thất thọ, thất tưởng, thất tư, thất tâm đều thành pháp phi sắc.
- Thất thọ… thất tưởng… thất tư… thất tâm thành pháp phi sắc.

16) PHẦN NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ

1118.

Bao nhiêu uẩn mà uẩn nào thành pháp hiệp thế, uẩn nào thành pháp siêu thế... bao nhiêu thất (7) tâm mà tâm nào thành pháp hiệp thế, tâm nào thành pháp siêu thế?

- Sắc uẩn thành pháp hiệp thế; tứ (danh) uẩn thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Thập xứ thành pháp hiệp thế; nhị xứ ngoài ra thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Thập lục giới thành pháp hiệp thế; nhị giới thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Nhị đế thành pháp hiệp thế; nhị đế (khác) thành pháp siêu thế.
- Thập quyền thành pháp hiệp thế; tam quyền thành pháp siêu thế; cửu quyền thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Tam nhân bất thiện thành pháp hiệp thế; lục nhân thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Đoàn thực thành pháp hiệp thế. Tam thực thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Lục xúc thành pháp hiệp thế, ý thức giới xúc thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.
- Lục thọ… lục tưởng… lục tư… lục tâm thành pháp hiệp thế; ý thức giới thành pháp hiệp thế cũng có, thành pháp siêu thế cũng có.

Trình bày pháp đầu đề như là thần thông, nhị cảnh, kiến, thiện, thọ, dị thục quả, thủ, tầm, sắc và hiệp thế chỉ có bao nhiêu đây.

Dứt pháp Phân Tích

~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~

Hoàn mãn Bộ Phân Tích

Hồi hướng phước đến Chư thiên và tất cả chúng sanh.
~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~



TIỂU SỬ ĐẠI TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG TỊNH SỰ

(MAHĀTHERO – SAṄTAKICCO)

(1913 - 1984)

1. SINH RA VÀ LỚN LÊN

Hòa thượng tịnh sự, thế danh là Võ văn Đang, sinh năm Quí Sửu (1913), trong một gia đình có truyền thống Nho giáo, tại một vùng quê miền nam, xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ Ngài là cụ Võ văn Tỏ, thân mẫu là cụ Trần Thị Thông.

2. XUẤT GIA HÀNH ĐẠO

Năm bảy tuổi Ngài đã học chữ Nho, rất thông minh, Ngài được người đương thời gọi là "Thần đồng Lê Quí Đôn". Do túc duyên sẵn có từ nhiều đời, đến năm 12 tuổi, Ngài xuất gia và thọ giới Sa Di tại chùa Bửu Hưng (Sa Đéc). Thấy Ngài quá thông minh nên Bổn sư đặt pháp danh là Thích Huệ lực.

Năm 20 tuổi, Ngài thọ giới Tỳ kheo tại chùa Kim Huê, Sa Đéc. Đến năm 25 tuổi, Ngài được bổ nhiệm về trụ trì tại chùa phước Định, Chợ Lách. Năm 30 tuổi, Ngài trụ trì chùa Viên Giác, Vĩnh Long. Năm 35 tuổi, duyên lành đối với Phật giáo nam Tông đã chín mùi, Ngài được du học tại Chùa Tháp Campuchia, thọ giới theo Phật giáo nam Tông tại chùa Kùm Pung (Treyloko) ở Trà Pét.

Từ Campuchia Ngài có thiện duyên du học tại Thái Lan, thọ giới Tỳ kheo tại chùa Pakknam Bangkok. Ngài được thầy tế độ ban pháp danh là tịnh sự *(Saṅtakicco)* vì thấy Ngài chuyên tâm hành đạo. Tại xứ Phật giáo Thái Lan này, Ngài đã thực hành hạnh đầu đà, tu thiền minh sát và học A Tỳ Đàm *(Abhidhamma)* trong bảy năm. Rời Thái Lan về Việt nam, Ngài trở lại trụ trì chùa Viên Giác - Vĩnh Long. Ngài bắt đầu mở mang truyền bá giáo pháp Nguyên Thủy. Ngài dạy pháp học A Tỳ Đàm Pāli *(Abhidhamma)* và pháp hành tứ niệm xứ.

3. SỰ NGHIỆP TRUYỀN BÁ TẠNG ABHIDHAMMA

Muốn cho môn học Abhidhamma được truyền bá rộng rãi nên vào năm 59 tuổi Ngài về trụ trì chùa siêu lý - Sài Gòn. Mở trường chuyên dạy về môn Abhidhamma và dịch các bộ sách Giáo khoa Phật học như Vi Diệu Pháp tiểu học, trung học, cao học và chánh Tạng Abhidhamma.

Ngài đã đào tạo nhiều thế hệ học trò Vi Diệu Pháp. Các thế hệ đệ tử này đã kế thừa sự nghiệp của Ngài truyền bá môn Abhidhamma khắp nơi. Những thế hệ đệ tử Vi Diệu Pháp đầu tiên hiện nay còn những vị tiêu biểu như TT. Giác chánh, TT. Pháp chất, đại đức Giác Tuệ (Đức Tài), cư sĩ Vĩnh Phúc, cư sĩ Trần Quỳnh Hương đã có công đức duy trì và phát triển môn học Abhidhamma.

Về phương diện đào tạo tăng tài, Ngài đã từng làm thầy Tế độ truyền giới xuất gia cho hàng trăm Sa di, Tỳ kheo. Họ đã tiếp nối được sự nghiệp truyền bá giáo pháp của Ngài một cách tốt đẹp.

Không những chỉ đào tạo tăng tài mà Ngài còn xây dựng rất nhiều cơ sở tự viện: chùa Viên Giác (Vĩnh Long), chùa Long Linh, chùa Giác Phước, chùa Pháp Độ, chùa Trúc Lâm, chùa Siêu Lý v.v… .

4. NHỮNG TÁC PHẨM DỊCH THUẬT

Điểm nổi bật nhất trong sự nghiệp hoằng pháp của Hòa thượng là Ngài đã dịch hoàn thành Tạng vô tỷ pháp - Abhidhamma (Diệu pháp, Thắng pháp, A Tỳ Đàm, Vi Diệu Pháp) gồm:

1) Bộ pháp Tụ *(Dhammasaṅgani).*
2) Bộ Phân Tích *(Vibhaṅga).*
3) Bộ Nguyên chất ngữ *(Dhātukathā).*
4) Bộ Nhân Chế Định *(Puggalapaññatti).*
5) Bộ ngữ Tông *(Kathāvatthu).*
6) Bộ Song Đối *(Yamaka).*
7) Bộ vị Trí *(Paṭṭhāna).*

Đó là phần chánh tạng Abhidhamma. Sau đây là những dịch phẩm giáo khoa Adhidhamma được giảng dạy tại các trường Phật Học Thái Lan:

1) Vi Diệu Pháp sơ Cấp.
2) Vi Diệu Pháp Trung Cấp.
3) Vi Diệu Pháp Cao Cấp.
4) Diệu Pháp lý Hợp.

Sự nghiệp đạo pháp của Ngài vô cùng to lớn. Nhất là Ngài đã dành hết đời mình để phiên dịch trọn Tạng Vi Diệu Pháp (Luận Tạng Pālī). Qua công hạnh này, Ngài là một ngôi sao mà càng nhìn chúng ta càng thấy sáng hơn.

5. VIÊN TỊCH

Đêm mùng sáu tháng năm năm Giáp Tý, Ngài thọ bệnh. Nửa đêm hôm ấy, Ngài cho gọi chư tăng để ban di huấn và gởi lời sám hối đến tăng chúng gần xa. Rồi Ngài an trú chánh niệm và viên tịch lúc sáu giờ 15 phút sáng ngày bảy tháng năm năm Giáp Tý (tức 05-06-1984), hưởng thọ 72 tuổi, hành đạo 52 năm.

Trước khi viên tịch Ngài đã giảng về sự khổ, rồi mỉm cười tắt hơi thở cuối cùng. Ngài ra đi nhưng sự nghiệp đạo pháp của Ngài vẫn còn ở lại với hậu tấn ngưỡng cầu giải thoát khổ đau, để hằng an vui tự tại nơi Niết Bàn tịch tịnh.

Để tỏ lòng biết ơn bực ân sư khả kính, tăng Ni và Phật tử xây tháp tưởng niệm tôn thờ Hòa thượng tại chùa Viên Giác. Hằng năm, Tổ đình Viên Giác, Chùa siêu lý - Vĩnh Long, Chùa siêu lý - Sài Gòn, Chùa Bửu Đức tổ chức lễ tưởng niệm ân đức cao dày của Hòa thượng tịnh sự.

BỘ PHÂN TÍCH
(VIBHAṄGA)

Việt dịch: Sư cả Tịnh Sự

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Phường Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 04.37822845 – Fax (04).37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Công Oánh

Biên tập
Đỗ Thị Quỳnh

Trình bày
Tỳ kheo Siêu Thiện

Trình bày bìa
Mỹ Hà

~~~~~~~~~~

Đối tác liên kết
Thư viện Phật Giáo Nguyên Thuỷ
171/10 Quốc Lộ 1A, P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp HCM

In 500 bản, khổ 20.5 x 29 cm tại xí nghiệp in FaHaSa số 774 Trường Chinh, Q.Tân Bình, Tp.HCM. ĐT: (84.8) 38153297 – Fax: (84.8) 38153297. Số xuất bản: 24-2012/CXB/82-02/TG ngày 29/02/2012.
Xin xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2012.
~~~~~~~~~~